

NGƯỜI ĐI QUA CUỘC CHIẾN

Người đi qua cuộc chiến

NGUYỄN TRỌNG HOÀNG
TRẦN NGỌC TRÁC
ĐINH THỊ NGÀ
Chủ biên

NGƯỜI ĐI QUA CUỘC CHIẾN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Chủ biên:
NGUYỄN TRỌNG HOÀNG
TRẦN NGỌC TRÁC
ĐINH THỊ NGÀ
Với sự cộng tác:
LÊ HOA
ĐẶNG MINH TÂM
MAI VĂN BẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sách "NGƯỜI ĐI QUA CUỘC CHIẾN"

Viết về đại tá tình báo Vũ Linh.

Mỗi người là một cuộc đời. Mỗi cuộc đời đều luôn gắn bó với những bước đi thăng trầm của đất nước. Đối với người bình thường, vượt qua chính mình của đời sống hằng ngày trong những năm tháng đất nước loạn ly đã là khó khăn. Với người tình báo, thì cuộc đời ấy càng gian nan biết bao trước những hiểm nguy luôn rình rập từng giờ từng phút, trước biết bao cạm bẫy vô hình trong cuộc chiến thầm lặng, góp phần giành lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân, độc lập tự do cho Tổ quốc. Đó là lý tưởng cao đẹp mà mỗi chiến sĩ đều tự nguyện chiến đấu và tuyệt đối trung thành.

Trong 2 cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc và cả những tháng ngày sau khi đất nước thống nhất, cuộc sống tưởng như đã bình yên trên mọi miền Tổ quốc, nhưng những chiến sĩ tình báo vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu thầm lặng của mình. Cuộc chiến thầm lặng nhưng không kém phần gian khổ, ác liệt như thời chiến và cũng không phải không đổ mồ hôi, xương máu.



Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh

Đấu trí với kẻ thù đã vất vả, chia sẻ với đồng đội, đồng nghiệp do tính chất của công việc nên không phải lúc nào cũng dễ dàng! Hình như cái nghiệp của nghề tình báo vốn dĩ như vậy! Sự hiểu biết, cảm thông của cấp trên, của bạn bè chí cốt và của gia đình là nguồn động viên vô giá giúp cho người tình báo vượt qua tất cả để hoàn thành nhiệm vụ.

Một con người từng vào sinh ra tử vì đã chọn cho mình con đường đi với những gian truân, nguy hiểm cũng là sự lựa chọn của ý chí và lòng đam mê, chấp nhận những thăng trầm trong cuộc đời. Một con người từng ném trải bao sóng gió của cả chặng đường dài từ khi chấp nhận chọn con

đường đi đầy chông gai này, đâu có lúc bị “hiều lắm”, bị vu oan, nhưng vẫn một mực tin tưởng và lạc quan về những gì mà mình đã làm cho quê hương, đất nước và cho cả sự sống còn của chế độ mà chưa bao giờ đòi hỏi quyền lợi riêng tư. Con người cụ thể ấy, người chiến sĩ công an nhân dân tài ba lỗi lạc ấy, không ai khác, đó chính là đồng đội của tôi trên mặt trận thầm lặng trong những năm chiến tranh chống Mỹ và cùng nhau giải quyết vấn đề Fulro thời hậu chiến: Đại tá Vũ Linh.

Anh Vũ Linh tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, sinh năm 1927 trong một làng quê ở Phú Yên. Năm 1953, anh là một trong 5 cán bộ công an làm công tác phản gián ở tỉnh Phú Yên được Trung ương chọn đưa ra miền Bắc để huấn luyện nâng cao nghiệp vụ. Ròng rã gần nửa năm trời, những người con ưu tú của Phú Yên mới đến chiến khu Việt Bắc và được đưa đến “Trại chăn nuôi” (bí danh của trường công an trung ương, tiền thân của trường C500, Học viện An ninh ngày nay) để học tập.

Từ chiến khu Việt Bắc, anh Vũ Linh là một trong những người đầu tiên được Bộ Công an tăng cường cho Công an Hà Nội để về tiếp quản thủ đô, chiếm lĩnh Nha Công an Cảnh sát Bắc Việt ở 87 phố Trần Hưng Đạo Hà Nội, biến thành trụ sở công an Hà Nội từ ngày 10/10/1954.

Năm 1964 khi việc chi viện cho an ninh miền Nam còn phải giữ bí mật, anh Vũ Linh đã được Bộ Công an tuyển chọn đưa về chiến trường khu VI (cực Nam Trung bộ - Nam Tây Nguyên) làm tổ phó tổ A2 (Tổ điệp báo trực thuộc Bộ Công an chỉ đạo).

Những ngày đầu giải phóng thủ đô (1954), tôi và anh đã từng công tác với nhau ở Sở Công an Hà Nội. Năm 1965, khi bộ điều tôi vào miền Nam chiến đấu, tôi lại gặp anh trên mặt trận điệp báo ở An ninh khu VI, lúc đó anh làm tổ phó tổ điệp báo A2 trực thuộc bộ, đến năm 1969 anh là tổ trưởng A2. Bảy năm liên tục bám trên núi Voi tiến công về thành phố Đà Lạt, cho đến ngày hoàn toàn giải phóng tỉnh Lâm Đồng (3/4/1975).

Sau năm 1975, lực lượng Fulro tập hợp xây dựng hậu cứ chống lại chính quyền mới đã gây ra bao thảm họa, chết chóc trên vùng đất Tây Nguyên.

Thực hiện chỉ thị 04 năm 1977 của ban bí thư, tôi lúc này là phó cục trưởng KD4 – Bộ Công An, lại gặp anh, lúc này là phó trưởng ty Công An Lâm Đồng. Tôi và anh lại có dịp cùng nhau tiếp tục lăn vào cuộc chiến mới - Cuộc chiến đấu giải quyết vấn đề Fulro.

Qua tin tức tình báo ta thu được, từ tháng 5 năm 1976, một số kẻ cầm đầu Fulro Đêga bị bắt giam tại Buôn Ma Thuột đã tổ

chức vượt ngục ra rừng và sau đó ám sát ban lãnh đạo cũ của Fulro để giành quyền lãnh đạo. Y Djao Niê - nguyên trung tá quân lực Việt Nam Cộng Hòa, đứng ra thành lập nội các mới, tự xưng là “thiếu tướng”, “Thủ tướng Fulro” và đưa Nahria Ya Duck, người Chu ru, sinh tại Đơn Dương, Lâm Đồng - nguyên Trưởng ty sắc tộc Lâm Đồng của chế độ Việt Nam Cộng Hòa làm “Phó thủ tướng thứ nhất” kiêm “Tư lệnh quân khu 4” Fulro (Bao gồm Đà Lạt, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận). Sào huyệt của “Trung ương Fulro” chuyển về vùng núi rừng Bidoup thuộc khu vực Đầm Ròn, tỉnh Lâm Đồng.

Nội bộ “Trung ương” Fulro mâu thuẫn, “Thủ tướng” Y Djao Niê chạy theo Pôn Pốt ở Campuchia, “Phó thủ tướng thứ hai” Paul Yuh người Ê Đê mất uy tín; tất cả quyền lực Fulro nằm trong tay Nahria Ya Duck. Biệt danh “Hùm xám Tây Nguyên” của Nahria Ya Duck bắt đầu nổi lên từ đây.

Trước tình hình đó, để dứt điểm vấn đề Fulro, làm tan rã lực lượng của chúng trên toàn vùng Tây Nguyên, không có cách nào khác là tập trung xóa sổ “Quân khu IV” và “Trung ương Fulro” do Nahria Ya Duck đứng đầu.

Nhận nhiệm vụ của cấp trên, Công an Lâm Đồng đã hình thành và triển khai ngay một chuyên án cực kỳ táo bạo và lập nên những chiến công xuất sắc, chuyên án mang bí số “F101”.

Chuyên án “F101” do đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng làm Trưởng ban; anh Vũ Linh, Phó trưởng ty Công an Lâm Đồng làm Phó ban Thường trực, trực tiếp chỉ huy đánh án; còn có một số phó ban chuyên án như: Anh Trần Đức Hoài - Trưởng ty Công an Lâm Đồng; anh Nguyễn Lương - quyền Cục trưởng KD4; anh Nguyễn Phước Tân, anh Văn Bá Đạt và tôi đều là phó cục trưởng KD4 (Bộ Nội vụ). Tham gia thành viên ban chuyên án, còn có thượng úy Nguyễn Văn Độ (sau này là đại tá Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng), thượng úy Phan Văn Thái (Phó phòng Bảo vệ chính trị, sau này là đại tá - Trưởng Công an huyện Đức Trọng); thiếu tá Trịnh Lương Hy - Trưởng Công an huyện Đơn Dương (sau này là trung tướng, Quyền Tổng cục trưởng Tổng cục an ninh, Bộ Công an). Nhiệm vụ của Ban chuyên án là phải đập tan “quân khu 4”, xóa sổ “trung ương Fulro” do Nahria Ya Duck cầm đầu, tạo thế mới, lực mới góp phần cùng các tỉnh Đắk Lắk - Đắk Nông, Gia Lai - Kon Tum, Bình Thuận, Ninh Thuận, Sông Bé, Đồng Nai... bóc dỡ toàn bộ “hệ thống Fulro” từ trung ương đến tận các buôn làng.

Chuyên án “F101” đã thành công vượt qua sự suy nghĩ ban đầu, trở thành huyền thoại về chiến công của công an Lâm Đồng, của lực lượng công an nhân dân Việt Nam mà linh hồn của chuyên án chính là anh Vũ Linh. Về sau, được hãng phim truyện Việt Nam chuyển thể thành bộ phim cùng tên, gây ấn tượng mạnh với công chúng trong và ngoài nước.

Thời gian đã lùi xa gần nửa thế kỷ, chiến công ấy vẫn còn âm vang đến tận bây giờ, đã để lại nhiều bài học quý báu cho thế hệ công an trẻ hiện nay. Anh Vũ Linh – năm nay đã bước sang tuổi 92, vượt lên trên những oan trái do “lắm kẻ yêu thì nhiều người ghét”; anh vẫn an nhiên tự tại giữa cuộc đời, vui vầy cùng con cháu và lưu mãi hình ảnh đẹp trong lòng đồng bào, đồng đội.

Hàng chục bài báo đã viết về anh với một sự quý mến đặc biệt. Chiến công của lực lượng Công an Lâm Đồng với sự đóng góp công sức, trí tuệ của anh, một đại tá nguyên Giám đốc Công an tỉnh, một cán bộ tinh báo dày dặn kinh nghiệm, lấy nhân đức làm sức mạnh thuyết phục kẻ thù trở về với chính nghĩa, giúp họ trở thành những công dân có ích trong lòng dân tộc.

Với tư cách là đồng đội của anh trong những năm kháng chiến và sau này lại được cùng nhau tham gia chuyên án “F101”, tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn

đọc cuốn sách “Người đi qua cuộc chiến” kể về cuộc đời của đại tá Vũ Linh. Một con người nhân ái, tài trí, táo bạo trong đấu tranh, Người luôn có một năng lượng đặc biệt với khả năng thuyết phục kẻ thù trở về nẻo thiện.

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2016

Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

Nguyên ủy viên Ban An Ninh khu VI

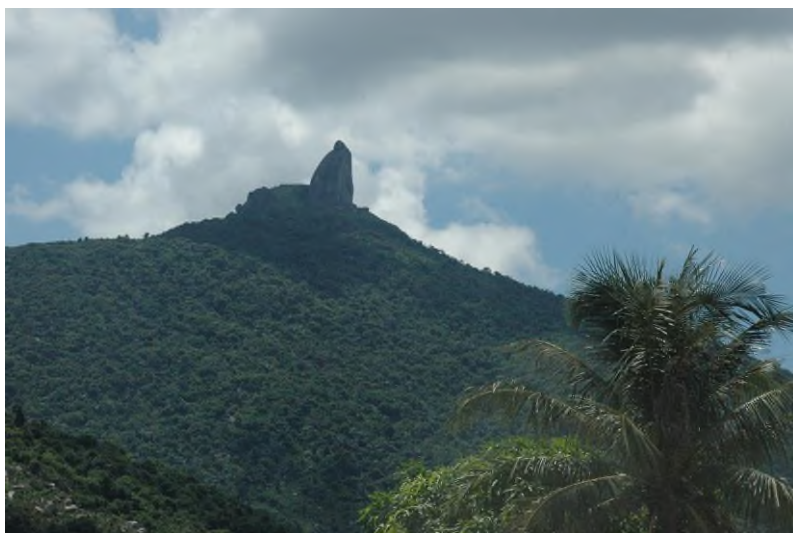
(cục Nam Trung bộ - Nam Tây Nguyên)

Nguyên phó Tổng cục trưởng

Tổng cục Chính trị Bộ Công An

GIÃ TỪ LÀNG QUÊ

❖ Hoàng Nguyên



Núi Đá Bia theo mãi trong ký ức của người Phú Yên đi xa.

Ngày ấy làng Phụng Tường chỉ trên trăm nóc nhà tranh, được bao bọc bởi lũy tre làng dày và bền chặt như thành lũy của thiên nhiên; tre bao bọc như bó chặt những mối quan hệ gắn kết từ ngàn đời của làng quê; tre tham gia trong mọi hoạt động đời sống của người dân Việt, từ chiếc cày, cái bừa, cán cuốc, tất cả công cụ lao động sản xuất trên đồng ruộng cho đến những vật dụng trong gia

đình như thúng, mủng, rổ, rá, nong, nia, gồng gánh cho đến phương tiện vận chuyển thủ công đều được làm ra từ vật liệu bằng tre. Cây tre còn tham gia đắp đập ngăn nước tạo hồ chứa, dẫn nước về đồng ruộng, cho đến nhà cửa cho người, chuồng trại cho gia súc đều làm bằng tre.... Và cây tre tự ngàn xưa đã đi vào huyền sử của dân tộc khi Thánh Gióng nhổ tre đánh tan giặc Ân, rồi từ đó tre đã trở thành vũ khí chống giặc ngoại xâm từ đời này sang đời khác. Năm 1945, cây tre của làng Phụng Tường, tổng Hòa Tường cũng đã tham gia cùng đoàn quân trùng điệp đi cướp chính quyền ở phủ Tuy Hòa.

Tờ mờ sáng ngày 23 tháng 8 năm 1945 từ những lũy tre làng từng đoàn người vũ trang bằng gậy tre vạt nhọn và dao, kiếm tự chế lũ lượt kéo ra, họ tập trung trên một đám ruộng ở Cầu Đá gần chợ Núi Sấm tổ chức buổi mít-tinh. Sau khi ông Nguyễn Hương, một đảng viên Đảng Cộng sản Đông dương từ năm 1937 thông báo chủ trương của Trung ương: “Nhật- Pháp bắn nhau, hành động của chúng ta”. Và, “Nhật đã đầu hàng đồng minh”; ông truyền lại lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết dành cho được độc lập”. Ông thông báo Hà Nội đã khởi nghĩa thành công, và phát lệnh khởi nghĩa. Lập tức hàng trăm người rần rộ diễu hành qua các thôn rồi tiến về phủ Tuy Hòa với khí thế hùng hực hòa vào những giòng người từ các tổng khác kéo về chốc lát đã thành biển người. Họ là những nông dân suốt đời gắn với ruộng đồng chẳng hiểu mấy về hai từ chánh trị! Nhưng họ lên đường với niềm tin đánh đổ chính sách sưu cao, thuế nặng, ra đi để xóa bỏ cuộc đời lam lũ gắn với tô tức với những bất công áp bức từ đám cường hào, ác bá nông thôn; xóa bỏ chế độ phu phen tạp dịch lao khổ; và ra đi để đuổi giặc ngoại xâm như ông cha họ đã làm từ hàng nghìn năm trước.

Ông Nguyễn Trọng Cảnh, một thành viên vận động, tổ chức khởi nghĩa của tổng Hòa Tường ngày đó nhớ lại những lần bị lính Nhật bắt thanh niên đi làm phu vác đạn; cả ngày vác những thùng đạn nặng gần cả tạ cho các đồn lính đóng ở hai bên cầu Đà Rằng. Quản lý đám phu vác đạn là những tên lính Nhật đeo thanh trường kiếm bên hông, chúng đe dọa nếu ai không làm đúng những gì chúng sai bảo sẽ bị chém ngay tại chỗ. Và chúng thường biểu diễn độ sắc bén của thanh kiếm Nhật bằng cách vung một đường kiếm chém đứt ngọt một cây gỗ to bằng bấp chân thợ cày. Thế mà có lúc theo sự chỉ đạo của tổ chức, ông và một số thanh niên đã dám tìm cách tách xa bọn lính, ôm cả thùng đạn nhảy xuống sông Đà Rằng thả thùng đạn chìm xuống đáy sông; còn người thì lặn một hơi đi thật xa; rất may thoát được, nếu không thì có thể đã bị chém đứt đôi thả trôi ra biển.

Vào năm 1945 với mức học văn đạt trình độ bằng yếu lược, một loại bằng cấp nằm trong hệ thống giáo dục của thời Pháp thuộc, bắt buộc phải có trước khi học tiếp để thi lấy bằng Primaire không phải là nhiều ở nông thôn thời bấy giờ, ông và một vài thanh niên có học trong tổng được giao nhiệm vụ tập hợp lực lượng trong phong trào thanh niên Phan Anh tổ chức học văn hóa, sinh hoạt văn nghệ thể thao, hướng thanh niên vào hoạt động cách mạng và chuẩn bị các điều kiện cho khởi nghĩa. Ông trở thành cốt cán của phong trào Việt Minh tại địa phương đã cùng với một số nhân tố nòng cốt khác vận động thanh niên trong tổng Hòa Tường tổ chức thành đội ngũ rèn dao, kiếm và chặt tre làm vũ khí chờ lệnh đi cướp chính quyền. Lúc ấy, ông đã là một chàng trai làng vừa tròn hai mươi tuổi, ngày ngày từng cùng cha cày cuốc, cấy câu, để lò, đặt đó, giờ sa, nuôi vịt, thả bò... Những năm tháng lặn lội trên cánh đồng rộng đến tận chân trời, ông thăm

ước sẽ có ngày mình đặt chân đến những chân trời xa hơn như thế, mơ ước đó đã theo ông đi dọc đất nước xuyên qua những vùng địch đóng, lên tận miền Việt Bắc xa xôi trong những năm đánh Pháp, rồi xẻ dọc Trường Sơn lội ngược vào Nam, dội bom đạn, đạp lên núi rừng đại ngàn của Nam Tây Nguyên trong những năm chống Mỹ. Những chân trời mơ ước không chỉ theo ông trên những bước đường vạn dặm mà đã đưa ông đến với một lý tưởng, đưa ông đến với những chân trời tri thức, chân trời đạo lý để cả đời ông sống chết vì nó. Những năm tháng hào hùng của hai cuộc kháng chiến yêu nước đã tạo nên ông một con người uyên thâm, từng trải, một con người sắc sảo mà nhân hậu, sẵn sàng chấp nhận những thiệt thòi cho mình để dành những ưu tiên cho đồng đội, cho cán bộ chiến sĩ của ông, ngay cả đối với kẻ thù ông cũng thường dùng mưu bắt sống rồi thu phục, cảm hóa hoặc làm vô hiệu vai trò chống đối của họ rồi giúp đỡ điều kiện cho họ về nhà làm ăn sinh sống. Ông thường dặn dò cán bộ chiến sĩ của ông rằng: “Ở đời, nợ gì rồi cũng có cách trả được nhưng nợ máu thì khó lắm! Bởi vậy, phải cố tránh hiều sát”. Ông có một khả năng thu phục nhân tâm hiếm thấy, nhiều người trước đây từng đối đầu với ông ở bên kia chiến tuyến nhưng sau khi về lại với nhau thì xem ông như người bạn tâm giao hoặc có người nhận ông làm anh em kết nghĩa.

Biển người nông dân với gậy gộc, dao, kiếm tràn ngập phủ Tuy Hòa. Họ khởi nghĩa, cướp chính quyền không phải vì khẩu hiệu phá kho thóc để giải quyết nạn đói vì dân Tuy Hòa không thiếu đói! Họ đi vì đã nhen lên trong trái tim mình một niềm tin của lý tưởng về thiên đường mai sau mà họ vừa được học, nghe mới lạ và hấp dẫn. Ông cũng cảm nhận có một điều mới mẻ như một chân lý bừng sáng trong ông. Ông tự hào về điều đó và tự hào về mình.

Ông hăng hái xách kiếm ra đi giã từ ruộng vườn, đồng quê dần thân vào con đường tranh đấu! Lần đầu tiên trong đời ông thấy biển người đi như những dòng sông chảy; lần đầu tiên ông thấy rừng tre vạt nhọn tràn ngập trên đường phố; lần đầu tiên ông thấy lính Nhật co vòi lại trong đồn bắt tề liệt, hiền lành như thể chúng không phải là một đội quân xâm lược đã từng hung hăng đi đốt phá, cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ khắp vùng! Lần đầu tiên, ông thấy binh lính bảo an đội ngũ chỉnh tề vác súng hòa vào cùng những người nông dân đi giành chính quyền; lần đầu tiên ông thấy quan lại, công chức một thời hét ra lửa đang khiếp đảm chạy trốn. Và lần đầu tiên ông tiến vào tiếp quản một trụ sở công quyền nguy nga ở phủ Tuy Hòa.

Giữa những ngổn ngang của một nhà nước mới độc lập, những bước đi chập chững của chính quyền mới được dựng nên, một xã hội đầy dẫy những bất ổn và còn lắm kẻ thù, ông trở thành chiến sĩ của Ty Trinh sát Phú Yên, sau này được đổi tên là Ty Công an Phú Yên. Hồi đó, ông không hề biết cuộc kháng chiến của đất nước mình còn kéo dài cho đến bao giờ! Những năm tháng về chiều, có lúc ngồi bên những đứa cháu nội mà ông yêu thương nhất nay đã trưởng thành, chúng nó ví cuộc đời ông như một cuốn phim dài, ông nói: “Ông cứ tưởng ra đi chừng vài năm rồi sẽ về lại với cuộc sống bình yên bên con cháu; nhưng không ngờ những cuộc chinh chiến của đất nước dài thăm thẳm, dài cho đến hết cả cuộc đời ông!”. Đó là ông nội vô cùng kính yêu của các cháu Trọng Hiếu, Trọng Nghĩa, Trần Anh.

TỪ XÓM LÃM RA ĐI

❖ Trần Ngọc Trác

*

Thành phố Tuy Hòa một đêm đầy sao.

Tôi đi dọc con ngõ nhỏ đã bê tông hóa trong làng Phụng Tường ra cánh đồng trước mặt. Gió mơn man thổi lên làn da mát rượi. Một bầu trời trong xanh của đêm với ánh trăng lười liềm và hàng ngàn tinh tú nhấp nháy ở cuối trời xa đã làm cho lòng tôi lâng lâng khó tả.

Tôi đã có mặt ở đây mấy hôm rồi. Sáng sớm cùng anh Nguyễn Trọng Hoàng ra phố thị. Nắng đã dần lên, cánh phượng không còn hồng mà đỏ rực một góc phố nhỏ. Ly cà phê đen nóng quen thuộc của thành phố mộng mơ sáng nay không xuất hiện ở đây. Một ly cà phê sữa đá đã được đưa lên bàn với một cốc trà nhạt thật to.

Từ quán cà phê này, tôi có thể nhìn thấy chóp Tháp Chăm lừng lững trên đỉnh núi Nhạn – nơi từng diễn ra nhiều đêm thơ Nguyên tiêu hằng năm của xứ sở Phú Yên; nơi mà bạn bè tôi thường gửi giấy mời “điệu” tôi rời quê hương bản quán để đến chung vui cùng họ - những văn nghệ sĩ gắn bó với mảnh đất này.

Cũng từ quán cà phê này, tôi lại nhớ về một thời của Tuy Hòa mà mình đã nhiều lần đặt chân đến.

Thành phố Tuy Hòa không còn xa lạ với tôi từ những năm bảy mươi của thế kỷ trước, khi những đoàn tàu lửa từ Huế lẫn bánh vào Sài Gòn. Những tiếng còi tàu kéo dài và làn khói đen cuộn lên trời cao, gió thoảng nhẹ qua cửa sổ con tàu, tiếng xình xịch âm vang mỗi lần tàu chui qua hầm tối..... Ký ức ấy khó phai mờ trong trí nhớ của chàng thanh niên mới trưởng thành như tôi. Nhưng để am hiểu tường tận về một vùng đất, con người và phong tục tập quán nơi đây thật không dễ dàng gì.

Một chuyến tàu đi qua, hàng ngàn hàng vạn chuyến tàu đi qua, dẫu có chú tâm đến mấy cũng là “cưỡi ngựa xem hoa”, như số phận của một đời người. Trái tim có thực sự hòa cùng nhịp đập có lẽ phải bắt đầu từ những chuyến đi điền dã, những cuộc hội ngộ, thâm nhập thực tế và trải lòng mình cùng với cư dân chốn này; may ra mới biết được chút ít tình yêu con người rộng lớn của Tuy Hòa Phú Yên.

Một vùng đất không còn lạ lẫm với cuộc trường chinh dài từ Bắc vào Nam. Nơi còn lưu lại Núi Nhạn, Tháp Chăm sừng sững, Chóp Chài án ngữ và Đá Bia xa xa vời vợi mà thân tình. Ở đó còn lưu giữ bài thơ của vua Lê Thánh Tông tạc vào đá núi; ẩn mình phía sau ngọn núi cao là Vũng Rô, nơi đã từng diễn ra trận chiến đấu sinh tử của các chiến sĩ hải quân trên con tàu không số, đã vượt trùng dương từ Bắc vào Nam. Nơi ấy, đất Phú Yên còn có đầm Ô Loan, ghềnh Đá Đĩa, bãi Xép, Hòn Chùa, Long Thủy... Một vùng đất có thiên nhiên hữu tình với những câu chuyện kể huyền thoại nhuộm màu triết lý sâu sắc.

Tôi đi qua cánh đồng rộng lớn của Tuy Hòa. Từ thành phố nhìn ra Chóp Chài và nhìn lên hòn núi Ẽnh xa kia huyền hoặc. Một người bạn thân tình đã chở tôi lên đỉnh Chóp Chài để quan sát tứ bề thành phố. Trên cao nhìn xuống là mệnh môn núi ở phía Tây, mệnh môn biển trải dài ở phía Đông. Chóp Chài, núi Ẽnh, cái bầu đã đi vào truyền thuyết bằng một câu chuyện kể xúc động và thông minh của người xưa ở vùng quê này.



Đồng lúa từ cầu Đá cuối xóm Lãm chạy mãi đến chân núi Chóp Chài.

Anh Hoàng Nguyên ghi lại câu chuyện qua lời kể của bà nội:

“Ngày xưa, ngày xưa cánh đồng Tuy Hòa nằm sâu dưới đáy biển, sóng biển vỗ bập bùng dưới chân núi Ngọc Lãm, con người sống trên lưng núi đào củ rừng, hái trái cây, săn bắt và trồng lúa rẫy. Hồi đó, núi cao lên tới những tầng mây và không ai chặt cây phá rừng như bây giờ nên cây rừng sống hàng triệu năm đã cao lên tới đỉnh

trời. Những đỉnh núi đội mây trắng xóa, những rừng cây chui vào trong mây lạnh ngắt. Để có đất trồng lúa, trồng khoai sắn, Ngọc Hoàng đã cho người khổng lồ xuống trần gian gánh núi lấp biển cho dân có ruộng cày cấy. Người trời đã hạ một cây rừng to nhất, dài nhất gánh mấy quả núi đổ xuống lấp mãi, lấp mãi thành cánh đồng rộng lớn ra tới tận bờ biển bây giờ. Gánh đất cuối cùng là hai quả núi to, ông tính đổ ra biển xa để thành đảo chắn sóng, chắn gió bão cho con người nhưng gần tới bờ biển ông xoay tròn gánh đổi vai thì ầm một tiếng, đòn gánh gãy ngang. Tiếng đòn gãy vang như sấm rền, cá nhảy, chim bay, muông thú giật mình hoảng hốt. Người khổng lồ nổi giận đá chân phải vào đầu gánh phía trước, quả núi vút lên cao với đỉnh nhọn thành núi Chóp Chài; chân trái ông đập vào giữa đầu gánh phía sau, quả núi ẽnh xuống thành núi Ễnh ngày nay. Vì gánh hai quả núi to nên bước chân ông đi lún đất đã tạo thành một vệt dài giữa hai trái núi kéo từ Hòa Quang bây giờ xuống đến sông Chùa mà đời sau gọi đó là cái bầu. Bầu là một con mương lớn đầy nước, thuận lợi cho giao thông thủy, một thời ghe thuyền đi lại khá tấp nập. Cư dân sống quanh cánh đồng lúa giàu nhất miền Trung này đã từng đánh đẫy, thả đó, cắm câu để bắt cá và đặt nhiều xa nước để lấy nước từ bầu tưới cho cánh đồng cò bay thẳng cánh”.

Tôi lấy làm thích thú với câu chuyện anh kể, nhất là khi “thực mục sở thị” vùng đất này. Tôi nghe một lần và nhớ mãi.

Vậy sao có chữ “Lầm” cho xóm Lầm? Lại là một câu chuyện khác cũng khá thú vị. Chuyện tưởng rằng xa lắm không còn ai nhớ tới, nhưng tôi thật sự bất ngờ khi ông Vũ Linh năm nay (2016) đã 91 tuổi kể lại rằng: “Lầm” là một cái nhà một gian nhưng rộng do dân làng dựng lên để làm nơi hội họp, sinh hoạt cộng đồng, nơi các trai làng phân công nhau dùng gậy gộc đi bảo vệ thôn xóm. Ở

Lắm thường có treo một cái kèng bên hiên nhà để báo tập trung, báo cháy, báo trộm....Xuất phát từ nhu cầu thiết thực của người dân trong xóm. Nhưng muốn làm cái nhà ấy phải xin phép quan trên và quan trên “phê chuẩn” mới được “động thổ”, do vậy mà không phải xóm nào cũng được dựng Lắm. “Vai trò” của “Lắm” và chòi canh ở đầu xóm tồn tại qua nhiều đời và tạo được dấu ấn qua nhiều thế hệ.



Xóm Lắm nhìn từ con đường cái quan chạy qua núi Sầm lên gò Sần, núi Ngọc Lẫm.

Xưa kia, từ những năm 1600, vùng đất Tuy Hòa – Phú Yên đã được ghi chép trong sách sử, khi mà Văn Phong dẹp yên sự quấy phá của người Chiêm Thành. Chúa Nguyễn Hoàng lấy đất Cù Mông đến Thạch Bi đặt làm phủ Phú Yên gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, thuộc tỉnh Quảng Nam. Năm 1629, phủ Phú Yên được đổi

thành dinh Trấn Biên, sau đó là dinh Phú Yên. Từ năm 1808 đến 1826, dinh Phú Yên đổi thành trấn Phú Yên. Riêng huyện Tuy Hòa thì có đến 3 Tổng: Hạ tổng, Trung tổng, Thượng tổng. Đến thời nhà Nguyễn, Phú Yên thuộc Trung kỳ.

Từ năm Hồng Đức nguyên viên (1470), trong lúc mở mang bờ cõi về phương Nam, vua Lê Thánh Tôn cho khắc bia lên tảng đá to trên đỉnh núi cao, từ đó núi này có tên là Đá Bia (Thạch Bi Sơn), rồi kéo quân về Thăng Long.

Năm Mậu Dần (1578), đời vua Lê Quang Hưng năm thứ nhất cử ông Lương Văn Chánh vào làm trấn biên quan. Ông chiêu mộ lưu dân ở Thanh Hóa lập làng để có Hòa Trị ngày nay. Nhân dân trong vùng coi ông Lương Văn Chánh là thành hoàng của làng và được thờ cúng ngang với bà Thiên Y Ana Chúa Thiệt. Ông qua đời tại ấp Phụng Nguyên vào ngày 19 tháng 9 âm lịch và mộ táng tại làng. Miếu thờ ông Lương Văn Chánh có hai câu đối:

“Hồng Đức thiên biên tồn sự nghiệp,

Phụng Tường miếu mạo đối sơn hà”.

Thời gian biến thiên. Lịch sử đổi thay. Cuộc đời dâu bể biết bao điều không kịp nghĩ suy. Phú Yên Tuy Hòa vẫn tồn tại như đã từng tồn tại. Số phận con người nương theo đó mà sống còn hay vĩnh viễn ra đi.

*

Tôi men theo những con đường làng Phụng Tường, nơi ngày xưa ông Nguyễn Trọng Cảnh (Ở Đà Lạt gọi ông là ông Vũ Linh, ở quê nhà, người ta còn gọi ông là ông Ba Nghiêm) được sinh ra, lớn lên và từ đó ra đi.

Cũng từ nơi này, 20 năm sau những người con thân yêu của ông cũng lần lượt lên đường. Những lối quen, làng trên, xóm dưới bây giờ vẫn còn bóng tre xanh, vẫn còn cây cối tỏa ra hai bên và được đúc bằng xi măng, không còn bùn đất lầy lội như xưa. Những con đường nối nhau chạy từ xóm này sang xóm khác, dân làng đi lại nhanh hơn ngày xưa, với các phương tiện hiện đại như xe máy, xe máy cày, xe đầu kéo chở phân bón và các loại nông sản, có cả xe ô tô tải nhẹ cũng có thể chạy xuyên qua xóm, qua làng dưới bóng mát của những bờ tre. Từ trung tâm thành phố Tuy Hòa ngược về phía tây chừng 5 cây số, chúng ta gặp núi Sầm - như một điểm nhấn của làng Phụng Tường. Nơi đây từng diễn ra rất nhiều trận đánh dữ dội trong lịch sử hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của tỉnh Phú Yên.



Căn nhà của gia đình ông Nguyễn Trọng Cảnh (Vũ Linh) được xây dựng bằng xi măng, lợp ngói đỏ và được ghi năm 1972, với tôi thật bất ngờ. Bởi lẽ, ông Nguyễn Trọng Cảnh đang ở trong mật khu tận Núi Voi thuộc vùng

ven Đà Lạt. Ở quê nhà chỉ có vợ ông – bà Nguyễn Thị Diễm. Hai người con trai của ông, một người lên học đại học và tham gia hoạt động trong phong trào đấu tranh chống Mỹ của sinh viên học sinh Đà Lạt; một người ra Bắc vào trường học sinh Miền Nam và mong tìm gặp cha. Hối ra, mới biết căn nhà được xây dựng lúc bấy giờ là để chống phi pháo. Trước đây, căn nhà này được làm bằng tre nứa và mái lợp bằng tranh rất dễ bén lửa, chỉ cần một viên đạn lửa xẹt qua, hay một trái hỏa châu rơi tàn xuống mái là bốc cháy, chưa nói đến một quả cannon (đạn pháo) dội vào thì sẽ tan thành tro bụi. Nhiều câu chuyện kể về ngôi nhà này trong những năm chiến tranh mà bây giờ nghe lại cũng còn có cảm giác giật mình.

Ngôi nhà lá mái được làm rất công phu. Những gia đình có của ăn của để thuộc diện trung lưu mới có điều kiện xây dựng. Vách của nhà lá mái được làm bằng những thân tre ngâm dưới bùn lâu ngày nên rất bền, rất dẻo. Những thân tre sau đó được mang lên chẻ ra thành những thanh nhỏ dài rồi đan lại gọi là mành trĩ. Chủ nhà cho thợ đi kiếm đất thịt nhão trộn với rơm đắp lên mành trĩ tạo thành vách bao che ngôi nhà. Có gia đình đắp vách dày cả thước; bên trên cũng đắp đất theo hình mái nhà, do đó nhà lá mái mùa hè mát mẻ, mùa đông lại ấm áp. Mỗi nhà lá có một cây đòn dông chính. Cây đòn dông này đều được những người thợ có kinh nghiệm trong làng lên rừng chọn kỹ, coi ngày giờ để chặt hạ, ngày giờ đem về và chọn cả ngày giờ để đặt lên, gốc hướng đông, ngọn hướng tây. Rui mè bằng tre được đặt sấp, giữa theo luật âm dương; mái được lợp bằng nhiều lớp tranh, mái tranh và mái đất cách nhau độ một mét đến mét rưỡi tạo ra một khoảng không gian trên trần như một khoảng đệm cách nhiệt cho ngôi nhà. Cột nhà to, ít nhất bằng một người ôm, cây kèo, cây trính cũng bằng gỗ quý khá to màu đỏ sậm bóng láng; tất cả kết nối vào nhau bằng mộng hoặc

con sẽ cũng theo qui luật âm dương. Tất cả vật liệu làm nhà đều lấy từ thiên nhiên. Có được một ngôi nhà mái lá như thế thật là kỳ công. Ngôi nhà này đã thành huyền thoại khi có biết bao câu chuyện xung quanh được người thân quen, người làng kể lại.

*

Chuyện kể rằng:

Một đêm, cậu con trai cả của ông lúc ấy đang học lớp đệ nhị, ngang với lớp 11 bây giờ (sau này là Bí thư Tỉnh đoàn, rồi giám đốc các Sở Lao động Thương binh xã hội, Sở Du lịch thương mại, Thông tin truyền thông của tỉnh Lâm Đồng) đang chăm chú dưới ánh sáng của cây đèn hột vẹt cùng các anh trong đội Mũi trao đổi về tấm bản đồ thị xã Tuy Hòa do anh tự vẽ đem về.

Bỗng có tiếng giày đinh nện cồm cộp trên sân gạch, mẹ cậu bước vào hét nhỏ nhưng rất đanh: “Lính!”. Ba chiến sĩ của đội Mũi nhanh nhẹn chộp lấy súng và cầm tấm bản đồ nhẹ nhàng lần ra phía sân sau tiếp cận bờ tre sau nhà cũng vừa lúc người đầu tiên của trung đội lính Sài Gòn thuộc trung đoàn 47 bước lên thềm nhà; anh ta mang lon thiếu úy với hoa mai sơn đen trên ve áo, cây colt 12 cầm trên tay, tiếp theo sau là 2 người lính đi kèm và bên ngoài rất nhiều lính với súng đạn, ba lô, mũ sắt đen lù lù trong bóng đêm, triển khai dàn ra cả ven sân và lẫn vào vườn trầu. Cậu học trò ngồi im tại bàn học lật cuốn sách toán hình đệ nhất cấp mà cậu dùng đi dạy kèm để trước mặt, chưa biết phải làm thế nào để giữ bình tĩnh, thì viên thiếu úy đã lên tiếng: “Làm gì đó nhóc?”. Cậu trả lời: “Dạ, đang học bài, nhưng có bài toán này khó quá nhờ thiếu úy giải dùm”. Viên thiếu úy có vẻ đã từng đi dạy học và giỏi toán, anh ta bảo: “Đâu, đưa coi coi”. Anh ta xem lướt qua đề toán và nói ngay: “Dễ mà! ...” và anh ta

hướng dẫn cách vẽ thêm dây cung, cách tính quỹ tích của đường tiếp tuyến với vòng tròn. Cậu học trò gật đầu lia lịa: “Hiểu hiểu, thiếu úy giỏi quá!”. Nhưng thực ra là toàn bộ tâm trí cậu để bên ngoài bờ tre sau nhà. Một tích tắc thoát hiểm ngoạn mục!

Lần khác vào ban ngày, cũng tại căn nhà này, trên lá mái là một tổ bộ đội chủ lực miền Bắc ém quân chờ đêm đến để xuyên xuống vùng sâu, thì tình cờ một đại đội lính Cộng hòa kéo lên xóm, có một trung đội đến đóng quân ngay trong sân, vườn nhà. Anh em bộ đội đòi xuống đánh nhưng bà Điểm – vợ ông Vũ Linh nói vọng lên rất khế nhưng rất nghiêm như ra lệnh “Nằm im trên đó, không được hành động!”. Một lúc sau hình như tay trung đội trưởng lính Cộng hòa nghe tiếng động khế trên lá mái, đoán ra điều gì đó, anh ta đi lại gần nơi khoảng trống, không nhìn lên anh ta nói to: “Đ.m. Ai ở đâu thì ở yên đó nghe, bọn này không thích đánh nhau đâu! Súng đạn chỉ gây chết chóc vô ích mà thôi!”. Nói xong viên sĩ quan cho lính tản ra ngoài ngõ, ngoài vườn, không cho tập trung ở sân nữa. Một ngày trôi qua nặng nề vô cùng, cho đến trời chiều thì đám lính rút xuống xóm chợ. Ngôi nhà may mắn thoát khỏi một trận chiến nếu xảy ra giữa một trung đội lính Sài Gòn với đầy đủ súng đạn, lựu đạn, M79, M72.... với 5 anh bộ đội chính qui của miền Bắc có đầy đủ AK và B40 thì ngôi nhà chỉ còn là tro bụi, mọi người trong nhà cũng không ai sống sót! Và 5 anh em bộ đội cũng khó mà thoát khỏi vòng vây của một đại đội lính Cộng hòa trong xóm.

Căn nhà của ông Vũ Linh ở quê nhà hẳn lên biết bao kỷ niệm.



Bà Nguyễn Thị Điểm, vợ nhà tình báo Vũ Linh. Ảnh được gửi ra Bắc năm 1963, ông đưa ra tiệm ảnh ở Hà Nội chụp lại và tô màu gửi lại vào Nam.

Câu chuyện trở về với những ngày ông đi làm cán bộ Việt Minh thường ghé lại nhà ông Chín ở bên sông Đà Rằng có cô con gái đẹp người, đẹp nết, cách làng Phụng Tường hơn 15 cây số. Ông đã bao lần ghé thăm trong những chuyến đi công tác hay những lúc đơn vị hành quân qua bến sông.

Rồi một ngày trùng phùng. Đám cưới diễn ra thật ấn tượng. Thuở đó, những người đàn ông đại diện nhà trai mặc áo lương dài khăn đóng, đàn bà mặc áo bà ba đen, quần đen, riêng chú rể thì mặc bộ ka ki sita của người chiến sĩ Việt Minh.

Đoàn người rước dâu phải đi trong đêm để tránh máy bay Pháp. Đám cưới đi bằng qua những cánh đồng lúa, đi dọc theo những con mương dẫn thủy, đi trên đường làng rợp bóng tre và những ngọn gió rì rào qua miền quê đưa lại tiếng gà gáy trong đêm trăng tĩnh lặng.... một cảm giác thanh bình hiếm hoi giữa những ngày tháng chiến tranh triền miên. Người con gái ấy đã về làm dâu ở làng Phụng Tường, tổng Hòa Tường từ thuở đó. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được trọn vẹn. Thường xuyên trong những tháng ngày chinh chiến ông cứ mãi đi, ít có những ngày ở nhà vui vầy cùng vợ con; rồi 4 năm sau ông lại lên đường đi Việt Bắc và hơn 20 năm tiếp theo đất nước chia đôi, ông biệt phương trời; bà một mình tần tảo nuôi con, tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương để mong mau đến ngày đất nước thống nhất đón người chinh phu trở về. Tuổi xuân của bà đã đi qua những năm tháng đặng đặng nếm trải bao gian nan, vất vả, hiểm nguy.

Lần đầu gặp bà trong căn nhà ở Phụng Tường, tôi đã nhận ra điều đó. Xởi lởi, thân thiện, quan tâm, chân

thành, không khách sáo, màu mè... nhưng cũng hẳn lên những nét khắc khổ trên khuôn mặt mà tôi đoán là thời con gái bà rất đẹp. Bà là một người phụ nữ Việt Nam chung thủy với chồng, thương yêu con cái vô bờ bến; chấp nhận tất cả thiệt thòi về phần cho mình.

Tám lòng ấy, tâm hồn ấy của bà đã nuôi dưỡng trái tim non trẻ của hai người con trai lớn lên một cách mạnh mẽ, biết ước mơ và biết tự định đoạt số phận của mình.

Ước mơ đó càng gợi nhớ về một thời trong cậu con trai cả: *“Thuở nhỏ, đứng ở đường cái quan nhìn xuyên qua cánh đồng rộng mát tầm mắt, lũ trẻ chúng tôi thường đổ nhau: “Ồ bên kia cánh đồng là gì?”. Rồi cả bọn cùng trả lời: “Ồ bên đó là chân trời” và ngoéo tay hẹn nhau: “Một ngày nào lớn lên sẽ đi đến tận chân trời bên đó!”. Cả bọn cùng cười vang nhảy chân sáo trên bờ ruộng và quên đi trong giấc ngủ vô tư của trẻ thơ trong những trưa hè dưới bóng mát của bụi tre mờ côỉ giữa đồng.”*

Ngồi nhâm nhi với anh Nguyễn Trọng Cừu – con trai thứ hai của ông bà Vũ Linh - trong sân vườn nhà của anh ở Sài Gòn, một buổi sáng thú vị. Anh vốn người vui tính, hay pha trò trong những câu chuyện về cuộc đời. Nhìn dáng người cao to, da ngăm đen, nét từng trải dạn dày của một sĩ quan tàu viễn dương, ta dễ thấy ở anh một con người bản lĩnh, cứng cỏi. nhưng khi nói về những câu chuyện thời thơ ấu cũ, anh đã trải lòng và đôi lúc tôi thoáng thấy mắt anh ươn ướt; thỉnh thoảng có tiếng nghẹn trong câu chuyện kể.

Thuở nhỏ anh hay nghịch ngợm, ít biết sợ điều gì! Có lần bị cảnh sát Tuy Hòa bắt vì chạy xe máy (xe Brigestonne) chở 3 người, trong sườn xe phía sau bình accu có giấu thuốc peniceline và vải dù để may võng là những thứ rất quý của các anh trên núi và là những thứ

rất kỵ của cảnh sát chế độ Sài Gòn, nếu không may bị bắt thì không tránh khỏi tù đầy tra tấn. Thế nhưng, anh không tỏ ra lo sợ mà còn đấu lý với cảnh sát.

Một lần khác, lính Cộng hòa tràn lên xóm, vào nhà bắt anh đứng giữa sân trước họng súng trung liên, lên đạn “rốp” - “Đ. M. Nói ngay! Hàm bí mật giấu Việt Cộng ở đâu?”. Mọi người xanh mặt, nhưng anh lúc ấy độ trên mười tuổi, vẫn giọng cười tỉnh bơ: “Ông muốn bắn thì bắn, chứ tui không biết Việt Cộng ở đâu”.

Rồi một đêm, các chú đội Mũi hện về đón anh lên núi để đưa ra Bắc học theo danh sách của tỉnh chọn, nhưng không may đêm đó một tiểu đoàn lính Sài Gòn đã kéo lên nằm phục quanh xóm nên các chú đội Mũi không vào được!

Thế là một mình anh mang ba lô chui rào từ vườn nhà này sang vườn nhà khác lọt qua khỏi vòng vây của lính Cộng hòa, đến nơi tập kết, làm mọi người kinh ngạc thốt lên “Mày lì quá, nguy hiểm lắm! Chết như không mày biết không!”. Anh vẫn cười hề hề như không có gì quan trọng.

Dọc đường Trường Sơn, bộ đội nườm nượp xuôi vào Nam, tốp thiếu niên ngược đường ra Bắc, vượt qua bao nhiêu tọa độ lửa, máy bay phản lực, máy bay B52, pháo hạm đội trút bom đạn ngày đêm không ngừng nghỉ! Con đường có lắm mồ viễn xứ! Chết vì bom đạn và chết vì ốm đau bệnh tật, nhất là sốt rét rừng! Sống để đi đến nơi quả là chuyện không dễ dàng gì!



Nguyễn Trọng Cừu (mũ trắng) và Mai Thành Thái (mũ đen). Thái là em con cô của Cừu. Ba của Thái tập kết ra Bắc rồi về lại Phú Yên kháng chiến. Má của Thái hoạt động tại chỗ rồi thoát ly lên rừng tham gia kháng chiến. Cả hai ra Bắc cùng đợt, nhưng hai đoàn khác nhau, gặp nhau trên đất Bắc sau nhiều tháng vượt Trường Sơn. Sau khi tốt nghiệp phổ thông tại trường học sinh miền Nam ở Quảng Ninh, Thái vào trường Đại học Công an (C500), Cừu vào trường Đại học Hàng hải.

Một hôm, anh và một cán bộ dẫn đoàn vừa ra khỏi bìa rừng một đoạn, dự định đi xuống làng mua thức ăn; chưa kịp hít thở một chút không khí đồng bằng thì một chiếc trực thăng xuất hiện. Chiếc trực thăng lượn phành phạch trên đầu nhưng không bắn, có lẽ nó định bắt sống! Hai anh em chạy thụt mạng! Suýt bị nó quăng lưới tóm gọn! Xong rồi, anh vẫn cười hì hì giống như vừa qua một trò chơi trẻ con trên cánh đồng mùa hạ khi còn ở nhà.

Anh là vậy nhưng mỗi khi thấy mẹ buồn là anh không chịu được. Anh làm gì sai không sợ mẹ đánh đòn mà thấy mẹ khóc là anh mềm lòng ngay, nói gì anh cũng nghe. Từ nhỏ anh đã giành anh Hai để được ngủ chung với mẹ cho đến lớn lên trước ngày lên đường lội ngược Trường Sơn ra Bắc, anh vẫn còn ngủ với mẹ. Bởi vậy, anh ra Bắc là để được đào tạo theo chủ trương chung và cũng để tìm ba theo ước mơ riêng, nhưng trong lòng anh vẫn mang theo hình ảnh người mẹ và luôn lo lắng cho mẹ ở nhà một mình. Ra đến đất Bắc, anh bị một trận sốt rét vàng vọt và được Ban Thống nhất cho biết ba anh đã vào Nam chiến đấu từ nhiều năm trước đó, nhưng ông đi năm nào và đang ở chiến trường nào thì đó là bí mật của thời chiến, anh không thể biết được!

Sau khi tốt nghiệp phổ thông ở trường học sinh Miền Nam đóng ở Đông Triều Quảng Ninh, anh xin đi bộ đội vào Nam chiến đấu, nhưng Ban Thống nhất không đồng ý vì đã có bố và anh đang ở chiến trường, đây là chính sách đối với con em những người đang chiến đấu ở miền Nam. Anh tiếp tục học đại học Hàng hải cho đến sau năm 1975, anh lấy bằng kỹ sư hàng hải và về Sài Gòn nhận công tác ở cảng Bến Nghé. Một doanh nghiệp vật lộn với cơ chế bao cấp rồi chuyển sang cơ chế kinh doanh tự chủ, qua hàng chục năm lặn giữa thành phố sôi động nhất nước, anh đã trưởng thành và trở thành

một doanh nhân thực thụ. Chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc cảng Bến Nghé.

Xóm Lắm, một xóm nhỏ của vùng non nước Phú Yên cũng như bao nhiêu xóm nhỏ khác của miền quê nước Việt đã sinh ra những người con cho đất nước. Hàng chục trai gái làng đã thoát ly gia đình lên rừng kháng chiến, hàng chục thanh niên bị bắt giam trong các nhà tù ở miền Nam hoặc bị đày ra tận Côn Đảo xa xôi. Nhiều người chết trong tù, nhiều người nằm lại bên bờ rừng, ngã xuống trên những thửa ruộng đã từng thấm đẫm mồ hôi của chính họ, và họ cũng đã đổ máu trên đường làng, những con đường chim sáo thuở ấu thơ.

Một người em trai của ông Nguyễn Trọng Cảnh (Vũ Linh) cũng bị bắt, bị đày ra Côn Đảo rồi hy sinh ở đó; và người em gái út của ông lên rừng kháng chiến cũng hy sinh trong một trận đánh không cân sức với một tiểu đoàn lính Sài Gòn! Một xóm nhỏ đã có nhiều liệt sĩ và hàng chục bà mẹ Việt Nam anh hùng! Ông Nguyễn Trọng Cảnh đã ra đi từ xóm Lắm, mang theo nặng trĩu nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương và xóm nhỏ quê ông cũng đã trải qua những năm tháng khói lửa chiến tranh triền miên với biết bao câu chuyện như những huyền thoại từ những người dân quê chất phác! Một giai đoạn lịch sử đau thương của quê hương, đất nước trong những ngày ông biệt phương xa.

T.N.T

KÝ ỨC NGƯỜI RA ĐI

❖ Trọng Hoàng

Năm 1954, trong lúc các đại đoàn quân chủ lực của Việt Minh đang bao vây, tiến đánh cứ điểm Điện Biên Phủ thì ở Phú Yên, thực dân Pháp ra sức thực hiện kế hoạch Na -va (Navare) bằng chiến dịch At-lăng (Atlante). Chúng tiến công cả bằng đường bộ, đường biển và đường không chiếm đóng Tuy Hòa, các huyện trong tỉnh, tiến lên Tây Nguyên và mục tiêu cuối cùng là đánh chiếm cả vùng tự do liên khu Năm.

Ở địa phương, Việt Minh chủ trương vận động đồng bào tản cư, mà sau này có người còn gọi là chạy giặc và thực hiện kế hoạch vườn không nhà trống. Cả nhà tôi trong mô hình tam đại đồng đường bông bẻ, dất dứu nhau tản cư ra giữa đồng trú trên một khu gò cao còn gọi là gò Gia. Khu gò rộng khoảng vài nghìn mét vuông là một khu đất trồng khoai, sắn, cây ăn trái lâu năm, được bao bọc bởi một lũy tre gai. Là nơi ở để đi làm đồng nên còn gọi là trại, ở đây cũng dành ra một khoảng đất chôn cất ông bà quá cố, gò Gia là cái gò của gia đình .

Ngày 7/5/1954 giặc Pháp bị thất thủ ở Điện Biên Phủ. Tại Tuy Hòa quân Pháp không còn hung hăng đi

lùng sục nữa mà co lại đóng quân trên một hòn núi có tên gọi là núi Sầm. Đồn Pháp cách gò Gia nơi gia đình tôi trú ẩn độ chừng hơn 2 cây số đường chim bay. Khí thế thắng lợi của Điện Biên Phủ tràn về, bộ đội địa phương thừa thắng cùng với quân du kích bao vây tiến công quân Pháp trên đồn núi Sầm. Trận chiến đấu diễn ra ác liệt trong nhiều ngày, Pháp chết cũng nhiều mà ta hy sinh cũng không ít. Ngày nay, tại núi Sầm người ta đã xây dựng tượng đài tưởng niệm các anh hùng, liệt sĩ. Không chỉ trong thời kỳ chống Pháp và cả những năm chống Mỹ nơi đây cũng đã diễn ra nhiều trận đánh nổi tiếng. Tất cả những điều nói trên là sau này lớn lên nghe kể lại tôi mới biết, còn lúc đó tôi chỉ mới lên 4 tuổi. Ở cái tuổi chim non chưa rời vú mẹ, tôi đã chứng kiến chiến tranh! Những màu sắc và âm thanh của trận chiến núi Sầm đã in vào ký ức tuổi thơ tôi một cách huyền hoặc mà khủng khiếp hơn cả những bom đạn dày đặc của quân Mỹ ném vào làng quê tôi trong những năm sau này khi tôi đã lớn lên! Tiếng đạn nổ rền vang, lần đầu tiên ở cái tuổi đầu đời tôi nghe thật nhiều những tiếng nổ to đến kinh hồn! Lửa cháy đỏ trời ở phía đạn nổ. Những quả mọt chệ từ thị xã bay lên như hồn ma hú trên không nghe ghê rợn rồi rơi ra đồng nổ ầm ầm như trời đang sập xuống. Ông nội tôi ẩm ngựa tôi lên chạy qua khoảng sân gạch mà tôi thường chạy chơi hàng ngày. Tôi nhìn lên thấy đạn bay như những hòn than đỏ trong bếp mẹ vút trên đầu ông rồi biến mất lên trời. Ông ôm chặt lấy tôi cúi khom người chạy đến đồng rơm được vun giữa cây xoài và cây mít to. Vạch một ổ trong đồng rơm, đặt tôi vào đó rồi ông chạy đi, tôi không biết ông chạy đi đâu. Sợ quá tôi không khóc được nữa, cũng không dám gọi ông ơi! Không dám gọi má ơi! Bỗng dưng tôi cất tiếng gọi khẽ “Ba ơi!”. Nhưng tôi nhớ là ba đã đi đâu xa lắm và lâu lắm tôi chưa được gặp lại ông. Hình ảnh của ba trong tôi chỉ là một lần đi xa về ông ôm tôi vào lòng, bế đi vòng quanh sân và cho mấy viên kẹo,

ông bảo: “Kẹo sữa dê đó, ngon lắm con ăn đi ”. Buổi chiều, ba dắt tay tôi đi ra bầu xem ông bắt cá, sáng hôm sau ngủ dậy tôi không tìm thấy ba đâu. Má tôi bảo: “Ba đi kháng chiến chắc lâu lắm mới về!”. Hình như lúc đó, má tôi đã thuộc nằm lòng thơ Chinh Phụ Ngâm rồi!. Tôi lấy trong túi ra viên kẹo cuối cùng còn để dành từ hôm trước, ngồi cắn từng miếng một nhỏ xíu nhấm nháp. Mùi thơm của viên kẹo sữa ba cho cứ theo tôi mãi cho đến mười tám năm sau tình cờ gặp lại ông trên chiến trường Nam Tây Nguyên. Hai cha con nằm trên đỉnh núi Voi ôn lại kỷ niệm xa lắc ngày xưa, ông nói rằng “Hồi đó có một người lính Nhật không về nước sau khi Nhật Hoàng đầu hàng đồng minh (1945), ông ta đã ở lại với Việt Minh nuôi dê lấy sữa làm kẹo ở một xóm nhỏ dưới chân núi Phụng Nguyên”.

Đó là năm 1953, tỉnh Phú Yên có 5 người được cử ra Việt Bắc học lớp sĩ quan tình báo, trong đó có ông. Sau này, ông kể lại đường đi gian nan vô cùng, chỉ đem theo một ít quần áo bà ba đen và sита xanh với chiếc ruột ghé đựng gạo mang chéo qua vai, đi bộ trên con đường thiên lý nam bắc. Từ vùng tự do xuyên qua vùng địch đóng, rồi lại tới vùng tự do. Lúc thì ngày đi đêm nghỉ, lúc thì đêm đi ngày nghỉ, đi vào vùng địch thì phải tránh địch phát hiện, đi trong vùng ta thì phải đề phòng máy bay Pháp ném bom. Mất gần hai trăm ngày mới tới Việt Bắc, lớp học đã khai giảng gần một tháng rồi. Cả nhóm bước vào lớp với nguyên dạng quần áo tả tơi và chiếc ruột ghé xếp lếp trên vai. Cả lớp đứng dậy vỗ tay đón mừng, hoan hô các chiến sĩ miền Nam đã vượt qua hàng trăm cái chết để đến được với lớp học tận trên căn cứ Việt Bắc. Người nào cũng gầy rộc, đầy chí rận, lở lói, hôi hám, lấy chiếc áo trung vào nước sôi hốt được một vốc những con rận.

Chiến thắng Điện Biên Phủ rồi hiệp định Genève được ký kết, bộ đội và cán bộ ở miền Nam tập kết ra Bắc. Lớp học của ông được chia thành nhiều đoàn nhận lệnh đóng bè xuôi theo sông Hồng về tiếp quản các tỉnh xung quanh và tiếp quản Hà Nội từ tay thực dân Pháp. Vĩ tuyến Mười Bảy chia cắt đất nước, không phải chỉ hai năm như hiệp định đã ký mà là hơn hai mươi năm chia cắt gia đình, hơn hai mươi năm chia ly chồng vợ, cha con, hơn hai mươi năm khói lửa binh đao và hơn hai mươi năm má tôi một mình vừa nuôi dạy con khôn lớn vừa tham gia công tác cách mạng ở địa phương, chấp nhận cuộc sống thường xuyên bị bắt bớ, tù đày, tra tấn để mong sớm được đón người chinh phu trở về.



Ông Nguyễn Trọng Cảnh (ngồi thứ nhất từ phải sang) và ông Phạm Thuận (ngồi thứ nhất từ trái sang) cùng các bạn ở Hà Nội năm 1960 khi ông Phạm Thuận ra Bắc.

Năm 1953, tiền ba tôi lên đường, má tôi mới vừa 23 tuổi, một cô gái nông thôn có học và xinh đẹp, đã phải sớm chịu cảnh đơn thân, đêm đêm ôm 2 đứa con vào lòng cho vui bớt nỗi niềm nhớ mong người đi ở tận cuối trời, không biết sống chết ra sao. Có những đêm bà ngâm nga mấy câu thơ để ru các con ngủ mà cũng là lời tâm sự của chính mình muốn gửi cho mây gió đưa theo:

*Nay một thân nuôi già dạy trẻ
Miệng hài nhi từng bữa mớm cơm
Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.*

Những ngày mùa đông ngồi đan áo cho con, bà vẫn ngâm nga cho chúng tôi nghe:

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp thì về buồn cũ gối chăn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh*

...

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai!*

Khoảng cách từ nhà nội đến nhà ngoại khoảng trên 15 cây số. Những ngày về thăm quê ngoại, má đặt 2 đứa vào 2 đầu gánh, phía chú em nhẹ hơn, má bỏ thêm vào một cục đất cày cho cân đối, rồi gánh hai đứa chạy lúp xúp trên đường mương dẫn thủy bằng qua cánh đồng xa tít tắp giữa trưa hè nắng chói chang. Về đến đầu làng nhà ngoại dưới bóng mát của bờ tre, bà đặt hai đầu gánh xuống ngồi nghỉ. Ánh mắt bà nhìn theo mãi một cặp vợ

chồng mới cưới chở nhau bằng xe đạp trên đường làng đi về ngoại của họ, rồi nhìn xuống hai đứa con non dại đang ngồi nghịch ngợm vô tư trong hai cái thúng ở hai đầu gánh, tự dưng nước mắt bà ứa ra chảy dài xuống mặt môi!

Tôi và đứa em trai kém tôi 2 tuổi lớn lên trong hơi ấm, trong sự tảo tần của mẹ và bằng cả niềm tự hào về người cha đi kháng chiến như một huyền thoại qua lời mẹ kể và qua trí tưởng tượng của tuổi thơ.



Năm 1963, bức ảnh chân dung của bà Nguyễn Thị Diễm được gửi cho ông Vũ Linh (chồng bà) theo đường dây giao liên ra Bắc.



Bức ảnh chân dung ông Nguyễn Trọng Cảnh (Vũ Linh) ở Hà Nội gửi vào Nam cho vợ (bà Nguyễn Thị Điềm) cũng qua đường dây giao liên thời chiến.

Năm tôi lên lớp đệ lục (lớp bảy bây giờ), má cho tôi đọc truyện thơ Chinh Phụ Ngâm do bà chép tay trong cuốn sổ thợ may bìa cứng. Lúc ấy, bà vừa làm ruộng vừa làm thợ may - một cái nghề cũng chưa nhiều ở nông thôn thời bấy giờ. Chữ bà viết sạch đẹp và tròn như quả trứng gà. Trong tâm tưởng tôi, thì ông ra đi như chàng chinh phu ngày trước và bà ở lại như nàng chinh phụ xưa vừa nuôi dạy con vừa gửi cả nỗi lòng theo bước chân người đi! Bởi vậy mà tôi đã thuộc nhiều đoạn thơ Chinh Phụ Ngâm trước khi được học ở nhà trường. Mỗi tối các cô, chú, bác trong họ thường tập hợp ở nhà nội ngồi trên

thêm, dưới sân, quanh ngọn đèn dầu nghe má tôi đọc truyện, tiểu thuyết, đọc Chinh Phụ Ngâm, đọc truyện Kiều ... Má tôi có giọng đọc rõ ràng, mạch lạc, truyền cảm đã ảnh hưởng đến phong cách viết và nói của tôi sau này.



Năm 1962, ấp chiến lược được dựng lên khắp các làng mạc nông thôn miền Nam, biến hàng vạn những ngôi làng thành trại tập trung trá hình. Giữa hai lớp rào tre vạt nhọn là hào sâu cắm chông. Phía ngoài gài mìn, lựu đạn. Phía trong có lính dân vệ tuần tra canh gác. Thành thoảng còn có chòi canh được dựng cao bên trên để quan sát xa ra ngoài cánh đồng.

Sau Tết Mậu Thân 1968, chiến tranh ở quê tôi ngày càng ác liệt, bom đạn cày xới trong làng, đào khoét trên những cánh đồng. Chú em tôi thoát ly ra rừng quyết nối chí cha, nhưng đã được lãnh đạo địa phương chọn cử đi học ở miền Bắc. Chú ấy thích ở lại cầm súng chiến đấu mà cũng muốn đi ra Bắc với hy vọng gặp được ba. Trong ký ức của chú ấy không có một hình ảnh nào cụ thể về

Người đi qua cuộc chiến

ba, mà chỉ là những hình ảnh tưởng tượng do má kể lại, chú tự hào về điều ấy và rất muốn đi tìm. Chú đã lội ngược Trường Sơn ra Bắc tìm ba, trong lúc trước đó mấy năm ba tôi đã đạp xuôi Trường Sơn vào Nam chiến đấu!



Năm 1966 Mỹ đổ quân vào miền Nam càn quét khắp nơi từ nông thôn đến rừng núi với tất cả các loại vũ khí hiện đại nhất có thể lúc bấy giờ. Đó là những ngày khốc liệt ở miền Nam Việt Nam.

Cùng lúc với chú em ra Bắc, thì tôi cũng khăn gói lên đường vào đại học Đà Lạt, hoạt động trong phong trào sinh viên học sinh chống Mỹ. Vì các con tiếp nối con đường của ba đã chọn, nên má tôi cam lòng chịu cảnh cô đơn. Bà dồn sức lo gạo, muối, thuốc tây cho kháng chiến để mong ngày đoàn tụ. Có lần ghé về thăm, thấy má tôi gầy hơn và đôi mắt buồn thẳm thẳm, má nói: “Nhà mình bốn người, nay mỗi người một phương, bom đạn dày trời, không biết ...!”. Má không nói hết câu, nhưng tôi hiểu bà

ngại nói tới điều hệ trọng. Má kể cho tôi nghe hôm bọn lính của trung đoàn 47 đi càn đụng nhau với du kích, đánh nhau một lúc, mấy cậu du kích giấu súng vác cuốc ra đồng làm nông dân. Bọn lính tràn vào xóm lũng sục, chúng lội vào nhà, tiếng giày đinh nện cồm cộp nghe nhức óc. Nhìn thấy cái hầm trốn pháo được đào ngay bên cạnh giường ngủ, má tôi vừa bước chân lên chưa khỏi miệng hầm chúng đã quăng lựu đạn xuống, lựu đạn nổ rung chuyển nhà cửa, sức ép xô bà ngã sòng soài ra sàn nhà, tai ù, tim đau buốt chữa mãi đến bây giờ vẫn còn phải uống thuốc. Một đêm đại bác từ thị xã bắn lên rơi vào nhà bác Hai hàng xóm, nhà sập, người chết thịt xương vung vãi khắp nơi.

Quê nhà ngày 24.6.68
 Hôm nào này năm nay em có nhân được
 thư anh, tôi do em biết thư gửi anh quá trễ
 và việc gia đình những chỗ anh ở rất khó.
 Về hai hôm anh của anh và em gửi cho
 em tiền nhưng người em nhờ của anh
 gửi đây đến với anh.
 Em tham gia cách mạng trong buổi
 kháng, vào kháng chiến năm ngoài đất
 đi công bố việc khác bắt anh đến địa
 phương để em làm đơn của quân khu.
 Khi một đơn của em gửi đến quân khu
 một đơn được đơn anh ở địa phương
 thì đơn của em của gia đình anh và
 đi trên ngày 8-5.
 Mẹ già rất mạnh khỏe. cả tâm được
 đơn anh có đơn gửi em và đơn anh
 đơn anh tham gia cách mạng.
 Hai con vẫn khỏe. Hoàng năm nay
 học lớp 8. Học lớp năm, những bài
 trường cũng ở dưới, nên cả hai đều
 phải học tập.
 Ông bà ngoại khỏe rất và các em đều
 mạnh khỏe.
 Em gửi anh ảnh ảnh của em Việt
 và tâm anh của hai con anh, anh
 hiện nay thôn xóm mình đã được
 giải phóng các đơn chiến lược đến phía
 bắc.
 Có một đơn em muốn biết về cả anh
 sách anh như báo xa và có khác
 không. Em trong thư trả lời của anh

Thư của bà Nguyễn Thị Diễm (vợ ông Vũ Linh) gửi cho chồng năm 1968 theo đường dây giao liên về căn cứ Khu Lê.

Nằm trên núi Voi tôi kể chuyện về má, về xóm làng quê mình, ba tôi lo lắng: “Chiến tranh thật khắc nghiệt! Bom đạn không chỉ dành cho những người ở ngoài chiến trường mà ngay cả người ở nhà cũng chẳng được yên thân!”.

Cuộc đời hoạt động của ông với hàng chục lần bí mật vào ra vùng địch, hàng chục lần mìn nổ dưới chân, đạn xé rách áo, xuyên thủng ba-lô, cái chết trong đường tơ kẽ tóc, ông vẫn không hề nao núng, chẳng thấy ông bận tâm. Nhưng một chiến sĩ của ông hy sinh trên đường đi công tác, ông đã buồn nhiều ngày liền và có lúc tôi nhìn thấy những giọt nước mắt ông lăn dài trên khuôn mặt xanh xao vì sốt rét rừng! Tôi biết ông rất lo cho tôi vì nếu tôi có mệnh hệ nào thì coi như trời sập xuống trên đầu má tôi và chắc ông cũng sẽ đau xé lòng! Bởi vậy nên ông đã cố truyền cho tôi những kinh nghiệm đối phó với đám tình báo, mật vụ khi hoạt động trong lòng địch ở thành phố Đà Lạt để tránh bị bắt, hay những kinh nghiệm đi rừng để tránh bị phục kích. Nhưng khi có người đề nghị nên đưa tôi về đơn vị của ông để được bảo vệ an toàn hơn bên đội công tác nội thành thì ông không đồng ý, ông nói “Bên đó đang cần người, còn nếu điều chẳng may đến với nó thì cũng giống như bao nhiêu chiến sĩ khác đã chiến đấu và hy sinh, chứ không nên có ưu ái riêng tư.”

Ba tôi như thế, trong chiến tranh đã vậy và sau này cũng vẫn vậy! Tôi lớn lên từ ý chí đó của ông .

NHỚ LẠI NHỮNG PHÚT GIÂY SINH TỬ

❖ Đinh Thị Nga

Ông luôn đi trên con đường đầy hiểm nguy bất trắc của nghề tình báo. Nhưng khi trò chuyện với chúng tôi về cuộc đời mình, ông nói hết sức mộc mạc, giản dị, đôi khi ông hài hước về chính mình. Đó là vào những ngày tháng ông đã về hưu vui vầy cùng con cháu, bỏ lại sau lưng biết bao con đường, những con đường đã làm nên những nhân cách lớn của thế hệ đi trước.

CHỌN NGÀNH TÌNH BÁO

Ông nội tôi làm nghề dạy học, cha tôi là một đông y sĩ, anh em chúng tôi được ông, cha thường xuyên dạy về lòng yêu nước và lòng nhân. Hình như công việc tôi làm cũng phù hợp với 2 yếu tố trên, nếu có thì đòi hỏi thêm ở sự gan dạ và mưu trí nữa. Tôi và nhiều bạn bè thời thanh niên thích cái nghề mạo hiểm này nhưng không tự chọn được mà là do tổ chức nhận xét, giao nhiệm vụ và đào tạo; đào tạo cả qua thực tiễn công tác và trong trường lớp. Năm 1945, lúc vừa tròn 20 tuổi, tôi tham gia công tác trong lĩnh vực phản gián, gồm 2 bộ phận: Chống gián điệp và an ninh chính trị. Hồi đó đã thành lập công an tỉnh và công an huyện, còn công an xã thì đang xây dựng.



Các chiến sĩ Việt Minh phục kích đón đánh quân Pháp dọc đường ray, trước cửa hầm tàu lửa. (Ảnh tư liệu).

Thời kỳ 9 năm kháng chiến chống Pháp, vùng ta và vùng địch rất gần nhau. Địch chiếm thành thị và nông ra đóng đồn ở một số vùng nông thôn, ta thực hiện chủ trương lấy nông thôn bao vây thành thị. Các cơ quan làm việc không có trụ sở như bây giờ mà đóng quân trong nhà dân, bởi vậy bất cứ ngành nào cũng phải biết làm công tác vận động dân mà sau này ta gọi là công tác dân vận đó, chủ trương là không ở nhà địa chủ còn nhà phú nông có tư tưởng tốt cũng ở được. Muốn vận động tốt thì phải đến từng nhà dân thâm nhập vào đời sống, công việc làm ăn, cùng tham gia sản xuất qua đó để mình hiểu họ và làm công tác tuyên truyền để họ cũng hiểu Việt Minh. Lúc đó, cứ đi công tác độ 10 ngày thì về lại cơ quan để sinh hoạt học tập; cơ quan không có tủ đựng hồ sơ tài liệu, không có bureau (bàn giấy) như bây giờ mà mượn tạm bàn ghế của gia đình để làm việc; còn tài liệu thì bỏ

lại theo từng loại cho vào bao, hễ bị Pháp tấn công thì vác chạy. Người dân muốn đi ra khỏi vùng ta vào vùng địch thì phải xin giấy, khi cấp giấy thì mình giao việc, nhưng cũng có trường hợp bị địch giao việc trở lại. Người dân ở vùng ta mặc vải ta do ta sản xuất, những năm đó ở tỉnh Phú Yên có nhiều nơi dệt vải thủ công như Ngân Sơn thuộc huyện Tuy An, Hòa Thắng, Đông Bình huyện Tuy Hòa. Vải si màu xanh lá dành cho bộ đội, còn vải ta, vải tám, vải đũi thì cung cấp cho dân và các cơ quan dân chính. Còn vùng địch thì dân mặc kaki, poplinne, vải lãnh, sa tanh, lụa vàng bền, đẹp và sang hơn, nhờ vậy mà dân dễ phát hiện người lạ đi vào vùng ta kiểm soát và làm tai mắt cho cách mạng. Giao thông và vận tải chủ yếu là đi bộ, dùng ngựa và thuyền mà dân Phú Yên gọi là ghe, cuộc sống trong tình trạng luôn đề phòng máy bay địch ném bom nên hầm hào được dân đào khắp nơi kể cả trong nhà, dọc đường, nơi sản xuất v...v... Tình báo, gián điệp địch hoạt động khắp nơi nên yêu cầu giữ bí mật rất cao, ai cũng thuộc khẩu hiệu; *“Ở đây tai vách mạch rừng/ Ai đi công tác xin đừng bàn đây”*. Công an ngoài nhiệm vụ thâm nhập tìm hiểu địch tình, chống gián điệp, giữ gìn an ninh trật tự vùng tự do, còn phải tổ chức bảo vệ đường sắt, đường giao thông, bảo vệ công binh xưởng để sản xuất mìn, phân rơi cũng là một loại nguyên liệu được thu nhặt về làm thuốc súng! Bảo vệ sản xuất, quan trọng nhất là bảo vệ đập thủy lợi Đồng Cam, Đồng Bò đảm bảo nước tưới cho cả cánh đồng Tuy Hòa rất trù phú, đủ để nuôi dân và nuôi kháng chiến... Tỉnh trưởng Pháp đổ quân đóng đồn với lực lượng mạnh giữa vùng ta kiểm soát, từ đó chúng nòng ra lưng sục, ta không đủ sức đánh tiêu diệt được thì vận động dân thực hiện tiêu thổ kháng chiến, đồng thời tổ chức bao vây đánh du kích, dụ địch ra khỏi đồn để bắn tỉa hoặc đánh tiêu diệt từng nhóm nhỏ gọi là “điều hổ ly sơn”. Đêm đêm ta bám sát đồn giặc nổ súng vào đồn chọc phá suốt đêm không cho chúng

ngủ; có lúc bị bao vây lâu ngày nó phải dùng máy bay thả lương thực và đồ dùng xuống phần lớn bị gió thổi ra ngoài ta thu lấy, ta làm mãi cho địch mệt mỗi tưng rút. Đánh nhau với một kẻ địch giàu có, vũ khí hiện đại, sĩ quan và binh lính được đào tạo bài bản, khoa học, tất cả đều vượt trội hơn ta gấp trăm lần thì ta không thể thắng được nếu không nhờ nhân dân. Chiến tranh nhân dân là một truyền thống từ tổ tiên ta truyền lại đó là bài học quý để bảo vệ đất nước và xây dựng đất nước ngày nay cũng vậy, mất lòng dân là mất hết đó!



Nhân dân Phú Yên rào làng cấm chống ngăn giặc Pháp đổ bộ và lùng sục vào làng.

ĐỪNG LÀM MẤT LÒNG TIN CỦA DÂN

Những năm 1950 – 1952 Pháp thả biệt kích xuống vùng ta rất nhiều, công tác truy tìm biệt kích và chống gián điệp vô cùng phức tạp và quyết liệt. Có một vụ án do tư tưởng hăng hái lập công cộng với trình độ nghiệp vụ yếu kém của cán bộ đánh án nên đã trở thành một vụ án

oan đến đau lòng! Thời chiến không có luật như thời bình, chỉ cần lập tòa án lưu động căn cứ hồ sơ kết luận có tư tưởng chống lại Việt Minh, chống lại kháng chiến, rồi xin ý kiến ủy ban kháng chiến thống nhất thì vô phương cứu! Mà đã xử bắn rồi thì không ai truy cứu lại nữa! Ngày nay luật lệ có đầy mà vẫn xử oan cho dân thì cũng lạ thật! Kinh nghiệm từ vụ án trên, tôi luôn tâm niệm không bao giờ để sai lầm vì thiếu trách nhiệm.

Một hôm tôi đang ở cơ quan thì đồng chí trưởng ty gọi lên giao nhiệm vụ, tôi ôm hồ sơ về đọc, đó là một vụ án gián điệp ở Tĩnh Sơn: Hai ông tên Tiến và Thành cùng với 7 tín đồ Thiên Chúa giáo khác ngồi dưới trăng ở sân nhà thờ Tĩnh Sơn, huyện Sơn Hòa bàn chuyện trốn đi vào vùng địch. Đọc hồ sơ xong, tôi tiếp xúc đối tượng thấy mặt mày bị đánh thâm tím! Tôi thấy bất nhẫn quá và đoán là cán bộ hỏi cung bất lực nên mới ra tay ra chân như thế, đó là việc làm trái với qui định.

Tôi còn nhớ hồi đó có sắc lệnh số 40 của Chủ tịch Hồ Chí Minh ký năm 1946 “cấm công an, các ngành đánh người, cấm dùng nhục hình, cấm tra tấn”. Tôi hỏi riêng từng người một “Việc tổ chức vào vùng địch với mục đích gì? Ai đi? Bao giờ đi? Kế hoạch đi thế nào? Tại sao bàn chuyện nguy hiểm vậy mà ngồi giữa sân nhà thờ, dưới ánh trăng?...”. Đại khái là những ý như thế nhưng có nhiều cách hỏi khác nhau. Hỏi mãi, đủ cách họ đều không khai! Tôi đề nghị trưởng ty cho di lý về ty hỏi một tháng; khu cử 2 người có kinh nghiệm hỏi cung thay phiên nhau hỏi ngày, hỏi đêm, nửa đêm dựng dậy hỏi... Một mặt, đi tìm nguồn tin là trưởng công an xã thì ông ta đã chết. Một buổi tối, tôi sắp một cái bàn trải khăn bàn đàng hoàng thơm tắt, cắm một bình hoa tươi và thắp nến, tôi nói: “Đằng sau cây nến này là Chúa Jesus, nói dối với tôi thì được nhưng không được nói dối Chúa, hãy xưng tội đi”.

Anh ta quì xuống khóc và khai là do bị đánh đau quá nên nhận đại là có bàn chuyện trốn vào vùng địch chứ thực ra chỉ ngồi chơi thôi! Tiếp tục điều tra ngược lại từ đầu vụ án thì đúng là do công an xã thấy tụ tập đông người ở nhà thờ nên nghi rồi báo cáo theo nhận định chủ quan của mình và cứ thế mà lập án! Chiến tranh thật là khắc nghiệt! Chuyện đơn giản nhưng tình cờ tai họa có thể đổ xuống trên đầu không biết đâu mà tránh! Tìm hiểu rõ ngọn ngành mình oan cho người ta, trước hết người dân thoát khỏi nỗi oan ức kêu trời không thấu, Việt Minh được dân tin còn lòng mình thì thấy thanh thản, nhẹ nhàng.

Sau hai cuộc chiến tranh dài của dân tộc, tính khốc liệt không thể tả hết được, hậu quả để lại nhiều thứ lắm! Trong đó có việc nhiều người bị nghi oan, bị úp chụp do địch có âm mưu bôi lem những người hoạt động cách mạng, làm cho ta nghi ngờ nhau, nếu không có kiến thức địch tình thì chính ta lại đánh ta đúng theo kế hoạch hậu chiến của tình báo, cảnh sát đối phương! Có người bị tổ chức nghi là hoạt động cho CIA nhưng khi hỏi CIA tổ chức như thế nào? Ai trực tiếp điều hành? Mạng lưới hoạt động ra sao? Hồ sơ thế nào?...v...v... và ..v...v...thì nói không ra! Cũng có trường hợp lập hồ sơ một nhân viên CIA đã tổ chức xây dựng mạng lưới nhiều tỉnh, nhưng qua điều tra thì thấy rằng anh ta chưa học hết bậc tiểu học, nghề nghiệp chỉ là một lao động tự do! Nếu có kiến thức về địch thì sẽ thấy là CIA không xây dựng mạng lưới như thế! Có kiến thức địch tình thì mới đánh được địch, đồng thời bảo vệ được ta và bảo vệ dân, không để oan cho người bằng những kết luận chủ quan của mình. Đó là chưa kể do tranh công, đổ lỗi, tranh quyền đoạt lợi mà dựng nên biết bao chuyện oan khuất kéo dài suốt cuộc đời người ta!

TRÊN ĐƯỜNG RA BẮC

Năm 1953, tỉnh Phú Yên cử 5 cán bộ an ninh ra Việt Bắc học lớp tình báo theo quyết định của Trung ương. Từ Tuy Hòa ra đến Đồng Sơn mất 3 ngày đêm. Tại đây phải dự lớp chính Đảng do khu ủy V mở cho cán bộ chiến sĩ công an toàn khu, giảng viên là Trần Quỳnh và Trần Luân đều là ủy viên thường vụ khu ủy. Sau khi làm thủ tục giấy tờ xong, Bí thư khu ủy Nguyễn Duy Trinh phát cho mỗi anh 300.000 tín phiếu ra tới An Điền đổi tiền con trâu xanh, ra Bắc lại dự chính Đảng 3 tháng nữa, mới bắt đầu học nghiệp vụ.

Trên đường ra Quảng Ngãi có nhiều lần chết hụt do máy bay ném bom dọc theo đường hành quân. Đoạn từ Quảng Ngãi đến Thừa Thiên đi suốt trong mưa và giá lạnh, chúng tôi đến lǎng Gia Long đúng vào mùa lũ. Nước từ sông Hương dâng lên ngập lụt những con đường băng qua cánh đồng. Chúng tôi vào gặp bà cụ trông lǎng xin ngủ nhờ, bà chỉ ra hành lang, tối lạnh quá lên vào chân bàn thờ ngủ nhưng bà không cho, phải bò ra lại lạnh hết biết luôn! Hết lũ, đoàn đi tiếp ra Quảng Trị, người đầy chí rận, đến nhà dân mượn nồi nấu nước sôi đun quần áo hốt được cả vốc rận! Qua đường 9 không có giao liên phải phân công nhau tự trình sát mã đi, tiếp cận sông Bến Hải đêm đó chuẩn bị vượt sông thì rơi vào một trận pháo kích khủng khiếp, pháo từ Đông Hà bắn liên hồi, cấp tập, tôi chạy vào nhà dân, bà chủ nhà đẩy tôi xuống hầm chứa lúa bị kiến đồ đốt cùng mình nhưng bà chủ không cho chạy ra, mà cũng chẳng biết chạy đường nào vì đạn pháo nổ âm trời, mảnh văng rào rào, cây cối trong vườn gãy đổ đè lên miệng hầm, mùi thuốc đạn khét lẹt! Trên đường ra Quảng Bình một lần nữa chúng tôi lại lọt vào tâm điểm của 2 trận pháo kích thừa chết thiếu sống, tôi nghĩ chắc trận này sẽ chết tan xác, không mồ

mả thôi, nhưng vẫn còn may thoát được! Ra Thanh Hóa thấy các cô gái tát nước bằng gầu dây, một hình ảnh nông thôn thanh bình hiếm có giữa lúc đất nước chiến tranh, trong lòng cảm thấy vui, một cảm giác bình yên dễ chịu vô cùng! Thấy bọn tôi họ cất tiếng reu ghẹo và chạy đến nắm tay nhảy hát “yêu hòa bình...”. Hình như con gái xứ Thanh vốn dạn dĩ, mạnh bạo hơn những cô gái ở các vùng miền khác! Tại đây chúng tôi mua vé cano đi ngược sông Mã lên vùng Mường Hòa Bình, qua dốc Cun, đại bác Pháp vẫn bắn cầm canh, bom nổ chậm vẫn còn rải rác trên đường đi. Đến Phú Thọ tôi nghỉ lại ở nhà một cô gái Mường, nhà chỉ có mình cô. Tôi hỏi “Tối ngủ ở đâu?”. Cô chỉ tay gần nơi ngủ của cô bảo: “Đây”. Tôi reu: “Gần cô quá, lỡ bò qua thì sao”. Cô bảo: “Không được!”. Nhà nuôi nhiều trâu và heo, mùi phân bốc lên đậm đặc, và rệp thì nhiều quá cỡ, cả đêm không ngủ được! Sáng hôm sau cô hỏi “Sao không ngủ được?”. Tôi bảo: “Rệp cắn!”. Cô hỏi: “Người ở đâu?”. Tôi nói: “Miền Nam” - “Đi đâu?” - “Đi công tác, có đi cùng không?”. Cô cười lắc đầu. Chia tay cô gái Mường ở Phú Thọ chúng tôi đi ngược sông Lô xem tàu Pháp bị đánh chìm trước đó, rồi đến Đoan Hùng tranh thủ mua và thưởng thức buổi ngon nhất của đất nước mình. Từ Đoan Hùng lên Tuyên Quang đi qua nhiều khu căn cứ.

Trường huấn luyện nằm giữa một khu rừng, khá đông học viên, tất cả đều rất trẻ, được tổ chức thành nhiều lớp, lớp chúng tôi từ khu V ra là xa nhất. Mỗi lớp có một hội trường riêng bằng tre nứa dựng lên dưới tán cây rừng. Ra Việt Bắc đúng mùa đông, lần đầu tiên được biết thế nào là cái lạnh của xứ Bắc, lạnh thấu xương! Học viên tự làm sạp nứa để nằm, anh em trong Nam ra chỉ có cái võng sita, cái quần sita không đủ ấm, tối ngủ phải đốt lửa, đêm chỉ ngủ được độ 2 tiếng thôi vì lạnh và ghẻ ngứa, người ngộp sinh ghẻ không có thuốc men gì, đêm nằm

quần áo hít dính vào người, sáng dậy phải chạy cả tiếng đồng hồ cho nóng người rồi nhảy xuống sông Gâm cho cá cắn quần áo bung ra, sau đó lên xông khói vậy mà chữa ghẻ rất hiệu quả!

Sắp tới ngày bế mạc khóa học thì được tin chiến thắng Điện Biên Phủ (07/05/1954) tiếp theo hiệp định Genève được ký kết lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời. Hầu hết anh em miền Nam đều không vui, nhiều người phản ứng, thậm chí có người còn khóc lóc, la hét không đồng tình “Tại sao ta thắng lớn, thắng toàn diện mà lại phải chấp nhận chia đôi đất nước ở vĩ tuyến 17! Anh em miền Nam biết chừng nào mới về lại được quê hương!”. Nhưng nhiệm vụ trước mắt đã cuốn mọi người theo, lệnh của cấp trên anh em chặt nửa đóng bè thả trôi sông mất 3 ngày đêm thì đến Phú Thọ, chúng tôi bán bè đi tắt đường qua Hòa Bình sang Hà Nam, tôi và anh Diệm được phân công tham gia tiếp quản Nam Định. Trong lúc đang làm nhiệm vụ tiếp quản các cơ sở của địch thì một người phụ nữ đến gặp và đề nghị tổ công tác giúp bà giữ vợ chồng đưa con trai lại vì chúng nó đòi đi vào Nam. Chúng tôi đến ở trong nhà bà vài hôm xem tình hình thế nào để có cách vận động thì thấy rằng con trai bà mới cưới vợ, vợ lớn hơn chồng 8 tuổi, tối đến bà đặt cái giường nằm giữa ngăn cách 2 vợ chồng không cho ngủ chung. Tôi khuyên bà nên để cho vợ chồng nó được ngủ với nhau trong phòng riêng xem sao. Những ngày sau tôi hỏi chúng nó “có còn muốn đi Nam nữa không?”. Chúng cười bảo: “Không đi”.

Tôi vào Hà Nội trước 10 ngày, ở khách sạn Đồng Lợi trước mặt ga Hàng Cỏ. Theo chủ trương chung, chúng tôi công bố chính sách lưu dụng với cảnh sát nguy, ai ở lại sẽ được giữ nguyên lương nên họ đăng ký ở lại khá đông. Sau này tôi được giao nhiệm vụ hướng dẫn

cho 600 cảnh sát học tập chính trị tại Nha Công an Việt Bắc.

Khi vào Hà Nội, chúng tôi gặp ngay sĩ quan liên lạc của Pháp, họ trực tiếp lái xe đưa đón chúng tôi đi làm việc, họ bàn giao cụ thể, chu đáo và bảo vệ chúng tôi rất chặt chẽ, họ sợ chúng tôi bị ám sát thì tình hình sẽ rất phức tạp. Những người lính Pháp lúc ấy đều có tâm lý mong nhanh chóng hoàn thành việc bàn giao, tránh rắc rối về nước càng sớm càng tốt, họ nói “Sợ chiến tranh và ngán ngẫm xứ này quá rồi!”. Hai giờ sáng ngày 10/10/1954, tôi dậy đón quân giữa Bạch Mai – phố Huế, 5 giờ sáng người lính Pháp cuối cùng rút khỏi các nhiệm sở ở Hà Nội. Một không khí đón mừng đoàn quân chiến thắng về thủ đô tương bừng chưa từng có!

Tôi nhận nhiệm vụ ở Công an Hà Nội một thời gian rồi chuyển sang ban kiểm tra đảng thành ủy Hà Nội, rồi trở lại làm phó ban thanh tra công an Hà Nội. Những năm ấy tôi vừa làm vừa học hết bậc phổ thông, rồi ghi tên học đại học sử - một môn học cho chúng ta khá nhiều kiến thức. Tôi say mê với môn sử Việt Nam và sử thế giới nó rất bổ ích cho công tác chuyên môn của mình. Hồi đó, người ta không đặt nặng vấn đề bằng cấp như bây giờ. Ai chịu học thì đó là do nhu cầu tự thân muốn được hiểu biết và được cơ quan khuyến khích, còn việc bố trí, đề bạt.... là căn cứ vào năng lực thực tế, chứ tổ chức không đòi hỏi bằng cấp theo kiểu qui trình như ngày nay! Năm 1959, tôi lên đường vào Nam nhưng đến Thừa Thiên - Huế thì bị đau ruột thừa phải trở ra Bắc mổ. Thời gian nằm lại ở Ban Thống nhất Trung ương tôi tham gia tuyển chọn người cho tỉnh đội Phú Yên, đại úy Lầu được giới thiệu và về làm tỉnh đội trưởng Phú Yên sau này nghe tin đã hy sinh.

Để chuẩn bị cho chuyến đi Nam lần thứ 2, bộ đã cử tôi đi học thêm một lớp tình báo nữa; lớp học chỉ có 7 người, trước khi học các nội dung nghiệp vụ khác, chúng tôi phải mất một tháng thực hành nhuần nhuyễn việc phát hiện người theo dõi mình và cắt đuôi. Cứ sáng ra phải báo cáo cho phụ trách đầy đủ là hôm nay tôi sẽ đi từ đâu đến đâu (ví dụ từ phố Huế ra ngoại thành chẳng hạn) bằng xe đạp, mặc quần áo gì?, đội mũ, mang giày gì?, mang theo xác cốt như thế nào?... Người phụ trách sẽ bố trí cho trinh sát ngoại tuyến bám theo, tôi có trách nhiệm phát hiện ra có bao nhiêu cái đuôi bám theo mình, mô tả chính xác những cái đuôi đó trong bản báo cáo cuối ngày và phải dùng thủ thuật đánh lừa để cắt đuôi, nghĩa là phải biến mất trước con mắt các trinh sát ngoại tuyến, đồng thời đặt hộp thư mật mà trinh sát không phát hiện được... Nhờ đợt thực hành này mà Hà Nội có bao nhiêu đền, chùa, nhà thờ, chợ nhỏ, chợ lớn, hang cùng ngõ hẻm... 7 anh em chúng tôi đều khá rành rẽ! Còn vì sao có tên gọi là Vũ Linh? Những năm công tác tại Công an Hà Nội, chúng tôi được học võ thường xuyên. Ngày ấy, gọi là được huấn luyện võ thuật, rèn luyện nâng cao võ thuật. Chiều chiều chúng tôi thường tổ chức thi đấu với nhau. Thời thanh niên tôi rất khỏe và nhanh nhẹn, một mình tôi có thể đấu được 3 người cùng trình độ. Về uống rượu, tôi cũng khá. Hồi đó trong đơn vị không ai uống lại tôi, anh em gọi tôi là Lưu Linh. Trước khi vào Nam phải thay đổi tên họ, tôi chưa nghĩ ra chọn tên gì thì một thằng bạn trong đơn vị đề nghị “Mày giỏi võ thuật và uống rượu như Lưu Linh, tao đặt tên cho mày là Vũ Linh để nhớ kỷ niệm những ngày ở đây với anh em, Mày chịu không?” Tôi thấy hay, đồng ý ngay và “chết” cái tên ấy cho tới bây giờ.

Người đi qua cuộc chiến



Ông Nguyễn Trọng Cảnh chụp hình với bạn thân trước khi lên đường về Nam chiến đấu.

Xong khóa học, tôi được bộ quyết định lên đường vào Nam, tôi hy vọng là được về chiến đấu ở quê mình. Nhưng không! Tôi được lệnh đi thẳng vào khu Nam Trung Bộ (Khu VI) mang theo thư của bộ trưởng Trần Quốc Hoàn cho đơn vị, tôi tham gia là thành viên của tổ điệp

báo A2 đứng chân trên địa bàn khu VI, xâm nhập xây dựng cơ sở tình báo trong hàng ngũ địch, nắm tin tức tình báo, tìm hiểu địch tình... Hàng ngày, dùng điện đài báo cáo thẳng về bộ và nhận thông tin cũng như chỉ đạo của bộ báo cáo lại cho lãnh đạo địa phương để phục vụ công tác và chiến đấu.

“Thưa chú, tiếp theo chú là tổ trưởng tổ điệp báo A2, rồi về Đà Lạt tham gia thường trực thị ủy và trưởng ban an ninh thị xã Đà Lạt tham gia cùng thị ủy chỉ đạo phong trào đô thị ở Đà Lạt. Sau 1975, chú lại tiếp tục trận chiến mới giăng bẫy bắt sống toàn bộ trung ương Fulro ở Tây Nguyên. Các tài liệu mà cháu đọc đều đã ghi chép thế. Như vậy suốt một đời người, chú chưa bao giờ ngừng chiến đấu chú nhỉ?”- Tôi tiếp lời ông. Ông nghiêm sắc mặt: “Chúng ta đã thống nhất từ đầu là chú không làm việc với nhà báo mà là chú cháu ta uống trà nói chuyện với nhau cho vui thôi mà!”. Đúng vậy. Những ghi chép trên không phải là do ông kể cho nhà báo ghi mà là chúng tôi phải góp nhặt từ nhiều trang tài liệu, bài báo khác nhau, kể cả xem được bản lý lịch của ông và qua nhiều lần đến thăm chơi, trà đạo với ông như con cháu trong nhà gọi cho ông kể về những mẩu chuyện vui trong chiến tranh, từ đó chúng tôi đã chấp nối được một vài bước chân trong hàng triệu bước chân mà suốt cuộc đời một nhà tình báo đã đi qua.

Đ.T.N

ANH VŨ LINH NGƯỜI ĐỒNG CHÍ NGƯỜI ANH THÂN YÊU NHẤT CỦA TÔI

❖ Nguyễn Văn

Đầu năm 1964, tôi được Bộ Nông nghiệp và Ban thống nhất trung ương chọn đi công tác B. Tôi được thông báo đi chỉ 3 ngày trước khi lên đường. Và ngày lên đường của tôi cũng rất đặc biệt, được đồng chí Bộ trưởng, đồng chí Thứ trưởng kiêm Bí thư Đảng đoàn, 3 đồng chí Vụ trưởng vụ trồng trọt, Cục trưởng cục Bảo vệ thực vật và Vụ trưởng vụ tổ chức cán bộ, tiếp tôi tại phòng khách Bộ trưởng. Khi đó tôi mới 26 tuổi nên mọi người gọi tôi bằng cháu và mọi người khuyên dặn tôi các điều cần thiết trong nhiệm vụ vô cùng khó khăn, gian khổ sắp tới. Món quà đặc biệt nhất Bộ tặng tôi là các sách cẩm nang về trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật. Bộ đã chuẩn bị kỹ tới mức là các sách đó xén cả 3 mép, sát đến chữ in để giảm trọng lượng khi mang vào Nam. Cuộc tiễn đưa trong vòng 60 phút, tôi xuống sân của Bộ thì 1 xe com măng-ca bịt kín đã chờ sẵn và tôi lên xe đi khoảng 1 giờ đồng hồ đến nơi tập trung. Tôi không nhận ra địa chỉ đây là nơi nào. Chúng tôi nghe thông báo:

- Thay tên đổi họ.
- Không được tiết lộ quê quán.
- Không được tiết lộ nghề nghiệp và nơi công tác.

Tôi lấy tên mới là: Trần Sâm, một vị tướng nói chuyện rất hay.

Tiếp theo là bỏ quần áo đang mặc, nhận quần áo mới gồm 2 bộ quân phục, 2 bộ quần áo lót, mũ tai bèo, 1 đôi dép râu và 1 ba lô con cóc. Trong đó có chén tráng men để ăn cơm,盎-gô đựng thức ăn khô. Một súng ngắn K54, 1 radio Xuyên Mao của Trung Quốc, 1 vớng vải kaki dày của Triều Tiên và 1 tấm nilon rất dày và rất dai bền để làm lều ngủ đêm. Ai có tư trang hay vật kỷ niệm gì gửi lại cho gia đình người thân ở miền Bắc thì đến bàn thu nhận gửi lại Ban thống nhất.

Sau bữa cơm chiều tại nơi tập trung làm thủ tục để vào trại huấn luyện thì gần 300 người chúng tôi lên các xe tải Mô-lô-tô-va của Liên Xô bịt bạt kín đưa chúng tôi đi cả đêm đến 4 giờ sáng thì vào trại huấn luyện. Đây là cơ sở huấn luyện cán bộ đi B từ Xuân Mai bị lộ chuyển về Phú Thọ (Mỹ và Sài Gòn gọi đây là Trường huấn luyện biệt kích Việt Cộng để trả về Nam).

Khu vực Trường huấn luyện có 1 hội trường cho khoảng 400 người ngồi, 1 dãy nhà cho cán bộ công nhân viên, 1 phòng y tế, 1 nhà ăn và 3 dãy nhà ở cho 3 vùng: khu 5 (Bác Ân), khu 6, Nam Bộ (ông Cự) quanh khu vực Trường là hàng rào bằng tre cây ken sát nhau, bên ngoài không nhìn vào được và bên trong cũng không nhìn ra được, chỉ có 1 cổng cho xe ô tô và người ra vào nhưng cũng ken kín không nhìn thấy được.

Trường ở rất xa dân, xung quanh là các đồi trồng cây Sơn, cây Trầu, lấy mật hiệu để gửi thư là K75. Cách tập là tối từ 8 giờ hành quân đi bộ qua các đồi dốc, những ngày đầu thì mang gạch ít sau tăng dần, hàng tuần mang súng, đeo ruột ghé cát thay cho gạo. Buổi sáng được

ngủ tắm giặt, buổi chiều lên Hội trường nghe báo cáo thời sự, chính trị.

Tôi tập luyện được khoảng 2 tháng thì thấy anh Vũ Linh xuất hiện. Trường này chỉ cho người ra, không có người vào. Ai tư tưởng không an tâm, sợ hy sinh, sợ gian khổ, lo cho vợ con ở lại đất Bắc thì dần dần được cho về, ra khỏi trung tâm huấn luyện, chỉ độc nhất có anh Vũ Linh là vào trường. Anh có dáng người quắc thước, cặp mắt tinh anh, giọng nói nhẹ nhàng. Tôi không dám hỏi quê anh ở đâu nhưng tôi đoán là người Bình Định hoặc Phú Yên, không phải Quảng Nam hay Quảng Ngãi. Trang bị của anh cũng rất đặc biệt, võng của anh không phải bằng kaki dày và nặng như của chúng tôi mà bằng vải dù, bằng sợi nylon rất dai và rất nhẹ, súng ngắn của anh rất đẹp và nhỏ chỉ bằng 1 nửa súng ngắn K54 trang bị cho chúng tôi. Chiếc radio của anh là National của Nhật nhỏ bằng 1/2 radio Xuyên Mao Trung Quốc cấp cho chúng tôi nó to đến có thể dùng làm gối đầu được. Với trang bị đặc biệt của anh như vậy, tôi hiểu anh là cán bộ trung cao cấp và tôi đã chủ động đến tiếp xúc anh.

Tôi trẻ nhất trong Trường huấn luyện này và luôn lạc quan vui vẻ và hay hát trong khi đi tập, nên lần gặp anh câu đầu tiên anh hỏi: Có phải em công tác ở Đoàn Văn công khu 5 không? Tôi trả lời: Em là cán bộ kỹ thuật công tác ở Bộ Nông nghiệp. Và anh tự giới thiệu anh ở Bộ Công an cử đi làm công tác an ninh. Thế là từ đó anh Vũ Linh và tôi trở thành anh em thân thiết. Đi tập đi bộ và mang vác nặng đều đi bên nhau. Chúng tôi thường đi hành quân vào ban đêm 8 giờ tối rời doanh trại, đi đến 4 giờ sáng trở về doanh trại, thay quần áo xong, 2 anh em lại trải 2 chiếc chiếu kê nhau trên nền đất nằm ngủ. Một đêm hành quân mang vác nặng nên nằm trên nền đất thấy mát mẻ và mau hồi sức, 7 giờ sáng đi ăn sáng rồi về

ngủ tiếp, 12 giờ ăn trưa và chiều học chính trị, tối lại lên đường hành quân. Anh và tôi đã trở thành anh em thân thiết nhất. Trong Trường huấn luyện không có ai thân với ai cả vì họ từ nhiều nơi khác nhau đến, lại quy định bí mật về nơi công tác, về quê hương, về lai lịch, họ không biết nghề nghiệp của nhau nên tới giờ thì hành quân, tới giờ thì ăn uống, tới giờ thì nghỉ. Còn tôi và anh Vũ Linh như thân thiết từ lâu, làm gì cũng gần bên nhau, sau mỗi buổi học chính trị, qua các buổi nói chuyện của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, của đồng chí Tố Hữu và các đồng chí Trung ương Cục từ miền Nam ra, 2 anh em lại tâm sự lại bàn bạc, lại cùng nung nấu ý chí về miền Nam để chiến đấu.

Và từ đó 2 anh em, chỉ 2 anh em tôi là luyện tập thêm ngoài giờ quy định, thường thì tối thứ 7, tối chủ nhật nghỉ tập hành quân, nhưng 2 anh em tôi vẫn đi tập thêm 4 tiếng từ 8 giờ đến 12 giờ đêm mới về doanh trại.

ANH LÀ NGƯỜI ANH THÂN THIẾT NHẤT

Khi 2 anh em đã thông hiểu nhau, trở thành người bạn tâm tình, không còn giữ bí mật của nhau nữa, anh hỏi tôi: Em có vợ chưa? Tôi bảo: Chưa. Thế có người yêu chưa? Tôi bảo: Chưa. Anh khen tôi mạnh khỏe, điển trai thế, lại hát hay, do kén chọn hay sao mà không có sợi tóc quàng vai. Tôi cười và bảo hoàn cảnh em luôn chuyển động, chưa đứng yên, nên không có điều kiện. Tôi kể cho anh là tháng 10/1954, được tập kết ra Bắc, học thêm 4 tháng để xong lớp 9, là tốt nghiệp cấp 3. Đầu năm 1955, tập trung học ngoại ngữ tiếng Trung Quốc, 4 năm học ở Thượng Hải Trung Quốc, về nước làm việc với Đoàn chuyên gia Liên Xô 18 tháng để thành lập Cục bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ nông nghiệp. Năm 1962, tôi đi học tiếng Nga ở trường Bổ túc ngoại ngữ, học xong tiếng Nga thì Liên Xô bắt đầu thay đổi theo chủ nghĩa xét

lại nên đảng viên không được đi học Liên Xô mà trở về Bộ công tác. Tôi về mấy tháng thì được chọn vào đây huấn luyện. Anh bảo tôi: Thế là cậu đi về Nam nhẹ như lông hồng, không vướng víu gì cả, hèn chi cậu luôn lạc quan, vui vẻ và cố gắng luyện tập là phải.

Anh kể cho tôi nghe về quá trình công tác của anh, về những vụ án chính trị, các vụ án gián điệp mà chỉ trong ngành Công an, an ninh mới biết, còn thông tin bên ngoài không thể nào biết được.

Thật may mắn cho tôi là được gặp anh, tâm đầu ý hợp, thân thiết nhau nên trong Trường huấn luyện ở một môi trường sống bí mật, không liên lạc được với gia đình, với bạn bè, với xã hội bên ngoài, lại luyện tập vô cùng gian khổ nhưng tôi không thấy cô đơn, không thấy thiếu vắng những yêu cầu tình cảm của cuộc sống.

Anh quan tâm, chăm sóc cả trong việc ăn uống, trong Trường huấn luyện chúng tôi ăn uống quá đầy đủ, tôi nói đùa chỉ có gan ông trời thì không có trong bữa ăn của mình thôi. Mắm tôm từ Quảng Bình, nước mắm nhĩ từ cửa Hội Nghệ An, cá biển tươi các loại từ Hải Phòng, Quảng Ninh, rau hoa quả tươi ngon có đủ, mỗi bữa ăn ngồi 4 người, tôi và anh luôn bên nhau, còn 2 người nữa là người tự do mời vào ngồi cùng. Bữa ăn nào anh cũng bảo tôi: Cậu khỏe, ăn nhiều vào, còn mình tạng người thể này không ăn nhiều được. Anh nói đùa “ăn để một đi có khi không trở lại”, ăn để vào Nam gian khổ, có lúc không có gì ăn thì huề.

Sau những bữa cơm chiều anh thường bảo tôi xuống căn tin xin rượu Canhkina về 2 anh em uống. Ở Trường huấn luyện có 1 căn tin chỉ để ai cần gì thì đến đó lấy, từ rượu bổ các loại, tới mọi thứ cần dùng trong sinh

hoạt, không phải để bán mà để cung cấp. Anh bảo tôi lấy rượu Canhkina để uống là phòng chống sốt rét từ cây Canhkina. Chiều nào, 2 anh em cũng làm 1 chai, không có cốc có ly thì mỗi người 1 bát sắt tráng men chia đôi chai rượu vừa nhâm nhi vừa trò chuyện.

Bốn tháng anh ở Trung tâm huấn luyện, tôi không thấy anh thân với ai như đối với tôi cả, và tôi cũng vậy ngoài anh ra tôi cũng không thân thiết với ai cả. Đúng thực tôi và anh là 2 anh em thân thiết. Tôi xem anh như người anh cả của mình.

ANH LÀ NGƯỜI ĐỒNG CHÍ CHÂN THÀNH NHẤT

Sang tháng thứ 5 thì Trường huấn luyện bắt đầu cho tập quân sự vì mọi người đều đạt chỉ tiêu mang nặng 40 kg (gồm ba lô đựng gạch, ruột ghé đựng cát quần quanh hông, súng ngắn, lựu đạn, radio và tiểu liên khoác vai). Tôi chưa biết bắn súng, ném lựu đạn bao giờ. Giảng viên quân sự họ chỉ giảng cách bắn súng, cách ném lựu đạn và làm thị phạm cho mọi người xem, rồi mỗi cá nhân tự tập lấy. Hầu hết anh em trong đợt đi này họ đều sử dụng vũ khí thành thạo còn tôi thì hoàn toàn không biết gì. May mắn tôi có anh bên cạnh, anh hướng dẫn tỉ mỉ các thao tác nằm bắn, quỳ bắn, đứng bắn. Sử dụng súng AK, khó nhất là bắn 3 viên một, bắn súng lục. Lần đầu tôi bắn, đạn đi đâu hết không vào bia, anh cười quá trời. Nhưng dần dà anh huấn luyện cho tôi bắn súng, ném lựu đạn, khi thi để lấy kết quả bắn súng AK tôi đạt loại giỏi, ném lựu đạn và bắn súng lục tôi đạt loại khá. Anh và tôi đều rất mừng. Anh bày tôi cách mắc võng, cách căng lều bạt thế nào cho mưa nước không thấm vào 2 đầu võng, cách thắt nút cột dây thế nào, nếu bị địch tập kích thì chỉ giật 1 đầu dây là võng và tầng bạt tụt ra hết và cuộn nhanh nhét vào ba lô chạy thoát thân. Anh bày tôi cách chống hổ vồ. Nếu

gặp hổ thì đừng chạy, chạy thì nó nạp theo vào lấy mình không thể chạy thoát được, nên gặp hổ thì ngồi thụp xuống và chống cây gậy ôm chặt, hổ thấy cây gậy chống cao lên nên sợ không dám vào. Cứ vài ngày thì anh lại kể những kinh nghiệm chiến đấu trong chiến trường cho tôi nghe thật là bổ ích.

Đầu tháng 9 chúng tôi lên đường về miền Nam. Đúng 15 giờ chiều thì lên hội trường nghe thông báo tối nay lên đường phổ biến nội quy đi đường và công tác bảo mật. Trước bữa cơm chiều ai nấy đã thu xếp trang bị sẵn sàng. Khi đầu mới tập trung vào Trường huấn luyện là 300 người nhưng chiều nay thông báo chỉ còn 137 người lên đường.

Bảy giờ tối chúng tôi bắt đầu rời doanh trại, đi bộ khoảng 1 tiếng đồng hồ ra tới đường lớn thì lên xe ô tô bật bật kín chờ sẵn. Khoảng 15 người 1 xe, ô tô đưa chúng tôi đến ga tàu hỏa không biết tên ga, đoàn tàu hỏa chờ sẵn chúng tôi, 3 toa giữa là toa hành khách, 3 toa đầu và 4 toa cuối là toa chở hàng. Toa chúng tôi ngồi là các cửa sổ khóa kín không mở lên được, không nhìn ra ngoài được.

Tôi và anh lại ngồi kề nhau, nói nhiều chuyện và thiếp đi lúc nào không biết. Đến 2 giờ sáng thì tàu dừng ở ga Hàng Cỏ Hà Nội, không nhìn được ra ngoài nhưng thấy ánh đèn điện lọt qua khe cửa sổ nghe tiếng còi ô tô, tiếng còi tàu và tiếng loa phát thanh chúng tôi biết đây là Hà Nội. Tàu dừng khoảng 30 phút rồi chuyển bánh đi về phía Nam. Đến chiều hôm sau thì đến ga Vinh và 1 đoàn xe tải quân sự bật bật kín đã chờ sẵn, chúng tôi sang xe tải và tiếp tục đi. Chiều hôm sau chúng tôi qua phà Long Đại và đêm hôm đó bắt đầu ngủ ở rừng Trường Sơn và bắt đầu đi bộ. Chúng tôi cứ đi 6 ngày thì có 1 ngày nghỉ,

sáng 7 giờ bắt đầu đi, chiều 7 giờ trời tối, máy bay địch không phát hiện được thì mới được vào địa điểm nghỉ. Mỗi người tự nấu ăn và thức ăn là ruốc thịt heo của Trung Quốc. Hai anh em nấu chung, ăng-gô của tôi thì nấu cơm, ăng-gô của anh thì nấu canh vì có mang theo bột canh. Nơi chúng tôi nghỉ đêm rất gần các binh trạm nhưng không biết binh trạm nằm nơi nào. Cứ 5 ngày thì nhận gạo và đồ ăn 1 lần vì nhận nhiều thì không mang nổi.

Trên đường đi, dẫn đầu là 1 giao liên, cuối đoàn là 1 giao liên. Phía trước họ gọi nghỉ thì nghỉ, được khoảng 20 phút họ gọi đi thì đi. Nấu cơm ăn tối hôm nay thì dành cả ăn sáng mai và trưa mai. Tôi chưa đi rừng bao giờ nên khi nghỉ tôi tìm mỏm đá cao ngang lưng mình đặt ba lô để khi đi thì mang cho dễ. Anh lại chỉ bảo cho tôi là không làm vậy vì để ba lô lên mỏm đá con vất lá chung quanh nó bắn bám vào ba lô khi em mang thì nó sẽ chui cả vào người em làm sao chịu nổi. Đúng như anh bảo, tôi nhìn kỹ thì rợn người vì trên ba lô vất bám đầy. Các lần nghỉ sau thì đặt ba lô xuống đường và ngồi lên ba lô mà nghỉ.

Trong ba lô chúng tôi, mỗi người được phát 2 bao nilon, 1 bao dùng đựng quần áo ướt, 1 bao dùng đựng quần áo khô. Khi lên vống đi ngủ thì thay bộ quần áo ướt ra để trong ba lô đặt dưới vống còn lấy bộ quần áo khô để mặc ngủ. Sáng hôm sau dậy thì mặc bộ quần áo ướt vào để đi, còn bộ quần áo khô lại cho vào túi để tối mặc lại.

Tới bây giờ ngồi viết lại những kỷ niệm với anh tôi vẫn còn rợn người khi vượt sông Sêpôn để qua đất Lào, qua sông bằng thuyền độc mộc. Người lái thuyền mũi thuyền, tôi và anh ngồi giữa, một lượt qua chỉ chở được 6 người. Anh bảo tôi: Em tụt quai hậu đôi dép râu ra, khoác ba lô 1 vai thôi, nếu úp thuyền thì vớt hết và bơi theo dòng nước. Nước xiết vô cùng, chúng tôi vừa ngồi vào

thuyền xong thì 1 người đẩy thuyền ra dòng nước xiết, vụt một cái như ngồi phi thuyền chúng tôi đã qua bờ bên đất Lào.

Đoàn đi hết quãng đường trên đất Lào thì lại vượt Trường Sơn trở về Việt Nam. Tôi đi về khu 5, còn anh rẽ đường đi về khu 6. Anh em chia tay nhau và hẹn ngày thống nhất nếu còn sống thì tìm gặp nhau.

Từ đó 2 anh em không biết tin tức gì của nhau, không biết anh ở đâu mà tìm.

CUỘC GẶP GỠ KỲ LẠ

Ông bà ta xưa có câu “Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”.Tạm dịch: Có duyên thì ngàn dặm vẫn có thể gặp nhau. Trường hợp anh và tôi gặp nhau ở đất Lâm Đồng là đúng như vậy.

Sau miền Nam giải phóng, tháng 12 năm 1975, Bộ Nông nghiệp cử tôi vào Bảo Lộc để xây dựng trại giống tầm Bảo Lộc, vì Bảo Lộc có điều kiện khí hậu tốt nhất Việt Nam, nên định xây dựng trại giống tầm để cung cấp giống tầm cho cả nước.

Đầu năm 1977, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có chương trình thăm trại tầm Bảo Lộc, khi đoàn xe vào sân cơ quan thì thật bất ngờ anh đi cùng xe Đại tướng. Anh xuống trước mở cửa xe, mời Đại tướng ra. Tôi nhìn thấy anh trước và hét to anh Vũ Linh, 4 mắt nhìn nhau ngạc nhiên, mừng rỡ, nhưng tôi phải vội bắt tay chào Đại tướng. Anh bảo: Cậu ở đây mà mình không biết, thôi lo tiếp Đại tướng, báo cáo tình hình cho Đại tướng nghe, đi thăm cơ sở rồi anh em ta nói chuyện sau, mình lo công tác bảo vệ đã.

Đại tướng hỏi: Thế vườn dâu ở đâu? Tôi báo cáo mới trồng được 5 ha ở Đại Lào trên đường về Sài Gòn, Đại tướng bảo đi thăm rồi về thành phố luôn. Lúc này, tôi ngồi xe cùng anh và dẫn đoàn xuống Đại Lào. Trên xe anh bảo mình làm Phó ty Công an Lâm Đồng, có nghe cán bộ báo cáo là có trại tằm Trung ương ở Bảo Lộc do Nguyễn Văn làm giám đốc, tớ có biết Nguyễn Văn là ai đâu! Rồi anh bảo thế là hay rồi, mình đưa Đại tướng xuống Thành phố Hồ Chí Minh rồi mai quay lên. Tối mai 2 anh em mình nói chuyện một đêm cho thỏa mãn.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng trước một mình. Hàng kế tiếp từ trái sang: Vũ Linh (thứ nhất), Nguyễn Thông (thứ hai), Nguyễn Văn (thứ năm), Lê Thứ - Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng (thứ sáu), chụp ảnh kỷ niệm ở Xí nghiệp Dâu tằm tơ tại thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Xem vườn dâu xong, Đại tướng bắt tay tạm biệt chúc thành công và hẹn làm giới sẽ trở lại thăm. Anh lại lên xe ngồi cùng Đại tướng vì 2 bên công an và quân đội cùng bảo vệ và một số Bộ trưởng đi theo nên đoàn xe hơn 30 chiếc.

Rất đúng hẹn, chiều hôm sau anh ghé thăm tôi, chỗ tôi ở là 1 nhà cấp 4, 1 phòng khách, 2 phòng ngủ mỗi phòng chỉ 15m², nhà cửa chật chội, sơ sài và không tiện nghi nhưng anh bảo lái xe và cận vệ của anh ra công an huyện ngủ, còn tối nay anh ăn tối ngủ lại đây. Tôi nhờ người ra chợ mua cơm và thức ăn về, hai anh em tôi và con trai tôi (cháu Tùng) một bữa cơm đúng là đạm bạc nhưng đầy tình nghĩa. Hai anh em ôn lại những ngày tháng ở Trung tâm huấn luyện, lại kể cho nhau nghe sau khi chia tay nhau thì sống và công tác ở đâu? Và mọi thứ thế nào? 137 người lúc lên đường thì không biết ai còn ai mất vì cũng không thân thiết như 2 anh em tôi nên không biết được. Đêm đó anh hỏi rất nhiều về tôi, về vợ con, về đời tư, về phần đấu công tác. Tôi kể anh nghe tất cả.

Sự gặp lại anh đối với tôi là một giấc mơ và vẫn giữ một tình cảm anh em thân yêu. Nếu không có tình cảm thân yêu, chỉ là xã giao thôi thì không có chuyện anh ăn tối và ngủ lại với tôi, rồi tâm sự biết bao nhiêu chuyện của hơn 10 năm xa cách. Hôm sau xe đón anh về Đà Lạt, anh dặn có công việc lên Đà Lạt thì đến thăm, còn khi nào mình xuống công tác ở Bảo Lộc thì ghé thăm cậu.

Tình cảm anh và tôi không chỉ dừng lại ở việc gặp lại nhau mà cứ vài ba tháng thì có 1 đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm làm việc ở Lâm Đồng như: Bác Phạm Văn Đồng, bác Nguyễn Văn Linh, anh Võ Chí Công, anh Phạm Hùng, anh Đỗ Mười, anh Tố Hữu, anh Võ Văn Kiệt đều đến thăm.

Thời đó Fulro còn hoạt động khá mạnh ở Lâm Đồng nên các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm, anh đều phải tháp tùng và anh cùng dự nghe tôi báo cáo sự phát triển và triển vọng dâu tằm tơ Bảo Lộc.

Mỗi lần như vậy anh lại bảo tôi “làm dữ vậy, có làm nổi không?”.

Anh đúng là người đồng chí chân thành. Năm 1982, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ 3, tôi bất ngờ được tham gia Đoàn Chủ tịch Đại hội và được bầu vào Tỉnh ủy Lâm Đồng. Thời đó anh em cán bộ hay dùng câu “nhất R nhì cứ”, ai đã ở rừng ở căn cứ ra thì được đề bạt cân nhắc, tham gia cấp ủy, còn tôi là cán bộ kỹ thuật Bộ điều vào Lâm Đồng làm cho cơ quan thuộc Bộ không ai biết xuất xứ của tôi là ai và từ đâu? Chỉ anh là biết rõ về tôi. Anh là Thường vụ Tỉnh ủy, anh làm an ninh nên chắc chắn là anh giới thiệu tôi tham gia cấp ủy, là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa 3. Bộ nông nghiệp và anh em đồng nghiệp xì xào bàn tán là tôi mới nhảy vào Lâm Đồng mà được tham gia Tỉnh ủy chắc phải có ô dù, phải có ai đỡ đầu đây. Tôi thì hiểu chính có anh ở đây, anh hiểu biết rất rõ tư tưởng tình cảm và sự phấn đấu của tôi ở Trường huấn luyện đi B. Anh là Thường vụ tỉnh làm an ninh nên có lẽ tiếng nói có trọng lượng và ảnh hưởng lớn đến việc giới thiệu tôi tham gia Tỉnh ủy.

Tôi tham gia 2 nhiệm kỳ Tỉnh ủy, khóa 3 và khóa 4 là 10 năm, nên 2 anh em hay gặp nhau trong các kỳ họp Tỉnh ủy. Thời đó họp Tỉnh ủy mỗi đợt 3-4 ngày và ăn cơm tập trung, nên thỉnh thoảng 2 anh em lại kể chuyện ôn lại thời kỳ tập luyện ở Trường huấn luyện.

Anh Vũ Linh đúng là người đồng chí, người anh thân yêu nhất của tôi.

Tiến sĩ Nguyễn Văn

Nguyên Tổng GD Liên hiệp Dầu tằm tơ Việt Nam

Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa 3 và 4

Chủ tịch Tổng Công ty Dầu tằm tơ Việt Nam

Chủ tịch Hiệp hội Dầu tằm tơ Việt Nam.

ANH HAI LÊ

❖ Vũ Linh



*Ông Trần Lê (Bí thư Khu ủy khu IV, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa I).
Trong ảnh: Ông Vũ Linh (thứ nhất từ trái sang) và ông Trần Lê tại Đại hội
Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất..*

Tôi từ Hà Nội vào chiến trường B, đến khu VI. Vượt Trường Sơn leo đèo, lội suối, băng rừng, đúng 2 tháng 15 ngày thì đến Bác Kế (Một mật danh của căn cứ khu VI thời chiến tranh chống Mỹ). Ở đây, tôi được đưa về trạm

chờ chuyển giao liên đi về khu Lê (Lê Hồng Phong, tên gọi của một căn cứ trong khu VI gọi tắt là khu Lê) nơi đơn vị công tác mà tôi đến.

Một buổi sáng trời nắng đẹp, giao liên đưa tôi đến ngã ba đường mà anh em gọi đây là xóm Quảng gần bên bờ sông Đồng Nai, có lẽ nơi đây có nhiều người dân Quảng Nam, Quảng Ngãi vào cư trú. Đang ngồi chờ thì thấy anh Hai đến, anh em giới thiệu với tôi đây là anh Năm Hòa - bí thư khu ủy. Anh em cũng thường gọi là anh Hai Lê. Anh bước lại bắt tay và vỗ vai tôi một cách thân mật như đã quen biết nhau rồi, anh nói đùa:

- Cậu này đi vào đây “xâm lược”, đấy à?

Mọi người cùng cười, tôi thật thà báo cáo:

- Dạ, Bộ cử tôi vào đơn vị A 2 nhận công tác.

Anh vui vẻ nói:

-Ừ, mình cũng đã được biết.

Rồi anh vồn vã hỏi thăm sức khỏe, hỏi chuyện đi trên đường Trường Sơn và cười đùa hồn nhiên... Anh nói vui:

-Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước có khổ lắm không?

Tôi trả lời:

-Dạ, sức tôi chịu được.

Anh gật đầu cười:

-Ừ, Phải khỏe và dẻo dai nữa mới vào tới đây được hỉ!

Anh có giọng nói Quảng Nam còn nguyên chất. Rồi anh bảo tôi ngồi chờ chập nữa sẽ có đoàn đi R về tới đây, anh sẽ gửi họ đưa về đơn vị công tác. Độ nửa tiếng sau đoàn anh Ba Lê, Ba Nghiệp, Ba Bay ... đến. Các anh gặp riêng anh Hai bàn công việc chừng vài mươi phút; anh Hai gọi tôi lại giới thiệu với đoàn đưa giúp tôi về đến đơn

vị. Anh dặn dò, động viên tôi là đường đi cũng nhiều khó khăn, nguy hiểm lắm chứ không dễ như đường Trường Sơn, hãy cố gắng theo kịp đoàn để về đơn vị. Anh bắt tay mọi người chúc đi đường bình an. Buổi gặp gỡ đầu tiên đã gây cho tôi một ấn tượng tốt đẹp về người lãnh đạo cao nhất của chiến trường khu VI, với phong cách chan hòa, vui vẻ, dễ mến không quan cách và với cái tình như người anh cả.

Đầu tháng tư bảy lăm, Đà Lạt được giải phóng, tôi được phân công về thường trực ủy ban quân quản thành phố. Anh Hai thỉnh thoảng đến cơ quan quân quản nghe báo cáo tình hình an ninh, trật tự. Anh hỏi về kế hoạch nắm các loại đối tượng; anh nhắc việc xây dựng chính quyền phường, ấp; anh đặc biệt quan tâm đến đời sống nhân dân và hỏi tôi dân đói no thế nào? Thật ra mới vào tiếp quản đầu năm được dân đói, dân no! Với thái độ ôn tồn anh nhắc nhở phải ưu tiên lo cho dân, không để dân đói, nếu phát hiện dân đói phải mở kho cứu đói ngay. Anh chỉ thị cho dân vận lập các đoàn phát động quần chúng đi sâu tìm hiểu tâm tư nguyện vọng nhân dân, phổ biến chính sách của mặt trận giải phóng, làm cho dân hiểu mới có sức mạnh bảo đảm an toàn vùng đô thị mới giải phóng; qua đó mà xây dựng, củng cố chính quyền đủ sức phục vụ dân trong lúc đại quân vẫn đang trên đường vừa hành quân vừa chiến đấu tiến về Sài Gòn. Trong chỉ đạo, anh là người cương nghị, trầm tĩnh, giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa các bên luôn thấu tình đạt lý, tạo được sự nhất trí, thuận lòng trên dưới. Có thể nói qua nhiều đời bí thư tỉnh ủy thì chưa có thời nào mà uy tín của người đứng đầu gần như tuyệt đối, trên dưới thuận hòa, anh em

hăng say làm việc, công việc trôi chảy như lúc anh là bí thư khu VI và sau này là bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng. Anh có một tầm nhìn chiến lược sâu sắc, có dự cảm tốt, sớm nhận định được những biến động sẽ diễn ra và thường chủ động đưa ra những biện pháp đối phó hữu hiệu. Riêng vấn đề Fulro ở Tây Nguyên, anh đã có những nhận định chính xác trước khi có chỉ thị 04 của Ban bí thư trung ương Đảng. Những ngày đầu giải phóng Lâm Đồng, Fulro hoạt động khá mạnh, anh đến làm việc với cơ quan an ninh, anh đã chỉ cho lực lượng an ninh thấy rõ rằng “Fulro không phải là vấn đề thổ phỉ, mà là vấn đề chính trị trong dân tộc, ta phải giải quyết bằng các giải pháp chính trị là chính; đồng thời kết hợp với đấu tranh vũ trang...”. Nhiều cuộc họp hành, hội thảo sau đó của các tỉnh do Trung ương chủ trì có nhiều ý kiến nhận định khác dẫn đến tranh luận sôi nổi, nhưng cuối cùng vẫn đưa ra kết luận như những gì anh đã nêu ra từ trước, từ đó giúp cho các chiến dịch giải quyết vấn đề Fulro thành công sau này.

Những ngày cuối đời anh lâm bệnh nặng nằm ở bệnh viện Việt – Xô, tôi ra Hà Nội thăm anh, anh yếu lắm không nói được, chỉ viết trên giấy nhưng anh vẫn nhớ và hỏi thăm hầu hết anh em, bạn bè, đồng chí, hỏi thăm tình hình... Cuối cùng anh nhắc đến việc khen thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho nhân dân Đà Lạt và những vấn đề thuộc về lịch sử còn có ý kiến khác nhau. Anh viết: “Đây là cái nợ ta chưa trả cho nhân dân Đà Lạt và cho những anh em đang bị hiểu chưa đúng, cần ngồi lại và cần thiết phải đối chất để đi đến thống nhất giải quyết cho xong. Ta còn nợ, ta quyết phải trả!”.

Người đi qua cuộc chiến



Ông Trần Lê (lúc này là Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao) và ông Vũ Linh, về dự đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng.

Tôi chào anh ra về, anh nắm chặt tay tôi lưu luyến như không muốn rời xa. Trên đường về Nam, lòng tôi cứ bồi hồi xúc động nghĩ về anh, một con người có nhân cách lớn, sống trong sáng, đầy nhân tình.... Và giờ đây anh đã về với thế giới vĩnh hằng. Cuộc sống cứ trôi đi, những trần trở của anh vẫn còn đó với người ở lại! Mong anh thanh thản nơi thế giới người hiền.

Đà Lạt, tháng 9 năm 2003
V.L

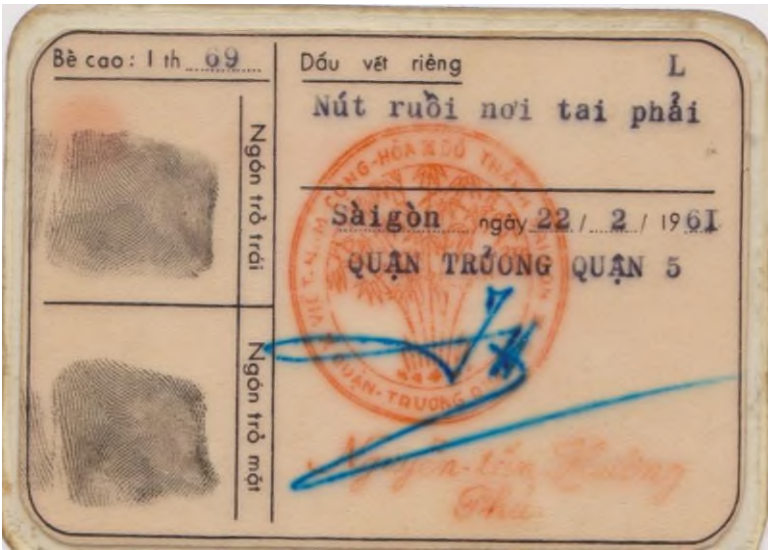
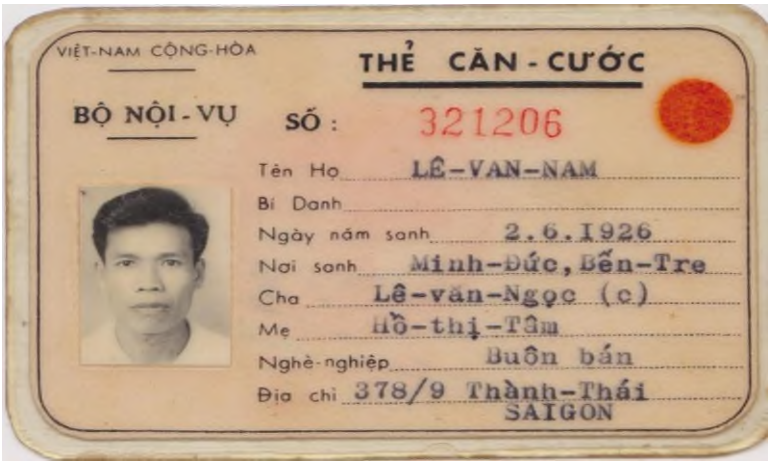
TRẦN ĐÁNH KHÔNG TIẾNG SÚNG

❖ Nguyễn Khôi

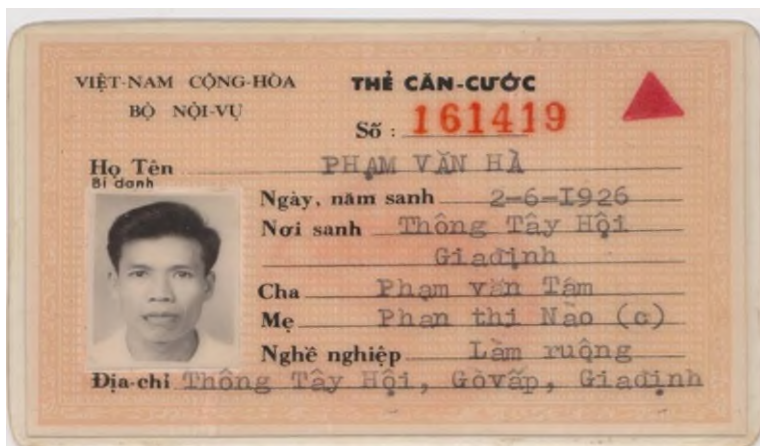
Đầu mùa khô năm 1967, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng địch tiến hành đợt bình định cấp tốc rất quyết liệt. Tỉnh Lâm Đồng thời đó chỉ bao gồm các huyện từ Di Linh trở xuống các huyện phía Nam. Đám bình định nông thôn mặc áo đen tràn xuống các xã tiếp xúc với dân theo kiểu 3 cùng như ta thường làm. Đi kèm với đám bình định nông thôn có cảnh sát đặc biệt, chúng phối hợp với nhau tìm cách xâm nhập, nắm tình hình và thực hiện các cuộc bắt bớ nhằm triệt phá cơ sở của ta trong dân, nắm quy luật hoạt động của ta để bố trí mai phục chặn đánh các đội công tác và tìm cách tách dân ra khỏi các mối liên hệ với cách mạng... Các hoạt động này của địch tỏ ra hết sức nguy hiểm, đã gây cho ta không ít khó khăn!

Trước tình hình đó, tổ điệp báo A2 của ông Vũ Linh và ông Đức Minh di chuyển từ Bình Thuận về Lâm Đồng. Sau thời gian bí mật lọt vào các ấp nắm tình hình và xây dựng được một số cơ sở điệp báo, trong đó có một kỹ sư cơ khí tốt nghiệp ở Pháp về mở trang trại trà, cà phê và cơ sở chế biến ở Di Linh. Ông Vũ Linh nhớ lại người ta thường gọi ông kỹ sư ấy là ông Ba Chi, ông này có mối quan hệ rất rộng trong giới quan chức của chính quyền Sài Gòn ở tỉnh Lâm Đồng thời bấy giờ.

Người đi qua cuộc chiến



Thẻ căn cước thật với tên giả Lê Văn Nam, ông Vũ Linh dùng để hoạt động trong vùng địch.



Thẻ căn cước thật với tên giả Phạm Văn Hà, ông Vũ Linh dùng để hoạt động trong vùng địch.

Bên cạnh các hoạt động của các đội mũi công tác của địa phương và các đơn vị vũ trang để phá kềm, tổ A2 của ông Vũ Linh được cơ sở hỗ trợ đã mai phục và chặn đường bắt sống 16 nhân viên bình định nông thôn và cảnh sát đặc biệt hy vọng làm cho chúng khiếp sợ không dám lòng sục xuống các địa bàn nữa. Nhưng không, các hoạt động bình định cấp tốc vẫn được ráo riết tiến hành. Suy tính mãi, một đêm ông Vũ Linh cùng một tổ vũ trang lẫn vào các vườn trà, cà phê vào trang trại của ông Ba Chi. Sau khi nghe ông kỹ sư thông tin một số tình hình địch, ông Vũ Linh hỏi:

- Với sự thông hiểu của anh, thì theo anh nên bắt tên nào để có thể làm thất bại chiến dịch bình định cấp tốc này?.

Ông kỹ sư nông nghiệp không suy nghĩ lâu nói ngay:

- Bắt Đoàn Đệ sẽ làm rung động cả đám! Nhưng tay này khôn lắm, khó bắt được nó đấy anh à!.

Đoàn Đệ là một kỹ sư nông nghiệp đang làm trưởng Ty nông lâm súc thì được biệt phái sang tham gia chỉ huy chiến dịch bình định cấp tốc. Theo ông Ba Chi, Đoàn Đệ là người có tài tổ chức chỉ huy và rất năng nổ đồn đốc các hoạt động bình định. Từ khi tham gia chỉ huy chiến dịch bình định thì hoạt động, ăn ở, đi lại của ông ta không theo một qui luật nhất định, lúc nào cũng có đồng đảo lính tráng, súng ống đi theo bảo vệ.

Đại tá Vũ Linh nay đã về hưu sống an nhàn với con cháu ở quê hương xóm Lắm, thôn Phụng Tường, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên - nơi ông đã từ đó ra đi, là một trong 5 chiến sĩ an ninh đầu tiên của tỉnh Phú Yên được chọn lên đường ra Việt Bắc học lớp tình báo do Bộ tổ chức vào năm 1953. Trong những năm chống

Mỹ ông nguyên là tổ trưởng tổ điệp báo A2 thuộc Bộ công an đứng chân trên địa bàn khu VI, nguyên Giám đốc công an tỉnh Lâm Đồng sau này.

Hộp ngậm trà nhìn ra xa, ông cười tùm rồi thủng thỉnh nói:

- Trong chiến tranh thường có những điều bất ngờ mà ta chưa tính trước được!. Còn người đàn bà cũng thường có những suy tính bất ngờ mà anh chồng không thể lường được hết !.

Đó là trường hợp của Đoàn Đề, ta đang bàn chưa ra cách để phục bắt tay này thì bất ngờ nhận được đơn của vợ ông ta gửi cho Mặt trận giải phóng với nội dung tố cáo chồng có vợ bé. Trong đơn có nhiều thông tin về Đoàn Đề cần cho kế hoạch của ta. Trước đó, bà đã gửi đơn cho tỉnh trưởng Lâm Đồng nhưng tay tỉnh trưởng chỉ cười bảo “Đàn bà hay rắc rối!” thế là bà gửi đơn cho Mặt trận giải phóng.

Ông Vũ Linh nói:

- Cơ hội hiếm có đã đến!.

Sau khi điều tra nắm rõ địa chỉ nhà tình nhân, quy luật đi lại, hình ảnh, loại xe, biển số xe.....Vào một chiều cuối tuần, có một toán lính cộng hòa cầm súng AR15 lập chốt gác tại một quãng vắng của đường Hai mươi ở đoạn gần sở trà Tứ Quý, cách nhà cô bồ nhí của Đoàn Đề một đoạn. Quan sát từ xa thấy trên chiếc vespa chỉ một người một ngựa đứng dáng người đang bon bon chạy tới, toán lính dàn hàng ngang dương súng yêu cầu dừng xe kiểm tra giấy tờ. Ông ta dừng xe không đưa giấy tờ mà tự xưng tên, chúc vụ với giọng khá tự tin. Xác định đúng đối tượng, một người ra lệnh đanh gọn “Chúng tôi là quân giải phóng đây, ông Đoàn Đề, ông đã bị bắt, bỏ xe, theo chúng tôi ngay”.



Tổ điệp báo A2 trên đường thâm nhập vùng địch. Trong ảnh: Ông Vũ Linh, người đi trước.

Sau độ hơn mười ngày hồi cung, ông Đức Minh, ủy viên ban an ninh khu VI, kiêm tổ phó tổ điệp báo A2 (sau này là thiếu tướng Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, rồi Phó tổng Cục trưởng Tổng cục chính trị - Bộ Công an) xác nhận: “Tay này khai báo rất thật và đầy đủ những gì ta cần biết” nên không cần thiết phải giam giữ cách ly mà

cho ông ta được thoải mái tham gia một số công việc lật vật trong căn cứ, ngày ngày học tập chính trị, cùng ăn, cùng ở với một số anh em trong đơn vị, đó là cách quản lý nhẹ nhàng tạo cảm giác dễ chịu cho đối tượng và qua trò chuyện thân tình ta tìm hiểu thêm nhiều điều; đồng thời cũng cho ông ta hiểu thêm về cách mạng.

Sau gần 2 tháng học tập, sinh hoạt trong căn cứ cách mạng, ông Đoàn Đệ cảm thấy mọi người xung quanh thân tình như anh em bạn bè nên thoải mái bộc lộ không giấu giếm điều gì. Ông Vũ Linh nhận xét: “Đoàn Đệ có kiến thức khá rộng và có trình độ lý luận không tồi”.

Trong thời gian ấy đám bạn bè của Đệ trong bộ máy chính quyền Sài Gòn đều cho là Đoàn Đệ đã bị giết! Về phía ta cũng có người đề nghị xử tử cho xong, nhưng ông Vũ Linh không đồng ý. Ông cho rằng: Giết thì đơn giản thôi, ta có súng mà! Nhưng kết quả chỉ nói lên là Việt cộng hiều sát đúng như những gì địch đã tuyên truyền về ta, chứ chẳng đem lại lợi ích gì! Ta có cách khác vừa mang tính nhân bản mà vừa có hiệu quả hơn trong công tác đánh địch.

Theo ông Đức Minh cho biết: “Quy định của địch về những công chức Việt Nam Cộng hòa bị Việt cộng bắt rồi được thả sau 60 ngày đều phải chuyển sang an ninh quân đội để thẩm vấn, nên ta chọn thả ông Đệ vào ngày thứ 59 để tránh bị rắc rối cho ông”.

Đúng ngày thứ 59 kể từ khi ông Đệ bị bắt, ông Vũ Linh gọi Đoàn Đệ nói:

- Cách mạng cho anh về nhưng yêu cầu anh 3 việc, thứ nhất anh có dám đưa thư của chúng tôi cho tỉnh trưởng không?...

Ông Đệ trả lời ngay:

- Thưa anh, có gì mà không dám.

- Yêu cầu thứ 2: Anh tổ chức một bữa tiệc ăn mừng được cách mạng tha về, mời hết đám quan chức đến dự và cả bạn bè mà anh quen biết nữa. Thế nào họ cũng tò mò hỏi về những ngày anh sống với chúng tôi trong rừng, yêu cầu anh nói đúng sự thật những gì anh chứng kiến, tôi không cần anh nói tốt mà không đúng sự thật, nhưng anh cũng không được bịa chuyện nói xấu cách mạng. Người của chúng tôi sẽ có mặt trong đám khách của anh đó!.

Ông Đệ ngược nhìn với vẻ thán phục và lắp bắp:

- Thưa...anh ... tôi hứa sẽ làm đúng như anh dặn”.

- Thứ 3: Anh có thể tiếp tục làm việc nhưng tuyệt đối không được làm chuyện ác ôn; hãy tìm cách trì hoãn và làm phá sản cuộc binh định cấp tốc, tôi biết anh có thừa khả năng làm điều này. Chúng tôi đã biết gia đình anh và hầu hết những mối quan hệ của anh, chúng tôi có thể sẽ đến thăm gia đình anh bất cứ lúc nào.

Thực ra từ khi ông Đệ và hàng loạt nhân viên binh định nông thôn cũng như cảnh sát đặc biệt bị bắt thì cuộc binh định đã bị đình trệ rất nhiều, bọn chỉ huy và cả lính tráng đều nao núng lo sợ, chểnh mảng.

Ông Đệ nói:

- Thưa anh, tôi sẽ cố gắng, nhưng mong anh đừng đến thăm gia đình tôi, tôi không sợ các anh mà tôi sợ chúng nó sẽ giết tôi mất khi biết các anh đến thăm tôi.

Ông Đoàn Đệ đã làm đúng những gì đã hứa với ông Vũ Linh, điều thú vị là trong buổi tiệc tại tư gia đang vui thì tay trưởng Ty Cảnh sát nhanh nhẩu yêu cầu:

- Anh Đệ kể lại sự thật Việt cộng đã bắt giam anh và đối xử dã man như thế nào cho mọi người nghe.

Ông Đệ đứng lên, mọi người ngừng đùa, cả buổi tiệc im phăng phắc nghe ông kể:

- Thưa quý ông và các bạn, các anh em bảo tôi kể lại sự thật thì tôi cũng xin kể thật những gì mình chứng kiến. Thực ra thì chúng ta chưa hiểu gì về Việt cộng cả! Mà không hiểu họ thì không thể thắng họ được! Gần hai tháng cùng ăn ở với họ, họ ăn gì tôi ăn nấy, họ ngủ thế nào tôi cũng như vậy không có sự phân biệt đối xử; họ ứng xử rất văn minh, tôn trọng con người, những người tiếp xúc với tôi là những người có học, trình độ hiểu biết khá rộng chứ không như chúng ta thường nói về họ lâu nay!...

Cuối cùng ông Đoàn Đệ kết thúc:

- Có điều họ thiếu thốn quá, ăn uống cực khổ, cuộc sống gian nan quá! Như anh em mình thì không thể chịu nổi!.

Bất ngờ trước việc ông Đệ không bị giết mà được thả về, rồi lại bất ngờ trước sự thật mà ông Đệ kể, mọi người tiếp tục ăn xong bữa tiệc rồi lầm lũi ra về. Sau đó khoảng một năm, chính phủ Sài Gòn quyết định điều ông Đoàn Đệ ra làm trưởng Ty Canh nông Côn Đảo thực ra là một hình thức đi đày khéo mà thôi! Sau 1975 ông Đức

Minh có gặp lại ông Đoàn Độ ở Phan Thiết, hai người vui vẻ ôn lại chuyện ngày xưa.

Trả lời câu hỏi còn trên mười người cả bình định nông thôn và cảnh sát đặc biệt bị bắt rải rác ở nhiều thời điểm khác nhau đó, mình có giết ai không? Ông Vũ Linh trả lời:

- Không giết ai cả, tất cả được học tập khoảng trên một tháng rồi cho về, trước khi về mỗi người đều viết cam kết không ác ôn hại dân, không chống lại cách mạng, mỗi người được giao riêng một vài việc đơn giản và dặn nếu anh làm trái, chúng tôi sẽ đến tận nhà thăm bắt cứ lúc nào, chỉ cần chúng tôi bí mật bắt tin cho địch biết là anh đã nhận việc của cách mạng thì anh tự biết hậu quả thế nào rồi đó!.

Có một cảnh sát xin được ở lại tham gia công tác cách mạng, sau giải phóng ông làm chủ tịch Mặt trận ở một phường thuộc thị xã Bảo Lộc, được khen thưởng huy chương kháng chiến và được hưởng chế độ hưu khi đến tuổi. Hầu như tất cả số cảnh sát và bình định nông thôn mà ta cảm hóa rồi thả về đều có chuyển biến, cơ sở trong dân báo ra là “mấy ông ấy dạo này có vẻ hiền từ và lễ phép lắm!”. Đặc biệt là chính họ đã làm công việc tuyên truyền cho ta một cách tự nhiên, tiếng tốt về cách mạng lan tỏa nhanh trong dân ở các thị trấn, thị xã. Những trận đánh đẹp của đơn vị điệp báo A2 liên tục diễn ra trong mấy tháng mùa khô trên cao nguyên Di Linh, Đồng Nai Thượng không một tiếng súng nổ nhưng đem lại nhiều hiệu quả rất khả quan.

Kết hợp với các trận đánh của lực lượng vũ trang trong đó có trận đánh do tiểu đoàn 186 xóa phiên hiệu một đại đội nổi tiếng ác ôn đóng ở Di Linh, cùng với hoạt

động của các đội công tác của ta và được nhân dân ủng hộ tích cực, tổ điệp báo A2 đã góp phần làm thất bại hoàn toàn cuộc bình định cấp tốc của địch trên địa bàn tỉnh thời bấy giờ.

D.N

(Nguồn: Bài đăng trên báo Phú Yên số 2985 ngày 21/11/1015, trang 6)

TỪ NỘI THÀNH ĐẾN CĂN CỨ THỊ ỦY

❖ Hoàng Nguyên



Văn phòng Sinh viên Phật tử - Nơi xuất phát các cuộc biểu tình. Trong ảnh: Phóng viên báo Độc Lập (Sài Gòn) đang phỏng vấn một thành viên ban chỉ đạo đấu tranh của SVHS chống bầu cử tổng thống độc diễn năm 1971. Câu: “Muốn làm chính trị phải lì” là của Thiệu nói, sinh viên thêm vào: “Muốn xây dân chủ không đi không bầu”. Hai áp-phích bên dưới, một: “Còn xâm lược Mỹ, còn chiến tranh” và một là áp phích liên danh “DÂN CHỦ” của Thiệu - Hương, bị sinh viên thu về sửa lại thành liên danh “DÂN CHỦ”.

Những ngày cuối năm 1970, trời Đà Lạt se lạnh, hoa dã quỳ nở rộ, vàng rực trong nắng mới trên những cánh rừng và dọc theo những con đường dẫn đến cổng viện đại học Đà Lạt. Những cây anh đào đã rụng hết lá bắt đầu bung những nụ hồng, chuẩn bị đón xuân sang. Sinh viên đại học vừa thi xong những tín chỉ kết thúc môn học. Học sinh các trường trung học cũng vừa kết thúc học kỳ. Lúc này thị xã Đà Lạt có 28.568 học sinh, trong đó có 10.700 học sinh trung học, riêng Viện đại học Đà Lạt có 5.000 sinh viên từ khắp miền Nam ghi danh theo học. Lực lượng sinh viên học sinh thời ấy giờ chiếm trên 1/3 dân số Đà Lạt. Khí thế đấu tranh đốt Đài phát thanh, làm chủ một nửa thành phố kéo dài 3 tháng liền của sinh viên học sinh Đà Lạt từ năm 1966 vẫn còn nóng cho tới lúc này; khí thế cách mạng của cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968; chiến dịch tập kích đầu năm 1970 của quân giải phóng đã lọt vào đến trung tâm thành phố Đà Lạt, cùng với phong trào phản đối chế độ quân sự học đường trên toàn miền Nam Việt Nam, dẫn đến cuộc biểu tình đốt phòng quân sự tại trường đại học ... Những sự kiện trên diễn ra liên tiếp chỉ trong vòng hơn 4 năm, từ năm 1966 đến 1970 đã hun nóng phong trào cách mạng của nhân dân và sinh viên học sinh Đà Lạt. Nhưng cũng chính từ những sự kiện hào hùng đó đã làm cho chính quyền Sài Gòn phản ứng quyết liệt, chúng huy động lực lượng cả cảnh sát chìm, cảnh sát công khai, cảnh sát dã chiến, mật vụ, phượng hoàng, thiên nga... ra sức truy lùng bắt bớ, đàn áp, khủng bố ngày đêm. Nhiều tổ chức bí mật bị vỡ, nhiều đảng viên, đoàn viên bị bắt, bị tù, nhiều cơ sở bị lộ không bám phong trào được nữa đã thoát ly ra rừng trực tiếp cầm súng chiến đấu; cơ sở cách mạng trong trường học hầu như bị xóa trắng! Thị ủy Đà Lạt chủ trương tái thâm nhập, phát hiện nhân tố mới, xây dựng lại cơ sở, lập lại thế cờ, tiếp tục nắm lấy phong trào chính trị trong sinh viên học sinh. Một phong trào bề nổi rất dễ nổi ra, mà một

khi đã nổ ra thì nó có tác động lớn trong xã hội cũng như tạo dư luận rộng rãi cả trong nước và quốc tế.



Cảnh sát dã chiến chống biểu tình đang dàn trận trên đường phố.

Trước tình hình đó, một sự kiện quan trọng có ý nghĩa tích cực hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của giới trẻ trường học trên thành phố cao nguyên, Đại hội sinh viên Phật tử toàn miền Nam Việt Nam diễn ra từ ngày 27 đến 29 tháng 12 năm 1970 tại giảng đường chùa Linh Sơn Đà Lạt. Với sự tham gia của các viện đại học miền Nam bấy giờ, bao gồm: Đại học Sài Gòn, đại học Vạn Hạnh, đại học Cần Thơ, đại học Huế và đại học Đà Lạt. Các hoạt động của đại hội diễn ra trên diện rộng, từ giảng đường Linh Sơn đến viện đại học, tỏa ra các đường phố, tác động đến các trường trung học. Nơi đâu cũng vang lên những bài ca tranh đấu của hàng ngàn sinh viên học sinh. Đêm đêm diễn ra các chương trình văn nghệ của lực lượng sinh viên ca ngợi truyền thống yêu nước, ca ngợi kháng chiến cứu nước, lên án văn hóa ngoại lai đồi

trụ, lên án Mỹ và chính quyền Sài Gòn đem bom đạn gieo rắc đau thương, tang tóc trên khắp quê hương nước Việt. Nhà cầm quyền Đà Lạt theo dõi sát các hoạt động của đại hội, chúng yêu cầu thay đổi nội dung pandrol: “ĐẠI HỘI SINH VIÊN PHẬT TỬ MIỀN NAM VIỆT NAM” bằng câu: “ĐẠI HỘI SINH VIÊN PHẬT TỬ VIỆT NAM” với lý sự rằng “các bạn là những sinh viên sống và học tập dưới chính thể Việt Nam cộng hòa, là một quốc gia độc lập hẳn hoi”. Nhưng sinh viên thì cho rằng: “Bất cứ người Việt Nam yêu nước nào cũng biết rằng đây chỉ là miền Nam Việt Nam, một nửa đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta mà thôi”. Ngầm ý muốn nói là chúng tôi không thừa nhận cái chính thể Việt Nam cộng hoà của các ông và gọi như thế cho gần gũi với tên gọi “Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam”. Một tên gọi có tính hiệu triệu mạnh mẽ và đã ăn sâu vào ký ức của lớp trẻ miền Nam một thời. Đêm 28 tháng 12, đại tá thị trưởng Tuyên Đức - Đà Lạt, Nguyễn Hợp Đoàn đã đến dự khán chương trình văn nghệ sinh viên liên viện cho đến vở diễn “Tiếng trống hào hùng” ca ngợi truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc và hoạt cảnh “Thăm sát Mỹ Lai” diễn lại cảnh quân đội Mỹ tàn sát trên 500 người dân vô tội phần lớn là phụ nữ và trẻ em ở một vùng quê thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Những bóng đen xuất hiện, những tiếng nổ man rợ, những con người gục ngã, những xác người chồng lên nhau, những tiếng thét trên sân khấu xuyên thấu vào tim đã kích động cả ngàn sinh viên học sinh trong và ngoài giảng đường dậy lên những tiếng hô “đả đảo quân giết người” vang động trong đêm lạnh. Nguyễn Hợp Đoàn không chịu nổi đã đứng dậy bỏ ra về mà không một cử chỉ chào hỏi!

Người đi qua cuộc chiến



Hình ảnh cảnh sát dã chiến Sài Gòn kéo hàng rào kẽm gai sẵn sàng đàn áp các đoàn biểu tình ra khu Hòa Bình - Đà Lạt năm 1971.

Kết thúc đại hội, mà thực chất là một đợt biểu dương lực lượng, biểu thị ý thức chính trị của tuổi trẻ trường học toàn miền Nam trên thành phố cao nguyên, đại hội đã ra tuyên ngôn gồm 9 điểm khá mạnh mẽ, nâng khẩu hiệu đấu tranh lên một mức mới cao hơn. Trong đó có mấy điểm đáng chú ý mà báo chí trong nước và nước ngoài lúc bấy giờ đã phân tích đậm nét khi đưa tin: “Sự hiện diện của Mỹ và đồng minh của họ tại miền Nam Việt Nam là sự nối tiếp con đường xâm lăng của Pháp tại bán đảo Đông Dương trước đây” (điểm 3 của tuyên ngôn); “Những nhà cầm quyền kế tiếp tại miền Nam Việt Nam không thực sự đại diện nhân dân miền Nam Việt Nam mà chỉ dựa vào thế lực ngoại bang để tồn tại” (điểm 4); “Toàn quân đội ngoại quốc phải rút tức khắc, vô điều kiện ra khỏi miền Nam Việt Nam... để nhân dân miền Nam Việt

Nam giải quyết chiến cuộc trên tinh thần dân tộc, tự quyết” (điểm 6); Phải có một chánh phủ đại diện đa số nhân dân miền Nam Việt Nam trước khi có tổng tuyển cử, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định chế độ chánh trị của mình” (điểm 7); “Kêu gọi các đoàn thể chánh trị, đồng bào, sinh viên học sinh trong và ngoài nước hành động tích cực nhằm chấm dứt chiến tranh để đem lại hòa bình, thống nhất, độc lập cho Việt Nam”(điểm 9) ...V...V...



Một buổi hội thảo diễn ra tại khu picnic hồ Than Thở trong chương trình của Đại hội Sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam năm 1970.

Buổi chia tay đầy lưu luyến và hứa hẹn thống nhất hành động giữa các trường đại học miền Nam. Họ trao nhau lưu bút phần lớn gửi cho nhau những câu tâm huyết: “American go hom!” (Mỹ cút về nước!), “Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập muôn năm” hoặc “Mình tự hào về bạn, hẹn gặp nhau trên đường tranh đấu!” và có cả những lá thư tình gửi vào lưu bút của ai đó...v..v..

Tại căn cứ thị ủy Đà Lạt đặt giữa khu rừng đại ngàn ở dốc Quế, trong một căn lều dã chiến, đồng chí bí thư thị ủy tóc trắng như cước tuy ông mới ở độ tuổi trung niên và đồng chí trưởng ban an ninh thị đang chăm chú đọc báo cáo và xem các văn bản, tài liệu của đại hội sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam từ nội thành gửi ra. Ngừng tay, hai ông bưng ca nước trà bằng nhôm đã nguội ngắt tự bao giờ, hớp một ngụm trà nguội, đồng chí bí thư mỉm cười ánh mắt thật vui: “Anh Tư thấy sao?”. “Tốt quá rồi anh Ba! Chúng ta sẽ cho người tiếp cận các nhân tố tích cực theo báo cáo của cơ sở nội thành, kéo ra rừng huấn luyện và lập lại tổ chức bí mật trong sinh viên học sinh, lần này lấy viện đại học Đà Lạt làm cơ sở chính từ đó thâm nhập dần ra toàn thành phố”. Hai ông ngồi uống trà, đàm đạo khá lâu, khá hứng thú và thống nhất nhận định:

“Một, Đại hội sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam đã thổi thêm một luồng sinh khí mới cho thành phố, nung nấu tinh thần tuổi trẻ sẵn sàng dấn thân.

Hai, sự kiện tháng 12/1970 được xem như một cuộc tập dượt tổ chức phong trào đấu tranh có ý nghĩa quan trọng, tạo điều kiện để đẩy lên thành cao trào cho những năm sau.

Ba, qua đợt này đã xuất hiện những sinh viên tỏ rõ lòng yêu nước, dám hành động. Sau khi thẩm tra và thử thách tốt chúng ta sẽ xây dựng thành những đoàn viên, đảng viên bí mật, trực tiếp chỉ đạo phong trào nội thành.

Một chiều rừng cao nguyên mưa ướt át, gió vùn vù trên những ngọn thông già, con suối dưới chân đồi no nước réo âm ỉ. Trong căn lều được lợp bằng tấm nilon đi mưa, năm anh chị em sinh viên đại học Đà Lạt đang ngồi chuyện trò vui vẻ với các anh trong đội công tác. Họ,

những người vừa tổ chức chỉ đạo thành công đợt đấu tranh chống trò hề bầu cử tổng thống độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu kéo dài gần nửa tháng, chủ trì gần chục cuộc hội thảo với chủ đề “Thanh niên với hiện tình đất nước”; “Nhận định về cuộc bầu cử tổng thống độc diễn”... Vận động hàng ngàn sinh viên học sinh và đồng bào Đà Lạt xuống đường biểu tình suốt tuần liền với các bài ca tranh đấu và các khẩu hiệu “Đả đảo bầu cử bịp bợm”; “Đả đảo xâm lược và tay sai” ... Rải hàng ngàn tờ truyền đơn khắp thị xã kêu gọi lãngh khóa, đình công, bãi thị tẩy chay trò hề bầu cử độc diễn phi dân chủ, làm cho ngày bầu cử tổng thống của nền đệ nhị cộng hòa diễn ra tẻ nhạt, hài hước; chỉ có lính tráng, công chức và cảnh sát đi bỏ phiếu là chính, thị xã đầy dây kẽm gai, các sắc lính với xe bọc thép và súng đạn. Họ, những người vừa thoát ra từ khối đạn cay, dùi cui, ma trắc và cả nhà tù, vượt qua hàng chục trạm kiểm soát, vượt qua trùng vây của cảnh sát, mật vụ chìm nổi các loại, ra điểm hẹn (bàn đạp) gặp đội công tác đón về tới căn cứ thị ủy. Anh chị em vẫn còn mặc chiếc quần tây mà hàng ngày họ vẫn mặc trên ghế giảng đường đại học, áo blouson sẫm màu kéo kín cổ, đi giày bata, đội nón tai bèo của các anh trong đội công tác mới vừa cho mượn và tấm khăn dù hoa che hầu hết khuôn mặt chỉ chừa lại hai con mắt. Anh Dương đội trưởng đội công tác sinh viên học sinh nói vui: “Mất 2 ngày lội suối băng rừng, mưa ướt rồi nắng khô về đến căn cứ thị ủy anh em vẫn sung sức! Vừa rời giảng đường đã vượt rừng như vậy là khỏe lắm! Hy vọng sẽ chịu đựng được hết mùa chinh chiến này đó nghe”. Mọi người cười vui về chuyện trò thân thương trong không khí ẩm tình kháng chiến giữa cơn mưa chiều mỗi lúc càng nặng hạt. Anh Dương dặn dò: “Các em chịu khó giữ khăn che mặt cho đến tối để đảm bảo bí mật nhé!”.

Trời chiều xuống nhanh giữa khu rừng già ven thị xã, nơi đặt căn cứ thị ủy, nơi đưa ra những chỉ đạo xuyên thấu vào các tổ chức bên trong nội thành Đà Lạt. Trong bóng rừng chiều xuất hiện hai người choàng nylon đội mưa đi vào căn lều đón khách. Anh Dương đứng lên đón và giới thiệu: “Chú Ba (đồng chí Ba Dư, Bí thư thị ủy) và chú Tư (đồng chí Vũ Linh, Thường trực thị ủy, Trưởng ban an ninh thị) đến thăm anh em mình đó”.

Cởi tấm đi mưa, vuốt tóc và rũ mấy giọt nước trên áo, chú Tư cười rạng rỡ:

- Bỏ khăn che mặt ra để mấy chú được chiêm ngưỡng các chiến sĩ nội thành coi nào.

Mọi người đứng dậy cởi khăn và: “Chào chú Ba, chào chú Tư”.

Sau khi hỏi tên, hai ông ôm chầm từng người vỗ vỗ lưng nói trong xúc động: “Giỏi lắm! các cháu giỏi lắm!”. Tiếng cười nói rôm rả, trong khi chú Ba hỏi chuyện và nghe anh em kể về những ngày đấu tranh trong thành phố, thì chú Tư vừa mở xác cốt lấy gói thuốc capstan và lon guigoz đựng sữa cô đặc lại với đậu phộng rang vừa nói: “Có quà để đón khách đây nhé”. Một không khí chan hòa ấm áp tình cha con trong căn lều nhỏ giữa cơn mưa rừng lạnh ngắt, mịt mù ở bên ngoài.

Sau hai tháng học tập về chính trị; về phương thức hoạt động trong thành phố; cách tiến hành năm bước công tác; được hướng dẫn cách tiếp cận, thu lượm và khai thác tin tức từ đối phương, cũng như cách phát hiện ra những kẻ hoạt động tình báo, mặt vụ của địch để đề phòng..... Năm anh em được kết nạp vào Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam, hình thành chi đoàn và nhận lệnh tất cả quay trở lại thành phố.

Để đảm bảo an toàn, tránh con mắt nghiệp vụ tinh tường của mạng lưới tình báo, mật vụ, chú Tư dặn kỹ: “Các cháu không được về thẳng Đà Lạt mà khi ra đến đường Hai mươi thì đón xe đò về Sài Gòn, đi Cam Ranh, Nha Trang hoặc đi đâu đó về xứ nóng, tắm biển cho đen da trở lại sau thời gian ở rừng; Xóa hết những dấu vết do vất vả, muỗi rừng, ruồi vàng đốt trên người, sau đó trở về Đà Lạt công khai trong tư thế là sinh viên đi du ngoạn ở xa về lại trường”.

Sau khi thống nhất các hình thức thiết lập hộp thư, tổ chức đường dây giao liên, họ chia tay nhau từng người một lần lượt rời căn cứ trong những đêm tối trời.

Từ nội thành Đà Lạt đến căn cứ thị ủy, con đường lắm bom mìn, thường xuyên gieo rắc cái chết dưới những cánh rừng, trên những đám ruộng cà. Con đường xuyên qua bao nhiêu trạm kiểm soát, ổ phục kích, luôn có máu và gạo trộn lẫn vào nhau trong những đêm đột áp, nhưng vẫn giữ vững đường dây chuyển báo cáo ra căn cứ, đưa thư chỉ đạo vào thành phố và vẫn đưa đón khách đi lại hằng đêm. Con đường đó một thời những người ra đi tin rằng sẽ dẫn đến một thiên đường cho dân cho nước mai sau nên lòng đã quyết dấn thân!.

H.N

LÁ THƯ TỪ CĂN CỨ THỊ ỦY ĐÀ LẠT

❖ Trương Trổ
(Trung Kiên)

Tôi nhận được thư từ căn cứ gửi ra do một anh bạn trong phong trào đấu tranh của sinh viên đưa. Thư yêu cầu tôi phải thu xếp ra bên ngoài công tác gấp vì tình hình bên trong bất lợi. Việc đi đứng sẽ theo một hướng mới, không đi theo hướng cũ, người đưa thư sẽ trao đổi và hướng dẫn cụ thể.

Đọc thư với nhiều đoạn mật mã, tôi rất băn khoăn: Nghe nói Ông Năm đã ra Bắc chữa bệnh rồi, sao lại còn viết thư? Người đưa thư không phải là giao liên từng làm việc với tôi. Tại sao lại phải đi ở một hướng mới, rất xa lạ đối với tôi. Tuy nhiên, nếu không phải là tổ chức thì làm sao biết chính xác bí số của tôi và bộ mật mã theo qui ước? Người đưa thư tuy không cùng trong hệ bí mật, nhưng cũng là bạn bè cùng hoạt động trong phong trào công khai, có thể tin được.

Từ sau bức thư chỉ đạo này cho đến khi ra rừng, tôi có ý thức cảnh giác, luôn quan sát thì thấy rằng tôi bị địch theo dõi rất gắt: Tại nơi tôi ở, tên phường trưởng đã có giấy mời lên làm việc và cho người đến nhà thăm dò việc đi về hàng ngày của tôi, nhưng tôi phớt lờ. Tại các nơi ở trọ trên đường Nguyễn Hoàng, Phan Đình Phùng đều có những người lạ mặt tới dò la. Có lúc tôi lên chùa

Linh Sơn thì cũng có người lai vãng trước sân chùa tìm kiếm vu vơ. Trên đường di chuyển trong thành phố hình như lúc nào cũng có người theo sau lưng khá quen mặt. Tôi suy nghĩ: Có lẽ những chỉ đạo trong thư là đúng, tình hình có biến động khác thường, bọn địch đang có âm mưu gì đây.

Chiều mưa Đà Lạt hôm ấy, tôi và anh Nguyễn Hòa (sinh viên khoa Hóa, sau này là Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng), bạn tôi và cũng là người trực tiếp đưa tôi vào căn cứ theo đường dây mới, chúng tôi cùng nhau đi về hướng thác Gougah, đường quốc lộ 20 để gọi xe hon đa, sau đó lại đón xe lam ngược về lại xã Hiệp Thạnh và vô làng bản đập lúc trời nhá nhem tối. Chị X9, chủ nhà vừa đi làm về, quần xắn ống thấp, ống cao chào anh em tôi và căn dặn: Nếu có gặp ai vào nhà hỏi thì cứ nói là hai đứa em ở Đà Lạt xuống thăm nghe. Rồi chị lật đật đi nấu cơm. Chúng tôi được ăn cơm ngay tại căn buồng làm bằng ván bìa gỗ thông có những lỗ trống được che kín bằng các tấm giấy xi măng, mà hai đứa nằm nghỉ từ chiều. Bữa cơm chỉ có một món duy nhất là nước mắm dầm đậu phụng rang nhưng ăn rất ngon lành. Ăn cơm tối xong, anh Chín, chồng chị X9, xách khẩu súng M16, chào hai anh em tôi và nói:

- Anh phải đi trực “phòng vệ dân sự” ở dưới ấp, đồng thời để nghe ngóng tình hình.

Anh Chín là cơ sở của ta cài vào hàng ngũ nhân dân tự vệ của địch, có anh cảnh giới từ xa như thế chúng tôi cảm thấy thấy hoàn toàn an tâm. Chúng tôi đi ngủ sớm, nhưng ngủ làm sao được và cũng không dám nói chuyện, chỉ biết nằm im và chờ đợi. Khuya hôm đó, tôi nghe tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ ở phía sau bếp, rồi chị Chín dậy mở cửa. Sau mấy phút, chị vào đánh thức hai anh em tôi. Đội công

tác của anh Lũy cùng đi có các bạn khác như Triều, Chính, Vinh ...vào đón tôi. Trong ánh sáng của chiếc đèn dầu yếu ớt, gặp được các chiến sĩ giải phóng quân trẻ măng, trong đó có cả những người là bạn thân trong phong trào đô thị Đà Lạt năm nào, làm tôi càng vui mừng và xúc động. Đưa túi xách cho Chính mang, tôi chia tay H và chào chị Chín trong niềm xúc động biết khi nào gặp lại. Đường hành quân, dưới ánh trăng băng qua các khe suối, núi đồi, tránh né các bãi mìn bố phòng của địch thật gian nan vất vả. Những bước chân đầu tiên của con đường thoát ly ra rừng theo cách mạng đã đến với tôi thật nhiều cảm xúc.

Nghỉ lại ở Đội công tác một ngày đêm. Hôm sau tiếp tục lên đường. Phải gần 3 giờ hành quân từ điểm đóng quân của Đội công tác SVHS lên căn cứ Thị, tôi đã gặp được đồng chí Thường vụ trực Thị uỷ - đồng chí Vũ Linh - người mà anh đội trưởng, đội phó đội công tác của tôi thường hay nhắc đến. Ông đón tôi trong một tình cảm thật nồng ấm, như đã quen biết từ lâu. Quả thật là như vậy, trong những lần ra vào rừng trước đó để làm việc với ông Năm, đều có ông với tư cách thường vụ trực và Trưởng ban An ninh Thị cùng dự. Sau khi nghe tôi báo cáo một số tình hình trong thành phố, ông nói: "Tình hình sau cuộc đấu tranh chống độc diễn, địch ráo riết truy, một số cơ sở trong thành đã bị lộ, bọn địch đang có kế hoạch bắt cậu; ở hướng Đất Mới cũng đang gặp khó khăn, do đó Thị uỷ quyết định rút A10 (bí số của tôi) ra gấp, nếu để chậm sẽ bị nguy hiểm, và khi đi ra, phải đi theo một hướng khác vì đường dây cũ cũng có thể bị lộ!".

Sau một lúc chuyện trò vui vẻ, ông bảo tôi viết một lá thư để gửi về cho gia đình tại Đức Trọng và Đà Lạt nói rằng tôi đang đi học đại học tại Sài Gòn và cư trú tại một

địa chỉ nào đó để gia đình yên tâm... Ông cầm lá thư nói để gửi cho đường dây.



Đoàn Sinh viên Phật tử Đà Lạt là một tổ chức công khai hợp pháp dưới chế độ Sài Gòn, hoạt động trong Viện Đại học Đà Lạt. Thị ủy Đà Lạt đã bí mật cài người điều hành hoạt động của tổ chức này. Ban chấp hành Sinh viên Phật tử Đà Lạt có 4 đoàn viên Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng miền Nam Việt Nam do Thị ủy Đà Lạt chỉ đạo.

Trong ảnh từ trái sang:

Hàng ngồi: Trương Trổ (Tổng thư ký Đoàn Sinh viên Phật tử Đà Lạt), Nguyễn Trọng Hoàng (Quyền Chủ tịch Đoàn Sinh viên Phật tử Đà Lạt).

Hàng đứng: Nguyễn Hòa – người thứ hai (Chi đoàn trưởng Khoa Hóa), Phan Ngọc Mậu – người thứ tư (Chi đoàn trưởng Khoa Sinh). Lúc này đang chuẩn bị mọi kế hoạch cho đợt đấu tranh chống bầu cử Tổng Thống độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu tháng 10/1971.

Sau buổi làm việc về tình hình đô thị Đà Lạt trước, trong và sau tết Nguyên Đán, chúng tôi có mời ông cùng

dự bữa trưa liên hoan nho nhỏ vì anh Lũy có món thịt heo kho được bà con trong ấp gửi ra từ tuần trước. Thịt heo được đựng trong lon angoz, mở nắp ra thơm phức ai cũng thấy phấn khởi. Nhưng khi bắt đầu ăn, không khí bữa liên hoan bị lắng lại một lúc vì phát hiện là có mùi dầu lửa trong thịt heo kho, nhưng đều động viên nhau cứ ăn, không sao. Vả lại nếu không ăn thì cũng không thể có món nào khác để liên hoan. Lúc này, tôi thấy ông không biểu lộ vui hay buồn, chỉ nói rằng: -Thôi ăn cũng không sao, nhưng lần sau nhớ đừng mang chung thức ăn với dầu hôi trong một bồng... Tôi nghĩ thương cho các ông già kháng chiến quá chừng.

Sau bữa liên hoan đó, tôi được nhận công tác tại Thị, không về Đội nữa. Một tháng sau, tôi được ông chuyển một quyển agenda do người yêu của tôi trong thành phố mới gửi ra cùng với quần áo, nhưng quần áo thì đã bị mất hết. Vì nghe đâu, đoàn công tác đi ấp về, gặp địch, đã tổ chức đánh, khi rút chạy đã đánh rơi bồng quần áo.

Ông có hỏi tôi: Quần áo thường may ở hiệu nào, tôi trả lời:

- Hiệu Tiến Thành, Tùng Nghĩa, Đức Trọng.

Ông có vẻ suy nghĩ và nói thêm:

- “Cả tháng nay bọn nó đã cho người vào Sài Gòn lùng sục khắp nơi để tìm cậu đấy. Nhưng qua vụ mất bồng này, có thể bọn nó sẽ quay trở lại tiếp tục lùng sục tại hướng Đức Trọng, Đà Lạt; cũng nên nhắc người nhà cảnh giác”.

Lúc ấy, tôi mới hiểu lá thư tôi viết từ căn cứ Thị mà ghi địa chỉ ở Sài Gòn, ông đã cho người về Sài Gòn gửi

lên, nên đầu bưu điện gửi từ Sài Gòn đã thu hút, đánh lạc hướng bọn địch một cách khá ngoạn mục. Nhưng bây giờ thì bọn nó có thể đã đoán rằng chúng đã bị đánh lừa. Sau này, tôi cũng được người nhà cơ sở bên trong cho biết bọn nó đã đến nhà may Tiến Thành xét hỏi rằng:

- Ông giáo sư đó đã vô núi theo VC (Việt Cộng) rồi phải không? (Lúc còn hoạt động trong nội thành, tôi có dạy học tại một trường trung học ở quận Đức Trọng, hồi đó giáo viên từ trung học trở lên thường được gọi là giáo sư) - Nếu không thì tại sao có quần áo mang hiệu may Tiến Thành bị VC bỏ rớt trong Núi Voi khi đụng trận với Tiểu đoàn 244?

Người chủ của hiệu may đã trả lời:

- Tôi làm nghề may có hàng trăm, hàng ngàn bộ quần áo, làm sao biết của ai là của ai?

Tôi được sống trong vùng trời tự do của mình. Tuy rằng việc chiến đấu, học tập vùng căn cứ có những gian nan vất vả nhất định, nhưng tôi đã thoát được cái cảnh phải đối phó căng thẳng từng giờ, từng phút, có thể bị bắt bất cứ lúc nào nếu bị lộ hoặc bọn chúng muốn tiêu diệt những trí thức, sinh viên học sinh trong các phong trào công khai...

Kinh nghiệm chỉ đạo phong trào đô thị của các đồng chí Thường vụ Thị ủy cũng thật tuyệt vời. Với cái kiêu lợ ngợ của cái cánh trí thức, sinh viên học sinh bọn tôi chỉ được cái hăng hái, xốc nổi, nhưng thiếu kinh nghiệm, rất dễ bị tiêu hao lực lượng. Nếu không có những lá thư chỉ đạo sâu sát kịp thời từ căn cứ tránh thoát được những trận truy lùng, tận diệt của bọn chúng thì không biết phong trào đô thị sẽ gặp khó khăn đường nào.



Anh Trương Trổ (Trung Kiên), một sinh viên của Viện Đại học Đà Lạt hoạt động bí mật nội thành trong vai trò công khai. Khi bị lộ đã thoát ly ra căn cứ an toàn theo kế hoạch do ông Vũ Linh đạo diễn.

Trong ảnh: Anh Trương Trổ (Nguyên giám đốc sở Khoa học Công nghệ Lâm Đồng) đến thăm ông Vũ Linh ở Bệnh viện Long Thủy, Tuy Hòa, Phú Yên.

Tháng 1/1975, tôi được triệu đi dự lớp học Đô thị do đồng chí Tư Ngọc - Khu ủy viên, Bí thư Thị ủy Đà Lạt mở cho các cán bộ chủ chốt của Đà Lạt. Chúng tôi được học lại bài học “Năm bước công tác Đô thị” mà cán bộ phong trào nào trước giờ cũng đều phải học. Đặc biệt, lần này chúng tôi được trang bị các kiến thức về “Bạo lực chính trị kết hợp bạo lực vũ trang”, “Khởi nghĩa giành chính quyền” và “Chính sách mười điểm vùng mới giải phóng”. Kết thúc khóa học, tôi nhận được lệnh của Thường vụ Thị ủy lên

hướng Tây Bắc Thị để chuẩn bị tham gia chiến dịch giải phóng Đà Lạt.

T.T

(Nguồn: Bài đăng trên tạp chí LANGBIAN số 152 , tháng 5 năm 2016)

NHÀ ĐIỆN BÁO VỚI PHÒNG TRÀO ĐÔ THỊ

❖ Duy Hoàng



Anh Cao Duy Hoàng là thành viên trong nhóm SVHS hoạt động bí mật nội thành Đà Lạt trước năm 1975. Trong ảnh: anh Cao Duy Hoàng đang điều khiển một buổi sinh hoạt văn nghệ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11) sau năm 1975.

Cuối tháng 9/1977, khi tôi đang bám địa bàn công tác phát động thanh niên tại phường 8 thì bất ngờ nhận được lệnh của Bí thư Thành đoàn Đà Lạt điều về cơ quan để “học Điều lệ Đảng”. Tại thời điểm ấy, Thành uỷ chưa thành lập trường Đảng nên việc bồi dưỡng cảm tình, đối tượng Đảng được giao cho chi bộ trực tiếp phụ trách. Gọi

là lớp học nhưng thật ra chỉ có 3 anh em: Tôi, anh Đinh Cẩn và Lê Thị Tánh cùng công tác trong cơ quan Thành Đoàn. Giảng viên duy nhất của lớp học là Bí thư Thành đoàn kiêm Bí thư chi bộ. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ của cơ quan nghe giới thiệu về Điều lệ Đảng, nhiệm vụ, quyền hạn của người đảng viên... trong vài buổi, sau đó chúng tôi thảo luận và viết thu hoạch. Kết thúc lớp học, đồng chí bí thư yêu cầu chúng tôi làm hồ sơ lý lịch và viết đơn xin vào Đảng.

Tôi đánh vật với việc viết lý lịch mất vài hôm vì nhiều chi tiết phải hỏi lại người thân trong gia đình. Sau khi nộp hồ sơ xong, chúng tôi lại tiếp tục lao vào công tác bởi giữa tháng 10 năm ấy là đợt ra quân của Liên đội Thanh niên Xung phong Đà Lạt đi xây dựng vùng kinh tế mới Tahine. Phong trào sôi động với nhiều sự kiện xảy ra sau đó nên tôi cũng quên bẵng đi việc đã nộp hồ sơ xin vào Đảng.

Ít lâu sau, tôi nghe nói lại là phần lý lịch của mình còn mấy điểm về phía người thân trong gia đình phải tiếp tục thẩm tra ở một số nơi, mà e rằng hơi khó vì sự việc xảy ra cũng khá lâu; mặt khác lúc bấy giờ phương tiện đi lại cũng khó khăn nên điều kiện thẩm tra cũng chưa thể làm ngay được. Vì vậy hãy cứ yên tâm công tác.

Vài năm sau, tôi cũng được tiếp tục động viên hãy yên tâm công tác, vì điều kiện khó khăn nên việc xác minh thẩm tra chưa được hoàn tất. Sự việc tiếp tục kéo dài đến nhiều năm sau đó. Nhưng do thời tuổi trẻ cộng với sự sôi động của công việc nên tôi cũng cố gắng chuyên tâm hoàn tất phần việc được giao, tạm gác lại nỗi niềm trăn trở khi thời gian trôi qua đã có nhiều người bạn cùng thời đã được kết nạp vào Đảng, nhưng mình thì chưa.

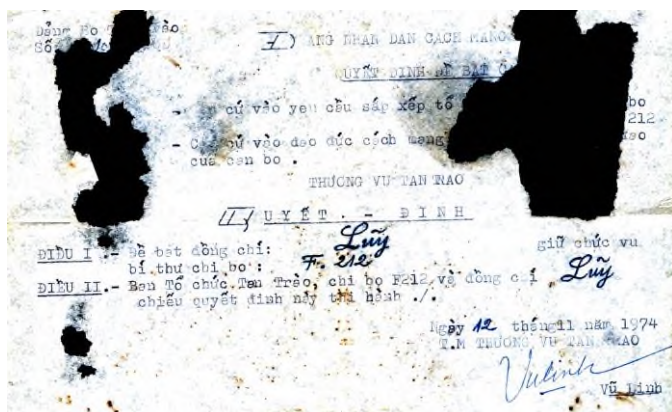
Sau một thời gian khá dài, rồi thì sự việc cũng đã được xử lý. Ngày kết nạp vào Đảng tôi được nghe kể câu chuyện về việc xác minh thẩm tra hồ sơ của mình mà người trực tiếp chỉ đạo sự việc ấy không ai khác là chú Vũ Linh. Lúc bấy giờ, trên cương vị là Giám đốc Công an tỉnh, ông đã giao cho một cán bộ thuộc cấp vào kho tài liệu của Nha Cảnh sát đô thành, lục tìm trong núi hồ sơ do chế độ cũ để lại để tìm ra những văn bản có liên quan và may mắn thay, những văn bản này đã làm rõ được nhân thân của mình, giúp cho tôi vượt qua nỗi “mặc cảm về lý lịch” mà thời bấy giờ đã đeo đẳng thân phận của không ít con người.

Tôi cũng được biết mình không phải là trường hợp duy nhất mà ông tận tình hỗ trợ như vậy. Ngay trong thời kỳ chiến tranh và kể cả sau ngày Đà Lạt được giải phóng, ông đã từng tham gia ý kiến trực tiếp hoặc gián tiếp bằng văn bản để xử lý những trường hợp nhân thân có những sự việc cần làm rõ về lịch sử chính trị. Là một con người rất nghiêm khắc trong công việc nhưng ông lại rất cân phân trong việc nhận định, đánh giá về con người. Ông khẳng định niềm tin vào những con người mà ông đã biết, đã cùng làm việc trực tiếp hoặc gián tiếp. Đặc biệt, ông dành một tình cảm sâu đậm cho lớp trẻ, những người trẻ tuổi trưởng thành từ phong trào đấu tranh chính trị trong lòng đô thị ở thời kỳ ông giữ cương vị Thường trực Thị ủy Đà Lạt từ những năm 1971.

*

Ông Vũ Linh được điều về địa bàn Đà Lạt trong vai trò là Tổ trưởng Tổ Diệp báo A2 thuộc Bộ Nội vụ, tham gia làm Thường trực Thị ủy, Trưởng Ban An ninh Đà Lạt từ năm 1971. Có một quãng thời gian khi Bí thư Thị ủy lúc bấy giờ là ông Ba Dư phải đi điều trị bệnh thì mọi công

việc của Thị uỷ ông đều quán xuyến hết, trong đó có mảng hoạt động ở nội thành Đà Lạt do Đội công tác thanh niên sinh viên học sinh thuộc Thị uỷ phụ trách.



Quyết định đề bạt ông Nguyễn Phan Lũy làm bí thư chi bộ F. 212 của Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam Việt Nam do ông Vũ Linh, Thường vụ Tân Trào ký ngày 12 tháng 11 năm 1974.

Anh Nguyễn Phan Lũy người từng có một thời gian làm bí thư chi bộ, quyền đội trưởng đội công tác thanh niên sinh viên học sinh kể rằng: “Dưới con mắt của nhà điệp báo, ông Vũ Linh đã cùng Thường trực Thị uỷ tham gia chỉ đạo chặt chẽ hoạt động đấu tranh chính trị trong nội thành Đà Lạt. Bài học kinh nghiệm từ những tổn thất của phong trào các đô thị miền Nam đã khiến ông luôn luôn trăn trở đối với việc bảo toàn lực lượng hoạt động bí mật trong lòng địch. Các nguyên tắc, phương châm, phương thức hoạt động trong đô thị đã được ông chỉ đạo tập huấn kỹ lưỡng và yêu cầu được giữ vững thông qua việc triển khai từ Đội công tác thanh niên sinh viên học sinh trong căn cứ ra đến thị xã. Ông đặc biệt quan tâm về nguyên tắc ngăn cách để giữ vững bí mật trong việc thiết lập đường dây cũng như xây dựng các cơ sở hoạt động trong nội thành nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất lực lượng có thể xảy ra.

Là người đã từng hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực an ninh, ông hiểu rất rõ việc xây dựng tổ chức bí mật để chỉ đạo các hoạt động đấu tranh chính trị trong lòng đô thị là một nhiệm vụ hết sức nguy hiểm mà nếu bị lộ thì dễ bề vỡ cơ sở dây chuyền dẫn đến tổn thất lớn! Nhiệm vụ khó khăn phức tạp không kém so với đấu tranh vũ trang. Sống giữa lòng đô thị thời bấy giờ là sống trong vòng kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn, nơi mà bộ máy kiểm soát của địch triển khai đến từng gia đình, từng thôn ấp với lực lượng cảnh sát, công an, mật vụ chim nổi dày đặc, vì vậy mà nguy cơ bị phát hiện có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Ông đã chỉ đạo việc xây dựng lực lượng cơ sở bí mật trong thanh niên sinh viên học sinh nội thành phải nhất quyết giữ vững cho được nguyên tắc ngăn cách bằng phương thức tổ chức phát triển cơ sở theo mô hình xâu chuỗi, chia thành nhiều cánh, nhiều hệ; các cánh, các hệ hoạt động độc lập với nhau, mỗi thành viên tham gia đường dây chỉ biết người phụ trách mình mà không biết đến người khác.

Thực hiện nguyên tắc đó, Chi đoàn sinh viên học sinh nội thành tại thời điểm bấy giờ đã phát triển 2 hệ cơ sở mật là hệ B và hệ C. Cơ sở mật của mỗi hệ được phát triển và mang bí số theo thứ tự như B1, B2, B3... Người mang bí danh là B2, nếu tiếp tục phát triển thêm một cánh khác sẽ được đặt bí số là B21 và nếu thêm nữa thì sẽ là B211..... Như vậy, nếu chẳng may có sự cố bị lộ đối với một thành viên nào trong đường dây thì sẽ cắt đi một khâu cho thoát ly ra rùng để hạn chế tới mức thấp nhất nguy cơ tổn thất lực lượng. Nhờ thực hiện nghiêm chỉ đạo này mà đội ngũ đoàn viên, cơ sở bí mật, các gia đình bàn đạp ở vùng ven Hiệp Thạnh, Bồng Lai, Quảng Hiệp và các hộp thư mật của cánh thanh niên sinh viên học sinh nội thành Đà Lạt gần như được bảo toàn nguyên vẹn cho đến ngày Đà Lạt được giải phóng.

Tôi cũng có may mắn là đã có thời gian tham gia trong đường dây ấy từ năm 1973, nhưng quả thực cho đến ngày Đà Lạt giải phóng mới biết hết những nhân vật đã cùng tham gia hoạt động, cũng bởi nguyên tắc ngăn cách đã được thực hiện hết sức nghiêm túc này.

Tuy là một người rất khắt khe đối với các nguyên tắc hoạt động bí mật, nhưng ông Vũ Linh lại có một cái nhìn rất rộng rãi trong việc đối xử với con người. Khi tiếp cận với phong trào đấu tranh ở miền Nam, ông hiểu rõ hoàn cảnh chính trị của đô thị thời bấy giờ cũng như hiểu rõ về những con người trẻ tuổi đã dám từ bỏ cuộc sống thành thị để chấp nhận dần thân tham gia vào con đường cách mạng. Những người trẻ tuổi ở Đà Lạt cũng như bao lớp thanh niên đô thị miền Nam thời ấy, mặc dù xuất thân từ nhiều hoàn cảnh gia đình khác nhau nhưng khi đến với tổ chức cách mạng họ đều có một điểm chung là xuất phát từ tình yêu sâu đậm đối với dân tộc, quê hương đất nước.

Một trong những đặc điểm của đô thị miền Nam lúc này là có sự đan xen giữa các thái độ chính trị trong từng gia đình. Trong một gia đình có thể có người làm việc cho chính quyền Sài Gòn lại cũng có người theo phía “bên kia”, có người “nhảy núi” ra rừng nhưng thân nhân của họ lại đứng ở phía ngược lại. Đã có những người trưởng thành từ phong trào đấu tranh chính trị của thanh niên sinh viên học sinh nội thành, rất nhiệt huyết, dũng cảm, kiên cường nhưng lại xuất thân từ những gia đình có người thân làm việc trong bộ máy chính quyền miền Nam. Cũng có những trường hợp hoạt động bí mật trong nội thành bị lộ, bị địch bắt và trong quá trình tra khảo, tù đầy cũng đã phát sinh những thông tin nhiễu loạn phức tạp. Những trường hợp như vậy khi xem xét kết nạp vào Đoàn, vào Đảng kể cả khi bố trí giao nhiệm vụ cũng đã không khỏi có những băn khoăn trong lãnh đạo Thị uỷ.

Ông Vũ Linh có một tình cảm đặc biệt dành cho lớp trẻ hoạt động trong đô thị. Bằng kinh nghiệm và trực giác của người nhiều năm làm công tác điệp báo, ông đã rất khách quan khi đánh giá con người và đặt niềm tin mạnh mẽ vào những con người đã trưởng thành qua thực tiễn công tác và chiến đấu. Với con mắt nhìn nhận như vậy và thông qua việc xác minh kiểm tra bằng nghiệp vụ, ông đã giúp cho Thường trực Thị uỷ tháo gỡ khó khăn cho từng trường hợp và tạo điều kiện cho anh em phát triển, trưởng thành.

Trường hợp anh Dương¹ là một ví dụ. Trưởng thành từ phong trào đấu tranh chính trị của thanh niên sinh viên học sinh Đà Lạt năm 1966 khi còn là học sinh trường trung học Trần Hưng Đạo, sau đó anh về Sài Gòn học đại học và tham gia cánh an ninh vũ trang thuộc Thành đoàn Sài Gòn – Gia Định. Mùa xuân Kỷ Dậu (năm 1969), anh đã cùng những sinh viên yêu nước ở Sài Gòn treo lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào chùm bong bóng thả bay lên giữa chợ Bến Thành, cảnh sát Sài Gòn đã truy đuổi bắn anh bị thương và máu anh đã đổ dọc theo đường về trại giam. Sau những ngày tháng bị đòn roi tra tấn bầm dập nhưng anh vẫn kiên cường chịu đựng không khai, không thừa nhận mình hoạt động Cộng sản. Bằng sự kiên cường đến lì lợm của anh, bằng phong trào đấu tranh mạnh mẽ ngày càng dâng cao ở các đô thị miền Nam đòi thả những sinh viên yêu nước, bằng cả những cuộc vận động tích cực của cơ sở nội thành có thân thể tác động vào bộ máy cầm quyền ở Sài Gòn, anh đã được trả tự do. Những năm ấy mối liên hệ giữa phong trào đấu tranh của sinh

¹ Anh Thái Kim Đăng, học sinh Trần Hưng Đạo Đà Lạt, nguyên là Đội trưởng Đội công tác Thanh niên Sinh viên học sinh hướng Tây Nam thuộc Thị uỷ Đà Lạt, hy sinh cuối tháng 10/1972.

viên học sinh Đà Lạt và phong trào Sài Gòn khá mật thiết, anh là một trong những người được bí mật đưa lên Đà Lạt để ẩn tránh và tiếp tục hoạt động... Năm 1970 anh được điều về Đội công tác thanh niên sinh viên học sinh thuộc Thị uỷ Đà Lạt. Là một con người rất năng nổ, thông minh và gan dạ, anh Dương đã bám trụ địa bàn xây dựng cơ sở trong nội thành Đà Lạt và luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, do xuất thân từ gia đình có bố là công chức cao cấp đã từng giữ chức vụ Trưởng Ty Thuỷ Lâm tỉnh Tuyên Đức nên cũng đã có không ít ý kiến khi đặt vấn đề kết nạp anh Dương vào Đảng. Ông Vũ Linh là một trong những người kiên trì thuyết phục để đến tháng 10/1972, Thường trực Thị uỷ đã thống nhất kết nạp Đảng và giao nhiệm vụ Đội trưởng Đội công tác thanh niên sinh viên học sinh cho anh Dương.



Anh Dương (Liệt sĩ Thái Kim Đăng - cháu nội của nữ sĩ Trương Phổ) là đội trưởng đội công tác Thanh niên Sinh viên học sinh từ căn cứ chỉ đạo về nội thành Đà Lạt.

Sau ngày Đà Lạt giải phóng, chúng tôi thường hay tổ chức những cuộc họp mặt nhân ngày kỷ niệm sinh viên học sinh 9/1 để ôn lại chuyện xưa, cùng nhau ôn đàn hát lại những bài ca tranh đấu hào hùng một thời rục rủa trong lòng thành phố. Thỉnh thoảng ông Vũ Linh cũng đến tham dự với chúng tôi, ông mang đến cho chúng tôi một tình cảm giản dị mà rất chân tình. Trong những cuộc họp

Người đi qua cuộc chiến

mặt đó, ông không bao giờ kể về những chiến tích của ông trong thời kỳ gian khổ ác liệt mà ông lại thường chia sẻ về những hoàn cảnh, những khó khăn trắc trở của từng anh em. Sau những cuộc họp mặt như vậy, được nghe những lời động viên của ông, chúng tôi cảm thấy trong lòng ấm áp vô cùng vì nhận thấy rằng đã có những người lãnh đạo hiểu mình, tin mình và cảm nhận được đó là một động lực để giúp mình có thể vượt qua những cam go thử thách mà cuộc sống đã đặt ra cho mỗi con người.

Tháng 11/2016

D.H

MƯA TRÊN BIỂN

❖ Trọng Hoàng



Biển Tuy Hòa (Phú Yên).

Buổi trưa trời hanh, nóng, bỗng chuyển gió nồm mát rượi. Ngồi trong quán cà phê cuối phố Tuy Hòa, nhìn về phía bên kia quảng trường Một tháng Tư là biển rộng mênh mông đến tận chân trời, gió từ biển thổi vào mỗi lúc mang theo nhiều hơi nước mát lạnh. Những chiếc lá vàng rơi nghiêng trên đường phố bị cuốn theo chiếc ô tô vút qua đường như muốn chạy nhanh để tránh một cơn mưa sắp ập đến. Biển xanh, trời xanh đang chuyển dần sang

màu xám, mấy đám mây từ những góc biển xa nào đó kéo đến tụ lại, đen kịt. Mưa, mưa đổ mù trời, mưa trắng lãng mặt biển gợi nhớ một thời lũ trẻ chúng tôi thường mang áo toại, đội nón lá đi cắm câu, để lờ giữa mùa đông trên cánh đồng Tuy Hòa ngập nước. Mặt nước trên đồng của mùa đông ngày xưa cũng trắng loáng như mặt biển bây giờ và mưa bay mịt mù, đan kín đất trời, đỉnh núi Chóp Chài lúc ẩn, lúc hiện trong mưa mờ hồ như một câu chuyện cổ tích mà Nội tôi đã kể.



Cảng Vũng Rô, cảnh đẹp của Phú Yên, từng là nơi đến của những con tàu không số tiếp viện vũ khí từ miền Bắc vào Nam.

Những kỷ niệm thời thơ ấu lội khắp ruộng đồng, suốt những xuân hạ thu đông đã in sâu vào ký ức và theo tôi bốn ba mãi trên mọi nẻo đường, cho đến nhiều chục năm sau trong một chuyến đi công tác tôi ghé về quê thăm Nội. Năm ấy bà tôi đã ngoài 90 nhưng vẫn còn xách giỏ ra chợ và rất minh mẫn. Như một thói quen từ thời con gái, bà vẫn thường dậy sớm để đi chợ phiên, gà vừa

gáy đã nghe tiếng bước chân của bà đi lại và tiếng giã trầu lộp bộp trong chiếc cối nhỏ xíu. Tôi cũng thức dậy đến ngồi bên bà như những ngày còn bé tôi vẫn thường ngồi bên như thế để nghe bà kể chuyện đời xưa. Bên ngoài, trăng sáng vàng vạc soi rõ vườn trầu quán quanh những thân cau đổ bóng xuống mặt đất im lìm cho những chú dế mèn lên ăn sương cất tiếng gáy trong vắt. Tiếng con chim họa mi véo von đâu đó trên đầu ngọn tre làm cho đêm trăng sáng của miền quê đi vào cõi nhớ khó phai mờ. Trong kỷ ức tuổi thơ của tôi in dấu hình ảnh quen thuộc Nội vừa nhai trầu vừa chậm rãi kể chuyện:

Ngày xưa, ngày xưa cánh đồng Tuy Hòa nằm sâu dưới đáy biển, sóng biển vỗ bập bùng dưới chân núi Ngọc Lãnh, con người sống trên lưng núi đào củ rừng, hái trái cây, săn bắt và trồng lúa rẫy. Hồi đó, núi cao lên tới những tầng mây và không ai chặt cây phá rừng như bây giờ nên cây rừng sống hàng triệu năm đã cao lên tới đỉnh trời. Những đỉnh núi đội mây trắng xóa, những rừng cây chui vào trong mây lạnh ngắt. Để có đất trồng lúa, trồng khoai sắn, Ngọc Hoàng đã cho người khổng lồ xuống trần gian gánh núi lấp biển cho dân có ruộng cày cấy. Người trời đã hạ một cây rừng to nhất, dài nhất gánh mấy quả núi đổ xuống lấp mãi, lấp mãi thành cánh đồng rộng lớn ra tới tận bờ biển bây giờ. Gánh đất cuối cùng là hai quả núi to, ông tính đổ ra biển xa để thành đảo chắn sóng, chắn gió bão cho con người nhưng gần tới bờ biển ông xoay tròn gánh đổi vai thì ầm một tiếng, đòn gánh gãy ngang. Tiếng đòn gãy vang như sấm rền, cá nhảy, chim bay, muông thú giật mình hoảng hốt. Người khổng lồ nổi giận đá chân phải vào đầu gánh phía trước, quả núi vút lên cao với đỉnh nhọn thành núi Chóp Chài; Chân trái ông đạp vào giữa đầu gánh phía sau, quả núi ểnh xuống thành núi Ễnh ngày nay. Vì gánh hai quả núi to nên bước chân ông đi lún đất đã tạo thành một vết dài giữa hai trái

Người đi qua cuộc chiến

núi kéo từ Hòa Quang bây giờ xuống đến sông Chùa mà đời sau gọi đó là cái bầu. Bầu là một con mương lớn đầy nước, thuận lợi cho giao thông thủy, một thời ghe thuyền đi lại khá tấp nập. Cư dân sống quanh cánh đồng lúa giàu nhất miền Trung này đã từng đánh đẫy, thả dõ, cắm câu để bắt cá và đặt nhiều xa nước để lấy nước từ bầu tưới cho cánh đồng cò bay thẳng cánh.



Mẹ con bên tượng đài liệt sĩ Đà Lạt.

Trong ảnh: Bà Lê Thị Yến - Mẹ Việt Nam Anh Hùng và con trai trưởng của bà - Nguyễn Trọng Cảnh - Đại tá Vũ Linh, giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.

Thuở nhỏ, đứng ở đường cái quan nhìn xuyên qua cánh đồng rộng mát tầm mắt, lũ trẻ chúng tôi thường đổ nhau: “Ồ bên kia cánh đồng là gì?”. Rồi cả bọn cùng trả lời: “Ồ bên đó là chân trời” và ngoéo tay hẹn nhau: “Một ngày nào lớn lên sẽ đi đến tận chân trời bên đó!”. Cả bọn cùng cười vang nhảy chân sáo trên bờ ruộng và quên đi trong giấc ngủ vô tư trẻ con trong những trưa hè dưới bóng mát của bụi tre mờ côi giữa đồng. Nội nói: “Trời đất thì nhiều bể dâu, nhưng đời người lại lắm dâu bể!”. Ý Nội muốn nói là ông trời biến hóa biển sâu thành ruộng dâu cho cuộc sống của con người, nhưng con người sống với con người lại gây cho nhau lắm nỗi truân chuyên!



Cánh đồng lúa Tuy Hòa rộng nhất miền Trung. Thuở ấu thơ, chúng tôi thường đổ nhau ở bên kia cánh đồng là gì? Tất cả đều trả lời: Bên đó là chân trời và ngoéo tay nhau hẹn một ngày lớn lên sẽ đi đến tận chân trời bên đó.

Nội sống gần tròn thế kỷ trên cánh đồng trời cho này, Nội biết rõ từ những năm kỹ thuật nông nghiệp còn là con trâu, con bò kéo cày, còn là con người gánh, vác, mang, xách, đội, bưng tưới đầm mồ hôi của nhiều thế hệ

nông dân cho màu mỡ của đất...thì đồng lúa Tuy Hòa cũng đã thuộc loại giàu có, trù phú của miền Trung, cánh đồng đã nuôi dân cả tỉnh và các tỉnh lân cận. Đến mùa làm đồng, người dân nhiều nơi đã đến đây cày thuê gặt mướn. Cánh đồng này đã nuôi hai cuộc kháng chiến thành công, nuôi bao người thành tài đi khắp đó đây, đi đến những chân trời xa lắc, xa hơn chân trời để thương trong ký ức tuổi thơ.

Bà tôi thường gọi cuộc kháng chiến chống Pháp là kháng chiến một, nói về người con trai trưởng của bà, bà nói: “Hồi kháng chiến một, ba mày đi Việt Minh, ngày đêm lặn lội, ăn dầm nằm dề quanh các đồn Tây, nhiều lần cải trang bí mật đi vào thị xã, đi lại trong vùng tạm chiếm để nắm tình hình của giặc. Lâu lâu mới về nghỉ mấy ngày nhưng cũng ra đồng cày cuốc, gặt hái rồi lấy gạo vào đây ruột ghé mang đi cho anh em trong đơn vị cùng ăn. Ba mày ra Bắc lúc đó mới có 27 tuổi, vợ trẻ, con thơ, đương sức trai, giỏi làm nông, gắn bó với ruộng đồng, nhưng làm trai thời loạn ly nên đã phải ra đi đánh giặc không hẹn ngày về!”.

Khi tôi lớn lên, ba tôi đã ở miền Bắc, hiệp định Genève với dòng sông Bến Hải đã chia cắt nhiều gia đình Việt Nam trong đó có gia đình tôi. Người con trai thứ 2 của Nội là chú Năm Thịnh của chúng tôi cũng tham gia Việt Minh chống Pháp nhưng không tập kết ra Bắc mà ở lại miền Nam hoạt động hợp pháp để tiến tới tổng tuyển cử thống nhất nước nhà sau 2 năm đình chiến theo các điều khoản của hiệp định Genève. Nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm không thực hiện hiệp định đã bắt đày ông ra đảo Côn Lôn. Sau này, ông Hóa một người bạn tù với chú Năm Thịnh kể lại là chú Năm Thịnh đã tranh đấu rất kiên cường chống chào cờ quốc gia, tuyệt thực, bị đòn roi tra tấn bầm dập đến kiệt sức rồi ông hy sinh trong nhà tù

Côn Đảo vì lý tưởng cho một ngày mai đất nước thanh bình, hết áp bức, bắt công, không tham nhũng! Là một đứa trẻ con, tôi đang lớn lên giữa đất trời rộng mênh mông của đồng quê thật tuyệt vời, nhưng xóm làng lại chìm trong không khí ngột ngạt, sợ sệt, hoang mang! Tôi ngơ ngác nhìn thấy ảnh Ngô tổng thống mập ú với nốt ruồi giữa mặt được treo dán giữa nhà, giữa lớp học và khắp nơi trên cổng làng, trên cổng chợ, cùng với những vụ bắt bớ bí mật lúc nửa đêm, những tin đồn thì thầm truyền miệng nhau: Trên xã Hòa Quang có nhiều người bị chôn sống, ở thôn Long Tường có mấy người bị thủ tiêu và làng trên xóm dưới có nhiều người bị bắt đi tù! ... Những cuộc bố ráp liên miên đã làm cho xóm làng quê tôi trở nên lặng lẽ, âm thầm! Rồi hàng loạt trai, gái làng bỏ ruộng đồng nhảy núi, đêm đêm vác loa về kêu gọi đồng bào đứng lên đánh đổ Mỹ - Diệm. Các cô tôi, người nhảy núi, người bí mật hoạt động tại địa phương. Cô Út (Cô Mười) thông minh, giỏi giang là cựu học sinh trường trung học Lương Văn Chánh, người có uy tín nhất trong nhà, trong họ, cô đã nói điều gì thì mọi người từ lớn đến nhỏ đều nghe lời, được bà con xóm làng quý mến, được những bạn học cùng thời ngưỡng mộ vì cô học rất giỏi. Cô đã thoát ly và hy sinh trong một trận đánh không cân sức, cô bị thương, bị bắt nhưng đã từ chối băng bó, chấp nhận hy sinh để chứng tỏ khí tiết của những người yêu nước sẵn sàng chết vì một xã hội tương lai tốt đẹp như những người cùng thời đã nghĩ như vậy. Tay đại úy tiểu đoàn trưởng lính Sài Gòn kể lại một cách thán phục với dân trong vùng là: “Cô ấy đẹp, ăn nói thông minh, lưu loát, nhưng lý tưởng cao quá! Tôi đã cố thuyết phục để cho quân y băng bó cứu sống cô nhưng cô nhất quyết xé băng băng chịu đau cho đến chết. Là một người lính tôi thực sự khâm phục.”

Người đi qua cuộc chiến



Cô Mười (cô Út) – liệt sĩ Nguyễn Thị Niệm hy sinh trong một trận càn của địch. Cô bị thương và bị địch bắt, nhưng không chịu đầu hàng, không cho địch băng bó, tuyệt thực cho đến hơi thở cuối cùng để chứng tỏ khí tiết của những người yêu nước thời đó.

Nghe tin cô Mười hy sinh, ông nội tôi là một đồng y sĩ nổi tiếng của quận Tuy Hòa thời bấy giờ đã ngã bệnh rồi

kéo dài mãi cho đến hơn một năm sau ông trút hơi thở cuối cùng. Có lẽ vì ông dành rất nhiều tình yêu thương cho cô con gái út thông minh giỏi giang của ông, cho nên cái chết của cô đã làm cho ông đau đớn đến mức không có gì làm cho ông vượt qua được!

Bà tôi thì đau tốt cùng, đau đến mức bà tỉnh ráo như chưa bao giờ bà tỉnh như thế. Nghe tin cô tôi hy sinh, bà ngồi lặng người rất lâu quệt nước mắt ướt đầm hai tay áo, rồi bà đứng dậy xách nón đến trụ sở xã gặp xã trưởng xin phép cho bà đưa xác cô về mai táng tại vườn nhà. Xã trưởng trợn mắt quát: “Con bà theo Cộng sản chống lại Quốc gia, chết trên núi thì bỏ trên núi, không cho đem về.” Bà đấu lý với xã trưởng: “Tui là người dân ít học, già cả rồi, không biết Cộng sản hay Quốc gia nào cả. Còn các ông làm quan có học mà không giữ được dân thì sao lại trách dân! Con tui nó lớn rồi nó làm theo ý hướng của nó nhưng nó chết thì tui đem về chôn cất. Ông cũng có vợ có con chắc là ông hiểu tấm lòng người mẹ, con có thể bỏ mẹ chứ mẹ không bao giờ bỏ con được.” Lý sự một hồi viên xã trưởng có vẻ đuối lý đành đồng ý với điều kiện là “không được mang đồ tiếp tế cho Việt Cộng; chỉ chọn người già đi theo; và lên núi gặp Việt Cộng, về phải báo cáo chính quyền quốc gia”. Bà tôi thống lĩnh một đội quân gồm khoảng chục người đàn ông lớn tuổi trong làng vác cuốc xẻng, khiêng hòm đi lên núi Cẩm Tú. Huyện ủy Tuy Hòa cử đại diện thường vụ huyện ủy cùng với các đồng chí trong đơn vị công tác của cô tôi tiếp bà. Lại một lần nữa bà phải kiên trì thuyết phục vì chủ trương của huyện là cố giữ cô ở lại đó với lý do là để anh em đồng chí đồng đội được chăm sóc mồ mả cho cô. Nhưng có lẽ lý do chính là họ sợ lộ thông tin về sự thiệt hại của cách mạng địa phương mà hồi đó thường phải giấu rất kín! Bà tôi đã nói rằng cô tôi hy sinh thì địch đã biết, xóm làng ai cũng biết và đang tổ chức đám tang chờ đưa người về và

bà đã xin phép xã trưởng đi bốc mộ, nếu trở về tay không thì cả mười người này sẽ vô tù ngồi vì kiếm có đi gặp Việt Cộng! Thường vụ huyện ủy cũng đã đuối lý với bà nên phải đồng ý. Bà đã đưa được cô út tôi về chôn cất ở vườn Gò Gia bên những cây xoài cây ổi mà lúc còn ở nhà cô tôi thường ra ngồi đọc sách vào những trưa hè.

Năm 1962 học bài của Mã Lai (Malaysia) về cách chống quân du kích Cộng sản thành công ở đó. Chính quyền nhà Ngô đã du nhập mô hình xây dựng ấp chiến lược về miền Nam Việt Nam biến hàng vạn những làng xã nông thôn thành những trại tập trung trá hình. Xóm Lầm quê tôi trở thành một trại tập trung như thế, tre làng được chặt hạ xuống vạt nhọn, kết thành hàng rào tre nhọn kiên cố bao bọc quanh làng, bên trong cấm chông, bên ngoài gài lựu đạn; lập nhiều chòi canh nhìn xa ra đồng, cổng làng được lính dân vệ canh gác nghiêm ngặt, 6 giờ sáng mở cổng người dân mới được ra đồng, 5 giờ chiều tắt cả phải về làng. Mục đích là cách ly dân với các đội công tác của ta, mà cách mạng không bám được dân thì như cá không nước, nằm phơi lưng trên cạn, cho các sư đoàn lính thiện chiến đi càn quét truy diệt. Nghe nói chiến lược này rất thành công ở Mã Lai nhưng ở xóm Lầm quê tôi cũng như nhiều vùng quê khác ở miền Nam Việt Nam chỉ sau vài năm đã bị phá sản hoàn toàn vì Việt Cộng không phải chỉ nằm ngoài rừng, ngoài đồng mà Việt Cộng còn nằm ngay trong lòng ấp chiến lược; mối quan hệ giữa những người bên ngoài và bên trong là máu thịt không thể chia cắt nên họ đã có một ngàn lẻ một cách liên lạc móc nối và thống nhất hành động dẫn đến những cao trào đốt phá hàng rào ấp chiến lược rần rần từ làng này sang làng khác!

Những năm đầu của thập kỷ sáu mươi của thế kỷ trước, khi miền Nam bước đầu chuyển sang đấu tranh vũ

trang thì hoạt động của các đội Mũi ở quê tôi đạt hiệu quả rất cao và các đội Mũi vẫn duy trì hiệu quả cho đến ngày giải phóng. Họ phần lớn là những nông dân trong làng nhảy núi như: bác Bốn Thạch, bác Bảy Là, chú Bốn Khích, anh Sáu Thề, anh Bảy Hường, anh Trương Tấn Mầu, Chú Cừu, chú Bảy Thịnh ở xóm Cát v...v... Vừa bỏ cày cầm súng họ đã sớm trở thành những chiến sĩ cách mạng gan dạ, mưu trí, xuất quỷ nhập thần với những trận đánh chớp nhoáng rồi biến mất, những trận phục kích ngay trên địa bàn vùng sâu do đối phương làm chủ... làm cho kẻ địch nhất là bộ máy chính quyền xã ấp khiếp vía. Đến năm 1963 hầu như ta đã làm chủ phần lớn vùng nông thôn trong chiến lược lấy nông thôn bao vây thành thị, đêm đêm các đội Mũi công tác đã bám được ven thị xã Tuy Hòa.



Nghỉ hưu, việc ông làm đầu tiên là đi Côn Đảo tìm mộ người em trai Nguyễn Xuân Thịnh. Trong ảnh: ông Vũ Linh và anh Vũ Văn Hanh bên cạnh mộ liệt sĩ Nguyễn Xuân Thịnh ở Nghĩa trang Hàng Dương.

Tháng 11 năm 1963 nhà Ngô bị đổ, các tướng lĩnh Sài Gòn đã giết chết anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình

Nhu, tiếp theo là hàng loạt các cuộc đảo chánh lật đổ diễn ra liên miên đã làm cho chế độ Sài Gòn càng suy yếu, các lực lượng cách mạng lớn mạnh nhanh chóng, uy thế cách mạng lên cao. Đến năm 1966, Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam đã gây cho ta rất nhiều khó khăn, tổn thất. Lính Mỹ, lính Đại Hàn đi càn trên núi, đóng đồn ở Vườn Làng, phục kích ven rừng, máy bay trực thăng từng bầy như chuồn chuồn báo bão, máy bay ném bom gầm rú như xé rách bầu trời, pháo bắn ừng oàng suốt ngày đêm, bom nổ trên rừng, pháo rơi ngoài đồng, đạn cày trong xóm, nhà cháy, người chết, xóm làng tiêu điều. Đội Mũi bị lột xác nhiều lần, bác Bốn Thạch hy sinh trong trận đánh đồn Núi Sầm, chú Bốn Khích, anh Sáu Thề, Chú Cừu, Chú Thịnh hy sinh trong những chuyến đột áp, anh Mẩu bị địch bắn chết rồi lôi xác bỏ bên đầu cầu Đá và hàng chục những người bà con trong làng, trong xã thoát ly ra rừng lần lượt hy sinh, nhưng người còn sống thì vẫn tiếp tục bám thắt lưng địch chiến đấu. Mỹ đổ quân càn quét trên núi, đội Mũi dạt ra đồng, lén vào xóm, nằm trên mái nhà, đào hầm bí mật trong các bờ tre... Bà tôi, má tôi, các cô tôi cùng bà con trong làng bám trụ tại chỗ dưới bom đạn, đào hầm chống phi pháo ngay trong nhà, hoạt động bí mật hỗ trợ đắc lực cho các đội Mũi, cung cấp tin tức và lo gạo, muối, thuốc men cho các lực lượng xã, huyện. Năm nào cũng thế, má tôi và các cô tôi gần như thay phiên nhau đi ở tù tháng này sang tháng khác! Lũ trẻ chúng tôi vừa đi học, vừa nắm tin tức cho đội Mũi, vừa... đem cơm cho mẹ đi tù!

Sau những đợt đấu tranh nảy lửa trên đường phố với hàng chục cuộc hội thảo, hàng ngàn người xuống đường chống bầu cử tổng thống độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu (03/10/1971), thị ủy Đà Lạt triệu tập nhóm sinh viên hoạt động bí mật nội thành ra căn cứ. Nhận được thư của thị ủy, nhóm chúng tôi tổ chức lần lượt ra rừng

vào những đêm tối trời để học tập chính trị và bàn phương thức, nhiệm vụ mới trong hoạt động đô thị. Trong dịp này lần đầu tiên tôi được gặp ba tôi sau hơn 18 năm từ một đứa trẻ lên 3, tôi đã là một thanh niên cao lớn là sinh viên Viện đại học Đà Lạt, là một cán bộ hoạt động bí mật nội thành. Nằm trên núi Voi tôi kể chuyện về gia đình, về xóm làng, về phong trào cách mạng ở quê mình, ông lắng nghe với nhiều cảm xúc và hỏi han rất cụ thể như chia sẻ những vui buồn với cổ hương mấy mươi năm xa cách, ông ngậm ngùi: “Chịu đựng mọi gian khổ, cố gắng công tác hết sức mình để mong sớm đến ngày hòa bình thống nhất nếu còn sống trở về được sum họp gia đình, vui vầy với xóm giềng nhưng chưa hết cuộc chiến tranh mà ở quê nhà đã biết bao người chết, bao người bị tù đầy, nhiều nhà ly tán, gia đình mình cũng tan tác!”. Ông cũng kể cho tôi nghe nhiều về đại gia đình mình trước ngày ông ra đi, tôi nhận ra rằng ông rất tự hào về ông bà nội tôi và ông dành rất nhiều tình yêu thương cho má tôi, cho những người em trai em gái của ông.

Ngồi trong thành phố quê hương, nhìn mưa sa trên biển, hồi tưởng về những kỷ ức thuở thiếu thời tung tăng trên đồng rộng, hoài niệm về những người thân đã ra đi, nhớ những câu chuyện của Nội kể ngày xưa và những kỷ niệm không nhiều lắm khi tôi được ở với ông trong những năm chiến tranh; lòng tôi tràn dâng niềm kính yêu ông một thời xông pha để cuối đời vẫn nhiều trần trở, thao thức, không yên!

Trời đất cứ ngày đêm tiếp liền, ngày vẫn ngày nắng ngày mưa! Biển cả khi yên bình, lúc dữ dội. Biển đời cứ kiếp này sang kiếp khác không ít số phận long đong, cũng lắm kiếp người lận đận và mãi còn đó những nỗi truân chuyên trong từng cuộc đời! Nhắm nháp ly cà phê trên tay, tôi nhìn ra xa. Ngoài kia mưa vẫn bay lấp lút kín chân

Người đi qua cuộc chiến

trời và biển đời vẫn mênh mông, mù khơi nhưng đầy cảm
xúc như những cơn mưa trên biển lớn!

Tuy Hòa, mùa hè hai không một năm

T.H

Hồ sơ tư liệu:

FULRO

BÓNG MA ÁM ẢNH TÂY NGUYÊN

❖ **Uông Thái Biểu**

Kỳ I: TỪ BAJARAKA ĐẾN FULRO

Theo dòng lịch sử, tiền thân của tổ chức Fulro đã có từ thời đất nước ta còn chưa sạch bóng ngoại xâm. Nhiều tài liệu trong và ngoài nước thể hiện, với chủ trương đấu tranh bất bạo động yêu cầu chấm dứt mọi chính sách phân biệt đối xử đối với các sắc tộc thiểu số Việt Nam của nhà cầm quyền Ngô Đình Diệm, ngày 1-5-1958, một số trí thức người Tây Nguyên (từ dùng của thời kỳ đó là: người Thượng), do ông Y Bham Ênuôl người Ê Đê chủ xướng, đã thành lập một tổ chức có tên gọi BaJaRaKa. Mục tiêu kết nối các sắc tộc được cho là mạnh nhất và sinh sống lâu đời ở Tây Nguyên, BaJaRaKa là chữ viết tắt tên của bốn dân tộc chủ yếu: Bahnar (người Ba Na), Djarai (người Gia Rai), Rhadé (người Ê Đê) và Kaho (người Cờ Ho).

Chỉ sau hai tháng kể từ ngày thành lập, với chữ ký của ông Y Bham Ênuôl, ngày 25-7-1958, BaJaRaKa gửi thư đến Tòa đại sứ Pháp, Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc tố cáo những hành vi phân biệt sắc tộc của nhà cầm quyền và yêu cầu các cường quốc can thiệp để người Thượng được độc lập trong khối Liên hiệp Pháp hoặc dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ. Tiếp đó, các tháng 8 và 9 của năm

Người đi qua cuộc chiến

này, BaJaRaKa tổ chức nhiều cuộc biểu tình thỉnh nguyện tại Buôn Ma Thuột, Kon Tum, Pleiku nhưng các cuộc biểu tình này đều bị trấn áp. Tất cả những người được cho là lãnh đạo của phong trào này đều bị bắt, trong đó có ông Y Bham Ênuol.



Ông Y Bham Ênuol (1923-1975), dân tộc Ê Đê. Sinh trưởng tại Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), người lập ra tổ chức Fulro.



Vũ khí của Fulro giao nộp khi về hàng

Trước đó, từ năm 1956, thực thi mục tiêu chống cộng ráo riết, triệt để của Hoa Kỳ, các cố vấn quân sự Mỹ vào tận các buôn làng, đào tạo và trang bị vũ khí cho thanh niên Thượng. Họ tổ chức thành các đội Dân sự Chiến đấu Thượng (Civilian Indigenous Defense Group, CIDG) và Lực lượng Đặc biệt. Cuộc đảo chính của phe quân sự dưới sự hỗ trợ của CIA đã lật đổ chính thể họ Ngô vào năm 1963, với sự kiện này, tất cả những người lãnh đạo của BaJaRaKa được trả tự do. Sau đó, nhằm giảm bớt sức ép chính trị, đồng thời thực hiện mưu đồ “dùng người Thượng cai trị người Thượng”, nhà cầm quyền Sài Gòn đã bổ nhiệm một loạt các thủ lĩnh của phong trào này vào các chức vụ chủ chốt ở các tỉnh Tây Nguyên. Trong đó, ông Y Bham Ênuol trở thành phó tỉnh trưởng tỉnh Đắk Lắk, ông Paul Nưt là phó tỉnh trưởng tỉnh Kon Tum. Tháng 3-1964, một lần nữa được sự ủng hộ

Người đi qua cuộc chiến

của người Mỹ, những người lãnh đạo BaJaRaKa kết hợp với các sắc tộc Thượng khác và người Chăm tại duyên hải miền Trung thành lập “Mặt trận Giải phóng Cao Nguyên” (FLHP). Thế nhưng, ngay từ khi thành lập, “mặt trận” này đã phân chia thành hai phe đối nghịch nhau: phe ôn hòa do Y Bham Ênuôl đại diện và phe chủ trương bạo động do Y Dhorơ Adrong cầm đầu.



Máy chữ của Fulro bị công an tịch thu

Trong hai tháng 3 đến 5-1964, phe bạo động trong FLHP bị quân đội Sài Gòn mở các chiến dịch truy quét gắt gao phải chạy qua Campuchia lập căn cứ tại tỉnh Mondolkiri, cách biên giới nước ta 15 km. Tại căn cứ này, họ tiếp tục tuyển mộ thanh niên Thượng tham gia FLHP chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Ngày 19-9-1964, các toán biệt kích thuộc Lực lượng Đặc biệt và các đội Dân sự Chiến đấu Thượng nổi dậy đánh chiếm một số đồn ở Quảng Đức (nay là Đắc Nông) và Đắc Lắc giết chết 35 binh sỹ chế độ Sài Gòn, bắt sống quận trưởng Đức

Lập; đánh chiếm đài phát thanh Buôn Ma Thuột và kêu gọi người dân tham gia nổi dậy thành lập quốc gia độc lập. Ngày 20-9-1964, chuẩn tướng Vĩnh Lộc, Tư lệnh Vùng II Chiến thuật đã lệnh cho Sư đoàn 23 bộ binh cùng một số tiểu đoàn biệt động quân và thiết giáp vây quanh đài phát thanh, và những đồn bị chiếm đóng. Thế nhưng, ngay thời điểm đó, Vĩnh Lộc nhận được khuyến cáo của Beachner, tham tán thứ ba tòa đại sứ Mỹ trên cao nguyên là dừng ngay lệnh nổ súng và tiến hành thương thuyết. Ngay sau đó, một cuộc thương lượng có sự hiện diện của quan chức tòa đại sứ Mỹ, đi đến những thỏa thuận sau: Y Bham Ênuôl được cử làm chủ tịch chính thức phong trào FLHP; tuy nhiên ngay trong chiều 20-9-1964, ông ta đã trốn sang Campuchia. Thỏa thuận thứ hai là những người Thượng chỉ huy đợt tập kích này không bị truy tố và không bị truy đuổi khi rút quân qua Campuchia...

Như một cơ hội đã chín muồi cho một âm mưu lâu dài, cuộc thương lượng dưới sự “chủ trì” của người Mỹ chính là “bà đỡ” đảm bảo cho sự ra đời của một thế lực chính trị mới theo đúng ý đồ và sự sắp đặt của họ. Ngày 20-9-1964, tại Campuchia, “Mặt trận Thống nhất Đấu tranh của các Sắc tộc bị Áp bức” được thành lập (Front Unifié de la Lutte des Races Opprimées, viết tắt là FULRO (xin viết là Fulro) - đọc theo tiếng Pháp). Mặt trận này bao gồm các thành phần: Mặt trận Giải phóng Champa (Front de Libération du Champa, FLC) tức Fulro Chăm, do Les Kosem (một tướng nhảy dù người Khmer gốc Chăm) lãnh đạo. Mặt trận Giải phóng xứ Campuchia Krom miền Tây Nam Việt Nam (Front de Libération du Kampuchea Krom, FLKK) tức Fulro Khmer, do Chau Dera làm đại diện và Mặt trận Giải phóng Cao Nguyên (Front de Libération des Hauts Plateaux, FLHP) tức Fulro Thượng, do Y Bham Ênuôl cầm đầu. Fulro đã tự “sản xuất” một lá cờ (hiệu kỳ) hình chữ nhật gồm ba sọc: màu

xanh biển (tượng trưng cho biển cả), màu đỏ (biểu tượng của đấu tranh) và màu xanh lá cây (màu của rừng núi). Trên dòng sọc đỏ có ba ngôi sao trắng tượng trưng cho ba mặt trận của Fulro: Champa, Thượng và Campuchia Krom. Fulro có ba cơ quan lãnh đạo: Hội đồng Tối cao do Chau Dera làm chủ tịch, Hội đồng Bảo trợ do Les Kossem làm chủ tịch, và Ủy ban Chấp hành Trung ương do Y Bham làm chủ tịch. Trong thực tế, vào thời điểm này, Y Bham Ênuôl không có thực quyền, người nắm hết mọi quyền hành chính là Les Kosem. Trong khi đó, nhóm Fulro Thượng do Y Bham Ênuôl làm chủ tịch vẫn bị phân hóa thành hai như còn thời BaJaRaKa: nhóm dân sự ôn hòa do Y Bham Ênuôl lãnh đạo tiếp tục chủ trương vận động Hoa Kỳ làm áp lực với chính phủ Việt Nam Cộng hòa để Fulro Thượng được về Việt Nam hoạt động một cách chính thức; ngược lại, nhóm vũ trang do Y Dhor Adrong cầm đầu vẫn kiên quyết chủ trương dùng bạo lực để thành lập một quốc gia độc lập của người Thượng trên cao nguyên...

Trong thời kỳ từ 1964 đến 1969 và ngay cả những năm sau ngày nước nhà thống nhất, “câu chuyện Fulro” rất dài dòng với nhiều biến cố và sự kiện xảy ra bởi những mâu thuẫn chông chéo giữa Fulro với chế độ Sài Gòn và các thế lực chính trị khác; giữa các nhân vật, các phái khác nhau chính trong tổ chức này. Cũng trong những năm này, Fulro liên tục thay đổi bộ máy cầm đầu, trong đó, có không ít kẻ bị đồng bọn ám sát trong quá trình thanh trừng, tranh giành quyền lực. Xin điểm thêm về sự kiện hiệp ước cuối cùng được ký kết vào ngày 1-2-1969 giữa ông Paul Nur - đại diện Việt Nam Cộng hòa và Y Dhe Adrong, đại diện Fulro dưới sự chủ tọa của Tổng thống Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu. Một số người trong các sắc tộc Thượng và Chăm không hài lòng với những

điều khoản ký kết và vì vậy, Fulro tiếp tục đấu tranh, có lúc lộ diện, có lúc ẩn chìm.

Tháng 4 năm 1975, chế độ Sài Gòn sụp đổ, Fulro - dưới sự giật dây, hỗ trợ của các ông chủ từ xa, tiếp tục tổ chức quấy phá chống lại nước ta. Từ đầu năm 1975 đến năm 1977, Fulro tiếp tục tuyên truyền, kích động gây hận thù dân tộc và tiến hành tập kích vũ trang. Một thủ lĩnh khác là Y Djaio Niê tổ chức lại Fulro đồng thời kêu gọi các nước Anh, Pháp, Mỹ và LHQ viện trợ. Từ năm 1982-1985, Fulro được các thế lực quốc tế và tàn quân Pôn Pốt tiếp sức, củng cố căn cứ ở Mondolkiri và đưa được các toán đặc biệt về vùng ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia lập “mật cứ” đón gián điệp, biệt kích, lực lượng lưu vong trở về như Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh và các toán phản động khác. Trong thời gian từ năm 1975-1985, hoạt động Fulro đã phá hoại cuộc sống bình yên của các thôn ấp, buôn làng, giết hại nhiều cán bộ, công an, dân quân và nhân dân. Nhưng lực lượng công an, quân đội ta được nhân dân các đồng bào dân tộc ủng hộ đã đẩy mạnh công tác nghiệp vụ, đấu tranh thắng lợi trong hàng chục chuyên án, trong đó có chuyên án F101 làm tan rã trung ương Fulro và hầu hết các nhóm Fulro, đưa họ trở về với cộng đồng.

Ở Tây Nguyên, cuối thập niên 1980, không còn ai nhắc đến Fulro nữa. Cho đến năm 1992, vấn đề Fulro lại xuất hiện ở khu vực biên giới Thái Lan - Campuchia. Theo phóng viên người Mỹ Nate Tahyer trên tờ New Straits Times: *“Lực lượng mang tên là Fulro-Dega là một tổ chức vũ trang đặt dưới quyền lãnh đạo của đại tá Y Peng Ayun, vẫn tiếp tục liên hiệp với Khmer Đỏ để chống lại Hà Nội. Sau 17 năm chống cộng, lực lượng của đại tá Y Peng Ayun chỉ còn lại khoảng 2.000 người. Từ biên giới Thái - Miên, đại tá Y Peng Ayun tuyên bố rằng, lực lượng*

Fulro-Dega sẽ tiếp tục đấu tranh cho tới khi nào Cộng sản trao trả lại tự do cho dân tộc Tây Nguyên.” Năm 1994, khi LHQ đưa lực lượng quốc tế UNTAC vào thực hiện giải pháp chính trị ở Campuchia, Fulro không còn chỗ dựa. Với sự chấp thuận của Mỹ, tháng 12-1992, toàn bộ số Fulro còn lại gồm 407 tên do Y Pênh A Yun cầm đầu đã ra hàng UNTAC, tuyên bố chấm dứt hoạt động chính trị và vũ trang, nộp vũ khí và được người Mỹ đưa đi định cư ở bang Colorado...

Hồ sơ về Fulro là hồ sơ về một tổ chức chính trị phản động cực kỳ nguy hiểm. Cái tên Fulro một thời là bóng ma hãi hùng ám ảnh vùng đất Tây Nguyên. Lật lại hồ sơ Fulro, chúng tôi muốn gợi lại những gian nan, vất vả của Tây Nguyên trong nhiều giai đoạn lịch sử gắn liền với những biến động của đất nước và ghi nhớ những chiến công của quân và dân ta đã làm hết sức mình để xóa sổ một tổ chức chính trị nguy hiểm, giải quyết tận gốc vấn đề Fulro, đem lại cuộc sống bình yên cho buôn làng cho nhân dân, xây dựng mối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

U.T.B

(Nguồn: Báo Phụ nữ today 11.7.2011)

Hồ sơ tư liệu:

FULRO

BÓNG MA ÁM ẢNH TÂY NGUYÊN

❖ **Ông Thái Biểu**

Kỳ II: TÂY NGUYÊN

NHỮNG THÁNG NGÀY NÓNG BỎNG

Đất nước vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt với đế quốc Mỹ trên 20 năm. Hòa bình đến nhưng riêng Tây Nguyên vẫn chưa một ngày bình yên, trên khắp các đô thị, buôn làng, những cánh rừng, những núi đồi Tây Nguyên đều in dấu giày Fulro. Chúng đã liều lĩnh mở những cuộc tập kích bất ngờ khuấy động cuộc sống yên ổn của nhân dân, phá hoại hệ thống kết cấu hạ tầng còn nghèo nàn, giết hại những cán bộ, chiến sỹ và nhiều người dân vô tội. Đó là những tháng ngày Tây Nguyên u ám bởi bóng ma Fulro. Máu trên các dốc núi, triền rừng, buôn làng, đã đổ...

Trong cuộc trò chuyện với chúng tôi tại tư gia ở đường Nguyễn Đình Chiểu - thành phố Đà Lạt, đại tá Vũ Linh (tức Tư Vũ, nguyên Trưởng Ty Công an Lâm Đồng, Cục trưởng An ninh Tây Nguyên) vẫn còn cảm giác nặng nề: “Hồi đó, ngày nào chúng tôi cũng nhận được tin cấp báo về những hoạt động và hành vi tội ác của bọn Fulro trên khắp địa bàn. Chúng không từ bất cứ thủ đoạn độc ác nào, nhằm vào bất kể mục tiêu quân sự hay dân sự,

sẵn sàng xả đạn vào cán bộ, công an, quân đội hay thường dân...”.

Theo tư liệu của đại tá Vũ Linh (tham luận nhân một cuộc hội thảo về vấn đề Fulro): 1975, cùng với toàn miền Nam, Tây Nguyên được giải phóng. Bọn phản động choáng váng trước sự kiện bất ngờ này, nhưng ngay từ thời điểm đó, chúng đã thu gom vũ khí, quân trang, quân dụng của quân đội Sài Gòn bỏ lại và cơ cấu thành một tổ chức vũ trang do Kpă Kớ làm Phó tổng tư lệnh kiêm Phó chủ tịch Fulro. Bên dưới Kớ có Bộ Tổng tham mưu do Y Bach Êban làm Tổng tham mưu trưởng. Chúng bố trí lực lượng theo 4 vùng chiến thuật nhằm thực hiện âm mưu chống phá lâu dài, tiến tới “xây dựng một nhà nước tự trị.” Theo đó, vùng 1 (hay còn gọi là Quân khu 1) là miền tây Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; vùng 2 là Gia Lai, Kon Tum; vùng 3 là Đắc Lắc, Quảng Đức và vùng 4 là Lâm Đồng, Ninh Thuận. Trong đó, vùng 4 hoạt động mạnh nhất mà nóng bỏng nhất là địa bàn Lâm Đồng.

Lợi dụng tình hình Tây Nguyên mới giải phóng chưa ổn định, Fulro nổi lên hoạt động mạnh ở nhiều nơi. Chúng xuất hiện trên nhiều buôn làng rải truyền đơn, tuyên truyền miệng xuyên tạc chính sách của Đảng, nhà nước; dọa dẫm, kích động, lôi kéo nhân dân tham gia tổ chức của chúng, đồng thời đẩy mạnh hoạt động khủng bố, tấn công vào các đơn vị bộ đội, các tổ công tác của ta; phục kích, giết hại và làm bị thương hàng trăm người; cướp súng đạn, hàng hóa, tấp kích đường giao thông, đốt phá trụ sở. Hàng ngàn thanh niên trong các buôn làng bị Fulro lôi kéo, cưỡng bức vào rừng. Không khí Tây Nguyên vào thời kỳ đó thật u ám, nóng bỏng.

Dù đã hơn 30 năm, nhưng anh Nguyễn Văn Sinh - hiện đang là Chủ tịch MTTQ huyện Lâm Hà (Lâm Đồng),

trong lời kể về cái chết oan nghiệt của bố vợ anh do bọn Fulro gây ra, vẫn còn kinh hoàng. Đó là một đêm cuối năm 1979, khi buôn làng đang chìm trong giấc ngủ thì ngọn lửa bùng lên ở cuối thôn Bờ Sa. Tiếng người la hét hoảng loạn: “Fulro đốt nhà, bắt cóc mọi người đưa vào rừng rồi!”. Sáng hôm sau, người thân của họ liều mình vào rừng tìm kiếm. Mọi người đau đớn chứng kiến xác những người nông dân hiền lành bị đánh đập, máu me đầy mình, móc mắt và treo lên cành cây bên bờ sông Đạ Dâng. “Tội” của họ chỉ là không có lương thực góp cho bọn chúng. Thiếu tá Liêng Bang, người chỉ huy đợt tập kích này, sau đó đã trở về đầu thú và hiện sống tại xã Đạ Đờn. Tiếp xúc với ông ta, tôi không có ý moi móc lại lỗi lầm xưa, nhưng Liêng Bang tỏ ra rất hối hận khi tôi nhắc lại hành vi man rợ đẫm máu đối với những người dân vô tội ấy...

Không ai có thể nhớ hết những tội ác, những nỗi đau thương mà tổ chức phản động Fulro gây nên đối với người dân Tây Nguyên. Những chuyến xe khách dân sự ịch qua đèo An Khê, đèo Bảo Lộc, quốc lộ 14, và có khi cả ở đèo Prenn cửa ngõ của thành phố Đà Lạt, đều bị bọn chúng bắt ngờ tập kích bắn giết dã man. Trường học giữa buôn, bọn Fulro về thiêu cháy rụi, các cô giáo trẻ bị bọn chúng mang vào rừng hãm hiếp và vứt xác xuống suối. Những gia đình đồng bào, Fulro nghi ngờ cộng tác với chính quyền, chúng giết sạch cả nhà và chặt đầu treo lên cành cây. Chúng giết bất cứ ai, nếu người đó không theo chúng. Ông Lê Thành Danh, một người dân quê Nghi Thái, Nghi Lộc, Nghệ An vào Đắk Min (Đắk Nông ngày nay) xây dựng vùng kinh tế mới năm 1977, một năm sau đó ông và 5 người dân cùng làng bị bọn Fulro ném lựu đạn giết chết bên mé rừng khi họ đang phát cây khai hoang. Anh Tứ, con trai cả ông Danh, nhớ lại: “Hồi đó, tôi và những đứa em của mình còn nhỏ. Cả làng Đồi Hồng

Người đi qua cuộc chiến

(xã Đức Minh) đi nhặt từng phần xương thịt cha tôi và những người xấu số khác. Bộ đội, du kích phải cảnh giới để mọi người lo hậu sự cho những người đã mất. Từ đó, những người dân trong làng không ai còn dám vào rừng nữa, nhiều người sợ hãi bỏ vùng kinh tế mới hồi hương...”.



Một nhóm Fulro về đầu hàng.

Đầu năm 1976, tại Gia Lai, một số tên cầm đầu Fulro lén lút móc nối hoạt động. Chúng bí mật củng cố lực lượng ngầm ở các buôn làng và tổ chức lực lượng vũ trang ngoài rừng. Ngày 14-6-1976, tên Y Toan Êban và Ksor Hít đi liên lạc với “trung ương Fulro” từ Đắk Lắk trở về đã móc nối với các tên Nay Phun, Nay Rông, R Comxik và 20 đối tượng khác đang lẩn trốn trên địa bàn huyện Chư Sê để thành lập khung chỉ huy gọi là “quân đoàn” 12 Fulro với 12 tên do Nay Phun làm “tư lệnh”, R

Cômsik làm “tỉnh trưởng” Pleiku. Từ tháng 8-1976 đến tháng 2-1977, chúng gây ra 5 vụ tập kích trên quốc lộ 19 và quốc lộ 25, chặn đường và giết hại 106 người. Tập kích 4 vụ vào các lâm, nông trường và các xã, bắt đi 29 người và lôi kéo, khống chế hàng trăm thanh niên vào rừng.

Tại Lâm Đồng, đầu năm 1975, nổi lên tên Ha Nhang, vốn là một binh sỹ Việt Nam Cộng hòa, con của mục sư Ha Prông - chủ nhiệm Nam Thượng hạt (Sông Bé, Lâm Đồng và thị xã Bảo Lộc), có uy tín và ảnh hưởng trong lực lượng Fulro. Vùng 4, theo kế hoạch của Fulro, gồm cả các tỉnh nói trên, sẽ là vùng chiến thuật quan trọng nhất của chúng. Ha Nhang tự xưng là Tư lệnh vùng 4, dưới sự chỉ huy của hắn, bọn Fulro tập kích vào các cơ quan Đảng, chính quyền. Ngày 8-4-1975, sau đúng 5 ngày Đà Lạt giải phóng, bọn chúng đã phục kích đội công tác do đồng chí K’Brèo - thường vụ Huyện ủy Đức Trọng làm Đội trưởng; làm đồng chí Hà Ban, một thành viên của đội hy sinh. Năm 1976, xã Tân Hội (huyện Đức Trọng, Lâm Đồng) mới thành lập, tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Nửa đêm, Fulro đột kích cướp thùng phiếu rồi bắn súng M16, M79 vào trường tiểu học vừa xây dựng xong, bắt cóc rồi sát hại một cán bộ xã. Tại xã Liên Đàm (Di Linh, Lâm Đồng), ngày 27-1-1977, Fulro đã bắt rồi thủ tiêu anh K’Trang, một dân thường. Chúng vứt xác anh bên quốc lộ 20 chỉ vì K’Trang không chịu theo chúng vào rừng. Đại tá Vũ Linh kể: Vào một đêm tháng 4-1979, ông đi công tác cơ sở và đang ngủ thì nhận được tin báo một cửa hàng mua bán tại xã Phi Tô, huyện Lâm Hà bị tập kích. Bọn Fulro đã giết hại vợ chồng người nhân viên tên là Y Suk và đưa con nhỏ 4 tuổi của họ và cướp đi toàn bộ tài sản của cửa hàng. “Bản thân tôi và tất cả những người chứng kiến thảm cảnh ấy đều đau đớn, nhức nhối gan ruột!”, đại tá Vũ Linh nói.

Đêm 23-7-1976, tại Đăk Lăk, khoảng 50 tên Fulro bất ngờ tập kích vào đơn vị bộ đội thông tin tại huyện Krông Buk làm 3 đồng chí hy sinh, 6 đồng chí bị thương. Ngày 16-1-1977, cũng tại Krông Buk, bọn Fulro giết đồng chí Ma Đôi - Bí thư chi bộ một xã thuộc huyện này, bắn bị thương chủ tịch xã, cướp đi 23 súng và lôi kéo 17 du kích người dân tộc vào rừng. Ngày 9-2-1977, một toán Fulro ngoài rừng kết hợp với số hoạt động bí mật trong các buôn Puôr, buôn Cuôr Ta Ra (Buôn Ma Thuột) chặn bắt 26 người dân ở xã Hòa Đông, 5 người chống cự, bị chúng xả súng và dùng dao giết chết. Còn lại 21 người, chúng đưa vào rừng giết.

Từ năm 1978 đến 1989, Fulro ở Gia Lai đã gây nên 215 vụ phục kích, tập kích với những hậu quả hết sức nghiêm trọng. Chúng đã bắn giết dã man 198 người, làm bị thương 169 người khác, đốt 38 nhà dân, 8 trụ sở xã, phá hỏng 6 ô tô, kéo ra rừng 842 người. Ngoài ra, chúng còn tổ chức hàng chục vụ đặt mìn, phá hủy cầu cống trên các tuyến giao thông. Điển hình là các vụ: Đêm 26-3-1979, một toán Fulro tập kích vào 3 xã Ama Rơn, Ia Pia, Chư A Thai (huyện Ayun Pa) giết chết 9 người, bắn bị thương 12 người, đốt phá 3 nhà kho chứa 15 tấn lúa. 8 giờ sáng 11-6-1980, Fulro phục kích trên đường vào Đăk Đoa, huyện Mang Yang bắn cháy 1 xe ô tô làm chết 16 người. Ngày 28-7-1989, chúng tập kích vào một số gia đình xã An Phú, Pleiku bắn chết 5 người dân vô tội. Ngày 25-5-1980, khi có 4 thiếu niên người Kinh ở xã H'Neng, huyện Mang Yang vào rừng hái xoài đã bị Fulro giết hại dã man. Sau đó, có 10 người thân của các em đi tìm đã gặp toán Fulro trên, 6 người chạy thoát, còn 4 người đã bị chúng giết hại...

Còn rất nhiều, rất nhiều tội ác khác do bọn Fulro gây ra, từ những năm sau giải phóng đến tận khi tổ chức của chúng bị xóa sổ.

Đại tá Vũ Linh hồi tưởng: “Những ngày đó, cả nước hướng về Tây Nguyên với biết bao lo lắng. Đầu năm 1977, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị 04/CT-TW về đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề Fulro. Sau các Hội nghị Công an toàn quốc, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) mà trực tiếp là Bộ trưởng Phạm Hùng đã tổ chức nhiều cuộc họp và trực tiếp chỉ đạo ngành công an các tỉnh Tây Nguyên phối hợp cùng các đơn vị của Bộ, quân đội, các địa phương cấp tốc tổ chức và triển khai các chuyên án để triệt phá tổ chức phản động nguy hiểm này. Chúng tồn tại thêm ngày nào là ngày đó tình hình vẫn rối ren, là máu của đồng chí, đồng bào vẫn đổ xuống mảnh đất vừa trải qua chiến tranh đang cần sự bình yên...”.

U.T.B

Hồ sơ tư liệu:

FULRO

BÓNG MA ÁM ẢNH TÂY NGUYÊN

❖ **Ông Thái Biểu**

Kỳ III: CHUYỆN ÁN F 101
“HÙM XÁM RỜI HANG”

Trong câu chuyện với chúng tôi, khi nhớ lại những tháng ngày tiểu trừ Fulro nóng bỏng, đại tá Vũ Linh (tức Tư Vũ) - nguyên Trưởng ty Công an Lâm Đồng, Cục trưởng Cục an ninh Tây Nguyên như sống lại một quãng đời, một vùng ký ức không thể nào phai nhạt. Đó là những tháng ngày mà dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nội vụ, trên cương vị của mình, ông cùng các đồng đội đã hao tâm, tốn trí, nhiều đồng chí hy sinh cả tính mạng, dốc toàn lực cho cuộc chiến đấu, giải quyết vấn đề Fulro, đập tan những mưu đồ của bọn phản động, trả lại sự bình yên cho buôn làng Tây Nguyên...

Từ tháng 5-1976, một số tên cầm đầu Fulro Đêga bị chúng ta bắt giam tại Buôn Ma Thuột đã tổ chức vượt ngục ra rừng và sau đó ám sát ban lãnh đạo cũ để giành quyền lãnh đạo. Sau cuộc “đảo chính” này, Y Djao Niê - nguyên trung tá quân đội Sài Gòn cũ, đứng ra thành lập nội các mới, tự xưng là “thiếu tướng”, “Thủ tướng Fulro” và đưa Nahria Ya Duck, người Chu Ru, sinh tại Đơn Dương, Lâm Đồng làm “Phó thủ tướng thứ nhất” kiêm Tư

lệnh vùng 4. Sào huyết của “Trung ương Fulro” chuyển về vùng núi rừng Bidoup thuộc khu vực Đầm Ròn. Trong khi “ngài thủ tướng” đang bám gót Pôn Pốt bên kia biên giới, “phó thủ tướng thứ hai” Paul Yuh người Ê Đê mất uy tín, tất cả quyền lực Fulro nằm trong tay Nahria Ya Duck, thanh thế của ông ta rất mạnh. Biệt danh “hùm xám Tây Nguyên” của Nahria Ya Duck bắt đầu nổi lên từ lúc này. Chính vì vậy, Nahria Ya Duck trở thành mối quan tâm hàng đầu của ta, giải quyết Nahria Ya Duck cũng có nghĩa là đập tan đầu não Fulro và làm tan rã toàn bộ lực lượng của chúng trên toàn tuyến.



Sau ngày trở về với nhân dân, Đệ nhất phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck đã phối hợp với lực lượng An ninh kêu gọi sĩ quan, binh lính trong lực lượng Fulro trở lại buôn làng.

Vào thời điểm này, Công an Lâm Đồng đã hình thành và triển khai một chuyên án cực kỳ táo bạo và lập nên những chiến công xuất sắc, chuyên án mang mật danh “F101.” Sự hấp dẫn của chuyên án và tinh thần tài trí, táo bạo, quyết liệt, dũng cảm của những cán bộ, chiến sỹ an ninh tham gia chuyên án này đã được các nhà điện ảnh tái hiện trong một bộ phim cùng tên và được các trường an ninh trong nước đưa vào giáo trình nghiệp vụ. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi xin tóm tắt những thành công của chuyên án qua những tài liệu, hồi ức của những người trực tiếp lãnh đạo, tổ chức và trực

tiếp đánh án như là một lần nữa tôn vinh chiến công xuất sắc và tinh thần hy sinh dũng cảm của các chiến sỹ công an nhân dân trên mặt trận đấu tranh chống lại một thế lực phản động cực kỳ nguy hiểm.

Từ hội nghị tại Nha Trang chuyên đề giải quyết Fulro do đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ chính trị, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chủ trì trở về, đồng chí Đỗ Quang Thắng - Bí thư Tỉnh ủy và Phó Ty Công an tỉnh Lâm Đồng Vũ Linh lập tức triển khai công tác. Theo lời kể của đại tá Vũ Linh, đồng chí Đỗ Quang Thắng nói: “Bộ chỉ huy trung ương Fulro đang nằm ngay trong lãnh địa của chúng ta. Chỉ thị của đồng chí Phạm Hùng đã vạch ra cho Lâm Đồng phải tính toán như thế nào để triệt phá cái trung ương ấy của chúng...”. Vũ Linh đã hạ quyết tâm đánh án thành công trước người lãnh đạo cấp ủy trực tiếp của mình.

Ngay trong đêm hôm ấy, thượng úy Nguyễn Văn Độ - Phó phòng bảo vệ chính trị (sau này là đại tá, giám đốc Công an Lâm Đồng) báo cáo cho đồng chí Vũ Linh một thông tin đặc biệt: “F1 (mật danh trinh sát nằm vùng của ta) đưa tin khẩn, Nahria Ya Duck vừa liên lạc với một đường dây để xuất ngoại, thông qua mục sư Tri Lâm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể đường dây này như thế nào, tôi đã bố trí trinh sát tiếp tục theo dõi.”. Với sự nhạy cảm và kinh nghiệm của một cán bộ tình báo dày dạn (Vũ Linh nguyên là đội trưởng điệp báo A2, được đích thân Bộ trưởng Bộ Công an Trần Quốc Hoàn cử vào Nam hoạt động trong kháng chiến chống Mỹ), Vũ Linh hình thành ngay ý tưởng: “Tốt lắm! Thời cơ đã đến. Sáng mai, tôi sẽ trao đổi tin này với đồng chí trưởng ty và các anh KĐ4 (Bộ Nội vụ) để bàn phương án. Không ngờ, đúng lúc này ta lại có đường để “dụ hùm ra khỏi hang”...

Chuyên án F101 đã được triển khai ngay sau đó, Bí thư Tỉnh ủy Đỗ Quang Thắng làm Trưởng ban. Thượng tá Vũ Linh trực tiếp cầm quân tác chiến, là Phó ban Thường trực. Các đồng chí Lương Quyền - Cục trưởng KĐ4 (Bộ Nội vụ) cùng 3 đồng chí cấp phó: Nguyễn Đức Minh, Văn Bá Đạt, Nguyễn Phước Tân và đại tá Trần Đức Hoài - Trưởng Ty Công an Lâm Đồng thời kỳ đó cùng làm phó ban. Thành viên ban chuyên án là thượng úy Nguyễn Văn Độ, thượng úy Phan Văn Thái (Phó phòng Bảo vệ chính trị, sau này là đại tá - Trưởng Công an huyện Đức Trọng) cùng thiếu tá Trịnh Lương Hy - Trưởng Công an huyện Đơn Dương (hiện là trung tướng, Quyền tổng cục trưởng Tổng cục an ninh, Bộ Công an). Nhiệm vụ của Ban chuyên án là phải đánh tan quân khu 4 - quân khu mạnh nhất của Fulro mà con át chủ bài là Nahria Ya Duck, ngăn chặn việc chúng tiến hành lập Fulro vùng 5, góp phần cùng công an các tỉnh Đắk Lắk - Đắk Nông, Gia Lai - Kon Tum, Sông Bé, Đồng Nai... phá toàn bộ hệ thống "Trung ương Fulro", giải quyết cơ bản tổ chức phản động này...

Như đã nói về nguồn tin của F1, qua một cô gái người Kinh tên là Thu Phương, làm y tá tại xã N'Thol Hạ (Đức Trọng), nhóm Nahria Ya Duck đang tìm đường để ra nước ngoài trong một "chương trình" mang tên "Xuduvicaon" (xuất dương vì cao nguyên). Phương tìm được một mục sư tên là Tri Lâm, đại diện một tổ chức từ thiện quốc tế (thực ra là một kẻ mạo danh, ông mục sư này đã xuất ngoại trước đó), sẵn sàng tài trợ mọi chi phí để đưa nhóm Fulro ra nước ngoài huấn luyện, đào tạo, trang bị để sau này trở về "giải phóng Tây Nguyên". Phương sốt sắng, hứa hẹn với thầy trò Nahria Ya Duck qua tên "trung tá" To Na - liên lạc đặc biệt của Nahria Ya Duck. Dù rất khát khao xuất dương, nhưng còn nhiều nghi vấn, Nahria Ya Duck đã cử hai sĩ quan cận vệ của mình là "đại úy" Ha Póh và "thiếu tá" Ya Theng tìm mọi

cách bám theo Phương để liên lạc trực tiếp với mục sư Lâm nhằm bảo đảm một đường dây xuất ngoại chắc chắn và tránh bị Phương lừa gạt. Chỉ đạo này của Nahria Ya Duck đã được ta nắm hết. Kế hoạch bắt giữ Thu Phương và hai tên Ha Póh, Ya Theng được tính đến. Đây là khâu đột phá, là mắt xích của chuyên án. Cùng với sự chỉ đạo và hỗ trợ của Bộ Công an, Công an Lâm Đồng đã vào cuộc thực hiện chuyên án “F101” sau khi nắm chắc kế hoạch của Nahria Ya Duck và “Trung ương Fulro”...

Một mặt chúng ta đã đón lõng, bí mật bắt giữ Thu Phương, Ha Póh và Ya Theng, mặt khác cử người đi điều tra làm rõ nhân thân của “mục sư Tri Lâm”. Sau khi bị bắt, được giáo dục cảm hóa, nhận thấy việc làm của mình là sai trái, Phương ân hận và mong muốn được lấy công chuộc tội, cô hứa với chú Vũ Linh là “Cháu sẵn sàng nhận nhiệm vụ chú giao”. Và cô đã hợp tác có hiệu quả với công an trong vai một “con thoi” liên lạc giữa Nahria Ya Duck và Tri Lâm. Từ những thông tin mà bọn Ha Póh, Ya Theng và Phương khai báo, cùng với những nguồn tin khác, Ban chỉ đạo chuyên án quyết định đặt cho “tổ chức từ thiện quốc tế” mà mục sư Tri Lâm (Tri Lâm giả, do công an dựng lên) nằm trong đường dây đang hấp dẫn Nahria Ya Duck và đồng bọn một cái tên khá Tây: Tổ chức từ thiện Caritas. Các cán bộ công an gồm Lâm Văn Thanh (thiếu úy, trinh sát ngoại tuyến thuộc Phòng bảo vệ chính trị, sau là liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân), Nguyễn Ngọc Diêu (thiếu úy, sau là liệt sĩ), Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Duy Hưng (đều là cán bộ Phòng hậu cần), Trần Hữu Phi (thiếu úy, lái xe riêng của Vũ Linh) và đồng chí Nguyễn Văn Cho (trinh sát an ninh của Bộ Nội vụ tăng cường) tất cả đều được huấn luyện rất kỹ, rất nhuần nhuyễn theo một kịch bản nghiệp vụ chi tiết để tham gia chuyên án.

Yakovlev
bộ tướng, Kirov
gửi thư
Sputnik báo MORT CASHES

HỘI TOÀN THỂ SIVAMHASIVAN
Binh Sĩ Trong Hạng NGŨ FULRO.



Như sau: FULRO là một tổ chức phản động do bọn đế quốc lập nên, chia rẽ dân tộc phần đông hai nước, làm suy sái cho bọn xâm lược, áp bức nhân dân, nên chúng tôi từ chối, nên bộ thì tránh đi. Vì thế, chúng tôi làm như sau.

Chúng tôi gồm: Nahria Duck, K' Ty, Louxa Yaam, Khay Yaam Ha But, Yang Hot K' Thot và một số phần chi Huy Fulro đã cùng đồng đánh Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan Bình Sĩ trở về với nhân dân, được hưởng chính sách khoan hồng đối lương dân cách mạng nên đều được miễn.

Để anh em còn trong hàng ngũ Fulro ra khỏi con đường tối tăm, tối lố, chết chóc vì lầm đường đi lạc, vì bị thanh trừng làm như sau về... bị nhân dân oán ghét.

Để cứu giúp anh em còn trong hàng ngũ Fulro như sau chúng tôi về với chính phủ với Buôn làng làm ăn, sống yên vui, đoàn tụ với gia đình.

Tuyên thư chúng tôi thiết tha kêu gọi.

Tất cả Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan, Bình Sĩ còn trong hàng ngũ Fulro hãy trở về ngay với nhân dân.

Chúng tôi xin đảm bảo tất cả anh em đều được hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng đến sẽ được sống đoàn tụ với gia đình.

Chúng tôi sẽ đứng ra bảo lãnh cho anh em tại bất cứ địa điểm nào mà anh em ra trình diện.

Tuyên thư anh em hãy mau mau thức tỉnh trở về ngay với cách mạng với nhân dân.






K' Ty Nahria Duck Louxa Yaam
(Ủy viên Ha But)

Thư của Nahria Ya Duck (phó thủ tướng Fulro) và các bộ trưởng, quân khu cùng ký tên kêu gọi Fulro ra đầu hàng với chính quyền mới.

Trong quá trình liên lạc qua lại, "Tổ chức Caritas" đã thường xuyên gửi quà vào rừng cho các vị thuộc trung ương Fulro bao gồm thực phẩm, thuốc men và cả bia ngoại, thuốc lá ngoại ...v...v.. Cho đến một ngày, Nahria Ya Duck nhận được tin: Tổng thư ký của tổ chức từ thiện

Caritas đã đến Việt Nam và nồn nóng “đón” ngài “Đệ nhất Phó thủ tướng” cùng các “chiến binh Fulro” qua Hoa Kỳ. Sau nhiều cuộc thương thảo mà Thu Phương là liên lạc, thiếu úy Lâm Văn Thạnh nhập vai Nguyễn Văn Bình (Ba Bình), đại diện của “Tổ chức từ thiện Caritas”, thiếu úy Nguyễn Duy Hưng là người lái xe chở Ba Bình đến điểm hẹn để đón “chuyến hàng” đầu tiên, “chuyến hàng” mang tính quyết định. Toàn Ban chuyên án, lãnh đạo Bộ Nội vụ, lãnh đạo Cụm An ninh Tây Nguyên và Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng hội họp đến khỏ tả khi cầm bản danh sách 10 người theo Fulro sẽ “trở về” trong “chuyến hàng” đầu tiên này có “Đệ nhất Phó thủ tướng” Nahria Ya Duck, “trung tá” Lơ Mu Yem - “tổng trưởng ngoại giao”, cùng hai “trung tá”, hai “thiếu tá” và bốn cấp “úy”. Đúng 4 giờ 30 ngày 13-8-1980, bên kia sông Tùng Nghĩa (Đức Trọng), một đoàn người gồm 60 Fulro đang hộ tống Nahria Ya Duck cùng 9 người khác lội qua sông, giữ đúng giao ước với Ba Bình (Lâm Văn Thạnh) và lên chiếc Microbus Desoto biển số 52...bên hông treo dòng chữ “Đoàn khách Campuchia tham quan” thẳng tiến về hướng mai phục sẵn. 8 giờ sáng 13-8-1980, chiếc xe chở Nahria Ya Duck và đồng bọn đến vị trí ta chờ. Một chiếc ô tô khác “hộ tống” phía sau, bất ngờ vượt lên, chia lực lượng ra hai xe và thay biển số xe rồi đưa “khách” về thẳng một biệt thự trên đường Trần Bình Trọng - Đà Lạt. Nahria Ya Duck không ngờ, “Tổ chức từ thiện Caritas” mà ông ta và cả bộ máy “Trung ương Fulro” gửi gắm kỳ vọng cho những chuyến “xuất dương vì cao nguyên” lại chính là những cán bộ chiến sỹ an ninh cộng sản trong một chuyên án bí mật, mà mục tiêu đầu tiên “dụ hùm xám rời hang” đã thành công. Sau một quá trình đấu tranh, thuyết phục sự “cải tà quy chính” và hợp tác của Nahria Ya Duck và những người khác trong bộ máy “Trung ương Fulro” đã giúp chúng ta thực hiện thành công chuyên án F101, đập tan đầu não, dẫn đến rã ngũ và xóa sổ tổ chức Fulro trên địa

bàn Lâm Đồng và cả Tây Nguyên trong những năm sau đó...

Chuyên án “F101” có tám chuyến đi đón các “vị lãnh đạo cao cấp” của Fulro như thế, tại các địa điểm khác nhau, bóc gỡ được toàn bộ trung ương Fulro và các quân khu đứng chân trên địa bàn. Phía sau mỗi chuyến xe chở “hàng”, luôn có một chiếc ô tô con biển số trắng do anh Phi lái chở ông Vũ Linh người chỉ huy trực tiếp trận đánh để đề phòng bắt trặc nhằm xử lý kịp thời tình huống xấu xảy ra. Phía sau nữa, lại có một chiếc ô tô lớn nguy trang như xe chở khách, luôn giữ khoảng cách nhất định với hai xe phía trước để làm nhiệm vụ hỗ trợ khi cần thiết. Người cựu chỉ huy ban chuyên án trầm ngâm: “Thật đau lòng, có những chuyến xe, chúng tôi phải đón thi hài của các liệt sỹ Lâm Văn Thanh và Nguyễn Ngọc Điều, các đồng chí ấy đã chiến đấu quả cảm và hy sinh anh dũng xứng đáng là những chiến sĩ an ninh tiêu biểu của ngành...”.

U.T.B

Hồ sơ tư liệu:

FULRO

BÓNG MA ÁM ẢNH TÂY NGUYÊN

❖ **Ông Thái Biểu**

Kỳ IV: NHỮNG NGƯỜI VÀO HANG SÓI

Với những cái tên giả trong một tổ chức từ thiện quốc tế giả, những chiến sỹ an ninh nhân dân đã nhập vai tuyệt vời và chính họ đã góp phần lớn cho sự thành công của chuyên án "F101". Với sự thông minh, tài trí, táo bạo, với tinh thần bất chấp hiểm nguy, họ như những cảm tử quân trong một trận đánh quyết định. Trước sự hung hăng, tàn bạo của bọn phản động, trước những tình thế hiểm nguy, có những chiến sỹ an ninh đã hứng đạn thù thay cho đồng đội, mãi mãi không về. Khi đó họ còn rất trẻ...

Đại tá Vũ Linh kể lại, hồi đó, khi biết có trận đánh lớn sắp xảy ra, Ban chuyên án đã nhận được rất nhiều đơn tình nguyện, trong đó, rất nhiều những lá đơn của các cán bộ an ninh trẻ tuổi, dù họ biết phía trước là hiểm nguy, là có thể hy sinh tính mạng của chính mình. Cuối cùng, Ban chuyên án quyết định: các đồng chí Lâm Văn Thanh (thiếu úy, trinh sát ngoại tuyến thuộc Phòng bảo vệ chính trị), Nguyễn Ngọc Điều (thiếu úy), Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Duy Hưng (đều là cán bộ Phòng hậu cần), Trần Hữu Phi (thiếu úy, lái xe riêng của thượng tá Vũ Linh) và đồng chí Nguyễn Văn Cho (trinh sát an ninh của

Bộ Nội vụ tăng cường) vào trận. Các “cảm tử quân” được huấn luyện kỹ càng, nhập vai một cách thuần thục trước khi vào cuộc đấu sinh tử.



Đại tá Nahria Ya Duck - đệ nhất Phó thủ tướng Fulro - tại bãi biển Đà Nẵng, đang hợp tác với an ninh Lâm Đồng trong chuyên án F101.

Nhập vai Ba Bình - một thành viên của “Tổ chức từ thiện Caritas”, lúc đó Lâm Văn Thạnh mới ngoài tuổi 20, lúc anh tham gia “nhân vật chính” trong chuyên án này, chị Nga vợ anh, vừa mới mang thai cháu Quỳnh Hương 6 tháng. Ngã xuống giữa một cánh rừng Lâm Đồng, người sỹ quan an ninh quả cảm ấy không bao giờ nhìn thấy gương mặt đứa con gái thân thương của mình. Khoảng 22 giờ, ngày 4-8-1980, Phó ban chuyên án Vũ Linh bí mật triệu tập thiếu úy Lâm Văn Thạnh lên phòng làm việc của mình. Ông nói: “Ban chuyên án đã quyết định dùng “chim mồi” “câu nhử” tạo ra những cơn lốc xoáy vào tận sào huyệt, đập tan bộ máy lãnh đạo Fulro, kéo họ và binh lính ra khỏi rừng, đưa họ trở về với buôn làng. Để chuyên án

thành công, ta tạm thời đóng giả tổ chức từ thiện Caritas; ta phải tỏ ra là tổ chức này có sẵn tiền, có đủ mọi phương tiện và điều kiện để “câu nhử” dưới hình thức đưa chúng ra nước ngoài, nhằm bắt sống những tên lãnh đạo cao nhất của “Trung ương Fulro”. Để làm được việc này, Ban chuyên án quyết định chọn cháu đóng vai Ba Bình là “phái viên đặc biệt” của tổ chức Caritas...”. Lâm Văn Thanh đã nhận lệnh của Phó ban chuyên án trong một tâm trạng đầy hứng khởi, tự tin với lời hứa trước cấp trên: quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, dù phải hy sinh tính mạng!

Thiếu úy Lâm Văn Thanh là một trinh sát an ninh đa tài, theo đồng đội kể lại là anh rất giỏi võ, anh đã từng có 17 lần lên võ đài với 14 trận thắng và 3 trận hòa chưa có trận thua! Anh vào vai Nguyễn Văn Bình (Ba Bình), đại diện của “Tổ chức từ thiện Caritas” và nhập vai khá “ngọt”, trong những chuyến liên lạc gặp gỡ các sĩ quan Fulro, chúng đã dùng đủ trò để thử thách anh kể cả những trò đánh phủ đầu, đe dọa...nhằm phát hiện xem các anh có phải là người của an ninh không, nhưng anh và đồng đội đều đã vượt qua một cách đáng tin cậy! Trong chuyến công tác đặc biệt, chỉ có anh và thiếu úy Nguyễn Duy Hưng trong vai lái xe, đến “điểm hẹn” đón “chuyến hàng” đầu tiên, chuyến hàng quan trọng nhất vào ngày 13-8-1980. Trên “chuyến hàng” ấy có “Đệ nhất Phó thủ tướng” Nahria Ya Duck và 9 nhân vật “cỡ bự” khác của Fulro. Sau này, anh Hưng kể lại, khi đó, bản thân anh thấy hãnh diện và có phần hơi run, khi trước mặt mình là 60 tên Fulro hộ tống Nahria Ya Duck và các “sĩ quan” chỉ huy rất hung hãn, lăm lăm súng ống. Nhưng Lâm Văn Thanh thì rất bình thản, tự tin. Trước đó, để chuyển xe đón ông Nahria Ya Duck “trở về” thành công, Lâm Văn Thanh, Nguyễn Duy Hưng, và cả Ban chuyên án đã qua nhiều phen “hú vía”. Trong đó có một tình huống bất ngờ

là chớm sáng ngày 13-8-1980, theo chỉ đạo của Ban chuyên án, anh “Bình” làm việc với nhóm “sỹ quan cận vệ” của ông Nahria Ya Duck và được họ cho cái hẹn đúng 4 giờ sáng tới địa điểm đón người. Ban chuyên án đã bố trí lực lượng và Thạnh cùng Hưng có mặt đúng hẹn. Bất ngờ, từ trong những bụi cây rậm rạp cạnh con đường mòn chỗ xe anh Hưng đậu, xuất hiện sáu tên Fulro dữ dằn. Bọn chúng lao vào dùng báng súng, khúc cây và đá đánh hai anh một trận phủ đầu, hỏi các anh có phải là người của công an không? Tất nhiên, Thạnh vẫn không để lộ mình giỏi võ thuật mà phải giải thích với chúng, các anh là thành viên của “Hội Caritas” và đang giúp mở ra cho họ con đường tươi sáng. Chuyện bị tấn công này, Ba Bình đã nói lại với Nahria Ya Duck trước lúc lên đường. Nahria Ya Duck tỏ ra bối rối và nghiêm sắc mặt cảnh cáo sáu tên Fulro mạnh động!...

Chuyên án “F101”, như đã nói, có tám chuyến đi “đón lõng” Fulro như thế. Mỗi chuyến đi là mỗi chuyến cam go, nguy hiểm, thử thách bản lĩnh can trường và tài trí của các chiến sỹ an ninh nhân dân. Mỗi lần chuẩn bị cho một chuyến công tác đặc biệt này, những trinh sát của chúng ta nhìn đồng chí, đồng đội và người thân như là lần gặp cuối cùng. Trong chuyên án ấy, có rất nhiều tình tiết ly kỳ và rất nhiều câu chuyện. Trong dung lượng hạn hẹp, chúng tôi xin kể lại sự hy sinh dũng cảm của hai sỹ quan công an trong số “những người vào hang sói”.

Quá trình phát triển của chuyên án rất nhanh và đạt hiệu quả rất cao, nhưng một sơ xuất nhỏ trong quá trình tác nghiệp đã làm cho một toán Fulro nghi ngờ! Ngày 10-12-1980, anh Ba Bình (Lâm Văn Thạnh) đến liên lạc với “trung úy” Sa Mol ở khu vực chân núi Voi, thuộc địa bàn huyện Đức Trọng, chuẩn bị thực hiện chuyến thứ bảy. Sa Mol dẫn Bình đến gặp một tên Fulro xưng là

“thiếu tá”. Vừa thấy anh “Bình”, tên “thiếu tá” này vội đứng dậy khỏi tảng đá hấn ngồi rồi ra lệnh cho bốn tên lính vây quanh anh. Hấn giữ một khoảng cách với anh, cười xã giao rồi đưa cho một tên lính khác bản danh sách 19 tên Fulro xin đi trong chuyến tới, ra hiệu đưa cho anh Thạnh. Danh sách này gồm bốn Fulro cao cấp là các “trung tá” Lơ Mu Chông, Cil Be, Ênuôl M”Bột và “thiếu tá” Tou Néh Đen - “tỉnh trưởng Phan Rang” cùng một số Fulro cấp “úy”. Lâm Văn Thạnh và đồng đội không ngờ, các anh đã rơi vào một cái bẫy do chúng cài sẵn...



Bà con đón tiếp các thành viên Fulro trở về với buôn làng.

Đúng hẹn, 4 giờ 30 phút ngày 23-12-1980, Lâm Văn Thạnh, Nguyễn Ngọc Diêu, Trần Hữu Phi và Nguyễn Văn Cho lên đường trên hai chiếc ô tô quen thuộc để đi đón toán Fulro. Đến điểm hẹn, nhận ra ám hiệu, các anh nhá đèn pha ba lần theo quy ước. Từ bụi cây ven đường, hai tên Fulro bước ra và nói các anh chạy xe vào 50 mét, rồi thêm 50m nữa. Xe vừa vào sâu trong rừng, bất ngờ, 20 tên Fulro lao vào khống chế, bẻ quặt tay các anh ra

phía sau rồi dùng hai sợi dây dù trói các anh lại, đánh đập thỏa sức như để trút cơn giận dữ. Chúng lăm lăm súng ống gí vào người các anh, vừa chửi vừa cười man rợ. Sợi dây trói không đủ chặt, chúng bứt dây rừng quắn thêm mấy vòng trói các anh. Cảm giác đau buốt ban đầu nhanh chóng biến mất mà thay vào là những suy nghĩ, băn khoăn: liệu đây có phải là cái trò đánh phủ đầu của bọn Fulro như thỉnh thoảng chúng vẫn làm để buộc các anh sợ hãi mà khai ra, các anh chính là công an đi bắt chúng! Thế nhưng, các anh đâu biết đã bị lọt vào một cái bẫy mà chúng gọi là “kế hoạch phượng hoàng”...



Đoàn xe chở các thi hài liệt sĩ trở về

Người đi qua cuộc chiến



Lâm Văn Thạnh, anh hùng lực lượng vũ trang trong vai Ba Bình, phái viên Caritas, người trực tiếp liên lạc với các sĩ quan Fulro trong kế hoạch “điều hổ ly sơn”.



Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Diêu, lái xe kiêm trinh sát của chuyên án F101, hy sinh cùng ngày với Lâm Văn Thạnh.



Trần Hữu Phi vừa trở về từ cõi chết, lại tiếp tục đánh trận cuối cùng hốt nốt số sĩ quan Fulro còn lại trong rừng theo kế hoạch của chuyên án F 101.

Biết là bị lộ, ngay tức khắc, Nguyễn Ngọc Diêu đánh ngã một lúc ba tên rồi bỏ chạy, nhưng chúng đã bắn chết anh tại chỗ. Còn Lâm Văn Thạnh, Trần Hữu Phi và Nguyễn Văn Cho, trên đường áp giải, chúng tiếp tục tra tấn, hành hạ các anh hết sức dã man nhưng cả ba cắn răng chịu đựng. Thạnh ra hiệu cho Phi và Cho, thừa lúc bọn Fulro sơ hở, anh sẽ tự cởi trói, nhảy vào tấn công bọn chúng để tạo thời cơ cho đồng đội chạy thoát. Đến 8 giờ sáng thì bọn Fulro dừng lại và mang cả ba người đến bên một bờ vực chuẩn bị xử bắn. Lợi dụng lúc chúng lên đạn, Thạnh đưa mắt ra hiệu, Cho và Phi nhảy xuống vực chạy thoát. Một mình Thạnh tả xung hữu đột tấn công giữ chân địch, và cuối cùng, người chiến sỹ an ninh quả cảm ấy đã ngã xuống giữa cánh rừng Lâm Đồng. Sự hy sinh anh dũng của Lâm Văn Thạnh đã

được Nhà nước ghi nhận với danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân từ tháng 12-1982. Hơn 30 mùa xuân đã qua, nhưng trên ngôi mộ của anh giữa nghĩa trang Liệt sỹ thành phố Đà Lạt lúc nào cũng thắm sắc hoa tươi. Người thân, đồng chí, đồng đội của anh luôn tưởng nhớ về người sỹ quan an ninh Lâm Đồng mưu trí, dũng cảm đã ngã xuống khi tuổi đời hãy còn rất trẻ. Đại tá Vũ Linh trầm ngâm: “Đã chứng kiến biết bao nhiêu đồng đội ngã xuống, nhưng có lẽ đó là lần duy nhất trong đời tôi đã không cầm được nước mắt. Họ là người lính, là người lính thì chấp nhận hy sinh mạng sống vì Tổ quốc. Nhưng lúc đó, tuổi đời của họ hãy còn quá trẻ. Trong lúc đó, Trịnh Thị Nhi - vợ của Nguyễn Ngọc Diêu và Trịnh Thị Nga - vợ của Lâm Văn Thanh đều đang mang những giọt máu của các liệt sỹ trong mình...”. Điều trùng hợp ngẫu nhiên, 31 năm sau, con gái của anh Diêu là Nguyễn Trịnh Hồng Nhung, và con gái của anh Thanh là Lâm Quỳnh Hương, hiện là hai trung úy trẻ của lực lượng công an Lâm Đồng...

Với chuyên án mang mật danh “F101” mà Lâm Văn Thanh và các đồng chí, đồng đội của anh tham gia, công an Lâm Đồng đã “câu nhử” bắt giữ đại bộ phận bọn cầm đầu Fulro, làm cho nội bộ của chúng tan rã, tạo điều kiện cho ta phát động quần chúng, tấn công chính trị, gọi về hàng hơn 2000 tên. Kết quả đó đã tác động đến toàn vùng Tây Nguyên, gọi về hàng đến 4000 tên, góp phần giải quyết cơ bản vấn đề Fulro theo tinh thần Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đem lại cuộc sống bình yên cho cộng đồng các dân tộc anh em trên khắp các buôn làng Tây Nguyên.

ĐẠI THỤ GIỮA ĐẠI NGÀN TÂY NGUYÊN

❖ Nguyễn Thị Hoa

Năm 1953, Nguyễn Trọng Cảnh (đồng chí Vũ Linh) tạm biệt mẹ già, vợ trẻ, con thơ lên đường ra Việt Bắc để dự lớp huấn luyện tình báo. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ông là một trong những sĩ quan về tiếp quản Hà Nội từ tay thực dân Pháp. Năm 1964, Vũ Linh lên đường vào chiến trường Nam Tây Nguyên, biên chế trong Tổ Điện báo trực thuộc Bộ đứng chân tại Khu VI.

TỪ BIỂN LÊN NÚI

Thiếu tướng Bùi Minh Hớn, nguyên Phó chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng, chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận còn nhớ như in những ngày phối hợp với đồng chí Vũ Linh - từ 1969 đến kết thúc chuyên án Fulro 1986. Tình bạn giữa họ cứ lớn dần trong tác chiến trận mạc, qua bao thử thách cực kỳ khó khăn, gian khổ, khốc liệt... Tình bạn ấy trở thành biểu tượng sống động của hai sĩ quan công an - quân đội: Họ cùng nhau xây dựng kế hoạch tác chiến, kế hoạch chỉ huy, xây dựng lực lượng, tham mưu cho Tỉnh ủy: "Tôi với Vũ Linh gắn bó mật thiết như môi với răng. Anh nắm tình hình địch ở Tuyên Đức chủ động chuẩn bị phương án, kế hoạch, lực lượng tham gia cùng quân đội chiếm lĩnh các trụ sở cảnh sát, đảng phái phản động, chỉ dẫn cận kề

đường đi, lối lại trong nội thành, cung cấp tình hình địch để lực lượng vũ trang đánh địch. Vũ Linh hoạt động rất hiệu quả, nắm tình hình tốt, lo xoay sở lương thực cho bộ đội ăn, có thể bộ đội mới bám được vùng khó khăn này. Tôi dựa vào Vũ Linh, anh là người có trách nhiệm, gắn bó mật thiết với lực lượng vũ trang của tỉnh từ trong chiến tranh đến khi hòa bình. Vũ Linh hiền hòa, sống rất tình cảm: Năm 1972, vợ tôi bị địch bắt, địch thông báo trên Đài kêu gọi tôi đầu hàng và thưởng 1000 USD cho ai bắt hoặc giết được Tiểu đoàn trưởng 810 Bùi Minh Hớn. Tôi hỏi thăm Vũ Linh, anh động viên tôi bằng thông tin: "Vợ tôi không khai một lời".

Theo lịch sử An ninh Khu VI - thời kỳ kháng chiến chống Mỹ: Năm 1968, Tổ điệp báo A2 cùng Tiểu đoàn 810 đánh địch ở nội thị và trụ lại ở Đa Cát. Đồng chí Vũ Linh (lúc đó là Tổ phó Tổ A2) cùng An ninh Đà Lạt tổ chức đột nhập Đa Thành. Sau trận này, đồng chí Vũ Linh được giao nhiệm vụ tổ trưởng tổ điệp báo A2. Tổ Điệp báo do đồng chí Vũ Linh phụ trách đã lấy được rất nhiều tài liệu mật phục vụ kịp thời, chính xác cho chiến trường Khu VI và chiến trường miền Nam. Nhờ đó, đã tạo điều kiện thuận lợi để cấp ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang và các ngành đánh phá kế hoạch "*Phượng hoàng*", kế hoạch "*Bình định cấp tốc*", "*Bình định đặc biệt*" và "*Bình định phát triển*" của địch.

Ngày 10-7-1969, Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Đức ra Quyết định số 04 bổ nhiệm đồng chí Vũ Linh làm Ủy viên Ban An ninh tỉnh. Ngày 6-9-1969, Tổ A2 do Vũ Linh chỉ huy đã cung cấp tin tức chính xác phục vụ cho lực lượng vũ trang đánh thiệt hại nặng Trung tâm huấn luyện Cảnh sát dã chiến ở Trại Mát. Trong tháng 5-1970, Tổ A2 đã ba lần cung cấp địch tình chính xác cho lực lượng vũ trang đánh Trung tâm huấn luyện Cảnh sát dã chiến và Tiểu

khu. Trong năm 1970, Tổ A2 đã lấy được nhiều tài liệu quan trọng của địch trong đó có kế hoạch *Phượng hoàng* Vùng II do Trung tướng Lữ Lan ký và kế hoạch “*Tình báo nhân dân*” của cảnh sát Vùng II. Nhờ có nội tuyến, Tổ A2 đã lấy được “*chương trình binh định*” năm 1970 của Mỹ - ngụy, biết rõ đối sách của ngụy quyền tỉnh, phát hiện sớm chủ trương gom xúc dân củng cố vùng tề; chủ trương thành lập Ủy ban Phượng hoàng xã, phân chi cảnh sát xã; nắm được tình hình tổ chức và hoạt động của bọn Đại Việt, Nhân xã đảng, Phong trào đoàn kết sắc tộc phục vụ âm mưu binh định của Mỹ - ngụy, nắm được âm mưu “*tình báo đại chúng*” của cảnh sát.

Tháng 5-1971, đồng chí Ba Dư (Lê Văn Phận) - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiêm Bí thư Thị ủy Đà Lạt và đồng chí Vũ Linh - Ủy viên Ban An ninh tỉnh kiêm trưởng ban an ninh Đà Lạt và là tổ trưởng điệp báo Điệp báo thuộc bộ công an, bí mật đột nhập vào nội thành gặp một số trí thức tiêu biểu, thuyết phục đứng ra vận động hưởng ứng phong trào đấu tranh ở Sài Gòn. Mặc dù địch tìm mọi cách dọa dẫm ngăn chặn, nhưng các cuộc hội thảo với chủ đề “Học sinh, sinh viên trước hiện tình đất nước” nhằm vạch trần bản chất độc tài, phát xít của Nguyễn Văn Thiệu, đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống bầu cử tổng thống “độc diễn” (Nguyễn Văn Thiệu) vẫn diễn ra được học sinh, sinh viên, tiểu thương chợ Đà Lạt hưởng ứng mạnh mẽ, gây tiếng vang lớn trong các đô thị ở miền Nam. Trước sự kiện này, đồng chí Vũ Linh đã gặp một trong những nhân tố tích cực tổ chức nên phong trào đấu tranh chính trị của sinh viên, học sinh Đà Lạt: Nguyễn Trọng Hoàng. Cuộc gặp gỡ bất ngờ của hai bố con ở chiến khu thật xúc động: Sau 18 năm xa cách, ông không thể nhận ra con trai mình, ông dò hỏi thật cận kề về gia đình, họ hàng, ông bà nội, mẹ, cô, dì, chú, bác..., tính tình, sở thích của từng người, rồi ông hỏi thăm đến cuộc

sống của những người hàng xóm, những người bà con xa. Ông còn hỏi cả đến những đám ruộng bên bầu, đám dưa bên bãi sông... đến khi chắc chắn đây là con trai mình, thì đến lượt Nguyễn Trọng Hoàng không thể tin được đó là cha mình.

Trách nhiệm với Tổ quốc luôn là nền tảng để ông “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” thời đánh Mỹ và chỉ đạo thắng lợi chuyên án xóa sổ Fulro sau này; với sự thông minh của một nhà tình báo, ông chạm chân tới đỉnh cao trong nghệ thuật chiến tranh. Ông liên quan đến quá nhiều thứ, biết quá nhiều, trải nghiệm 20 năm chinh chiến ở chiến trường Nam Tây Nguyên. Hòa bình trở lại, ở cương vị một Đại tá - Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, ông giữ trọng trách Trưởng Ban tham mưu giải quyết vấn đề Fulrô. Cuộc chiến đấu chống Fulrô của ông và đồng đội đã làm rung động biết bao người và cũng là niềm cảm hứng để xưởng phim truyện Trung ương xây dựng kịch bản phim “*Cao nguyên F101*”.

CHUYÊN ÁN F101

Đại tá Nguyễn Đức Hiệp - nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng nói với chúng tôi: “Khi lên làm lãnh đạo tôi luôn vận dụng những điều đã học được từ chú Vũ Linh. Chú đối xử với cán bộ, chiến sĩ như anh em, với tôi và một số chiến sĩ trẻ thì như cha con. Đối với công việc, thủ trưởng luôn trực tiếp có mặt tại hiện trường, trực tiếp bố trí, ém quân. Đối với Fulrô, thủ trưởng xác định đồng bào dân tộc thiểu số dân trí thấp, chúng ta không đánh diệt mà phải mạnh dạn bắt sống, cố gắng tác động lôi kéo họ về”. Đại tá Nguyễn Đức Hiệp nhớ như in thời điểm anh còn là một trinh sát trong Ban tham mưu giải quyết vấn đề Fulro do đồng chí Vũ Linh, Phó ty phụ trách an ninh làm Trưởng ban: “Khi giao cho tôi phụ trách Păng Tiêng - Đạ

Nghịch huyện Lạc Dương - nơi có PC 10 (Trung ương Fulro) - Thủ trưởng dẫn: Fulro là vấn đề chính trị, công an phải vận động quần chúng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, giúp bà con làm ăn, ổn định định canh, định cư; tuyệt đối không được làm mất lòng tin của dân. Chú Vũ Linh thường xuyên vào địa bàn vùng sâu, phức tạp. Do đó, vụ đêm 24-2-1981 ở Păng Tiêng - Đạ Nghịch và nhiều thôn buôn khác có nhiều thanh niên bí mật ra rừng để đi Campuchia đào tạo. Ông nói: “Căng rồi, phải gọi hàng”, ông lập tức phân công Hiệp và Độ (Đại tá Nguyễn Văn Độ, nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng) sang Campuchia đưa anh em về. Lúc này, số về đầu hàng rất nhiều. Trong chuyên án F101, Vũ Linh thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Phạm Hùng: Sử dụng địch, đánh địch. Sau khi chỉ đạo bắt sống Tư lệnh Quân khu 4 Fulro, Thiếu tá Phòng 2 (Ban An ninh Quân khu 4 Fulro), Phó Thủ tướng - Tổng Tư lệnh Fulrô, bóc gỡ 600 cơ sở Fulro - Vũ Linh trực tiếp thuyết phục lực lượng đầu não này. Thời điểm đó, đời sống của cán bộ chiến sĩ công an hết sức khó khăn, Vũ Linh vẫn thiết đãi các thủ lĩnh Fulro rất trang trọng: Ngoài việc để họ ăn nghỉ ở khách sạn sang trọng tại Đà Nẵng, Vũng Tàu ông còn đưa họ về thăm vợ con, buôn làng... Cảm kích trước chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước ta, các thủ lĩnh Fulro đã vào rừng kêu gọi dân làng trở về với cách mạng. Sau này, có thủ lĩnh Fulro kết nghĩa anh em với Vũ Linh. Có người thực sự coi ông như cha, chú trong dòng tộc. Có buôn làng xem Vũ Linh như một già làng, giúp họ giải quyết khó khăn trong cuộc sống: Từ hôn lễ, tang lễ đến cả vụ ngoại tình mà đến tận bây giờ cả những người Fulro trong cuộc vẫn “tâm phục, khẩu phục” trước cách giải quyết có lý, có tình của Vũ Linh.

Người đi qua cuộc chiến



Đại tá Nguyễn Đức Hiệp trao đổi với các nhà báo

Giữa đại ngàn Tây Nguyên, hình ảnh Đại tá Vũ Linh - Cụm trưởng Cụm An Ninh Tây nguyên luôn đứng vững như một cây đại thụ.

N.T.H

(Nguồn: Báo “Thời nay” số 581, ngày 10/08/2015, trang 16)

NÀNG TÔ THỊ KHÔNG HÓA ĐÁ

❖ Đinh Thị Nga

Hôm chúng tôi đến (02-11-2014) đúng ngày bà Nguyễn Thị Diễm vừa đi nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng của mẹ chồng về. Bà làm một cái lễ nhỏ, đặt tám Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Yến giữa hai liệt sĩ. Bà nói: “Đây là cô Mười” (liệt sĩ Nguyễn Thị Niệm). Trong ảnh là cô gái có một vẻ đẹp kiêu sa. Tôi thầm nghĩ nếu Niệm đi thi hoa hậu chắc chắn sẽ đạt vương miện. Bà ứa nước mắt nhớ đến cái chết của cô em chồng: Trong một trận địch càn vây núi Cẩm Tú, Niệm bị trúng đạn xổ ruột ra ngoài bụng và bị địch bắt. Bọn địch đòi bằng bó nhưng cô nhất quyết không cho. Suốt đêm đó, Niệm tranh luận với tên tiểu đoàn trưởng cho đến lúc giọt máu cuối cùng rớt xuống nền nhà. Trước vong linh cô Niệm, trước bà con, giữa núi rừng Cẩm Tú, tên tiểu đoàn trưởng kính cẩn nói: “Tôi muốn cứu sống cô ấy, tôi đã thuyết phục hết lời nhưng cô kiên quyết không cho. Cô là một người bản lĩnh. Tôi rất kính phục cô”.

Người đi qua cuộc chiến

Bà bảo đây là chú Năm (liệt sĩ Nguyễn Xuân Thịnh) tù Côn Đảo, đấu tranh chống chào cờ, bị địch tra tấn, đánh đập, tuyệt thực đến chết. Bà bảo mộ chú Năm cách mộ bà Võ Thị Sáu đúng mười bước chân. Mặc dù đã thấp được nén hương trên mộ chú Năm, mộ bà Sáu nhưng lòng bà vẫn nhói đau mỗi khi nghĩ về nhà tù Côn Đảo, nhớ về nghĩa trang Hàng Dương.



Mộ liệt sĩ Nguyễn Xuân Thịnh ở nghĩa trang Hàng Dương lúc chưa trùng tu.

Bà yêu biết bao cái chôn này, nơi quá ngọt trái sai thắm hồng da dẻ cô bé mười bốn, mười lăm thuở nào lên sân khấu ngâm Kiều, diễn kịch. Nơi bà bỏ hai thằng con vào hai cái thúng, thằng nhỏ hơn bà bỏ thêm hòn đất, để gánh con đi chạy giặc, đi chợ, đi về ngoại... Bà ru con trong cái nôi của sự tĩnh lặng, lặng mạn, bất biến của đất trời. Bà dìu dắt con đi trong vòng xoáy của cuộc chiến

bạo liệt. Biết bao lần bà cống thẳng lớn lội qua cánh đồng rộng dài tới bảy cây số đưa con đi chữa bệnh. Biết bao lần mẹ khóc thầm giữa hai con ngủ hai bên nách. Biết bao đêm bà đọc truyện cho con nghe, ngâm thơ cho con ngủ. Vui nhất là những đêm, các bà thím tập trung đến nhà nghe bà đọc truyện, từ *Tam Quốc diễn nghĩa*, *Đông Chu liệt quốc*, *Thủy hử* đến Phạm Công Cúc Hoa, Lục Vân Tiên, Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc



Sau 22 năm, bà Nguyễn Thị Diễm mới gặp lại chồng (Ông Vũ Linh)

Nơi đây đan xen giữa tuổi thơ với cuộc đời của một người đàn bà đẹp nuôi con, chờ chồng suốt hai mươi năm chinh chiến. Bà nhớ như in cái đêm bốn lính tới nhà, sắp cả nhà thành một hàng, đặt cây trung liên trước mặt bắn liên hồi để dọa, thế mà thằng Cừu lúc đó mới mười tuổi lại cười. Hai em chồng ở tù, chồng đi tập kết. Dịch đưa bà vào diện tình nghi cộng sản nên bắt bà bỏ tù. Bà thoát tù nhờ không bị lộ. Bà làm tôi chợt nghĩ đến hình tượng trong thơ của Nguyễn Khoa Điềm: “Lạ lùng thay nhân dân thông minh”. Tôi nhìn sâu vào cặp mắt hiền dịu, trắng trong đến xanh thẳm của cô gái mười chín tuổi trong ảnh mà tự đặt câu hỏi: Bà tìm đâu ra sức mạnh để nuôi con, chờ chồng trong hoàn cảnh khắc nghiệt đến ghê tởm? Tôi cứ suy ngẫm rồi tự trả lời: Khát vọng sống - tình yêu như đôi cánh nâng đỡ những ước mơ cháy bỏng của bà về một ngày sum họp gia đình.

Những đêm sóng lớn, tiếng sóng từ biển ủa về thao thiết, bà trở dậy, khêu đèn đọc đi đọc lại những lá thư mà bà đã thuộc lòng của chồng. Thời ấy, lá thư từ Bắc vào Phú Yên hết đúng sáu tháng. Ba mẹ con vui mừng khôn xiết “Ba còn sống”. Từng chữ, từng chữ trong lá thư như cắt đi những trĩu nặng âu lo, thấp thỏm trong lòng bà. Từng chữ, từng chữ như ngọn hải đăng thấp cho con thuyền bé nhỏ của ba mẹ con đang dập dềnh trên sóng dữ một tia hy vọng mỏng manh mà bền chắc đến lạ kỳ... Bà ghen ngào: Năm 1969, Cừu ra Bắc tìm ba (mẹ con bà không hề biết rằng cha con họ đang hoạt động ở Tây Nguyên) rồi ở lại học cho đến khi tốt nghiệp Đại học Hàng hải - Hải Phòng; sau giải phóng về công tác tại cảng Bến Nghé Sài Gòn. Năm 1970, Hoàng đậu tú tài. Bà mừng khôn xiết vì con được vào đại học không bị bắt lính, nhưng lên Đà Lạt nó đã tham gia hoạt động bí mật chấp nhận những hiểm nguy! Bà sống cô đơn ở quê nhà với nỗi nhớ dằng dằng người chồng, nỗi lo âu, thấp thỏm cho hai con.

N.T.H

(Nguồn: Bài đăng trên báo Thời Nay số 581 ngày 10/8/2015)

Giải quyết vấn đề FULRO Tây Nguyên,
khi nhân ái được đặt lên trên hận thù:

Bài 1:

VÀI NÉT PHÁC THẢO CHÂN DUNG HAI CON NGƯỜI

❖ Khắc Dũng

Lời nói đầu của tác giả:

Họ từng là hai người đối địch của nhau đứng ở hai chiến tuyến. Một người là Trưởng ty Công an Lâm Đồng, Phó Trưởng ban trực Chuyên án “F101” về giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên những năm sau giải phóng miền Nam. Còn người kia là Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro, người từng được mệnh danh là “hùm xám” của núi rừng Tây Nguyên. May mắn cho tôi là được quen với cả hai con người ở hai chiến tuyến ấy và nhiều lần được nghe hai người nói chuyện về nhau một cách thẳng thắn, không giấu giếm điều gì. Trong câu chuyện của hai ông, tôi nhận ra “nhân ái” là một trong những điều rất đáng để nói về họ - hai con người ấy, và cả về cuộc chiến chống Fulro những năm sau bảy lăm mà rất có thể là người khác chưa nói hết. Người thứ

nhất là đại tá Vũ Linh - Phó ty rồi Trưởng ty Công an tỉnh Lâm Đồng. Và người thứ hai là Nahria Ya Duck - Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro.

Đến giờ, hai con người từng đứng ở hai chiến tuyến đối địch của nhau ấy đã bước vào tuổi xế chiều: Nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng, Phó Trưởng ban Chuyên án F101 - đại tá Vũ Linh, năm nay đã 90 tuổi, hiện đang sống tại quê ở xã Hòa Tri, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Còn nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro “hùm xám” Tây Nguyên, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, đại biểu Quốc hội khóa XIII (và khóa XII) Nahria Ya Duck cũng đã bước vào tuổi 76, hiện đang sống tại nơi ông sinh ra và lớn lên là một buôn làng Tây Nguyên thuộc xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Khi nghe tôi ngỏ lời muốn về quê Phú Yên để thăm ông cụ, anh Nguyễn Trọng Hoàng (hiện sống tại Đà Lạt, Lâm Đồng) - con trai cả của đại tá Vũ Linh sốt sắng: “Sắp đến, nhà có giỗ; thêm nữa là có mấy anh chị bên thi đua khen thưởng của tỉnh và bên Công an tỉnh đi Phú Yên để lấy xác nhận của ông cụ về một sĩ quan công an để xét phong tặng danh hiệu anh hùng, chú em cùng đi luôn nhé?”. Dĩ nhiên là tôi gật đầu ngay tấp lự và sắp xếp công việc. Sau chuyến đi Phú Yên, về lại Đà Lạt, tôi chủ động gọi điện thoại cho “hùm xám” Nahria Ya Duck và hẹn với anh: “Tụi em muốn ghé chơi nhà anh. Có cả con trai của cụ Vũ Linh là Nguyễn Trọng Hoàng cùng đi đấy. Anh thấy sao?”. Nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro, đại biểu Quốc hội Nahria Ya Duck cười rung cả máy điện thoại: “Ồi, có Trọng Hoàng cùng đi là mình như được gặp lại anh Vũ Linh đấy! Nhớ nhé! Không được trễ hẹn!”.

PHÚ YÊN NẮNG NHƯ ĐỎ LỬA

Xuất phát từ Đà Lạt hơi muộn nên mãi đến chiều tối chúng tôi mới đến được Phú Yên. Xã Hòa Trị của huyện Phú Hòa nằm cách thành phố Tuy Hòa của tỉnh Phú Yên chừng gần mười cây số, khi ô tô của anh Trọng Hoàng “chạm cổng nhà” thì trời đã xế chiều, đất trời miền Trung vẫn đỏ lửa như mặt trời đang chạm sát ngọn tre đầu làng. Vào nhà, tôi nhận ra ngay rằng cụ Vũ Linh đã đợi con trai mình về thăm tận từ lúc sáng sớm. Ông trách yêu: “Đi sao mà... dở vậy? Mãi giờ mới về đến nhà...”.

Những năm trước, khi còn ở Đà Lạt, đại tá Vũ Linh nhiều lần bị tôi “quấy rầy” bởi những chuyến ghé thăm không hẹn trước. Tôi có lúc ghé nhà ông vì tư liệu của một bài viết nào đó liên quan đến vấn đề Fulro Tây Nguyên, hoặc đôi khi chỉ là chuyến ghé thăm bình thường để cùng uống với anh Nguyễn Trọng Hoàng (nguyên là giám đốc của nhiều sở của tỉnh Lâm Đồng) uống vài ly nói chuyện đời cho vui. Vì anh không uống rượu được như tôi nên có lúc anh chỉ cầm một lon bia tiếp tôi một cách lịch sự còn tôi uống bao nhiêu thì tùy thích. Những năm đó, tuổi tuy đã khá cao nhưng cụ Vũ Linh vẫn còn nhanh nhẹn lắm. Nhìn cụ bước lên mấy bậc tam cấp trong khuôn viên, tôi thầm nghĩ, nghề tình báo giúp con người ta có được sự tỉnh táo ngay cả trong bước chân thật ngay ngắn ngay ở một địa hình không bằng phẳng. Kể cả lúc này, trong ngôi nhà từ đường ở một xóm quê miền Trung, tuổi chín mươi và ngay cả cơn tai biến cách nay chưa lâu vẫn không thể làm cho nhà tình báo Vũ Linh tự đặt cho mình dấu chấm cuối trong trang viết cuộc đời làm cách mạng với một phong thái rất ung dung, tự tại. Lúc này, việc đi lại và nói chuyện tuy có khó khăn nhưng cái đầu của người chiến sỹ an ninh ấy vẫn rất tỉnh táo. Thậm chí, không ít khi nhà cách mạng lão thành Vũ Linh xen vào

câu chuyện giữa ông và kẻ hậu thế là tôi một vài câu đùa bông lơn rất kiểu miền Trung rất dễ chấp nhận nhưng vô cùng thâm thúy, kiểu như: “Dân xứ lạnh Đà Lạt cứ “kín cổng cao tường”, về miền Trung nắng nóng đổ lửa, chắc là không mấy quen với kiểu “mở toang cánh cửa” cho gió lùa vào...”. Nghe ông nói vui, tôi nhận ra “chất” tình báo trong ông vẫn không hề suy giảm, nhất là lúc tôi đang hỏi chuyện ông về Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck.

Đại tá Vũ Linh tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, sinh năm 1927, quê ở Phú Yên - một trong những tỉnh thuộc chiến trường khu V trước đây. Hơn 60 năm trước, khi chưa nổ ra trận chiến Điện Biên Phủ, Trung ương chủ trương đưa một số cán bộ miền Nam ra Bắc để huấn luyện tình báo. Nguyễn Trọng Cảnh là một trong 5 người ở Phú Yên được chọn. Ngày ấy, từ Phú Yên xuyên rừng ra Việt Bắc mất ròng rã hơn nửa năm. “Đến nơi, áo quần của chúng tôi tơi tả hết, trên người đầy chầy rạn. Lớp huấn luyện đã khai giảng được gần tháng, nhưng khi thấy cả 5 người Phú Yên chúng tôi đến được nơi, cả lớp cùng đứng lên vỗ tay reo hò và chúc mừng. Không khí thật áp áp ngay từ ngày đầu tiên là vậy đấy!” - cụ Vũ Linh nhớ lại chuyện băng rừng từ Phú Yên ra Bắc cách nay 62 năm của nhóm 5 chiến sỹ khu V. Ngày ông ra Bắc, đưa con trai đầu (là anh Nguyễn Trọng Hoàng) chỉ mới 3 tuổi, còn đứa con trai thứ hai chỉ chưa đầy một tuổi. Từ chiến khu Việt Bắc, nhà tình báo Vũ Linh là một trong số cán bộ an ninh về tiếp quản Hà Nội vào năm 1954. Trong thời gian công tác tại Hà Nội, nhà tình báo Vũ Linh có quen thân với ông Đức Minh (năm nay đã 86 tuổi, ít hơn ông Vũ Linh 4 tuổi) - người về sau cùng đứng chung trận tuyến chống Fulro Tây Nguyên với ông Vũ Linh. Sau khi về Hà Nội và tiếp tục được đào tạo, năm 1964, người sỹ quan an ninh Vũ Linh (tự Tư Vũ) nhận lệnh lên đường về Nam,

biên chế trong Tổ Địch báo còn gọi là tổ phái khiển trực thuộc Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đứng chân ở chiến trường Nam Tây Nguyên. Tại chiến trường Nam Tây Nguyên những năm trước 1975, Vũ Linh là một sỹ quan an ninh hoạt động rất hiệu quả. Từ tổ phó, Vũ Linh được đề bạt làm Tổ trưởng Tổ A2 và lúc này Tổ A2 được tăng cường thêm một sỹ quan an ninh khác là ông Đức Minh, ủy viên Ban an ninh Khu VI. Sau 1975, vấn đề Fulro trở nên nổi cộm khắp vùng Tây Nguyên. Chuyên án giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên mang tên “F101” được lập; Thượng tá Vũ Linh - được giao trọng trách Phó ban Chuyên án, người trực tiếp “cầm quân”. Lúc này, nhà tình báo Vũ Linh đã là Phó ty Công an rồi sau đó là Đại tá, Giám đốc Công an Lâm Đồng. Cuộc chạm trán giữa một nhà tình báo dày dạn kinh nghiệm Vũ Linh với một lãnh đạo cao cấp của lực lượng Fulro rất từng trải Nahria Ya Duck đã thực sự bắt đầu. Cũng bắt đầu từ đây, cuộc chiến có tính chất đòn cân não giữa hai con người này luôn túc trực trong họ.

THĂM NHÀ THỦ LĨNH FULRO

Hôm trước khi về làng Ka Đô (xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng) để thăm nhà “ông nghị” Nahria Ya Duck, tôi đùa trong điện thoại: “Gặp anh ở nghị trường thì nhiều quá rồi, nên muốn về lại Ka Đô để không chỉ thăm anh mà còn thăm chị và mấy đứa cháu của “ông nghị”. Vớ lại, có cả “cái bóng” của cụ Vũ Linh nữa. Hình như anh Hoàng con của cụ Vũ Linh chưa biết nhà anh thì phải?”. Vị tướng của Fulro một thời ấy reo lên: “Ồi, thế thì tôi vui lắm! Cụ Vũ Linh ngày trước đến nhà tôi nhiều lần lắm rồi, đến như là người anh em trở về với ngôi nhà của chính mình vậy. Gần đây, cụ về Phú Yên dưỡng bệnh, tôi chưa có dịp ghé qua thăm cụ ấy. Nay, nếu được anh Trọng Hoàng ghé nhà chơi thì còn gì quý bằng!”. Thật

đúng vậy, khi chúng tôi vừa rời xe, ông ào đến và ôm chầm lấy anh Hoàng. Ông cười rơm rớm, lắc vai anh Hoàng thật mạnh: “Anh về đây, có khác chi cụ Vũ Linh về! Thôi, mời anh em vào nhà, nước nôi chút rồi nói chuyện...”.

Câu chuyện về thủ lĩnh Fulro Nahria Ya Duck, một người con yêu quý núi rừng Tây Nguyên đến mê dại thì nhiều người biết lắm rồi. Bởi vậy, trong phóng sự này, tôi không muốn trích ngang lý lịch của ông mà nói những chuyện khác, những chuyện có thể vẫn thuộc về chân dung của Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck nhưng không là những dòng trích ngang lý lịch. Khi mấy anh em đã ngồi quanh bàn, tôi quan sát: Ở tuổi 76 nhưng trông Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng vẫn còn tráng kiện lắm. Vị đại biểu Quốc hội hai khóa (XII và XIII) ấy bảo rằng mình vừa rời nghị trường cách nay vài hôm. “Nay, tranh thủ mấy ngày nghỉ cuối tuần về thăm bà ấy chứ không, cứ vắng nhà suốt, bà ấy... xóa tên trong sổ hộ khẩu thì gay!” - dứt câu đùa, ông cười vang. Ông vẫn vậy, vẫn nói cười mạnh mẽ như từ trước đến giờ. Tôi mừng cho ông! Ở tuổi 76 nhưng mỗi đêm vẫn làm được cốc lớn rượu thuốc tự ngâm trước khi đi ngủ như lời “tự thú” của ông vậy là mừng rồi. Tôi nhớ lại hồi nhiều năm trước, khi anh ở tuổi khoảng 60, qua lại cơ quan MTTQ tỉnh vào cuối giờ buổi chiều, thỉnh thoảng tôi lại ghé vào phòng nghỉ của Phó Chủ tịch Mặt trận để rủ ông Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro ra ngã tư Phan Chu Trinh (Đà Lạt) làm cốc bia hơi. Thường thì “tiêu chuẩn” mỗi người chỉ một chai thôi nhưng không ít khi cao hứng, anh gọi thêm cho mỗi người một hoặc hai chai nữa. Những lúc như vậy, khi nghe tôi nhắc về vị sỹ quan an ninh Vũ Linh, thủ lĩnh Fulro một thời Nahria Ya Duck lắng giọng và nghiêm nghị: “Nói thật, nếu tôi không gặp được anh Vũ Linh thì không biết cuộc đời mình bây giờ ra sao. Tôi xem anh ấy

là người anh còn trên cả ruột thịt của mình. Không có anh ấy, không có tôi ngày hôm nay!”.

Chính sự nhân bản và bao dung trong nhân cách của vị sỹ quan an ninh Vũ Linh năm nào đã thuyết phục hoàn toàn người được mệnh danh là “hùm xám” của núi rừng Tây Nguyên khi chuyên án “F101” được triển khai và đưa được Đệ nhất Thủ tướng Fulro Naria Ya Duck ra khỏi hang Ploóc Krong giữa đại ngàn Bidoup thuộc huyện Lạc Dương của tỉnh Lâm Đồng để về với đồng tộc, với buôn làng. Về sau, khi cộng tác với chính quyền cách mạng để kêu gọi anh em Fulro trong rừng trở về, vị thủ lĩnh đội quân Fulro Nahria Ya Duck một thời ấy thực sự nể phục nhân cách lớn của người mà một thời ông xem là ở phía bên kia chiến tuyến. Thế rồi, họ - hai con người từng là sỹ quan cao cấp đứng ở hai đầu chiến tuyến với tư cách là người chỉ huy cao nhất ấy - đã cùng nhau kết nghĩa anh em và xem nhau như người một nhà. Trước, họ đứng ở hai đầu chiến tuyến; nay, Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck đã trở về, coi như là đã về nhà để sát cánh cùng đại tá Vũ Linh trong nhiều hoạt động để tiếp tục thực hiện chuyên án “F101” giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên.

Hôm ra Phú Yên, tôi nghe cụ Vũ Linh hỏi thăm: “Ya Duck sao rồi, có khỏe không?”; rồi, giọng ông cụ chùng xuống: “Mới đó mà Ya Duck cũng đã gần tám mươi...”. Hôm ngồi ở nhà ông Ya Duck, tôi nghe ông nói như tự trách chính mình: “Biết cụ Vũ Linh về Phú Yên nhưng chưa một lần mình ghé thăm được. Mình đi Hà Nội thường xuyên nhưng chỉ là... bay ngang qua Phú Yên mà thôi... Chắc chắn là mình phải tạo ra dịp để thăm cụ!”.

K.D

Giải quyết vấn đề FULRO Tây Nguyên,
khi nhân ái được đặt lên trên hận thù:

Bài 2:

TÂM LÒNG CỦA NGƯỜI CHỈ HUY

❖ Khắc Dũng

Giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên được
đặt ra ngay sau những ngày giải phóng hoàn
toàn miền Nam. Một trong những điều mà nhà
chỉ huy Vũ Linh suy nghĩ rất nhiều đó là việc sử
dung bao lực cách mạng như thế nào là hợp lý
và là sự nhân đạo cần thiết nhưng phải mang lại
hiệu quả cao nhất trong giải quyết đội quân
Fulro sau 1975 do Đệ nhất Phó Thủ tướng
Nahria Ya Duck làm thủ lĩnh. Và, cuối cùng, với
tư cách là một chỉ huy, vi sỹ quan tình báo đang
cham tay vào nghệ thuật chiến tranh ở một
chiến trường cụ thể vào những năm sau 1975
đã đưa ra một quyết định táo bạo: Đặt nhân ái
lên trên sự hận thù!

Trong ngôi nhà nhỏ ven cánh đồng xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, người sỹ quan an ninh tuổi đã 90 Vũ Linh trong câu chuyện với kẻ hậu thế là tôi bỗng hướng ánh mắt về phía xa xăm như đang nhìn về đại ngàn: “Giải quyết vấn đề Fulro là phải giải quyết triệt để, nhưng làm thế nào để ít đổ máu nhất, mang lại kết quả cao nhất. Vậy, thành phần chính của Fulro Tây Nguyên là

những ai? Đó chính là những người dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Vậy thì trong giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên nếu chỉ sử dụng bạo lực bằng vũ trang với những thứ vũ khí tối tân, hiện đại thì cũng là... bình thường thôi. Phải có cách khác mềm dẻo hơn, triệt để hơn và hiệu quả hơn!”. Cụ nói: “Ờ đời nợ máu khó trả lắm cho nên phải có cách dụ hổ ra khỏi rừng để bắt và thuyết phục, cảm hóa họ cộng tác với ta, chăm lo cho cuộc sống của họ, kéo họ trở về với đại đoàn kết dân tộc thì mới tránh được hận thù lâu dài!”.



Bà Võ Thị Khiết (Phó Giám đốc Sở Nội vụ Lâm Đồng) chứng kiến ông Vũ Linh đang ký giấy xác nhận thành tích cho một sĩ quan An ninh để lập hồ sơ khen thưởng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

TIN TƯỞNG ĐỒNG ĐỘI

Giải quyết vấn đề Fulro trong những ngày sau 1975, nhất là trong quá trình triển khai chuyên án Cao nguyên F101 (tháng 3.1979), nhà cầm quân dày dạn kinh nghiệm nghiệp tình báo Vũ Linh đã đưa ra quyết định táo bạo, lúc đầu khiến có người phải... hoài nghi: Làm thế nào để vô hiệu hóa toàn bộ đầu não Fulro mà không cần đến việc sử dụng vũ khí một cách quá đáng; đồng thời, trả họ về với buôn làng, đồng tộc để họ làm ăn sinh sống như một người dân bình thường của nước Việt Nam độc lập!

Tinh thần ấy được quán triệt đến mọi thành viên trong Ban Chuyên án.

Một trong những đồng đội sát cánh cùng ông Vũ Linh ngày ấy là ông Đức Minh. Đức Minh là một sỹ quan an ninh được tăng cường từ Bắc vào cho chiến trường Nam Tây Nguyên. Hôm đi cùng tôi với anh Trọng Hoàng về Phú Yên còn có đoàn “công cán” Võ Thị Khiết - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Thi đua khen thưởng tỉnh Lâm Đồng - cùng một vài anh em làm công tác chính trị của Công an Lâm Đồng. Mục đích của chuyến đi từ Lâm Đồng về Phú Yên của đoàn công tác này là lấy xác nhận của cụ Vũ Linh về ông Đức Minh để hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị phong tặng anh hùng cho ông Đức Minh. Lúc đầu, vì ngại rằng sẽ làm cho cụ Vũ Linh mệt mỏi bởi những câu hỏi nên chị Khiết nói với anh Trọng Hoàng: “Giờ đã chiều tối rồi, hay là ta để sáng mai mới tiến hành công việc này?”. Anh Hoàng hỏi vào tai bố mình: “Ba thấy trong người thế nào? Có đủ sức khỏe để kể chuyện về chú Đức Minh không?”. Nghe đến cái tên “Đức Minh”, một đồng đội cũ, đã từng sát cánh với ông ở tổ điệp báo trong những năm chiến tranh chống Mỹ và cả trên mặt trận giải quyết vấn đề Fulro những năm sau 1975, ông cụ phẩn chấn hẳn lên. Cụ Vũ Linh cười móm mém: “Ba khỏe mà! Còn đủ sức!”. Vẫn với nụ cười móm mém nhưng đôi mắt ánh lên

cái nhìn yêu thương, triu mến, ông cụ khái quát một câu rất theo kiểu miền Trung: “Tay này nhỏ con nhưng mà lanh lẫm, nhanh nhẹn lắm và làm việc rất hiệu quả”. Nghe ông “khái quát” về một đồng đội cũ, tôi nhận ra sự tin tưởng trong công việc và tấm lòng yêu thương vô bờ dành cho người cộng sự đến giờ vẫn nguyên vẹn.

Một năm sau khi nhà tình báo Vũ Linh trở về chiến trường miền Nam trực tiếp chiến đấu tại Nam Tây Nguyên thuộc Khu VI thì người bạn (ít hơn ông 4 tuổi) của ông là Đức Minh cũng lên đường vào Nam. Điều trùng hợp thú vị là sỹ quan an ninh Đức Minh được tăng cường cho chính chiến trường Nam Tây Nguyên là ủy viên ban an ninh khu VI và cùng sát cánh kề vai với ông Vũ Linh trong vai tổ phó A2.. Trong lần Công an bắt được hai thân cận của Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro (sau 1975) là đại úy Ha Póh và thiếu tá Ya Theng, chủ trương cảm hóa đối phương của Phó ban thường trực Chuyên án “F101” Vũ Linh đã được thử thách và đã được chứng minh là đúng. Tôi hỏi cụ Vũ Linh: “Những thân cận của ông Nahria Ya Duck có “máu mặt” như Ya Theng, Ha Póh mà được đối đãi tử tế đến vậy, không may bị “phản đòn” thì sao, thưa cụ?”. Ông cười: “Nhà cầm quân khi ra trận chỉ có biết tuốt gươm ra không thôi thì hỏng. Phải biết người biết ta chứ!”. Theo lời cụ kể lại cho tôi nghe thì Ya Theng là một Fulro rất cứng đầu. Nhưng, dưới cách khai thác khôn ngoan của các thành viên trong Ban Chuyên án, trong đó có ông Đức Minh, cuối cùng, Ya Theng đã cúi đầu thú nhận tất cả. “Lúc đầu, khi bước vào phòng làm việc của tôi, ông Tham mưu trưởng Quân khu Nam Fulro Ya Theng khá ngỡ ngàng khi nhận ra cách đón tiếp của chúng ta đối với anh ta không hề giống như cách đối đãi với một tù binh. Trên tinh thần tôi quán triệt, Đức Minh là người đầu tiên “hỏi chuyện” thiếu tá Tham mưu trưởng Quân khu Nam Fulro...”. Chuyện được ghi lại rằng: Sau

khi chờ cho Ya Theng ngồi xuống ghế, đồng chí Đức Minh mỉm cười hỏi: “Chiều nay Ya Theng ăn cơm ngon chứ?”. Ya Theng không trả lời, đôi mắt lừ lừ nhìn vị sỹ quan Cộng sản nói giọng Bắc. Giọng vị sỹ quan vẫn rất nhỏ nhẹ: “Mời anh bạn uống trà, hút thuốc, rồi sau đó ta đàm đạo...”. Ya Theng vẫn thái độ lạnh lùng vẻ bất cần và tiếp tục không hé môi. Một sỹ quan an ninh khác - thượng úy Nguyễn Văn Độ (lúc ấy là Phó phòng Chống gián điệp, chuyên trách về chống Fulro; về sau là Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, hiện đã nghỉ hưu, sống tại Đà Lạt) - tiếp lời: “Có thuốc lá Du Lịch đấy, thử thuốc mà Ya Theng rất thích... Ya Theng cứ hút tự nhiên rồi chúng ta cùng nói chuyện...”. Sự mềm dẻo, khôn khéo ấy của hai sỹ quan an ninh chính là sự tâm đắc với tinh thần, chủ trương của ban chuyên án F101 đã đem lại hiệu quả.

KHÔNG VÌ MÌNH

Trong suốt buổi nói chuyện với cụ Vũ Linh để lấy xác nhận đề nghị phong tặng danh hiệu anh hùng cho vị sỹ quan an ninh Đức Minh, thỉnh thoảng mấy anh chị trong đoàn công tác của tỉnh Lâm Đồng lại hỏi cụ: “Cụ thấy ông Đức Minh có xứng đáng là anh hùng không?”. Lần nào khi được nghe hỏi câu ấy, cụ Vũ Linh cũng đều trả lời một cách dứt khoát như không cần phải suy nghĩ lâu: “Xứng đáng quá đi chứ!”, hoặc “Đức Minh giỏi lắm, dũng cảm lắm!”, “Đức Minh giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, anh ta là người kiểm tra những tài liệu dịch các lá thư của Naria Ya Duck viết bằng tiếng Pháp từ rừng gửi ra ngoài mà ta bắt được, và cũng là người duyệt thư viết bằng tiếng Pháp gửi vào rừng cho Nahria Ya Duck. Rồi, Đức Minh còn nhiều công lao nữa lắm! Vậy, anh hùng là rất xứng đáng!”... Cuối cùng, khi sắp kết thúc buổi xác minh, chị Võ Thị Khiết với tư cách là Trưởng ban Thi đua khen thưởng tỉnh Lâm Đồng lại lặp lại câu hỏi một lần nữa để chốt vấn

đề cho thư ký làm biên bản: “Thưa chú, chú xác nhận ông Đức Minh với những đóng góp cho cách mạng ở chiến trường Nam Tây Nguyên, và cả trong chuyên án “F101” những năm sau 1975, là xứng đáng để được phong tặng danh hiệu anh hùng?”. Lần này, cụ Vũ Linh trả lời theo kiểu kể chuyện “Sau khi hiệp định Paris được ký kết, Đức Minh được về Hà Nội công tác để gần gia đình sau nhiều năm vào Nam chiến đấu nhưng vừa ngược Trường sơn về tới Hà Nội thì nhận được lệnh quay trở lại Tây Nguyên để nhận nhiệm vụ do yêu cầu mới, anh ta đã phải tức tốc băng rừng hơn nửa năm trời vô lại Lâm Đồng thì cũng đủ xứng đáng để được phong tặng anh hùng rồi...”. Về tuổi tác, ông Đức Minh ít hơn cụ Vũ Linh 4 tuổi; về quan hệ công tác, không chỉ cùng làm việc với nhau khi ông Vũ Linh còn ở Hà Nội mà suốt những năm cuối 1960 và những năm sau 1975, hai ông cùng một chiến hào nên họ hiểu nhau và xem nhau như là anh em ruột thịt. Bởi thế, cụ Vũ Linh trong câu chuyện với đoàn công tác tỉnh Lâm Đồng tại Phú Yên đã không ít lần lặp lại câu nói đùa của người bạn thân: “Tay này nhỏ con nhưng lạnh lắm, nhanh nhẹn và hiệu quả lắm...!”.

Chứng kiến câu chuyện giữa cụ Vũ Linh với chị Võ Thị Khiết và mấy anh làm công tác chính trị bên Công an tỉnh Lâm Đồng tại Phú Yên, tôi để ý thấy chưa một lần cụ Vũ Linh nhắc đến công lao của mình, càng không chút đắn đo khi xác nhận cho ông Đức Minh; và đặc biệt, nhìn vào mắt ông, tôi không quá khó khăn để nhận ra rằng trong đầu của ông không một chút mảy may nào đó mang tính so sánh giữa mình với người sỹ quan, người đồng đội cùng chiến hào có lúc là tổ phó tổ điệp báo A2. Tôi không đủ tư cách để xen vào câu chuyện nhưng thú thật là trong đầu tôi đã nảy sinh những “lăn tăn” sao không có một phần thưởng thật xứng đáng tiếp theo cho cụ Vũ Linh khi cụ đã cuối đời? Thế rồi, thật bất ngờ khi biên bản xác

nhận vừa kết thúc, Trưởng ban Thi đua khen thưởng tỉnh Lâm Đồng - chị Võ Thị Khiết - đưa ra bản photo lá thư của vị thiếu tướng Nguyễn Đức Minh, người kề vai sát cánh với cụ Vũ Linh trong suốt thời chiến tranh trước 1975 và cả trong cuộc chiến chống Fulro những năm sau 1975, viết cho ông Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng đương nhiệm – thiếu tướng Bùi Văn Sơn, anh Trọng Hoàng đọc nguyên văn lá thư ấy cho bố mình nghe. Tôi không nhớ cụ thể các nội dung của bức thư; nhưng có một điều không thể quên được đó là thiếu tướng Đức Minh đề nghị Công an Lâm Đồng và cơ quan chức năng tỉnh Lâm Đồng cần tiến hành làm thủ tục để đề nghị phong tặng danh hiệu anh hùng cho cụ Vũ Linh.

Sau khi anh Hoàng đọc xong lá thư, chị Khiết quay ra nói cho mọi người cùng nghe: “Có lẽ sau trường hợp chú Đức Minh thì cũng nên đề xuất trường hợp của chú Vũ Linh, vì như vậy là xứng đáng!”. Anh Trọng Hoàng ghé vào tai cụ hỏi vui: “Chuyện chú Đức Minh được đề nghị phong tặng danh hiệu anh hùng chắc như vậy là xong rồi đấy. Giờ đến lượt ba, ba thấy sao?”. Thật bất ngờ khi vị sỹ quan tình báo già Vũ Linh không trả lời thẳng vào câu hỏi của anh con trai mà quay sang nói đùa một câu khá thâm thúy: “Anh hùng thì bây giờ ta có nhiều lắm rồi. Thêm mình nữa thì... đông quá!”. Rồi, quay nhìn về nơi xa xăm đại ngàn, ông cười, nụ cười thân thiện nhưng không kém phần ngạo nghễ...

K.D

Giải quyết vấn đề FULRO Tây Nguyên,
khi nhân ái được đặt lên trên hận thù:

Bài 3:

ĐỒNG THANH CỦA TÂM LÒNG GẶP TÂM LÒNG

❖ Khắc Dũng

Trong câu chuyện có vẻ hơi riêng tư giữa tôi với cụ Vũ Linh ở xứ sở miền Trung đầy nắng gió, tôi nhiều lần được cụ hỏi thăm về nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck, vì có lẽ cụ nghĩ rằng tôi khá thân quen với người từng một thời được mệnh danh là “hùm xám” của núi rừng Tây Nguyên ấy. Điều đáng nói là, vì sỹ quan an ninh già hỏi thăm tôi về “người từng một thời bên kia chiến tuyến” hoàn toàn không bằng cách hỏi của kẻ cả mà là cách hỏi của một người thân hỏi về một người thân. Thật lạ, vì nhỡ ra, trong cuộc chạm trán kia kia, suy cho cùng thì Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck là người chiến bại; còn ông - đại tá Vũ Linh, nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng, Phó Trưởng ban thường trực Ban Chuyên án F 101 - là người chiến thắng, nên là người hoàn toàn có quyền “đứng trên”.

Nhưng, trong câu chuyện với kẻ hậu sinh là tôi, vị sỹ quan tình báo lão luyện Vũ Linh lúc này đã vào tuổi xế chiều vẫn một mực nói và cũng là để lưu ý cho tôi rằng: “Trong việc giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên những năm sau 1975, về sau, nguyên Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro Naria Ya Duck là người có công lớn lắm đấy!”.



Ông Vũ Linh và ông Nguyễn Văn Độ tại bãi biển Đà Nẵng trong những ngày thực hiện chuyên án F101.

HIỂU ĐỊCH, HIỂU TA

Hôm, trước khi về Phú Yên thăm cụ Vũ Linh, tôi và một số đồng nghiệp đã tìm đến nhà ông Nguyễn Văn Độ -

một sỹ quan (lúc triển khai chuyên án F101 là thượng úy) chuyên về lĩnh vực chống gián điệp và là chuyên trách về chống Fulro, sau đó là Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng mang hàm đại tá, hiện đã nghỉ hưu và đang sống trên đường Bùi Thị Xuân, Thành phố Đà Lạt.

Ông Nguyễn Văn Độ nhớ lại: “Những năm 1979 - 1980, khi ta bắt đầu triển khai các chuyên án giải quyết vấn đề Fulro, thì Thủ tướng Fulro lúc bấy giờ là Y Ghok Niêk Dăm đang ở Campuchia, đứng sau Pôn Pốt để tìm đường ra nước ngoài - sang nước thứ ba; mọi công việc trong nước của Trung ương Fulro đều do Đệ nhất phó Thủ tướng Nahria Ya Duck điều hành. Lúc đó, điều hành Trung ương Fulro còn có Paul Yuh, một người Êđê ở phía Bắc Tây Nguyên, là Đệ nhị Phó Thủ tướng Fulro, phụ trách an ninh - quốc phòng. Tuy nhiên, theo nguồn tin của trinh sát ta báo về thì mọi việc của Trung ương Fulro đều nằm trong tay Nahria Ya Duck, bởi không những vị trí, vai trò của ông lớn hơn (là Đệ nhất Phó Thủ tướng phụ trách chính trị - ngoại giao) mà uy tín và cả thực lực quân sự của ông cũng cao hơn nhiều so với Đệ nhị Phó Thủ tướng Fulro Paul Yuh. Bởi vậy, khi triển khai chuyên án mang mật danh F101, ta xác định Nahria Ya Duck là mục tiêu cao nhất. Có điều, sau khi nhận nhiệm vụ từ Trung ương tại cuộc họp hồi tháng 7.1980 được tổ chức ở Nha Trang với chuyên đề giải quyết vấn đề Fulro do đích thân đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng - chủ trì về, phó Trưởng ty Công an Lâm Đồng Tư Vũ (bí danh của ông Vũ Linh) tỏ ra rất trầm tư. Về sau, tôi được biết hai ông Năm Thắng (Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng) và Tư Vũ (Vũ Linh) đã suy nghĩ, bàn bạc rất nhiều về phương pháp cần sử dụng để làm sao vừa đặt dấu chấm hết cho lực lượng Fulro, nhưng phải vừa ít tổn xương máu nhất, nhất là không để xảy ra sự hiểu lầm của đồng bào dân tộc

thiểu số Tây Nguyên về những người Cộng sản...”. Nhấp ngụm trà, ông Nguyễn Văn Độ nói tiếp: “Và cuối cùng, ông đã chọn giải pháp “dụ hùm ra khỏi hang”. Đó là một giải pháp ít tổn xương máu nhất nhưng có thể nói rằng không phải là không ẩn chứa những bất trắc”. Lại nhấp thêm ngụm trà, nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng Nguyễn Văn Độ tiếp tục câu chuyện: “Là một nhà tình báo dạn dày kinh nghiệm, cụ Vũ Linh là người biết phán đoán một cách chính xác rất nhiều thứ trong cuộc đối đầu giữa ta và Fulro. Ông luôn là người hiểu ta, hiểu người; luôn đưa ra những quyết định mang lại hiệu quả cao nhất, những quyết định có tính quyết đoán...”. Ông Độ kết một câu với tình cảm quý mến : “Hình như ông Vũ Linh là người được sinh ra cho lịch sử”.

Trong căn nhà nhỏ ở một miệt quê tỉnh Phú Yên, cụ Vũ Linh như đang trở về với kỷ ức của bốn mươi năm, gần bốn mươi năm về trước: “Những năm sau giải phóng, cuộc chạm trán giữa ta với Fulro Tây Nguyên nhiều khi căng lắm, quyết liệt lắm. Tôi từng tận mắt chứng kiến những hậu quả nặng nề mà lực lượng Fulro gây ra nên xót thương lắm chứ, đau đớn và căm giận lắm chứ. Nhưng, khi nhận nhiệm vụ giải quyết vấn đề Fulro, tôi đã trăn trở rất nhiều. Trăn trở là bởi lẽ, khi phân tích tình hình giữa ta và địch, tôi thấy hết sức phân vân về nhân vật số một của tổ chức Fulro lúc bấy giờ là Nahria Ya Duck. Từ nguồn tin của trinh sát và các tài liệu mật để lại, tôi phân tích và thấy rõ ông ấy là một người thực sự yêu thương đồng tộc, thực sự yêu quý Tây Nguyên, lại là một nhà trí thức biết nhiều thứ tiếng và được đào tạo một cách bài bản; rồi nữa, phải nghiêm túc mà suy xét để thấy rằng Fulro hoàn toàn không phải là một đám thổ phỉ như nhiều người vẫn nói mà là một tổ chức chính trị có sự đối trọng nhất định với các lực lượng khác trong và ngoài nước. Do vậy, tùy theo tình hình mà đưa ra hình

thức đấu tranh thích hợp. Với một người như Nahria Ya Duck, tôi nghĩ rằng ông ấy là người biết lắng nghe khi chúng ta phân tích một cách thuyết phục bằng lý lẽ, bằng những minh chứng cụ thể trong thực tế. Bởi vậy, một mặt là phải đấu tranh trực diện với thế lực Fulro, mặt khác là tôi luôn nhắc anh em công an phải cùng với chính quyền chăm lo tốt cho đời sống của bà con dân tộc thiểu số, chăm lo thực sự, hiệu quả mang lại thực sự để củng cố niềm tin của bà con vào chính quyền cách mạng như chủ trương của trên”.

“SỰ NHÂN HẬU CỦA ANH ẤY ĐÃ THUYẾT PHỤC ĐƯỢC TÔI”

Hôm mấy anh em về nhà “ông nghị” Nahria Ya Duck thăm chơi, tôi giữ vai trò là “người dẫn đường”; bởi trong nhóm, tôi là người đã nhiều lần đến nhà ông ở thôn Ka Đô Mới, thuộc xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Ấy nhưng, chỉ sau một cái đánh tay lái “queo trái” của anh Trọng Hoàng là chúng tôi lạc ngay vào “mê hồn trận” đường sá của một vùng nông thôn vốn được xem là xa xôi, hẻo lánh Ka Đô. Mãi đến hơn mười một giờ trưa và với rất nhiều cuộc điện thoại, anh Trọng Hoàng mới đưa được cả đoàn đến dừng trước sân nhà của nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck. “Ông nghị” Nahria Ya Duck trách yêu tôi: “Cái anh này thật là... Đến nhà bao nhiêu lần rồi mà vẫn cứ đi lạc...”. Tôi cười chống chế: “Tại những con đường ở miệt quê núi rừng giờ mở mang rộng rãi và cứ ngang dọc không biết đầu mà lần chứ không phải tại em đâu!”. Ông cười, nụ cười giòn tan, và âm âm vào lòng núi.

Câu chuyện của chúng tôi lúc đầu quanh bàn trà, sau đó là bên chén rượu vui trong bữa cơm trưa được chuẩn bị từ trước. Chúng tôi nói với nhau về nhiều thứ

lắm, nhưng cuối cùng vẫn xoay quanh chủ đề Fulro Tây Nguyên. Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đương nhiệm Nahria Ya Duck lắng giọng: “Ngày ấy, nói gì thì nói, tôi đường đường là một thủ lĩnh Fulro; dưới góc độ khác, tôi là người hết lòng yêu thương buôn làng, yêu thương đồng tộc, và dẫu sao thì cũng là người đã chọn cho mình một con đường để phấn đấu cho lý tưởng Tây Nguyên, là giải phóng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, dẫu sau này tôi biết rằng con đường mà mình chọn là sai, nên việc thuyết phục tôi không quá dễ dàng đâu! Nhưng rồi, bằng chính tấm lòng của anh Vũ Linh, chính sự khoan hồng và bao dung của những người mà tôi từng xem là đối thủ của mình, tôi đã nhận ra nhiều thứ...”. Thật vậy, hôm ở nhà anh Nguyễn Văn Độ, tôi nghe anh kể lại: “Những ngày đầu tiên đưa ông Nahria Ya Duck cùng 9 thuộc hạ của ông về theo chiến dịch câu nhử “hùm xám” ra khỏi hang, tại biệt thự Đồi Tân (nhà khách Công an Lâm Đồng) vào giữa tháng 8.1980, ta phải tốn rất nhiều công sức mới thuyết phục được ông ấy. Ban đầu, ông ấy bảo: “Tôi bây giờ đã trong tay các ông, các ông muốn xử sao tôi cũng chấp nhận, kể cả xử tử”. Lúc ấy, ông Nahria Ya Duck tự xem mình là một tù binh của Cộng sản. Rồi, ông Nahria Ya Duck nói tiếp: “Nhưng, các ông bắt tôi phản bội đồng đội, phản lại đồng tộc của mình thì không bao giờ...”. Nhớ lại chuyện này, nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck nói: “Những ngày đầu “rơi vào tay Cộng sản”, chuyện bất hợp tác của tôi suy cho cùng cũng là điều không quá khó hiểu. Trong những ngày đầu ấy, thậm chí có lúc tôi còn... tranh luận với cả ông Vũ Linh. Tôi nói với ông công an thường có nụ cười thâm thúy ấy rằng: “Fulro là con đường do tôi tự chọn. Điều mà tôi muốn nhấn mạnh đó là con đường mà tôi chọn nhằm để đi đến mục đích cuối cùng là giải phóng các dân tộc Tây Nguyên, để mang lại cơm no áo ấm cho bà con. Như vậy, ngay từ lúc gia nhập hàng ngũ Fulro hồi nửa cuối

những năm 1960 thế kỷ trước, tôi tự cho mình cũng là người làm cách mạng, nhưng theo cách của tôi”. Cụ Vũ Linh nhớ lại: “Nghe Ya Duck “triết lý”, tôi cười nhìn anh ta. Vì thực ra, tôi đã “nghiên cứu” và hiểu khá kỹ về vị Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro gốc người Churu Lâm Đồng này. Và cũng rất tôn trọng tấm lòng yêu thương của ông ấy đối với đồng tộc của mình, đối với Tây Nguyên của mình...”. Còn Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck thì nhớ lại: “Các vị biết không, lúc “liều” tranh luận với cụ Vũ Linh điều này, tôi cứ tưởng sẽ nhận được một cái đập bàn nẩy lửa; nhưng không, vị cán bộ công an “bên kia chiến tuyến” của tôi vẫn điềm tĩnh mỉm cười và giải thích: “Làm cách mạng là tốt, nhưng con đường mà anh chọn là sai rồi, anh Ya Duck à... Vẫn có con đường khác để anh làm cách mạng, đó là con đường hợp tác với chúng tôi để đưa anh em Fulro làm đường đang trong rừng sâu đói khát trở về với buôn làng, với đồng tộc, để xây dựng cuộc sống mới...”. Và thú thật, tôi đã rất bất ngờ...”.

Nghe hai người từng ở hai chiến tuyến “dốc ruột gan” sau chuyện xảy ra đã mấy mươi năm, tôi hiểu ra là vì sao ông tình báo Cộng sản đã thắng một cách tâm phục khẩu phục ông thủ lĩnh lực lượng Fulro từng làm mưa làm gió nơi đại ngàn một thuở! Và, phần nào đó tôi cũng hiểu được vì sao hai kẻ đối địch ấy về sau trở thành “người anh em” chung một nhà như hai ông vẫn nói!

K.D

Giải quyết vấn đề FULRO Tây Nguyên,
khi nhân ái được đặt lên trên hận thù:

Bài 4:

Ở GIỮA ĐÓ CÓ MỘT VÙNG GIAO THOA

❖ Khắc Dũng

Trở về với buôn làng, về với chính quyền
cách mạng, nguyên Đề nhất Phó Thủ tướng
Fulro Nahria Ya Duck đã lập nhiều công lao và
được nhân nhiều phần thưởng quý giá. Tất
nhiên, những phần thưởng ấy thật xứng đáng và
rất đáng trân trọng. Nhưng, bất ngờ hôm ngồi ở
nhà anh mới đây nhất, một ngôi nhà khá khang
trang nằm giữa buôn làng người Churu xứ núi
Đơn Dương, tôi bỗng chột nhân ra điều này:
Phong thái của con người ấy luôn ung dung tự tại
giữa lòng cộng đồng của mình! Còn với vị đại tá
già Vũ Linh, vào một đêm khi tiếng gà cất lên
tiếng gáy báo canh bước sang ngày mới, trong
ngôi nhà nhỏ ở xứ Phú Yên bình yên và trù phú,
nơi ông được sinh ra và lớn lên, ông thức dậy và
nói: “Lại một ngày mới nữa rồi đấy! Một khi một
ngày mới bước sang là chúng ta có biết bao
nhiều là chuyện để làm...”

Có thể là với họ - hai con người ấy, “cuộc chiến” là một cuộc sát hạch để tìm ra chân lý. Và, một khi chân lý đã được minh định, vấn đề kẻ thắng và người thua mới chỉ là một nhẽ, điều quan trọng hơn là sự “tâm phục khẩu phục” của người này đối với người kia bởi họ nhìn ra và công nhận chân lý.

NHƯ MỘT CUỘC SÁT HẠCH

Người sỹ quan an ninh giữ vai trò chính yếu trong chuyên án giải quyết vấn đề Fulro trong chiến dịch F101 mấy chục năm về trước giờ đã ở tuổi chín mươi. Buổi chiều hôm chúng tôi từ Đà Lạt về Phú Yên, ngôi nhà nhỏ của ông ở một nơi yên bình miệt quê Phú Hòa lại rộn ràng tiếng nói cười. Tôi nhận ra trong đôi mắt của cụ ánh lên niềm vui khó tả khi anh con trai cả của cụ, anh Nguyễn Trọng Hoàng, đưa cánh tay ra đỡ cụ ngồi dậy. Lúc ấy, ông giống như... đứa trẻ: Bình thường, khi người khác đỡ ông ngồi dậy, ông không ngại ngần khi cố dùng hết sức lực của mình để chuyển đổi tư thế. Còn lúc này, ông tựa hẳn vào cánh tay của anh con trai. Người lính một thuở dọc ngang chiến trường với sức vóc thời trai trẻ ấy giờ ở tuổi chín mươi đang có cánh tay của anh con trai làm điểm tựa nên ông bỗng trở lại thành “trẻ con” một cách đáng yêu là thế!

Anh Hoàng cũng cười và hỏi cụ: “Ba có mệt lắm không, có đủ sức để kể chuyện về cái thời giải quyết chuyện Fulro không?”. Ông cười: “Chuyện ấy nói nhiều rồi mà...”, rồi quay sang tôi: “Viết cũng nhiều lắm rồi mà...”. Đột nhiên anh Hoàng đề nghị: “Hay là ba kể về chuyện ta bắt ông Đoàn Đệ hồi trước bảy năm...”. Nhắc đến ông Đoàn Đệ, cụ Vũ Linh cười: “Ta “mời” ông Đoàn Đệ vào rừng 59 ngày để cho ông ấy phần nào biết cách mạng, phần nào hiểu cách mạng; để chính ông ấy sau đó

trở về vùng địch mà tuyên truyền cho nhiều người rằng cách mạng là gì, cách mạng là ai...". Tôi hiểu ý của anh Trọng Hoàng, rằng không phải đến tận sau này nhà tình báo Vũ Linh mới “đổi đũa” từ tế với lực lượng Fulro mà ngay từ thời trai trẻ, ông cũng đã từng “xử đẹp” với những người trong chính quyền Sài Gòn khi rơi vào tay ta với mục đích cao hơn là dùng mưu trí và lòng nhân ái để thắng địch.

Chuyện là thế này: Ông Đoàn Đệ là Trưởng ty Nông lâm súc tỉnh Lâm Đồng của chế độ cũ. Tuy đã có vợ con nhưng ông trưởng ty này có tính “trăng hoa” đến mức khiến cho bà vợ... nổi khùng viết thư riêng cho ông tỉnh trưởng chế độ Sài Gòn để nhờ tỉnh trưởng can thiệp. Ông tỉnh trưởng chỉ cười: “Chuyện của đàn ông; với lại, đó là chuyện riêng tư...”. Càng thêm bực mình, bà vợ bèn viết thư cho cách mạng nhờ cách mạng “giáo dục” chồng mình. Nhân dịp này, nhà tình báo của Mặt trận giải phóng Vũ Linh cho quân đi trinh sát nắm tình hình, theo dõi mọi đường đi nước bước của ông Trưởng ty Nông lâm súc. Chuyện phục bắt ông ấy không khó, cái khó hơn là làm thế nào để nhân cơ hội này lấy chính con người có chức trong chính quyền Sài Gòn ấy để tuyên truyền cho cách mạng. Khi ông Đoàn Đệ được đưa vào rừng, có người khuyên nên “xử” cho rảnh tay rảnh chân. Nhớ lại chuyện, cụ Vũ Linh lại cười: “Xử ông ấy thì quá dễ. Nhưng vấn đề là ở chỗ ta phải làm sao cho ông ta hiểu ra và tuyên truyền cho ta thì tốt hơn nhiều chứ...”. Thế là sau 59 ngày “sống” với cách mạng, ông Đoàn Đệ được tha về. Trước khi đưa ông Đoàn Đệ ra khỏi rừng, người sỹ quan an ninh Cộng sản nói: “Về lại nhà, chắc chắn là anh sẽ mở tiệc ăn mừng. Trong bữa tiệc hẳn có nhiều quan chức chính quyền Sài Gòn, kể cả sỹ quan của quân đội Sài Gòn. Họ sẽ hỏi anh về những ngày “rơi vào tay Cộng sản”, anh sống như thế nào, Cộng sản “xử” anh ra làm sao... Tôi chỉ

cần anh nói lại sự thật những gì mắt thấy tai nghe trong những ngày vừa qua ở trong rừng này, không thêm bớt... Phía bên dưới, trong đám đông dự chiều đãi hôm đó sẽ có người của chúng tôi nghe và sau đó về đây thuật lại cho tôi...". Trong bữa tiệc mừng, tay Trưởng ty Cảnh sát chế độ cũ hỏi ông Đoàn Đệ: "Những ngày sống với Việt cộng, ông thấy Việt cộng tàn độc như thế nào?". Trước câu hỏi này, ông Đoàn Đệ trả lời rất khéo: "Chúng ta chưa hiểu hết về Việt cộng. Mà, chưa hiểu hết về Việt cộng thì chúng ta không thể thắng được họ! Họ rất lịch sự và cư xử có văn hóa lắm có điều họ gian khổ quá!". Về sau, ông Đoàn Đệ được điều ra Côn Đảo cũng để làm Trưởng ty Nông lâm súc...(!).

Một câu chuyện tương tự: Năm ấy, ta bắt một viên cảnh sát chế độ cũ và đưa vào rừng. Trước, nghe tuyên truyền Cộng sản "khát máu" lắm, nên khi vào rừng, trực tiếp gặp mấy ông Việt cộng, viên cảnh sát chế độ Sài Gòn cứ run như cầy sấy. Viên cảnh sát sụp xuống trước mặt một anh lính Việt cộng có vẻ là chỉ huy, van nài: "Xin các ông đừng giết ...". Anh lính Việt cộng cười nhẹ: "Nghe đồn anh là một cảnh sát lý lắm mà... Giết anh thì có khó gì đâu! Chúng tôi muốn làm điều khó hơn...". Anh cán bộ Việt cộng nói chưa xong câu đã bỏ đi, làm viên cảnh sát... không biết đâu mà lần. Sau đó, anh ta được đối đãi một cách tử tế, càng đâm ra chột dạ. Viên cảnh sát bụng bảo dạ: "Có lẽ Cộng sản cho mình ân huệ cuối cùng trước khi mang đem ra bắn đây!". Nhưng, ngày qua ngày, mọi sự đối đãi vẫn thế. Hai tháng sau, viên cảnh sát hiểu ra nhiều thứ về Cộng sản. Gặp lại anh lính Việt cộng có phong cách chỉ huy ấy, viên cảnh sát chế độ Sài Gòn thú nhận: "Thưa ông, trước kia tôi không hiểu gì về Cộng sản các ông. Hóa ra việc tôi bị các ông bắt lại là một cơ hội để tôi hiểu ra một số điều gì đó về các ông...". Anh cán bộ Việt cộng cứ như là không nghe thấy lời thú nhận của viên

cảnh sát, quay sang nói chuyện khác: “Nay đã “hết hạn” rồi đấy, anh được chúng tôi tha cho về với vợ con. Anh nghĩ sao?”. Càng thêm bất ngờ, nhưng viên cảnh sát tỏ ra lưỡng lự: “Nhưng, thưa anh (lúc này viên cảnh sát Sài Gòn đã hiểu những người Việt cộng và tin tưởng, thoải mái xưng hô thân mật), tôi... không muốn về! Thực sự là không muốn về! Nếu được các anh cho phép, tôi xin các anh cho tôi được ở lại trong rừng để cùng với các anh...”. Nghe viên cảnh sát đề xuất, anh cán bộ Việt cộng mỉm cười và bảo: “Thôi được rồi, chúng tôi cho anh thêm một thời gian...”. Về sau, viên cảnh sát trở thành người của ta ở trong cứ và được bố trí làm ở bộ phận sản xuất. Sau giải phóng, ông ấy trở thành một chủ tịch mặt trận xã. Và, anh lính Việt cộng có phong thái của một cán bộ ấy chính là cụ Vũ Linh tuổi chín mươi đang ngồi trước mặt tôi đây! Ông cụ lại cười: “Chuyện đã lâu quá rồi mà, đã hơn bốn chục năm...”.

Kể lại hai câu chuyện trên, tôi muốn nói rằng không phải mãi đến sau này, khi bước vào cuộc chiến đối mặt với lực lượng Fulro, đối mặt với Đệ nhất Phó Thủ tướng Nahria Ya Duck, đại tá Vũ Linh mới có lối ứng xử để những người ở phía bên kia chiến tuyến tâm phục khẩu phục như những gì mà tôi vừa kể ở những bài trên.

CÁI CHAU MÀY NHIỀU SUY TƯỞNG

Nhiều lần ngồi đối diện với ông nghị Nahria Ya Duck, tôi không ít lần tự hỏi: Nếu bên ta không có một đại tá Vũ Linh và bên Fulro không có một Nahria Ya Duck thì cục diện về an ninh chính trị ở Lâm Đồng và Tây Nguyên sau 1975 sẽ như thế nào? Tất nhiên thắng lợi là của cả hệ thống, nhưng rõ là vai trò của họ, hai con người ấy, không hề nhỏ để vấn đề Fulro Tây Nguyên được giải quyết một cách tốt đẹp nhất, mang lại kết quả cao nhất, và đặc biệt

là ít đổ máu nhất. Tôi cũng đã không ít lần chuyện trò với họ để cốt tìm ra “vùng giao thoa” giữa hai luồng suy nghĩ, giữa hai “lý tưởng”, giữa hai cách ứng xử, giữa hai “đường hướng” mang màu sắc chính trị, đặc biệt là giữa hai nhân cách của hai con người từng đối diện nhau trên hai chiến tuyến là đại tá Vũ Linh và thủ lĩnh Fulro Naria Ya Duck, nhưng càng tìm hiểu, tôi càng nhận ra để cắt nghĩa



vấn đề này một cách thấu đáo, không phải là chuyện quá dễ dàng.

Cựu đệ nhất phó thủ tướng Fulro - Nahria Ya Duck với các nhà báo tại nhà riêng của ông ở Ka Đô, Đơn Dương.

Trong ngôi nhà mới xây khá khang trang của ông đại biểu Quốc hội Nahria Ya Duck ở miệt rừng Ka Đô của xứ sở Đơn Dương (Lâm Đồng), tôi gợi chuyện: “Nghe nói trước đây anh từng sang Campuchia và gặp Pôn Pốt...”. Nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck: “Đúng rồi! Hồi đó, mình sang để tìm đất lập cứ cho Fulro. Mình gặp cả một cổ vấn Trung Quốc, ông cổ vấn ấy nói

rằng sẽ giúp Fulro khoảng 200 triệu quân và nhiều vũ khí, khí tài... Nghe đến con số ấy, mình sợ... Thế là mình tìm đường về lại Việt Nam...". Hồi tháng 7 năm 1994, một thông tin khiến nhiều người ngạc nhiên: Đại úy tỉnh trưởng tỉnh Phan Rang Fulro Tounet Den sau gần hai mươi năm lẩn trốn trong rừng sâu đã trở về đầu thú chính quyền cách mạng tại một khu rừng thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Tiếp đến, tháng 3.1996, một toán Fulro khác do thiếu tá tỉnh trưởng tỉnh Run Ka (Long Khánh, Đồng Nai) Klong Nhảo chỉ huy đã bị tổ công tác Công an huyện Đa Huoai bắt sống toàn bộ. Hai vị sỹ quan đều là tỉnh trưởng này là lính thuộc quyền của Nahria Ya Duck. Đó là những tàn quân cuối cùng của Fulro Tây Nguyên; là những Fulro không có bất kỳ thông tin nào về cấp trên của họ và cũng không có thông tin gì về xã hội ở bên ngoài rừng nên cứ phải lẩn trốn trong rừng sâu như thế. Về điều này, sau đó, tôi đã được ông Tounet Den xác nhận: "Lẩn trốn giữa vùng rừng sâu giáp Lâm Đồng với Bình Thuận, tôi không hề liên lạc được với Naria Ya Duck, không hề biết được là hầu hết các Fulro khác đã được cách mạng đưa ra khỏi rừng để trở về với buôn làng từ hồi cuối những năm 1980. Trong khi đó, vì lo sợ nên tôi cứ phải dắt vợ con cùng một thuộc hạ cuối cùng của mình là Mang Sanh đi sâu vào rừng, cứ đi, đi mãi... Cho đến một ngày, tôi nhận được lá thư kêu gọi của Công an huyện Đức Trọng...". Mang hai câu chuyện của hai toán Fulro cuối cùng ra khỏi rừng nhắc lại với nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck, tôi nhận ra cái chau mày trên vầng trán nhiều vết hằn sâu của ông. Ông bảo: "Trước đó, tôi cứ nghĩ hai người này đã chết vì đói hoặc vì sốt rét rừng... Khi hay tin họ trở về, tôi mừng, nhưng thực sự giận và buồn... Buồn lắm!".

Và rồi cuối cùng thì tôi cũng phải chia tay với đại tá Vũ Linh và Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam tỉnh Lâm Đồng Nahria Ya Duck. Tôi không rõ là mình đã chạm được vào vùng giao thoa giữa hai dòng nghĩ suy của hai con người từng đứng ở hai đầu chiến tuyến ấy chưa nhưng thực tình, tôi cho rằng giữa họ có một vùng “chồng lên nhau” như thế, vùng “chồng lên nhau” đó có thể rộng, có thể hẹp! Tôi lại nghĩ đến chuyện khác, rằng, có người bảo, những cuộc chiến ở Việt Nam, kể cả cuộc chiến chống Fulro sau bảy năm, là những cuộc chiến vô cùng khốc liệt, khốc liệt đến mức người cực đoan cho rằng ở đó không có đất cho sự nhân ái ươm mầm và nảy nở. Song, chắc chắn là tôi không nghĩ vậy, và nhiều người không nghĩ vậy. Chiến tranh cho dù khốc liệt đến dường nào, nếu mầm nhân ái được đặt lên trên hết, được đặt một cách đúng chỗ thì đất sống của nó vẫn có! Mà, “cuộc chiến” giữa hai con người đứng trên hai chiến tuyến là nhà tình báo cách mạng Vũ Linh và thủ lĩnh Fulro Nahria Ya Duck là một minh chứng về đất sống của mầm nhân ái đó!

(Loại bài đạt giải nhất cuộc thi sáng tác năm 2015 do Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lâm Đồng tổ chức. Đăng trên tạp chí Langbian số 144 -145 tháng 9-10/2015)

CHO TÂY NGUYÊN THÊM XANH

❖ Đinh Thị Nga

** Cuộc gặp gỡ giữa hai “kỳ phùng địch thủ”
Nahria Ya Duck ôm lấy Vũ Linh: “Anh ơi!...”.
Hai nhân vật chủ chốt ở hai chiến tuyến gặp nhau
lần đầu tiên tại Xóm Lắm – khi Ya Duck 76 tuổi,
còn Vũ Linh 91 tuổi. Câu chuyện giữa hai anh em
kết nghĩa: Ya Duck – Đại tá, đệ nhất Phó Thủ
tướng Fulro, Đại biểu Quốc hội khóa XII – XIII và
Vũ Linh – nguyên Đại tá, Giám đốc Công an tỉnh
Lâm Đồng hôm 6/8/2015 kéo chúng tôi trở lại thời
khắc nghiệt thờ thực hiện “Chuyến án đấu tranh
với tổ chức phản động Fulro ở Lâm Đồng”
(Chuyến án F101).*

VŨ LINH LÀ ÂN NHÂN CỦA ĐỜI TÔI

Trải qua 20 năm làm Phó Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng, hai kỳ đại biểu Quốc hội, Ya Duck còn nhớ như in: “Tốt nghiệp Học viện Hành chính Quốc gia, tôi được bổ nhiệm về làm Trưởng ty kinh tế - tài chính Vũng Tàu, sau đó được điều về làm Trưởng Ty Sắc tộc Tuyên Đức, trực thuộc Bộ Phát triển Sắc tộc (chế độ cũ). Ngay sau ngày 30/4/1975, tôi trực tiếp cầm súng chiến đấu và chỉ huy trong “Mặt trận Đoàn kết đấu tranh của các dân tộc bị áp bức – Fulro” – (tổ

chức này được thành lập năm 1965). Tại đây, tôi đứng chân trong nội các chính phủ Fulro, có nhiệm vụ tìm cách móc nối với nước ngoài để lập căn cứ chống cộng sản. Năm 1977, khi vừa tròn 37 tuổi, tôi sang Campuchia gặp Pôn Pốt xin đất lập căn cứ. Tại cuộc gặp này, một cố vấn người Trung Quốc hứa sẽ đưa tới 200 triệu quân để “Giải phóng Việt Nam” ngay lập tức. Về Việt Nam, họp nội các Fulro, tôi khẳng định: Đây là vấn đề nội bộ giữa người Việt Nam với nhau. Sau đó, tôi sang Thái Lan xin đất. Nghi ngờ, người Thái bắt giam tôi. Tôi viết thư gửi Đại sứ Mỹ, Đại sứ Pháp... Được giải thoát, tôi trở về căn cứ địa giữa Việt – Lào – Campuchia (Kon Tum). Thời điểm đó, nội bộ Fulro lục đục, mâu thuẫn gay gắt, bất đồng, nghi ngờ, giết hại lẫn nhau... Đời sống bà con các sắc tộc không chỉ đói, khát, đau ốm, mà còn hoang mang cực độ, trốn chạy trong rừng “sợ Cộng sản”. Trải qua biết bao đau khổ và mất mát... cho đến ngày tôi gặp Vũ Linh. Tôi – từ chỗ không tin chính quyền cách mạng – khi gặp Vũ Linh, tôi ngạc nhiên lắm, trò chuyện với anh, càng ngày tôi càng cảm mến, kính phục. Tôi hiểu các chính sách của chính phủ Việt Nam là nhờ anh Vũ Linh, cứ thế, chúng tôi ngày một xích lại gần nhau. Tôi tin anh, cùng anh leo rừng, vượt suối kêu gọi các chiến hữu rời bỏ hàng ngũ Fulro trở về với buôn làng, với gia đình.

CHỦ TRƯỞNG KHÔNG NỢ MÁU

Fulro là một tổ chức được Mỹ trang bị vũ khí, phương tiện để lập căn cứ, củng cố tổ chức, lực lượng từ năm 1972. Đến năm 1974, thành lập “Chính phủ cách mạng lâm thời miền Cao nguyên”, bố trí lực lượng theo 4 vùng chiến thuật, mà vùng 4 là khu vực Lâm Đồng. Tại đây, từ tháng 3/1975, Fulro đã thực hiện âm mưu chuẩn

bị thực lực, thu gom, chôn cất vũ khí chờ thời cơ gây bạo loạn cướp chính quyền. Chúng đã vận động, lôi kéo hàng ngàn người trong các buôn ấp chạy ra rừng xây dựng “quân khu 4F”, thành lập lực lượng vũ trang Fulro biên chế thành 2 sư đoàn, 8 trung đoàn, 1 tiểu đoàn trinh sát dưới sự chỉ đạo của Nahria Ya Duck, Ya Theng, Toup Rong Cháp, Lơ Mu Ha Than... Tháng 6/1976, Nahria Ya Duck được bổ nhiệm làm Tư lệnh trưởng Quân khu 4. Tháng 7/1977, Nahria Ya Duck bị điều chuyển làm Đồng lý văn phòng phủ Thủ tướng. Quân khu 4 được Trung ương Fulro coi là quân khu mạnh có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nhất và quan trọng nhất. Có hệ thống cơ sở thâm nhập sâu vào hầu hết các buôn ấp, vùng dân tộc, các cơ sở chính trị, xã hội khác... móc nối vào nội bộ ta ở cơ sở, lôi kéo, khống chế một số cốt cán của ta lập “chính quyền hai mặt” âm mưu nổi dậy phối hợp với ngoài đánh vào, chúng đã lôi kéo hàng trăm người ra rừng bổ sung lực lượng... Đây mạnh hoạt động vũ trang tấn công các đơn vị quân đội ở Đức Trọng, Đơn Dương. Phong tỏa các lộ giao thông, ám sát cán bộ, đưa lực lượng ếm sát thành phố Đà Lạt rải truyền đơn... Chỉ trong 2 năm 1977-1978, Fulro đã gây 1092 vụ lớn nhỏ, trong đó, phục kích 29 vụ, tập kích 36 vụ, đột áp 872 vụ... làm chết 157 người, bị thương 17 người, bắt 58 người, cướp 48 súng, 18.455 kg lương thực (Tổng kết Chuyên án F101 – 1.2015).

Khẳng định Fulro là một tổ chức chính trị có vũ trang, có bàn tay chỉ đạo của tình báo Pháp – Mỹ, cuối năm 1978, Công an Lâm Đồng đã xác lập Chuyên án F101. Trong đó, Bộ chỉ huy quân khu 4 và Ya Duck – Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro là đối tượng chính của Chuyên án ở địa bàn Lâm Đồng. Tháng 8/1980, sau kế hoạch X1 kết thúc thắng lợi (ta bắt được 10 sĩ quan, quan chức Fulro, trong đó có Nahria Ya Duck, Lơ Mu Ha Không – Trung tá, Tổng trưởng giao thông công chánh). Theo chỉ

đạo của đồng chí Phạm Hùng – Phó Chủ tịch HDBT kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đồng chí Đỗ Quang Thắng – Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng làm Trưởng ban Chuyên án; Thượng tá Vũ Linh (Tư Vũ) – Phó ty phụ trách an ninh là Phó ban thường trực.



Nhà báo Đinh Thị Nga phỏng vấn ông Nahria Ya Duck.

“Thủ trưởng Vũ Linh là người có bản lĩnh chính trị nhạy bén của một điệp báo: Rất hiểu ta, hiểu địch, rất sâu sắc, điềm đạm. Quan hệ xã hội đúng mức, chuẩn mực trong cư xử. Trong mọi tình huống, ông là con người nhân nghĩa. Ông không chỉ quan tâm đến đời sống, sinh mạng chính trị của đồng đội, mà còn nghĩ đến sinh mạng của đối phương” – Đại tá Phạm Trung Hiếu – Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ, cho biết – “Thủ trưởng Vũ Linh rất mưu trí, sáng tạo, tinh thông nghiệp vụ và hết sức bản lĩnh. Ông luôn nhắc nhở cán bộ,

chiến sĩ công an: khỏe dùng sức, yếu dùng mưu. Hãy dùng biện pháp nghiệp vụ ít tổn công sức, hiệu quả cao. Thủ trưởng Vũ Linh đã áp dụng trí mưu lược và tinh thần quyết liệt trong việc hạ quyết tâm chấp hành chỉ đạo của Bộ Công an, thực hiện thắng lợi Chuyên án F101.

Tháng 1/2015, tổng kết Chuyên án F101 đã gọi kế hoạch X2 là “Trò chơi nghiệp vụ”, để “câu nhử chỉ huy Fulro còn ở trong rừng”. Thượng tá Vũ Linh trực tiếp thuyết phục Nahria Ya Duck tham gia vào việc câu nhử để bắt gọn những nhân vật cầm đầu Fulro ở Lâm Đồng. Nói về Chuyên án F101, đến bây giờ Đại tá Vũ Linh vẫn khẳng định: “Fulro không phải là thổ phỉ mà là một tổ chức chính trị ở Tây Nguyên có hệ thống, tổ chức từ trung ương đến quận, xã. Do đó, mục tiêu của Chuyên án là vừa đấu tranh giải quyết bộ phận đầu não Fulro, vừa chăm lo tốt cho đời sống vùng đồng bào dân tộc. Nahria Ya Duck là một trí thức hiếm có trong tộc người Chu Ru, do đó chúng ta vừa khai thác, vừa cảm hóa, thuyết phục để Nahria Ya Duck hợp tác với ta bày binh bố trận đưa số cầm đầu Trung ương Fulro trở về với gia đình, với cách mạng, đó là con đường ngắn nhất, giảm thiểu tối đa đổ máu, tránh hận thù lâu dài. Ông nhấn mạnh: Với nhiều biện pháp nghiệp vụ, mục tiêu nhằm vào một số nhân vật phụ trách về quân sự, đang có quyền lực điều hành mọi hoạt động của Fulro, Ban chuyên án đã giăng lưới và cắt vó một cách ngoạn mục, lần lượt đón bắt các nhân vật quan trọng: Liêng Hot K’ Thot – Bộ trưởng Tài chính Fulro, Ê Muôil M’Bột – Tư lệnh Quân khu 4, Trung tá Touprong Cháp – Tổng cục quân huấn, Trung tá Kra Jan Ha Pút – tùy viên tham mưu Bộ Quốc phòng...”.

Bất cứ chiến sỹ, sỹ quan nào trước khi ra trận cho đến tận bây giờ vẫn nhớ như in lời dặn dò của vị tư lệnh trưởng Vũ Linh: Fulrô là người dân tộc thiểu số Tây

Nguyên, là đồng bào của mình. Do đó phải cố gắng bằng biện pháp nghiệp vụ để bắt sống và dụ hàng là chính chứ không đặt mục tiêu tiêu diệt. Cả ông và đồng đội của mình đều hiểu rằng: bắt khó gấp ngàn lần giết; dụ hàng khó gấp ngàn lần tiêu diệt. Song họ đã chấp nhận gian khổ, chấp nhận hy sinh vì tinh thần nhân văn cao cả ấy. Nhờ tinh thần đó mà hai “kỳ phùng địch thủ” đã trở thành hai anh em, họ cùng nhau vun đắp cho Tây Nguyên thêm xanh.

Đ.T.N

Người chỉ huy “Tuyến lửa” chống FULRO:

Kỳ 1:

TÂY NGUYÊN KHÔNG BÌNH YÊN

❖ Phương Trà

Ra đi từ làng quê Phụng Tường, người sĩ quan tình báo ấy đã cùng đồng đội lập nhiều chiến công xuất sắc với những trận đánh không tiếng súng. Sau khi hòa bình lập lại, tên ông gắn liền với chuyên án “F101” nổi tiếng, làm tê liệt Fulro ở Nam Tây Nguyên, góp phần đập tan tổ chức phản động này. Ông là đại tá Vũ Linh, một người con ưu tú của Phú Yên, nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.

Sau ngày đất nước thống nhất, Fulro kéo đám mây đen che phủ cuộc sống còn nhiều khó khăn của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên. Hành động tấn công, khủng bố của tổ chức phản động này gieo rắc nỗi ám ảnh kinh hoàng. Bài toán đặt ra là làm sao đập tan đầu não Fulro và làm tan rã toàn bộ lực lượng của chúng.

KHI “CỰU THÙ” TRỞ THÀNH... ANH EM KẾT NGHĨA

Chiều nhạt nắng, một người đàn ông cao lớn, rắn rỏi đặt những bước chân hồi hộp lên bậc thềm ngôi nhà giản dị ở thôn Phụng Tường (xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa). Đến cửa phòng khách, bước chân khựng lại khi

người đàn ông nhìn thấy một cụ già đang ngồi trên chiếc ghế nệm. Màu thời gian xối trắng mái tóc cụ, hiện rõ trên dáng vẻ mong manh trước tuổi già. Riêng đôi mắt dường như không thay đổi. Đó là đôi mắt của một con người thông minh, chính trực và nhân hậu. Vị khách vội bước nhanh đến, ôm chầm ông cụ, giọng nghèn nghẹn: “Anh ơi!”.

Cụ già đó chính là đại tá Vũ Linh - tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh - nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, Phó ban thường trực Ban chuyên án F101. Còn người khách vừa đến thăm là Nahria Ya Duck, đại biểu Quốc hội khóa XII, XIII, Phó Chủ nhiệm Hội đồng Tư vấn Dân tộc, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng. 35 năm trước, Nahria Ya Duck là đại tá, Phó Thủ tướng thứ nhất Fulro - Đền-ga.

Hai người chỉ huy từng đối đầu nhau ở hai chiến tuyến, sau đó trở thành anh em kết nghĩa. Tình bạn đặc biệt của hai cựu thù này tưởng như chỉ có trong tiểu thuyết, trên phim ảnh. Vậy mà lạ lùng làm sao, tình bạn đó vẫn xuất hiện đẹp đẽ trong đời thực!

Những người đa nghi có thể cho rằng đây là “kỹ xảo” của một sĩ quan tình báo kỳ cựu. Tuy nhiên 35 năm trôi qua, rất nhiều thứ đã thay đổi cùng với thời gian song tình bạn, tình anh em của hai cựu thù vẫn bền chặt. Và mỗi khi nhắc đến đại tá Vũ Linh - người sĩ quan tình báo ra đi từ làng quê Phụng Tường, ông Ya Duck cảm kích: “Đó là người anh, người thầy, là ân nhân của tôi”.

Câu nói này của người em - cựu thù nổi tiếng cho thấy tầm vóc của một sĩ quan tình báo không chỉ mưu trí,

táo bạo mà đặc biệt còn rất coi trọng tình người, tình đồng bào.



Cán bộ giải thích chính sách khoan hồng của chính quyền cho những anh em Fulro trở về.

“ĐÁM MÂY ĐEN” FULRO

Ai từng sống ở Tây Nguyên sau giải phóng hẳn không bao giờ quên những ngày tháng ám ảnh bởi hai tiếng Fulro. Ra đời vào tháng 9/1964 tại Campuchia với tên gọi Mặt trận Thống nhất Đấu tranh của các Sắc tộc bị áp bức (tiếng Pháp: Front Unifié de la Lutte des Races Opprimées, viết tắt là Fulro), sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, được các thế lực thù địch hậu thuẫn, Fulro liên tục chống phá chính quyền cách mạng. Theo các tài liệu, Fulro chia lực lượng thành 4 vùng chiến thuật, trong đó Vùng 1 (tức Quân khu 1) gồm miền Tây Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; Vùng 2 gồm Gia Lai, Kon Tum; Vùng 3 có Đắk Lắk, Quảng Đức (một tỉnh cũ nằm trên cao nguyên Mơ Nông thuộc Tây Nguyên); Vùng

4 gồm hai tỉnh: Lâm Đồng và Ninh Thuận. Với số vũ khí, quân trang gom nhặt được từ tàn quân của chế độ cũ, Fulro không chỉ rải truyền đơn, lôi kéo, ép buộc hàng ngàn thanh niên dân tộc thiểu số gia nhập lực lượng mà còn tấn công vào các đơn vị bộ đội, các tổ công tác, đốt phá trụ sở, giết hại và làm bị thương hàng trăm người... Sự tàn bạo đó gieo rắc nỗi kinh hoàng vào cuộc sống còn rất nhiều khó khăn của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên trong những năm đầu sau giải phóng. Vùng 4 là nơi Fulro hoạt động mạnh nhất, trong đó địa bàn “nóng” nhất là tỉnh Lâm Đồng.

Đứng đầu là Y Djaio Niê - viên trung tá dưới chế độ Sài Gòn, tự phong Thủ tướng Fulro. Do mâu thuẫn nội bộ và tranh chấp quyền lực, Y Djaio Niê bị giết vào tháng 10/1978 tại Đức Trọng, Y Ghok Niê Krieng lên làm Thủ tướng vào đầu năm 1979. Trong khi Phó Thủ tướng thứ hai Paul Yurh người Ê Đê bị mất uy tín, người có uy thế nhất là Nahria Ya Duck, Phó Thủ tướng thứ nhất kiêm Tư lệnh vùng 4 Fulro. Ya Duck là người Chu Ru, sinh trưởng trong một gia đình giàu có ở xã Ka Đô (huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng), có bằng tú tài Pháp, được đào tạo bài bản tại Học viện Hành chính Quốc gia ở Sài Gòn, từng giữ chức Trưởng ty Kinh tế Tài chính Vũng Tàu, Trưởng ty Sắc tộc Tuyên Đức - Đà Lạt dưới chế độ cũ trước khi gia nhập Fulro và được phong hàm đại tá.

CHUYÊN ÁN F 101

Thực hiện Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề Fulro, ngành công an các tỉnh Tây Nguyên phối hợp với các đơn vị quân đội cùng một số địa phương triển khai các chuyên án nhằm triệt phá tổ chức phản động này. Các đặc tình được cài vào nội tuyến của Trung ương Fulro, tiếp cận

với một số viên chỉ huy cấp cao, dần dần được chúng tin cậy nên nắm bắt những tin tức quan trọng và tài liệu có giá trị.

Bài toán đặt ra là làm sao đập tan đầu não Fulro và làm tan rã toàn bộ lực lượng của chúng. “Nút thắt” cần tháo gỡ chính là Nahria Ya Duck - người mang biệt danh “Hùm xám Tây Nguyên”. Chuyên án F101 ra đời.

Tháng 7/1980, sau khi trở về từ hội nghị chuyên đề giải quyết Fulro do đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chủ trì tại Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), trước Bí thư Tỉnh ủy Đỗ Quang Thắng, thượng tá Vũ Linh, Phó trưởng ty Công an Lâm Đồng hạ quyết tâm triệt phá Trung ương Fulro trên địa bàn Lâm Đồng. Thời cơ đã đến khi thượng úy Nguyễn Văn Độ, Phó phòng Bảo vệ chính trị (sau này là đại tá, Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng) báo cáo với thượng tá Vũ Linh tin khẩn từ đặc tình mà ta cài vào nội tuyến địch: Mâu thuẫn giữa Paul Yuh - Phó Thủ tướng phụ trách an ninh quốc phòng với Nahria Ya Duck - Phó Thủ tướng phụ trách chính trị, ngoại giao đã lên đến đỉnh điểm. Ya Duck cùng một số viên chỉ huy Fulro người K’ho, Churu dưới quyền đang bí mật tìm đường thoát ra nước ngoài mà không cho Trung ương Fulro hay biết.

Cải trang, mai phục tại một số nơi ở Đà Lạt, các trinh sát phát hiện, bắt được thiếu tá Ya Theng - Tham mưu trưởng Vùng 4 và đại úy Ha Poh - sĩ quan an ninh của Nahria Ya Duck. Viên thiếu tá và tay đại úy Fulro khai rằng thông qua mục sư Lâm (thật ra là một kẻ mạo danh, trên thực tế ông mục sư này đã ra nước ngoài), nhóm của Nahria Ya Duck muốn “kết nối” với Caritas - một tổ chức từ thiện, nhờ họ giúp đỡ Fulro ra nước ngoài tìm nguồn tài trợ về tài chánh và vũ khí để quay trở về hoạt động.

Nhóm của Nahria Ya Duck đang chờ kết quả liên lạc của Ya Theng, Ha Poh và đặt hy vọng vào “con đường” Caritas.

Là một sĩ quan tình báo nhạy bén và mưu lược, thượng tá Vũ Linh - nguyên tổ trưởng tổ điệp báo A2 trong kháng chiến chống Mỹ - nghĩ ngay đến việc tương kế tựu kế, dụ “hùm xám” rời “hang”. Ông Vũ Linh nhớ lại: Từ những tin tức có được, ta lên kế hoạch câu nhử Nahria Ya Duck - đối tượng chính của chuyên án F101.

P.T

(Nguồn: Báo Phú Yên số 3013 (4816)- Ngày 19/12/2015, trang 6)

Người chỉ huy “Tuyến lửa” chống FULRO:

Kỳ 2:

TÌNH NGƯỜI TRÊN HÀNH TRÌNH TRỞ VỀ CỦA “HÙM XÁM TÂY NGUYÊN”

❖ Phương Trà

Giăng bầy rất tài tình, Ban chuyên án “F101” bí mật bắt gọn nhóm Fulro của đại tá Nahria Ya Duck mà không làm vang lên một tiếng súng. Bằng tình người, tình đồng bào, thượng tá Vũ Linh khi đó đã đưa người lạc lối trở về với buôn làng, với đại gia đình dân tộc. Trong lòng Nahria Ya Duck, ông Vũ Linh là người anh, người thầy, là ân nhân.

“HÙM XÁM” SA LƯỚI

Từ những thông tin có được khi khai thác Ya Theng, Ha Poh, Ban chuyên án bí mật bắt P., một y tá tại huyện Đức Trọng. P. chơi thân với cháu của Ha Poh và qua người bạn này, cô biết một số sĩ quan Fulro đang tìm cách trốn ra nước ngoài. Do thân thiết với cháu của Ha Poh nên P. đứng ra “kết nối” nhóm Fulro với một đường dây đưa người trốn ra nước ngoài do Caritas tổ chức.

Sử dụng P. - đó là hướng tốt nhất để “nhử” “hùm xám”. Được sự đồng ý của Ban chuyên án, các trinh sát lập kế hoạch xây dựng P. thành đặc tình. Về phần mình, sau khi được phân tích, P. đã nhận ra việc làm sai trái và đồng ý cộng tác với cơ quan an ninh. Thông qua các liên lạc nằm vùng của Fulro, người phụ nữ trẻ gửi thư cho sĩ quan liên lạc của nhóm Nahria Ya Duck, báo rằng đã liên lạc được với tổ chức Caritas. Để củng cố lòng tin của toán Fulro đối với P., cơ quan an ninh chuẩn bị một sổ giấy tờ chứng minh cô gái trẻ này đã đi Đà Nẵng liên lạc với Caritas.

Đúng như dự đoán, sau khi nhận được thư, nhóm của đại tá Nahria Ya Duck đề nghị gặp mặt P. Và Ba Bình phái viên của tổ chức Caritas (Thiếu úy trinh sát Lâm Văn Thanh, sau này là anh hùng lực lượng vũ trang) để kiểm chứng, tránh bị sập bẫy cơ quan an ninh. Nhưng cái bẫy đã được bố trí kỹ càng, nguy trang khéo léo.

Như đã hẹn, P. qua sông Đa Nhim gặp hai tên Fulro, trong đó có trung úy Tô Na. Sau khi đặt ra hàng loạt câu hỏi về Caritas và kiểm tra giấy tờ của P. đi Đà Nẵng, gồm vé xe, giấy đi đường có đóng dấu bến xe Đà Nẵng, hai tên này bảo P. chờ chúng xin ý kiến chỉ huy. Khi quay lại, chúng trao cho cô danh sách các sĩ quan Fulro sẽ xuất ngoại chuyến này, trong đó có đại tá Ya Duck và trung tá Lơmu Ha K'Rông, Tổng trưởng giao thông công chánh, đồng thời hẹn đúng 6 giờ sáng ngày 13/8/1980 cho xe xuống chợ cũ Tùng Nghĩa.

Diễn biến tình hình cho thấy nhóm Nahria Ya Duck đã phần nào tin vào kế hoạch xuất ngoại của “Caritas”. Tuy nhiên, Fulro không hề “ngây thơ”. Để tránh bị sập bẫy cơ quan an ninh, các Fulro nằm vùng bám sát P. Ba Bình

và dùng nhiều biện pháp thử thách, kiểm tra. Các vai diễn đã vượt qua các cuộc kiểm tra một cách ngoạn mục.

Nghe Ban chuyên án báo cáo tình hình, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng nhất trí với kế hoạch giăng bẫy để bí mật bắt toán của Nahria Ya Duck. Ta chọn một chiếc xe có màu sắc đúng như P. đã trao đổi với toán Fulro, mang biển số của Thành phố Hồ Chí Minh để “đón” toán của Nahria Ya Duck. Trên xe có mặt P. và “phái viên của Caritas” do thiếu úy Lâm Văn Thạnh, trinh sát ngoại tuyến thuộc Phòng Bảo vệ chính trị vào vai; lái xe cũng là một cán bộ an ninh đã được huấn luyện kỹ, mang theo những giấy tờ cần thiết để toán Fulro không chút nghi ngờ.

Địa điểm bắt toán Fulro của Nahria Ya Duck cũng được chọn lựa kỹ, cách Đà Lạt khoảng 70km. Trên đoạn đường vắng vẻ này, ta bố trí lực lượng và một chiếc xe bí mật kín. Ngoài ra còn có một chiếc xe khác của ta bí mật bám theo chiếc xe chở Fulro, để xử lý tình huống xấu trong trường hợp chúng phát hiện mình bị giăng bẫy.

Đúng 6 giờ ngày 13/8/1980, xe đón Fulro có mặt tại điểm hẹn ở bờ suối phía dưới chợ Tùng Nghĩa (huyện Đức Trọng) và ra ám hiệu. Hai tên liên lạc của Fulro xuất hiện, kiểm tra xe rồi ra hiệu cho nhóm của đại tá Nahria Ya Duck từ bên kia sông Tùng Nghĩa bơi thuyền sang. Sau khi để lại vũ khí “nhằm tránh nguy cơ bị bại lộ” - theo yêu cầu của P. và Ba Bình, trong trang phục dân thường, nhóm Fulro lần lượt lên xe của “Caritas”. Cái bẫy mà Ban chuyên án Cao nguyên F101 dày công giương ra đã sập xuống ngoạn mục, bí mật bắt gọn nhóm Fulro trong đó có Nahria Ya Duck và Lơmu Ha K’rông mà không làm vang lên một tiếng súng! Trên đường về điểm hẹn, ngang qua bưu điện Đức Trọng, chúng bất ngờ yêu cầu Ba Bình vào bưu điện, đánh điện về Đà Nẵng cho “mục sư Lâm”. Khi

Ba Bình trở ra từ bưu điện thì lập tức một sĩ quan Fulro chạy xe máy bám theo đoàn chặn lại kiểm tra và thu giữ nội dung bức điện. Tuy bất ngờ ngoài dự kiến nhưng Lâm Văn Thạnh đã thực hiện xuất sắc, tạo được lòng tin vững chắc cho các đợt câu nhử tiếp theo. Tất cả đều không lọt qua những đôi mắt theo dõi của nhóm trinh sát vũ trang cùng đi trên chiếc xe Peugeot 404 (là dòng xe gia đình được sản xuất tại Pháp) cùng với ông Vũ Linh bám theo cách đó một quãng. Tin vào sự bình tĩnh, linh hoạt của Lâm Văn Thạnh, ông Vũ Linh nói “Tốt rồi, cứ để cho nó mang bức điện đó vào rừng”.

Sau khi “hùm xám” sa lưới, nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo cho chuyên án F101, theo ý kiến của cấp trên, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng Đỗ Quang Thắng làm Trưởng ban chuyên án; thượng tá Vũ Linh, Phó trưởng ty phụ trách an ninh nhận nhiệm vụ Phó ban thường trực. Với quyết tâm đánh tan Vùng 4 - quân khu “chủ lực” của Fulro, góp phần cùng công an các địa phương đập tan tổ chức phản động này, ta cảm hóa Nahria Ya Duck và thực hiện liên tiếp 7 kế hoạch “dụ rắn ra khỏi hang”.

Kết thúc chuyên án F101, ta bắt được hơn 60 nhân vật chỉ huy Fulro, làm tan rã hầu hết Trung ương Fulro đứng chân trên địa bàn Lâm Đồng. Tổ chức Fulro ở Nam Tây Nguyên gần như tê liệt. Đây là thắng lợi có tính quyết định đến việc đập tan tổ chức Fulro trong những năm sau đó.

Anh Trần Hữu Phi kể rằng, trong những lần ta bí mật đi đón bắt các nhóm Fulro bất kể giờ giấc, địa điểm nào, xe của ông Vũ Linh do thiếu úy Trần Hữu Phi cầm lái, đều luôn bám theo một khoảng cách hợp lý ở phía sau, cùng với một nhóm trinh sát được trang bị đầy đủ vũ khí sẵn sàng chiến đấu nếu xảy ra tình huống xấu.

CẢM HÓA BẰNG TÌNH NGƯỜI, HÓA GIẢI HẬN THÙ BẰNG NHÂN ÁI

Tan giấc mộng xuất ngoại, đại tá Ya Duck, Phó Thủ tướng thứ nhất Fulro bàng hoàng nhận ra “phái viên của Caritas” là công an Việt Nam. Ông nhớ lại: “Tôi nói với cụ Vũ Linh: Tôi đã bị bắt, các anh muốn giết thì giết, tôi không sợ. Ông cụ trả lời: Tôi biết anh là người có trình độ, có bản lĩnh. Nhưng anh phải nghĩ đến dân tộc mình, đồng bào mình - những người đã nghe lời anh đi vào rừng. Họ còn tiếp tục ở trong rừng thì máu còn tiếp tục đổ và nay anh về, bà con sẽ hỏi chồng con họ đâu? Anh nói sao với họ đây?”.

Câu hỏi của người sĩ quan an ninh từng trải đã “đánh” đúng vào nỗi day dứt, dằn vặt của ông Nahria Ya Duck. Sau khi vào rừng được 3, 4 năm, người đàn ông Chu Ru này nhận ra mình đã bị lừa. “Tôi muốn trở về với bà con, với buôn làng nhưng chuyện không dễ. Lúc đầu mình nói đi giải phóng cho bà con, rồi sau đó mình lại làm khổ bà con, muốn trở về cũng khó chứ đâu phải đơn giản” - cựu đại tá Fulro thổ lộ. Như hiểu được tâm tư sâu kín của ông Ya Duck, thượng tá Vũ Linh đã dùng tình người, tình đồng bào để cảm hóa, đưa ông trở về với nhân dân. Ông Nahria Ya Duck kể: “Cụ Vũ Linh nói: Trước kia vào rừng, ông nói như thế nào mà bà con nghe lời, đi theo ông thì bây giờ ông nói lại cho bà con hiểu, rồi bà con mới có thể tha tội cho ông”.

Nhận ra đây chính là người sẽ giúp đỡ các “anh em” của mình trở về và không bị diệt vong, ông Nahria Ya Duck đồng ý tham gia vào kế hoạch “kéo” tàn dư Fulro trở về. Ông cảm kích: “Nếu không có cụ Vũ Linh, tôi không biết sẽ sống như thế nào, một số anh em của tôi sẽ không

trở về với Nhà nước, với nhân dân. Chúng tôi có khả năng chém giết lẫn nhau và tự diệt vong. Cụ Vũ Linh là ân nhân số một đối với tôi. Tôi sống đến hôm nay và trưởng thành như hôm nay là nhờ ân nhân đó”.



Nhà báo Phương Trà (Báo Phú Yên) phỏng vấn ông Nahria Ya Duck khi ông về Phú Yên thăm người anh kết nghĩa Vũ Linh.

Nhận ra con đường sai lầm mà mình đã đi, ông Nahria Ya Duck cùng thượng tá Vũ Linh đến các buôn làng - những nơi còn tàn dư Fulro, bắt đầu hành trình chuộc lỗi. “Tôi xin lỗi bà con, nói với họ là tôi đã sai rồi. Nếu bà con thứ lỗi thì tôi sẽ về lao động sản xuất, còn nếu không tha lỗi cho tôi, bà con muốn đối xử như thế nào thì tôi xin chịu, chỉ xin khoan hồng đối với những anh em đã từng đi theo tôi” - ông Nahria Ya Duck kể. Và, cùng với một số tay chân dưới quyền đã được cảm hóa, ông Nahria Ya Duck viết truyền đơn kêu gọi “anh em” của

mình còn ở trong rừng ra đầu thú, đồng thời kêu gọi bà con dân làng không tiếp tay cho Fulro.

Trong hành trình trở về đầy e ngại của Ya Duck, thượng tá Vũ Linh đã giúp đỡ ông rất nhiều. Cũng chính ông Vũ Linh giới thiệu và được tỉnh ủy tán thành đưa ông Nahria Ya Duck vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng. Anh Trọng Hoàng kể lại: “Ba tôi thường nói rằng không có Nahria Ya Duck thì khó “kéo” hết bà con trở về với buôn làng, cứ đánh nhau, đổ máu mãi”.

Trong một lần trò chuyện, người sĩ quan an ninh ngày ấy - nay đã là ông cụ 90 tuổi - nhẹ nhàng nói với tôi: “Nợ máu không bao giờ trả được. Vì vậy, phải tìm cách thuyết phục, cảm hóa người ta về với mình, tránh tối đa việc đổ máu”.

Nghe tâm tư của một sĩ quan tình báo từng vào sinh ra tử trong kháng chiến chống Mỹ, tôi nhận ra: Bên cạnh sự mưu trí và tầm nhìn chiến lược, chính tình người, tình đồng bào đã làm nên tầm vóc đại tá Vũ Linh.

P.T

(Nguồn: Báo Phú Yên số 3014 (4817)- Ngày 20/12/2015, trang 8)

Người chỉ huy “Tuyến lửa” chống FULRO:

Kỳ cuối:

RA ĐI VÀ TRỞ VỀ LÀNG QUÊ PHỤNG TƯỜNG

❖ Phương Trà

Ngay từ lần đầu gặp đại tá Vũ Linh và người bạn đời của ông tại ngôi nhà giản dị ở Phụng Tường (xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa), tôi thật sự cảm mến. Đại tá Vũ Linh nay đã 90 tuổi, di chứng của hai lần tai biến làm cho ông không thể đi lại như người bình thường song thần trí vẫn minh mẫn. Qua những câu chuyện được ông chấp nối theo hồi ức, tôi cảm nhận: Vượt lên trên những thành tích, chiến công chính là tình người, là cái nhìn nhân văn của một sĩ quan tình báo từng vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu.

RA ĐI TỪ LÀNG QUÊ PHỤNG TƯỜNG

Tổng khởi nghĩa năm 1945. Hòa vào dòng thác cách mạng, thanh niên phủ Tuy Hòa cầm cờ đi biểu tình. Trong số những người tổ chức hoạt động này có anh thanh niên 20 tuổi Nguyễn Trọng Cảnh (tên thật của đại tá Vũ Linh) - Ủy viên UBND Cách mạng lâm thời xã Phụng Tường.

Giữa biển người hùng hực khí thế, anh thanh niên gặp một thiếu nữ tuổi trăng tròn, dong dỏng cao và rất đảm thắm. Học đến lớp nhì thì tổng khởi nghĩa nổ ra, bà Nguyễn Thị Diễm tham gia phong trào phụ nữ ở địa phương. Bà là con gái một người bạn của cha ông Cảnh.

Sau khởi nghĩa, ông Cảnh trở thành nhân viên Ty trình sát rồi làm cán bộ bảo vệ chính trị Công an Phú Yên; bà Diễm tham gia Ban Phụ nữ xã Hòa Thắng. Như nhiều đôi trẻ thời ấy, theo sự sắp đặt của cha mẹ, họ nên vợ nên chồng.

Năm 1953, ông Nguyễn Trọng Cảnh cùng 4 cán bộ an ninh được cử ra Việt Bắc học lớp nghiệp vụ tình báo. Tạm biệt cha mẹ già, tạm biệt người vợ trẻ và hai đứa con thơ, ông khoác ba lô lên đường. Rong rã 6 tháng trời đi bộ vượt núi băng rừng, nhóm của ông Cảnh đặt chân lên đất Bắc. Khi đó ở quê nhà Phụng Tường, con trai đầu lòng của ông bà vừa tròn 3 tuổi, bi bô gọi ba; con trai thứ hai mới biết bò, chưa nhận ra rằng nụ cười của cha đã vắng trong ngôi nhà bên đồng ruộng.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ông Cảnh là sĩ quan liên lạc tham gia tiếp quản Hà Nội rồi làm việc tại Văn phòng Nghiên cứu tổng hợp - Công an Hà Nội. Năm 1959, ông lên đường đi B. Trên đường vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu, ông bị viêm ruột thừa, phải trở ra Hà Nội phẫu thuật và tiếp tục công tác. Rồi ông lại tiếp tục lên đường đi B lần thứ hai, vào khu VI làm tổ phó tổ điệp báo A2 thuộc Bộ Công an.

Theo các tài liệu, một trong những chiến công của tổ điệp báo A2 là góp phần làm thất bại chiến dịch bình định cấp tốc của địch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Năm 1968, ông Vũ Linh được phân công về địa bàn Đà Lạt, làm tổ trưởng tổ A2. Năm 1971, ông là Thường trực Thị ủy, Trưởng ban An ninh Đà Lạt cho đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau giải phóng, ông Vũ Linh làm Trưởng ty An ninh Đà Lạt. Đến năm 1976, khi Thành phố Đà Lạt được sáp nhập vào tỉnh Lâm Đồng, ông giữ cương vị Phó ty Công an Lâm Đồng. Người sĩ quan tình báo mưu lược, dũng cảm trong kháng chiến đã ghi dấu ấn của mình với chuyên án F101 nổi tiếng. Đến năm 1986, ông mang hàm đại tá, làm Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.

PHÍA SAU NGƯỜI SĨ QUAN TÌNH BÁO...

Sẽ là thiếu sót lớn nếu viết về đại tá Vũ Linh mà không nhắc đến người bạn đời của ông - bà Nguyễn Thị Điểm, một phụ nữ dễ mến và rất hiếu khách. Quê ở thôn Phú Lộc (xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa), bà theo chồng về Hòa Trị khi mới mười tám đôi mươi. Đàng đẵng hơn 20 năm nuôi con chờ chồng, đi qua những năm tháng thanh xuân, đi qua những gian nan giữa đạn bom khói lửa, bà vẫn giữ tấm lòng thủy chung son sắt. Nụ cười nhẹ nhõm, tươi tắn trên gương mặt đầy vết chân chim ở tuổi 85 khi bà nhắc lại chuyện xưa.

“Tui nghĩ ông đi học một năm rồi trở về, ai ngờ sau đình chiến, đất nước chia hai, ông đi miết cho tới hơn 20 năm” - người bạn đời của đại tá Vũ Linh nói về việc bà chờ chồng hơn 2 thập kỷ bằng giọng nhẹ tênh. Nhưng tôi cảm nhận sức mạnh và nghị lực của bà ẩn bên trong câu nói nhẹ tênh đó.

Người đi qua cuộc chiến



Bà Lê Thị Yến – người trực tiếp nuôi giấu nhiều cán bộ cách mạng; trong đó có đồng chí phó bí thư tỉnh ủy Phú Yên. Bà là mẹ của ông Vũ Linh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng (người ngồi).

Hàng đứng, từ trái sang: Chú út của ông Vũ Linh, bà Nguyễn Thị Diễm (vợ ông Vũ Linh), em gái thứ 8 Nguyễn thị Tuy và em rể chồng cô Tám. Hai vợ chồng người em gái cũng là những chiến sĩ cách mạng kiên cường; chồng nhảy núi, vợ hoạt động tại chỗ. Thời gian đi tù nhiều hơn thời gian ở nhà.

Anh Trọng Hoàng kể rằng khi còn nhỏ, đêm đêm ngủ bên mẹ, anh thường nghe mẹ đọc “Chinh phụ ngâm”. Bao nhớ thương, đợi chờ, khắc khoải của người chinh phụ xưa

như bước ra từ những trang văn vắn, quện hòa vào tâm trạng của người vợ có chồng tham gia kháng chiến.

Chặng đường hơn 20 năm mà bà Điểm độc hành, thật chẳng dễ dàng! “Tui làm đủ nghề, bán hàng xén có, làm ruộng có. Năm 28 tuổi, tui đưa con về Hòa Thắng, gởi cho phía ngoại rồi đi học nghề may. Học may xong, tui dựng cái quán phía trước cửa nhà chồng ở Phụng Tường, vừa may vừa bán hàng xén” - bà Điểm nhớ lại.

Tất bật với việc nhà song bà Điểm vẫn hăm hở tham gia việc nước. Bà làm cơ sở cho cách mạng, đi nắm tin tức, đưa thư từ và cùng cha mẹ chồng nuôi giấu cán bộ cách mạng trong ngôi nhà lá mái của gia đình. “Có một lần, cán bộ cách mạng từ trên rừng về tổ chức du kích hợp pháp. Lính Mỹ đi lùng sục đột nhập vào nhà, phát hiện trái lựu đạn được giấu trong đồng chuối xắt ra cho heo ăn. Nó điện xuống, lính Ngụy túa lên bắt tui với em gái ổng (bà Nguyễn Thị Giỏi, khi đó là du kích ở địa phương - PV). Tội lính tra hỏi: Lựu đạn ở đâu mà có? Tui nói đó là lựu đạn của Mỹ, của mấy ông chó ai. Cộng sản thì tui đâu có biết”. Còn về chuyện tại sao lại tụ họp nhiều người, bà Điểm nhanh trí trả lời: Tới để cắt lúa, đập lúa chó làm gì. Bằng chứng là đồng lúa mới cắt về đó.

Không có cơ sở để kết tội bà Điểm và bà Giỏi làm việc cho cộng sản, tội lính giam hai chị em một ngày rồi thả về.

Hoạt động bên cạnh miệng hùm hang sói, người bạn đời của ông Vũ Linh nhiều phen gặp nguy nan. Nhưng bà không kể về những lần vào tù ra khám, cũng không nói về sự vất vả của mình. Gương mặt bà bừng sáng khi nói về hai người con: Nguyễn Trọng Hoàng và Nguyễn Trọng Cừu. Trước năm 1975, anh Trọng Hoàng tham gia ban chỉ đạo phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên ở Đà Lạt. Năm 1970, anh Trọng Cừu được đưa ra Bắc, học ngành Hàng

hải. Hai năm sau, tại khu vực núi Voi ven Đà Lạt, anh Trọng Hoàng rưng rưng gặp lại cha mình. Hai cha con, ở hai mặt trận khác nhau, đã đấu tranh cho lý tưởng, cho mục tiêu chung của toàn dân tộc: đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập, thống nhất đất nước.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, anh Trọng Hoàng đưa mẹ từ Tuy Hòa lên Đà Lạt, sum họp gia đình. Từ Hải Phòng, anh Trọng Cừu đang học năm cuối Trường đại học Hàng hải đã vượt hơn nghìn cây số về Đà Lạt gặp cha, thăm mẹ, thăm anh. Hạnh phúc của gia đình người sĩ quan tình báo Vũ Linh hòa trong hạnh phúc lớn lao của dân tộc.

Người bạn đời của đại tá Vũ Linh có quyền tự hào về hai người con của ông bà. Người con cả, anh Trọng Hoàng là cán bộ quản lý đầu ngành trên nhiều lĩnh vực ở Lâm Đồng. Sau khi rời công việc quản lý, anh tham gia giảng dạy tại Trường đại học Đà Lạt và làm báo. Anh Nguyễn Trọng Cừu cũng đã nghỉ hưu theo chế độ sau thời gian giữ cương vị Tổng Giám đốc Cảng Bến Nghé (Thành phố Hồ Chí Minh). Hai người con của ông bà đã soi vào tấm gương cha mẹ mà sống nên được những người chung quanh yêu quý, trân trọng.

*

Sau khi nghỉ hưu, đại tá Vũ Linh sống ở thành phố Đà Lạt một thời gian rồi cùng vợ trở về Phụng Tường, về với cái xóm nhỏ nơi từ đó ông ra đi, về với ngôi nhà giản dị gần cánh đồng thối thơm mưa nắng. Tháng năm trôi qua, nhiều thứ đã đổi thay. Nhưng sợi dây vô hình gắn kết ông bà với mảnh đất quê hương thì vẫn bền chặt. Như tấm lòng bà luôn son sắt. Như tình người lấp lánh trong ông.

P.T

(Nguồn: Báo Phú Yên số 3015 (4818)- Ngày 21/12/2015, trang 5)

NGƯỜI ĐI QUA CUỘC CHIẾN

❖ Trần Đại

Ở nước mình chiến tranh đã trở thành dĩ vãng, đối với những người đã trải qua cuộc chiến dường như tất cả được xếp lại đầu đố trong miền ký ức. Trong tâm thức của họ hình ảnh một thời đầy lửa vẫn khó phai mờ. Tuy nhiên bất kỳ cuộc chiến nào cũng phải kết thúc. Ở Tây Nguyên 40 năm sau ngày thống nhất có một ít gợn sóng, nhưng hai anh em kinh thượng nhận ra rồi cùng nhau lên rừng xuống biển, chung lưng đấu cật để xây dựng miền tây Tổ quốc giàu đẹp ngang tầm với các thành phố miền xuôi.

Tôi quen thân với anh Hoàng Nguyên ở Đà Lạt từ những bài viết kể về một thời hoa và lửa trên báo địa phương. Ngày ấy tôi chưa biết anh là ai, chỉ biết là một chứng nhân của một thời trên thành phố cao nguyên. Nội dung các bài viết của anh mang chất nhân văn của một người hoạt động trong phong trào sinh viên ở đại học Đà Lạt trước năm 1975. Năm 2010 tôi nhờ anh Nguyễn Thanh Đạm, Tổng biên tập báo Lâm Đồng giới thiệu gặp anh để làm quen, để có thêm một người bạn mới.

Anh Hoàng Nguyên ở tuổi lục tuần, là một người cao ráo, dáng vẻ trí thức, anh sở hữu đôi mắt sáng đượm buồn và nụ cười hiền lành, nói năng nhỏ nhẹ đầy tính học

thuật. Lúc ấy, tôi ôm anh như một người bạn thân lâu ngày gặp lại, mặc dù tôi kém tuổi anh. Giới cầm viết thường vẫn thế, họ quý nhau bắt đầu từ những con chữ gửi gắm thông điệp của mình trên trang báo trang văn nào đó, khi có dịp gặp tay bắt mặt mừng như đã biết nhau từ “kiếp trước”.

Anh Hoàng Nguyên hiện nay đã về hưu nhưng được các trường đại học mời làm giảng viên thỉnh giảng. Ở nước mình cán bộ lãnh đạo về hưu được các trường đại học trân trọng mời đi dạy không nhiều, ngoại trừ họ làm giảng viên trước khi làm lãnh đạo.

Ngày quốc khánh năm nay, anh Hoàng Nguyên điện thoại gọi tôi lên Đà Lạt chơi, uống với nhau một tách cà phê xứ lạnh để ngày mai theo xe về Phú Yên thăm song thân của anh. Tôi phóng xe máy đi trong đêm đầy sương mù, vì đoán chắc có chuyện gì quan trọng.

MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Có lẽ là một sự trùng hợp. Lúc tôi lên thành phố hoa, tình cờ gặp những người bạn của anh từng hoạt động trong phong trào sinh viên học sinh chống Mỹ của thành phố Đà Lạt trước năm 1975. Họ họp mặt tại quán cà phê trước nhà. Anh cho biết “Năm nào cũng vậy cứ đến ngày 9 tháng 1 hoặc ngày 2 tháng 9 anh em cũng đều đến với nhau uống ly rượu nghĩa tình, ôn lại một thời trai trẻ rồi bàn biện pháp giúp đỡ các anh em nghèo khó, bệnh tật”.

Là người thích nghe những câu chuyện của người đi qua cuộc chiến, tôi thường xin tham gia dự thỉnh để có cơ hội nghe được chuyện xưa từ những nhân chứng sống. Nhớ vài chục năm trước, gặp chú Bảy Rô, chủ

nhệm Câu lạc bộ truyền thống huyện Nhà Bè. Tôi bái phục chú Bảy, một trong những nhân vật “chọc trời khuấy nước” của lực lượng Bình Xuyên vào cuối những năm 40 của thế kỷ trước. Mỗi lần gặp chú tôi mơ hồ hình tượng một ông Bảy đánh xe ngựa lên cầu Rạch Địa, mặc áo bà ba đen đầu đội nón nỉ đen chân đi chữ bát, một mẫu người trọng nghĩa khinh tài nhưng thích sanh sự.

Chú Bảy sau khi về hưu thường tổ chức cuộc gặp mặt các anh em Bình Xuyên vào ngày 2 tháng 9 để nhớ một thời “mò tôm- đi hát” trước khi trở thành cán bộ Vệ Quốc Đoàn. Cũng nhờ làm con cháu chú Bảy tôi được gặp các bác, cô chú như bác Hai Vĩnh, Bảy Môn, Mười Lực, Năm Chảnh, Năm Hòi, Sáu Nhỏ, Ba Xuân, Sáu Tuấn, vợ bác Mười Trí, ông Ba Rùm, Hai Bạc, Ba Chiêu, Sáu Nhuốc, Tám Tâm...Năm ấy các cô chú đã già mỗi năm vào ngày 2 tháng 9 gặp nhau có người không bao giờ đến nữa. Điều tôi chú ý có vài bác đời sống khó khăn mặc cảm bạn bè xã hội, các bác đến với đôi mắt đờm buồn và nụ cười nhợt nhạt. Lâu rồi không có dịp trở lại Nhà Bè không biết chú Bảy Rô còn sống hay chết, có còn duy trì những cuộc gặp nhau nữa không hay tất cả đã trở về với đất.

Đội công tác của nhóm sinh viên Đà Lạt bây giờ đã số tóc đã hoa râm có một vài người bạc trắng. Trong số các anh chị ngồi đây đều là lãnh đạo của địa phương, nay đã về hưu và lên chức ông bà nội ngoại. Các bạn anh Hoàng Nguyên xuất thân từ giới trí thức nên phong cách nói chuyện khác với nghĩa khí của các chú bác Bình Xuyên nhưng tất cả đều giống nhau theo triết lý của nhà thơ Kiên Giang *“Dĩ vãng là một nắm mờ/ Ở đây kỷ niệm đợi chờ hồi sinh”*.



Một tiểu đoàn Cảnh sát Dã chiến bao vây trung tâm chỉ huy các cuộc đấu tranh của sinh viên học sinh Đà Lạt năm 1971.

Mở đầu cuộc gặp gỡ những mái tóc của sinh viên Đà Lạt xưa nay đều đã bạc, ôm đàn guitar, các chị đã lên chức bà nội ngoại bắt nhạc hát đồng ca liên khúc: Nổi vòng tay lớn, Huế Sài Gòn Hà Nội, hát cho dân tôi nghe....những tiếng hát của người già nghe khàn khàn trầm lắng. nhưng cái mở đầu dĩ vãng là cả một hình ảnh sôi nổi thời trai trẻ hiện về. Ngày đó (26.4.1970), các anh các chị là những người lãnh đạo đã tập hợp được hàng trăm sinh viên Đại học Đà Lạt tổ chức hội thảo, bãi khóa để phản đối chính quyền Sài Gòn đàn áp sinh viên học sinh tại giảng đường Spellman. Ngày ấy đấu tranh chống chủ trương "Quân sự hóa học đường", và ngày đó các anh chị đấu tranh chống cuộc bầu cử độc diễn ngày 3 tháng 10 năm 1971 của Nguyễn Văn Thiệu....

Anh Nguyễn Phan Lũy nguyên Chủ tịch Mặt trận tổ quốc tỉnh nói nhỏ với tôi “Ngày xưa bọn mình có những đêm không ngủ, hát cho nhau nghe, nhưng bây giờ không thức nổi nữa. trong số các bạn bè của mình mỗi người có hoàn cảnh riêng, có người định cư ở nước ngoài. Mỗi năm đều có người ra đi vì sức khỏe từ các nhà tù Côn Đảo, Phú Quốc.”. Anh tỏ ra hào hứng khi nhớ về một thời xa vắng với khí thế hùng hục của tuổi xuân.

Anh Lũy chỉ tay giới thiệu lý lịch trích ngang vài người với những chiến tích đấu tranh thời sinh viên 1970-1975. Tôi nhìn theo ngón tay của anh phát hiện những nụ cười vui và những gương mặt lạnh lẽo đang khoác lên người bộ vest nỉ cũ đã sờn gai, chắc cũng đã qua chục mùa mưa nắng.

KHI LỢI ÍCH DÂN TỘC BẮT NGUỒN TỪ LÒNG NHÂN ÁI

Hầu hết các anh chị em trong đội công tác sinh viên học sinh Đà Lạt xưa đều hỏi anh Hoàng Nguyên về sức khỏe của ba mẹ anh bằng sự trân trọng đến mức tò mò. Tôi hỏi anh Trương Trổ, nguyên Giám đốc Sở khoa học công nghệ, một trong những người lãnh đạo sinh viên công khai thời ấy về cuộc đời của cha mẹ anh Hoàng Nguyên. Được anh cho biết “ Ba của anh Hoàng nguyên là Đại tá Vũ Linh tổ trưởng điệp báo A2 của Bộ Công an, sau này là Giám đốc công an Lâm Đồng. Ông cụ là một trong những nhân vật chủ chốt trong chuyên án F101 ” với chiến tích làm tan rã lực lượng Fulro bằng giải pháp chính trị, sử dụng lòng nhân ái để thuyết phục các anh em trở về với nhân dân.

Được gặp một số anh em trí thức Đà Lạt có nhiều kỷ niệm với cấp trên của mình là ông Vũ Linh không có gì

quý bằng. Nguyên cả buổi tối và sáng hôm sau tôi tiếp tục đeo bám các anh chị, vì biết đâu có thể hình thành được ý tưởng bài ký sự mang đến cho bạn đọc hiểu thêm giai đoạn lửa và hoa của thành phố sương mù được bao quanh bởi rừng núi đại ngàn.



Ông Vũ Linh (ngồi thứ nhất từ trái sang), ông Chế Đặng (ngồi thứ nhất từ phải sang), anh Nguyễn Phan Lũy, nguyên quyền đội trưởng đội công tác Thanh niên sinh viên học sinh (người thứ 3 từ phải sang) và các cựu giao liên trực tuyến nổi liền cơ quan thị ủy với tổ chức sinh viên học sinh hoạt động bí mật nội thành Đà Lạt trước 1975.

Là con ruột của một nhân vật đã từng khuất phục được “Hùm xám Tây Nguyên” nhưng anh Hoàng Nguyên rất ít khi kể và cha mình, anh gợi ý tôi nên gặp các đồng đội cũ của ba anh để tìm hiểu hay hơn. Thế là tôi phải mất mấy ngày để xin gặp nhân chứng sống, cộng thêm một sự may mắn là sau ngày 2 tháng 9, tôi đi theo anh Hoàng Nguyên về thăm cha mẹ hiện đang còn sống ở tận xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Người già thường sống bằng quá khứ, họ có thể ngồi hàng giờ để mở lại bộ phim bằng tâm thức của cuộc đời mình. Không ít người tôi đã gặp, họ dựng thêm bối cảnh lửa và hoa vay mượn từ hình ảnh của ai đó cộng hưởng vào đời mình như sự lắp ghép của một con rồng, cuối cùng không giống con người thật của mình. Ba má anh Hoàng Nguyên thì ngược lại, các cụ cũng tiết kiệm lời còn hơn con trai. Người chính danh bao giờ cũng thế!

Anh Hoàng Nguyên cho tôi xem một xấp ảnh về cuộc đời của ba anh từ thời trai trẻ lúc ra Bắc vào Nam. Có những ảnh trắng đen đã bạc màu theo gió bụi thời gian, những tấm ba anh chụp chung với cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp, với nguyên chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ghé thăm nhà riêng đặc biệt là cuộc gặp gỡ trùng phùng giữa hai “Cựu thù ở Tây Nguyên” một thời đối đầu quyết liệt với nhau, đó là đại tá Vũ Linh và đại tá Nahria Ya Duck nguyên Đệ nhất Phó Thủ tướng Fulro, bây giờ là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, đại biểu Quốc hội khóa XII khóa XIII hiện nay. Từ hình ảnh và lời kể của đồng đội của ông, tôi mới khắc họa được nhân vật có ảnh hưởng chính trị đến vùng đất Nam Tây Nguyên này.

Cựu Đại tá Vũ Linh tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, sinh năm 1927 tại tỉnh Phú Yên. Năm 1953, Trung ương chủ trương đưa một số cán bộ miền Nam ra Bắc để huấn luyện tình báo. Người thanh niên ở dải đất Nam -Ngãi - Bình -Phú được chọn. Ngày ấy, từ Phú Yên xuyên rừng ra Việt Bắc mất hơn nửa năm. Lúc ra Bắc, đưa con trai đầu chỉ mới 3 tuổi, còn đưa con trai thứ hai chưa được một tuổi. Từ chiến khu Việt Bắc, ông là một trong số cán bộ an ninh về tiếp quản Hà Nội vào năm 54. Năm 1964, người sỹ quan an ninh đổi tên là Vũ Linh (tự Tư Vũ) được

đưa về chiến trường Nam Tây Nguyên, biên chế trong Tổ Địch báo A2 trực thuộc Bộ Công an được đề bạt làm Tổ trưởng Tổ A2. Sau 1975, vấn đề Fulro trở nên “nhức nhối” khắp vùng Tây Nguyên, nên Bộ thành lập chuyên án mang tên “F101”. Ông lại nhận nhiệm vụ giải quyết vấn đề này. Lúc đó, ông đã là Phó ty Công an rồi sau đó là Trưởng ty Công an Lâm Đồng.

Vào thời ấy cuộc chiến trí tuệ giữa một nhà tình báo Vũ Linh với một lãnh đạo cao cấp của lực lượng Fulro từng trải là ông Nahria Ya Duck mới thực sự đi vào đỉnh điểm của cuộc chiến không tiếng súng.

Sau năm 2000, tôi được gặp và bắt tay ông Ya Duck đôi lần tại Đà Lạt nhưng chưa được may mắn tiếp chuyện với một trí thức Chu Ru huyền thoại. Lúc ấy cho đến bây giờ ông vẫn sở hữu một thân hình vạm vỡ, với tiếng cười thoải mái. Sau này được tiếp cận tài liệu và gặp gỡ bà Roda Nai Linh là chị họ của ông. Chị Nai Linh 59 tuổi, bạn thân của tôi, chị là con gái út của ông Ya Yu, nguyên phó tỉnh trưởng Lâm Đồng thời chế độ cũ. Vì là bạn nên mỗi lần tôi ghé Dran hỏi thăm về ông em họ của mình, chị vui vẻ kể với tôi nhiều chuyện.

Ông Nahria Ya Duck, sinh năm 1940, là một dòng họ lớn có công trong việc tìm ra đất mới từ Dijing (Di Linh) lên Dran (Đơn Dương) lập nghiệp. Ông là một trong số ít thanh niên dân tộc thiểu số được học hành đến nơi đến chốn. Sau khi tốt nghiệp loại ưu tại Học viện Quốc gia Hành chính Sài Gòn, ông được điều về giữ chức Trưởng ty tài chính kinh tế Vũng Tàu, rồi được mời tham gia phiên dịch trong các cuộc thương thuyết giữa chính phủ Sài Gòn với ông Y Bham Eneuol (1923 – 1975), thủ lĩnh tổ chức Fulro). Năm 1965, ông được tham gia Hội nghị các nước Đông Dương diễn ra tại Phnom Penh. Ông kể lại:

“Fulro ra đời với tên gọi “Mặt trận thống nhất đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức”. Nghe hấp dẫn quá, khiến tôi nghĩ đó là lý tưởng và hăm hở bước theo. Đâu ngờ đó là con bài mà người ta muốn lợi dụng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên để thực hiện mưu đồ của họ!”.

Miền Nam giải phóng. Đó cũng là lúc mà những người từng tham gia chế độ cũ như Nahria Ya Duck cảm thấy hoang mang vì sợ trả thù, nên ông tiếp tục vào rừng. Năm 1975, ông Ya Duck lợi rừng từ Đơn Dương lên Lạc Dương để nhận chức “đại tá, tư lệnh” sư đoàn Bidoup của lực lượng Fulro, rồi sau đó được “thăng chức Tư lệnh vùng 4. Năm 1978, sau một cuộc “đảo chính nội bộ”, ông trở thành một trong những người đứng đầu lực lượng này và được phong “Đệ nhất phó thủ tướng” đặc trách chính trị, ngoại giao.

Mãi tới năm 1988, cuộc đời Nahria Ya Duck mới thực sự rẽ sang bước ngoặt mới, khi ông nhận được lời khuyên của Đại tá Vũ Linh thay mặt ban chuyên án F101 để quyết định trở về với nhân dân và kêu gọi 1000 tàn quân Fulro đang lẩn trốn, đói khát, bệnh tật trong những cánh rừng sâu trở về với nhân dân, với chính quyền cách mạng.

Có lần ông tâm sự “Cái mà tôi đeo đuổi và hành động suốt bao nhiêu năm là đem lại ấm no và sự bình đẳng cho các dân tộc Tây Nguyên. Thực ra đó là điều mà Nhà nước ta đang làm mang lại kết quả tốt đẹp hơn. Giá mà tôi và nhiều người khác nhận ra được chân lý sớm hơn thì tránh được sự đổ máu vô ích ...”.

Tuy nhiên để một trí thức gốc Tây Nguyên nhận ra vấn đề mang tính dân tộc, rồi sau đó mang súng giao nộp không phải dễ dàng, vì bên cạnh “Đệ nhất Phó thủ tướng

FULRO” còn một bộ tham mưu hùng hậu kể cả các vị tư lệnh quân khu. Các trinh sát của chuyên án F101 phải làm việc bất kể ngày đêm, đã có cán bộ chiến sĩ an ninh nằm lại giữa rừng già. Các đại tá nguyên giám đốc công an Lâm Đồng sau này như ông Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Đức Hiệp đã có lần tâm sự với các nhà báo “Trong chuyên án F101, cụ Vũ Linh là người chỉ huy trực tiếp chúng tôi, cụ đã thực hiện xuyên suốt phương châm vì lợi ích quốc gia là tối thượng, cụ thường giải thích họ là những người chưa hiểu về đường lối chính sách của nhà nước, nên kiên trì thuyết phục hạn chế thấp nhất sự đổ máu. Sau khi cảm hóa được “Đệ nhất” Ya Duck và bóc gỡ 600 cơ sở Fulro, chúng tôi đã trực tiếp thuyết phục lực lượng đầu não này để kêu gọi gần cả 1000 con người từ rừng xanh trở về. Thời điểm đó, đất nước còn rất khó khăn, nhưng cụ Vũ Linh vẫn thết đãi các thủ lĩnh FULRO và vợ con họ rất trang trọng. Chính vì thế nhiều anh em sau khi giác ngộ trở về được vào đội chuyên săn của ngành công an, được kết nạp Đảng cùng cảm sung bảo vệ an ninh ngay trên buôn làng của mình.”

Ông Nguyễn Trọng Cảnh tức Đại tá Vũ Linh nay đã 90. Sau khi về hưu, ông trở về lại quê cha đất tổ ở vùng quê nơi ông sinh ra tại xóm Lắm, thôn Phụng Tường, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa (Phú Yên) sống cuộc đời bình dị trong căn nhà nhỏ với người vợ trung niên 20 năm đăng đẳng chờ chồng.

Đã có vài lần, ông Nahria Ya Duck muốn về Phú Yên thăm ông. Ngày 8 tháng 6 năm 2015, trên chiếc xe của Bộ công an từ Lâm Đồng ra Phú Yên, ông Nahria Ya Duck luôn rưng rưng nhắc đến cụ Vũ Linh bằng sự trân trọng từ đáy lòng mình, ông ôm cổ anh Nguyễn Trọng Hoàng con cả của cụ Vũ Linh: “Không có anh Linh thì không có tôi ngày hôm nay. Anh ấy có một bản lĩnh, trí

tuệ và lòng nhân ái tuyệt vời. Chính điều đó đã thuyết phục tôi rời bỏ “quyền lực đen”, đứng ra kêu gọi giải tán lực lượng Fulro. Sức cảm hóa của con người anh Linh thật kỳ lạ! Bởi lúc đó, tôi không dễ từ bỏ quyền lực “đầy mình”.

* * *

Sau cơn tai biến, cụ Vũ Linh lúc nhớ lúc quên nhưng ông vẫn cầm tay tôi dặn dò như con cháu “Chiến tranh đã kết thúc lâu rồi, nhiệm vụ của thế hệ sau là phải làm cho đất nước giàu, có giàu thì mới mạnh, còn nếu mình nghèo và yếu hèn thì kẻ thù sẽ xâm lấn, ức hiếp chúng ta ! Nó luôn ở sát nách chúng ta đó!” Các con, cháu của ông được học hành đàng hoàng, hầu hết đều có học hàm thạc sĩ, tiến sĩ và công việc ổn định.

Nhìn tấm ảnh ông Nahria Ya Duck tìm về Phú Yên ôm chầm, rồi ẵm ông Vũ Linh lên ngồi xe lăn. Tôi nhớ cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mc Namara tìm gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, danh Tướng Mỹ Westmoreland tìm gặp Tướng Trần Văn Trà. Tôi nhớ những đại gia cà phê người gốc Tây Nguyên nhà cao cửa rộng, rồi lại nhớ ông Winston Churchill cựu Thủ tướng Anh với câu nói nổi tiếng **“Không có bạn bè vĩnh viễn, không có kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn.”** (Nations have no permanent friends or allies, they only have permanent interests).

T.Đ

(Nguồn: Báo “Cảnh sát toàn cầu” số 150 (9/ 2015), trang 4)

NHỚ VỀ MỘT NGƯỜI CHỈ HUY AN NINH

❖ Phan Tất Chí

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Lâm Đồng cũng như các tỉnh Tây Nguyên, vẫn còn một số ngụy quân, ngụy quyền trốn trình diện đã tập hợp và cấu kết với nhiều thành phần (chủ yếu là những người dân tộc thiểu số). Đây là lực lượng do Pháp và Mỹ dựng lên để phục vụ cho âm mưu ý đồ lâu dài của các nước thù địch với ta. Lực lượng này là “*Mặt trận thống nhất Đấu tranh của các Sắc tộc bị áp bức*” gọi tắt là Fulro. Lợi dụng tình hình phức tạp về an ninh chính trị tại địa phương, lực lượng này manh động tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Lúc bấy giờ ở các tỉnh Tây Nguyên hầu hết các thành phần chức sắc, trí thức trong đồng bào các dân tộc làm việc cho chế độ cũ đều tham gia lực lượng Fulro. Họ lập nên một nhà nước riêng có đủ bộ máy hoàn chỉnh từ trung ương xuống địa phương. Lâm Đồng là một trong số các địa phương có đông con em đồng bào dân tộc theo Fulro; có những buôn gần như 100% gia đình có con, em theo phong trào Fulro ra rừng để tham gia các hoạt động chống phá cách mạng, chống phá chính quyền tại địa phương, tham gia hoạt động vũ trang, tập kích, bắt người gây nên tình hình hết sức phức tạp. Thậm chí, có những thời điểm một số tên Fulro còn táo tợn ra ngay trung tâm Thành phố Đà Lạt để nhận tiếp tế và liên lạc. Dưới các

buồn, xã chúng bắt và khống chế cán bộ của ta khiến bà con không ai dám tố giác hoạt động của chúng.

Trước tình hình phức tạp trên, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã chỉ đạo các lực lượng vũ trang trong tỉnh, trong đó lực lượng công an là nòng cốt trực tiếp giải quyết vấn đề Fulro để ổn định đời sống cho bà con và đảm bảo trật tự an ninh tại địa phương. Từ những năm 1975 đến năm 1981, công an Lâm Đồng trực tiếp là đồng chí Vũ Linh, lúc bấy giờ là Phó Ty Công an Lâm Đồng đã chỉ đạo các đơn vị vũ trang và Phòng bảo vệ chính trị thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc giải quyết vấn đề Fulro tại địa phương. Bằng phương châm và kế hoạch đúng đắn, nhạy bén mà từ năm 1975-1981, lực lượng Công an Lâm Đồng đã xóa bỏ hầu hết bộ máy của chính quyền Fulro quân khu 4 ở Lâm Đồng; điển hình là chuyên án F101 của Bộ Công an xác lập, Công an Lâm Đồng đóng vai trò là cơ quan thường trực do đồng chí Vũ Linh Phó ban chuyên án trực tiếp chỉ huy (đã được dựng thành phim với tựa đề “Cao nguyên F101”).

Sau khi ra trường được điều động vào Lâm Đồng công tác, tôi đã được gặp và làm việc với đồng chí Vũ Linh người thủ trưởng trực tiếp của mình. Được biết đồng chí tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, khi đi hoạt động cách mạng lấy tên là Vũ Linh, từng là chiến sỹ điệp báo, là Trưởng ban an ninh Thị ủy Đà Lạt trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Đó là một con người luôn sống trong lòng địch nhưng giữ vững lòng kiên trung của một người chiến sỹ công an nhân dân.

Tiếp xúc với đồng chí trong những ngày đầu tiên được phân công về Phòng Bảo vệ chính trị Ty Công an Lâm Đồng mà trực tiếp là đội đấu tranh chống Fulro. Mặc dù trước đây chỉ nghe những người đi trước kể lại và tìm

hiểu trong tư liệu truyền thống của lực lượng Công an Lâm Đồng, đây là buổi đầu tiên chúng tôi được gặp người lãnh đạo của Ty công an, đồng chí đã ân cần bắt tay từng anh em, hỏi thăm về tuổi đời, về quê hương gia đình. Điều đó đã làm cho tôi thấy gần gũi và an tâm hơn khi lần đầu tiên xa nhà vào Tây Nguyên công tác. Sau hai tháng nhận công tác, tháng 10/1981, Ty công an Lâm Đồng đã mở một lớp đặc biệt cho số sỹ quan Fulro về hàng học tập chính trị tại Trung tâm Dã chiến (trung tâm huấn luyện cảnh sát dã chiến thời Việt Nam Cộng Hòa tại Đà Lạt).

Tham gia lớp học này là số sỹ quan, và cơ sở Fulro nằm vùng từ quận trở lên là những trí thức trong đồng bào dân tộc. Sau giải phóng, do chưa hiểu được đường lối chính sách của Đảng lại bị bọn cầm đầu Fulro tác động, tuyên truyền nên đã tin theo và trở thành công cụ chống phá cách mạng. Chính vì vậy, Ty công an Lâm Đồng đã xin chủ trương của Bộ Công an và Tỉnh ủy Lâm Đồng mở lớp dạy chính trị cho số anh em Fulro này tham gia học tập chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để những người này hiểu không bị mắc lừa làm tay sai cho đế quốc. Sau thời gian 3 tháng được học tập hầu như đã đã hiểu được việc làm trước đây là sai lầm, là phá vỡ khối đoàn kết toàn dân, chỉ có lợi cho các thế lực thù địch. Từ đó đã tự giác khai hết những cơ sở nằm vùng trong buôn ấp của tổ chức Fulro đồng thời giao nộp nhiều tài liệu vũ khí còn cất giấu, chính điều đó đã góp phần làm cho an ninh của các buôn làng thay đổi đáng kể. Có nhiều buôn làng trực tiếp số anh em này cùng với già làng vận động con em còn trong rừng từ bỏ hàng ngũ Fulro trở về với quê hương. Đây là thành công về mặt đường lối chính trị rất lớn.



Gặp mặt Câu lạc bộ Sĩ quan Công an nhân dân Lâm Đồng. Hội nghị bầu ông Vũ Linh làm chủ nhiệm câu lạc bộ sĩ quan.

Sau kết quả của việc mở lớp dạy chính trị cho số Fulro về hàng kết hợp với chuyên án F101, năm 1980 Công an Lâm Đồng đã tác động lôi kéo cảm hóa được một số chức sắc có uy tín trong đồng bào dân tộc như đại tá, đệ nhất Phó thủ trưởng Fulro Nahria Ya Duck (người ở Đơn Dương) và thiếu tá K'Din là sỹ quan liên lạc của quân khu 4 Fulro (người ở Di Linh). Đây là hai nhân vật trong bộ máy chỉ huy của Trung ương Fulro được đồng chí Vũ Linh cảm hóa. Chính vì vậy đã làm tan rã lực lượng Fulro ở Lâm Đồng. Sau khi được giáo dục, cảm hóa những người này đã quay lại phục vụ chính quyền cách mạng. Trong đó, ông Nahria Ya Duck từ khi trở về buôn làng từ năm 1980 đến nay đã tham gia các đoàn thể tại tỉnh Lâm Đồng như Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng và hiện nay là đại biểu quốc hội. Còn anh K'Din trong những năm đầu, được Ty Công an Lâm Đồng giao cho anh làm thầy giáo dạy tiếng K'Ho cho cán bộ chiến sỹ tham gia đấu tranh giải quyết vấn đề Fulro của Công an tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy nhiều anh em trình sát vẫn gọi anh là thầy K'Din. Sau khi dạy tiếng K'Ho cho anh em trình sát mấy khóa, anh được đứng vào

hàng ngũ công an để cùng bám địa bàn, phát động, kêu gọi anh em Fulro còn trong rừng trở về với buôn làng. Đến năm 1986 anh theo vợ về Đắk Lắk (chế độ mẫu hệ) và vào làm việc trong Nông trường cà phê Đắk Lắk, sau đó được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện nay anh đã nghỉ hưu.

Cũng trong thời gian này, từ thực tiễn của quá trình đấu tranh chống Fulro, đồng chí Vũ Linh với tư cách là Phó Trưởng Ty đã mạnh dạn ký quyết định thành lập tổ trinh sát vũ trang đầu tiên tại Tây Nguyên, sử dụng anh em Fulro về hàng, đồng thời trực tiếp giao vũ khí để những người này tự đứng lên bảo vệ buôn làng. Và trong thực tế, Lâm Đồng đã thực hiện quyết định táo bạo này thành công tạo tiền đề cho các địa phương khác ở Tây Nguyên áp dụng có hiệu quả.

Mặt khác vào mùa khô hàng năm Công an Lâm Đồng đã in hàng ngàn tờ rơi tuyên truyền, vận động, kêu gọi anh em Fulro về hàng được rải khắp trong rừng. Vì vậy nhiều anh em Fulro về hàng đã cho chúng tôi biết là nhận được những tờ rơi này mà anh em Fulro hiểu ra đường lối chính sách của Đảng, không phải như luận điệu tuyên truyền của bọn cầm đầu nên anh em đã kéo về hàng chính quyền cách mạng.

Khi có số anh em Fulro về hàng ta đã đưa đi phát động ở các buôn còn phức tạp về an ninh chính trị để những người còn tiếp tế liên lạc với Fulro từ bỏ ý định chống đối, đây là kết quả đáng khích lệ giải quyết được 2 mặt của vấn đề tư tưởng cho bà con và số anh em Fulro về hàng:

Thứ nhất là để cho những anh em này thấy được sự đổi mới của quê hương, thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cũng để cho bà con thấy được con em họ theo Fulro là bị mất lừa, bị số cầm đầu

không chế không cho về để phục vụ ý đồ của chúng và cũng để bà con thấy được nỗi khổ cực của anh em Fulro trong rừng bị lừa gạt, chết chóc, không đem lại lợi ích gì cho đồng bào.

Qua công tác đấu tranh giải quyết thành công vấn đề Fulro ở Lâm Đồng, trước hết có thể thấy nổi bật lên vai trò của đồng chí Vũ Linh, người chỉ huy tài giỏi của lực lượng An ninh Lâm Đồng bằng nhận thức sâu sắc vấn đề giải quyết Fulro không chỉ đơn thuần như những vấn đề an ninh khác mà còn phải có tấm lòng, am hiểu phong tục tập quán cũng như nguyện vọng của bà con... Vì vậy trong công tác giáo dục, cảm hóa những người theo Fulro đồng chí đã biết dựa vào sức mạnh khối đoàn kết các dân tộc, chỉ cho những người lầm đường lạc lối biết các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đều nằm trong cộng đồng 54 dân tộc anh em để cùng có trách nhiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Công tác đấu tranh giải quyết vấn đề Fulro ở Lâm Đồng nay chỉ còn là kỷ niệm, song nhớ lại những ngày đầu khó khăn gian khổ và hiểm nguy ấy hình ảnh người cán bộ điệp báo năm xưa, vị chỉ huy của lực lượng An ninh Lâm Đồng từ ngày đầu giải phóng. Gần đây tôi có dịp gặp lại đồng chí và dù nay tuổi đã cao nhưng vẫn còn minh mẫn lắm. Mỗi lần gặp anh em trinh sát chống Fulro, đồng chí vẫn như ngày nào thường quan tâm hỏi han về đời sống, gia đình và không quên hỏi về bà con đồng bào dân tộc, nhất là số anh em Fulro mà ta đã cảm hóa giáo dục trước kia nay đời sống của họ ra sao. Đồng chí rất vui khi biết bà con đồng bào dân tộc và số anh em Fulro trước đây nay kinh tế phát triển và ổn định cuộc sống.

Và chính điều đó, hình ảnh người chỉ huy lực lượng an ninh Công an Lâm Đồng năm nào vẫn còn mãi trong lòng anh em trinh sát chống Fulro chúng tôi.

P.T.C

(Nguồn: Báo Lâm Đồng - lamdongonline 18/12/2014)

BẢN HÙNG CA BẤT TỬ

❖ Đinh Thị Nga

Các anh vào đến Đà Lạt được đúng ba ngày là đón đêm giao thừa đầu tiên trước giờ nổ súng. Đêm giao thừa đầu tiên trước ngày ra trận đầu tiên của những người lính tuổi mười tám, đôi mươi... Đêm giao thừa ở một tiểu đoàn lần đầu xuất kích: Tiểu đoàn I – E29 – C22 – Bộ Công an – được thành lập ngày 16/8/1978. Tháng 1/1979, Bộ đã điều động Tiểu đoàn I tăng cường làm nhiệm vụ truy quét Fulrô tại tỉnh Lâm Đồng.

36 năm sau, tháng 10/2015, các anh trở về chiến trường xưa, nơi núi sông “còn đó bạn tôi nằm”. 11 liệt sỹ của Tiểu đoàn I vĩnh viễn nằm lại tại nghĩa trang Đà Lạt. Ngồi bên phần mộ liệt sỹ Đinh Văn Thiệu, Trương Văn Đãi, Nguyễn Bá Vỡ, Hoàng Đạt Thọ, Đại Văn Vinh... Các thương binh Chu Đình Được, Nguyễn Trọng Thành, Bùi Sỹ Hồng, Nguyễn Văn Tường... rưng rưng xúc động “tao may mắn hơn mày”. Họ nhớ lại từng trận đánh, từng kỷ niệm như chuyện vừa mới xảy ra hôm qua.

Trở lại từng mảnh đất, từng buôn làng nơi có nghĩa tình của đồng đội, đồng bào đúng như cách các anh đã sống - Đi dân nhớ, ở dân thương: “Ôi! Cán bộ Chương” già làng Ha Chai ôm chặt anh thương binh Phạm Văn Chương đại đội trưởng đại đội 1... Quãng thời gian các anh chiến đấu ở vùng đất này như quay trở lại: Con sông Đa Nhim vẫn chảy qua những bãi đất hoang xưa, nay đã thành ruộng lúa, vườn rau... Con đường đất đỏ lầy thụt

vào mùa mưa, bụi mù mịt vào mùa khô 36 năm về trước, nay đã được nhựa hóa nối liền 5 xã Nam sông Đa Nhim: từ xã Tutra đến xã Ka Đơn, Ka Đô... Các buôn làng đói, ốm đau, dịch họa vì theo Fulro ngày ấy, giờ đang có một cuộc sống đầm ấm, yên bình. Khi các anh trở lại, ở đâu dân làng cũng đến rất đông với một tình cảm sâu nặng. Trong cơn gió thoảng qua làn khói cơm chiều, trong tia nắng chạng vạng buổi hoàng hôn tắt dần phía núi xa như còn đó hương hồn các liệt sỹ Tiểu đoàn 1...



Cán bộ chiến sỹ Tiểu đoàn 1- E 29 – C22 –Bộ Công an về thăm lại chiến trường xưa và tham quan du lịch Đà Lạt.

Một người anh hùng trong lòng của anh em, đồng chí, vẫn ít nói, làm lý như cách đây 36 năm – anh Nguyễn Duy Rõ, Đại đội trưởng Đại đội 2 vừa đi vừa chỉ cho chúng tôi địa thế trận đánh đầu tiên của anh tại núi Voi – huyện Đức Trọng, trong vai trò của một tiểu đội trưởng: Lúc đó, đơn vị tôi có 15 chiến sỹ phối hợp với 5 chiến sỹ

công an Đức Trọng hành quân thâm đêm, xuyên rừng... Đến 4 giờ sáng tiếp cận nơi bọn Fulro ẩn náu. Chúng tôi chia làm nhiều mũi tiến công, dùng lựu đạn, nổ súng vào đội hình địch. Khi trận đánh gần kết thúc, đồng chí Lưu Thế Hà truy đuổi, bị địch phản kích, Hà trúng đạn nhưng vẫn nói: Đừng vì tôi, hãy truy quét bọn Fulro. Anh hùng liệt sĩ Lưu Thế Hà hy sinh năm vừa tròn 21 tuổi.

Trong chuyến đi lần này, các anh gặp lại vị chỉ huy chuyên án F.101: Đại tá Vũ Linh – Một vị chỉ huy có mặt trong tất cả các trận đánh lớn nhỏ trên địa bàn – các anh cùng nhớ lại lời căn dặn của thủ trưởng Vũ Linh: Các đồng chí phải coi trọng công tác tuyên truyền phát động quần chúng; Tranh thủ những người có uy tín như già làng, trưởng bản, mục sư, trí thức trong đồng bào. Kêu gọi những người nhẹ dạ theo Fulro về với buôn làng. Phải biết dựa vào dân, cùng ăn, cùng ở, cùng làm. Tăng cường xuống cơ sở nắm tình hình, giúp dân gặt lúa, làm nhà. Phát huy sức mạnh tổng hợp của đoàn thể: du kích, xã đội, an ninh thôn... vì số này thông thạo phong tục, giỏi tiếng bản địa, có kinh nghiệm đi rừng. Trong chiến đấu: tránh đổ máu, tính mạng con người là quan trọng, muốn vậy các đồng chí phải dựa vào dân, xây dựng cơ sở tại mặt của ta ngay trong lòng địch (riêng đồng chí Đạo xây dựng được bốn cơ sở). Khi ra trận quân lệnh như sơn, nhất nhất một ý chí theo lệnh chỉ huy. Khi ta vận động được bọn địch về hàng hoặc bắt được trong khi truy quét phải cảm hóa họ, giúp đỡ họ về cơ sở vật chất như nhà cửa, gạo ăn, cho con em họ tới trường, đừng để họ thiếu đói, đừng để họ mặc cảm vì tội lỗi của mình, vì họ cũng là con người. Đây là những yếu tố cốt lõi đem đến thành công của đơn vị Tiểu đoàn 1.

Một cuộc hội ngộ hiếm gặp trên đất Lâm Đồng giữa “quả đấm thép” của Tiểu đoàn 1: đại đội 1, đại đội 2 với

anh em công an Đức Trọng. Họ cùng nhau ôn lại thời gian chiến đấu, công tác tại tỉnh Lâm Đồng: Dưới sự chỉ huy, chỉ đạo của Cục Cảnh sát bảo vệ và ban giám đốc công an tỉnh Lâm Đồng mà trực tiếp là đồng chí Vũ Linh phó giám đốc công an tỉnh, đơn vị Tiểu đoàn I, đã phối hợp với lực lượng công an tỉnh Lâm Đồng tổ chức chiến đấu, truy quét, bóc gỡ các cơ sở ngầm và các toán Fulro. Đã tổ chức nhiều trận đánh vào tận sào huyệt Fulro, bắt sống, gọi hàng nhiều tên Fulro đầu sỏ để khai thác phục vụ công tác điều tra, truy quét. Trong đó tiêu biểu là trận đánh ngày 3/7/1980, tiêu diệt tên trung tá Fulro K'long Hazuni. Tên trung tá K'long Hazuni là ủy viên công cán Trưởng ban an ninh tình báo Fulro đã được đào tạo qua trường tình báo sắc tộc thời kỳ Mỹ - ngụy. Hắn đã gây nhiều tội ác với nhân dân các dân tộc Tây Nguyên nhiều lần trực tiếp chỉ huy bọn tay chân bắn giết, phá hoại nhiều cơ sở của ta; đe dọa nhân dân, khống chế cán bộ địa phương, gây rối an ninh trong vùng.

Ban giám đốc công an tỉnh Lâm Đồng đã vạch kế hoạch chỉ đạo các lực lượng công an tìm mọi cách tiêu diệt hắn. Đã nhiều lần công an tỉnh, công an huyện tổ chức vây đánh nhưng chưa có kết quả.

16 giờ ngày 2/7/1980, cơ sở tiểu đoàn cảnh sát bảo vệ Bộ Công an báo về có một toán Fulro gồm 40 tên, do tên K'long Hazuni chỉ huy, đã về căn cứ núi Voi (Đức Trọng). Ban chỉ huy Tiểu đoàn báo ngay nguồn tin trên cho đồng chí trưởng công an huyện Đức Trọng xin được nhận nhiệm vụ tiêu diệt tên trung tá Fulrô gian ác này. Sau khi được lãnh đạo Công an tỉnh Lâm Đồng và Công an huyện Đức Trọng đồng ý, chỉ huy đơn vị đã bàn kế hoạch tác chiến, và quán triệt tinh thần chiến đấu, nêu quyết tâm tiêu diệt bằng được tên chỉ huy đầu sỏ này. Lực lượng chính tham gia gồm 15 đồng chí của đơn vị

cùng 5 đồng chí công an huyện, 3 du kích địa phương phối hợp quân rồi chia ra nhiều mũi tiến công.

Đúng 19 giờ cùng ngày, cán bộ, chiến sỹ hành quân vượt qua đường rừng, vách đá hiểm trở. Qua khoảng chín giờ hành quân tiếp cận bao vây trận địa địch, các tổ triển khai đội hình đồng thời các mũi trinh sát bí mật thọc sâu để nắm chắc lực lượng, bố phòng và bộ phận chỉ huy của địch nhằm đánh trúng mục tiêu. Khi trinh sát nắm được cách bố phòng và vị trí chỉ huy của Fulro, Ban chỉ huy đã hội ý chớp nhoáng quyết định đánh thẳng vào bộ phận chỉ huy địch.

Khoảng 4 giờ 30 sáng, ta bất ngờ bắn một quả B40 vào giữa đội hình địch, các mũi đồng loạt nổ súng. Bọn địch ở vòng ngoài hốt hoảng bỏ chạy. Những tên đầu sỏ ngoan cố chống trả quyết liệt. Đồng chí Quang mưu trí, dũng cảm xông lên bắn thẳng vào bọn đầu sỏ. Tên K'long Hazuni ngoan cố chống cự, tuy đã bị thương hấn vẫn lẩn trốn, anh em truy nong theo vết máu, đến 7 giờ sáng, tên Hazuni bất ngờ nổ súng, tổ công tác xiết chặt vòng vây, đồng chí Thành đã tiêu diệt hấn ngay tại chỗ. Đến 7 giờ 30 sáng trận đánh kết thúc thắng lợi. Ta tiêu diệt tại chỗ 7 tên Fulro thu 8 súng các loại, một con dấu, cò và nhiều tài liệu quan trọng của trung ương Fulro. Mấy ngày sau, 21 tên Fulro còn lại trong toán về hàng và nộp cho công an 12 khẩu súng.

Trận đánh tiêu diệt tên trung tá K'long Hazuni khét tiếng gian ác cùng bọn đầu sỏ trong toán Fulro do hấn chỉ huy là một thắng lợi lớn, toàn bộ toán Fulro bị xóa sổ. Đồng bào trong vùng rất cảm phục tinh thần chiến đấu dũng cảm của các cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát bảo vệ đã đem lại cuộc sống yên bình cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Các chiến sỹ Tiểu đoàn 1 luôn nhớ về những năm tháng chiến đấu tại Lâm Đồng, nhớ về người Tiểu đoàn trưởng đầu tiên – Nguyễn Tiến Thạc đã dẫn anh em vào Lâm Đồng trong đợt đầu tiên; nhớ về đồng chí Vũ Tiến Hà người trung đoàn trưởng được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Trải qua gần 40 năm kiên trì bám trụ tại địa bàn Tây Nguyên các thế hệ cán bộ chiến sỹ Tiểu đoàn I luôn khắc phục khó khăn, gian khổ, hy sinh. Luôn trung thành tuyệt đối với Đảng tận tụy với dân để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, xứng đáng với danh hiệu đơn vị hai lần được Nhà nước phong tặng danh hiệu: Đơn vị “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Đ.T.N

(Nguồn: Báo “Thời nay” số 619 (21.12.2015), trang 5)

BƯỚC NGOẶT KỲ LẠ CỦA “HÙM XÁM” TÂY NGUYÊN

❖ Ngọc Hà

NGƯỜI CHUYÊN “TRỊ” ÁN VÙNG CAO



*Đại tá Vũ Linh,
nguyên Giám đốc
Công an tỉnh Lâm
Đồng, phó ban trực
chuyên án F101, người
có nhiều duyên nợ với
ông Nahria Ya Duck –
Phó thủ tướng Fulro.*

Ông Nahria Ya Duck (Sinh năm 1940, dân tộc Chu Ru) từng giữ các chức vụ: Trưởng ty tài chính kinh tế Vũng Tàu, Đệ nhất phó thủ tướng Fulro kiêm Đồng lý văn phòng (tương đương chủ

nhệm văn phòng) thủ tướng chính phủ, Đề nghị Phó Chủ tịch “Phong trào đoàn kết các sắc tộc thiểu số Cao Nguyên Việt Nam”, Tư lệnh vùng 4, Trưởng ty sắc tộc Tuyên Đức rồi Tư lệnh Sư đoàn Lang Bian (một trong những đơn vị chủ lực của lực lượng Fulro sau năm 1975).

Ông được cấp dưới phong tặng các danh hiệu: “Người hùng số 1 Cao nguyên”, “Hùm xám Tây Nguyên”, “Chúa sơn lâm”...

Dù tuổi đã cao, song trông ông vẫn rất phong độ và linh hoạt. Ở ông toát lên vẻ cương nghị của kẻ quyền uy, nhưng khi tiếp xúc mới thấy ông thân thiện và... thú vị đến khó tả.

Qua câu chuyện rất cởi mở của ông với phóng viên Báo Công an thành phố Hồ Chí Minh, chúng ta có thể hình dung rõ nét hơn về tổ chức phản động Fulro và phần nào lý giải vì sao lại có những người nhập cuộc rồi bỏ cuộc với tổ chức này, hiểu hơn về chính sách khoan hồng của Đảng, nhà nước ta và hiểu hơn về cuộc đời những con người...

Phóng viên (PV): Ông từng giữ những chức vụ lớn, có thể nói là... “rất kêu” trong tổ chức Fulro. Nhưng có người bảo đó là các chức vụ dễ dãi trong một tổ chức... phản động?

Ông Nahria Ya Duck: Việc bổ nhiệm chức vụ, phong cấp bậc, quân hàm trong tổ chức Fulro có cả một quy trình hẳn hoi. Người được đề cử phải do người trong tổ chức kiểm tra, xác minh lý lịch, bảo lãnh rồi đệ trình hồ sơ lên Trung ương Fulro. Trong thời hạn 10-15 ngày, các thủ lĩnh Fulro và hội đồng bộ trưởng nhóm họp, quyền quyết định cuối cùng do thủ tướng. Chỉ một người không đồng ý là cũng không được.

Trước năm 1975, chức vụ, cấp bậc trong Fulro do những người đứng đầu chế độ Việt Nam Cộng Hòa chỉ định

Người đi qua cuộc chiến

hoặc can dự. Chức vụ “Đệ nhị Phó Chủ tịch Phong trào đoàn kết các sắc tộc thiểu số Cao Nguyên Việt Nam” của tôi là do Nguyễn Văn Thiệu – khi đó là Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa phê chuẩn. Chức vụ “Đệ nhất Phó Thủ tướng” cùng quân hàm đại tá (có trước đó – PV) và các chức danh “Tư lệnh vùng”, “Đồng lý”, “Trưởng ty sắc tộc” là do Văn phòng Chính phủ của ông Y Djao Niê – khi đó là Thủ tướng và các bộ trưởng bỏ phiếu, Y Djao Niê quyết định.



Ông Nahria Ya Duck và nhà báo Ngọc Hà (Ảnh: Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Tuy nhiên, có một số trường hợp tự phong hoặc có chức vụ khi tham gia vào lực lượng quân đội của nguy có thể được xem xét “tương đương” khi hoạt động tổ chức Fulro, như trường hợp Ksor Kok chẳng hạn. Ksor Kók từng tham gia trong quân đội Sài Gòn, sau được ông Y Bham Ênuôl chấp nhận tương đương với cấp bậc... trung tá của tổ

chức Fulro. Nhiều người không đồng ý nên chưa “danh chính ngôn thuận”.

Y Băm Ênuôi là tướng tự phong, vì ông ấy là thủ lĩnh tối cao, người sáng lập tổ chức Fulro. Sau này Ksor Kơk cũng tự phong mình là “tổng thống” của tổ chức Fulro tại Mỹ. Tôi ký quyết định phong cấp bậc cao nhất là chuẩn tướng cho ông Nay Guh – Bộ trưởng ngoại giao (hiện sống tại Đắk Lắk).

PV: Ông Y Djaio Niê – “Thủ tướng” tự phong đầu tiên của Fulro đã rất yếu mền, tin nhiệm ông, cất nhắc ông làm “Đệ nhất phó thủ tướng”. Ông ta bị đảo chính giết chết (ngày 12-10-1978), nhưng không thấy ông thể hiện gì, như kiểu trả ơn người đã nâng đỡ mình. Ông cũng muốn ông ấy biến mất để ông trở thành “người hùng số 1 trên Cao Nguyên”?

Ông Nahria Ya Duck: Đó là một thời lầm lỗi của tôi. Tôi chưa bao giờ cảm ơn Y Djaio về việc đã cất nhắc và giao cho tôi những trọng trách đi ngược lại sự tiến bộ của dân tộc, gây bao tai ương, đổ máu cho đồng bào Tây Nguyên, gây hận thù dân tộc.

Với Y Djaio, người tôi muốn bắn nhất trong cuộc đời chính là ông ấy. Nếu ông ta không bị Y Ghơk Niê Kđăm giết (sau đó Y Ghơk Niê lên làm thủ tướng), thì chính tôi lúc đó đang ở Campuchia cũng sẽ trở về cho ông ta một phát đạn vì ông ta đã giết nhiều chiến hữu của tôi. Một kiểu tiếm quyền, trừng phạt chiến hữu rất đê tiện. Cũng may bàn tay tôi đã không nhuộm máu.

PV: Ông tham gia tổ chức Fulro từ khi nào?

Ông Nahria Ya Duck: Từ năm 1965, tôi tốt nghiệp đại học quốc gia tài chính, ra trường, với kết quả học tập xuất sắc, chế độ Việt Nam Cộng Hòa điều tôi về giữ luôn chức

Trưởng ty tài chính kinh tế Vũng Tàu, rồi tôi tham gia phiên dịch trong các cuộc thương thuyết giữa tổ chức “Mặt trận dân tộc giải phóng Cao Nguyên” do Y Bham làm chủ tịch với chế độ Khánh, Thiệu.

Năm 1965, Hội nghị các nước Đông Dương diễn ra tại Phnôm Pênh – Campuchia tôi cũng có mặt với tư cách là trí thức trẻ. Khi đó tôi 25 tuổi.

Ngày 20/09/1965, tổ chức Fulro ra đời với tên gọi “Mặt trận thống nhất đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức”. Nghe hấp dẫn quá!. Chính tổ chức với tên gọi hấp dẫn ấy khiến tôi nghĩ đó là lý tưởng và bước theo, đâu nghĩ tới đó là sự bịp bợm của các thế lực phản động. Tôi còn nhớ trong hội nghị đó, Tổng thống Pháp Charne de Gaun đã nói: “Tây Nguyên sẽ nhuộm máu”! Khi đó, tôi đã không nhận ra thực dân, đế quốc muốn gì ở vùng đất Tây Nguyên.

PV: Hai thủ tướng Fulro tự phong xuất hiện đều nhờ hành động đảo chính, thủ tiêu chiến hữu để ngai lên và đều bị giết chết chỉ trong một thời gian ngắn. Với danh xưng “Đệ nhất phó thủ tướng”, ông trở thành người toàn quyền lãnh đạo và nổi tiếng có uy tín trong tổ chức này. Sau năm 1975, lực lượng tham gia Fulro đông đảo nhất, bởi nghe danh ông Ya Duck mà họ theo. Khi nhắc đến quá khứ lầm lỡ của mình, tâm trạng của ông thế nào?

Ông Nahria Ya Duck: Tôi thấy mình mắc tội quá lớn. Đúng là tôi có chút tự hào là mình có thể sử dụng thông thạo tiếng Anh, tiếng Pháp và nhiều thứ tiếng của đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh Tây Nguyên. Vì thế, nhiều người đã nghe, đã tin tôi khi tôi kêu gọi họ theo Fulro và cả khi tôi kêu gọi họ trở về với cách mạng.

Lần tôi bị bắt năm 1980 và đến khi thực sự giác ngộ, có một lần ông Tư Vũ (tên gọi khác là Vũ Linh, bí danh của đại

tá Nguyễn Trọng Cảnh - nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng), ông Nguyễn Văn Độ (sau này trở thành Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, nhiệm kỳ 2002-2006) đến chỗ tôi và kêu người dọn mâm cơm khá thịnh soạn cho tôi ăn, tôi đã nói “Thức ăn này một kẻ độc ác, tội lỗi như tôi không đáng được ăn. Tôi không đáng được cách mạng đối xử tốt như vậy”. Tôi bỏ ăn nhiều ngày chỉ ngồi hút thuốc. Tôi đã bật khóc và đắng miệng khi biết rằng, lúc đó công an còn nghèo lắm, suất ăn của tôi đáng giá 10 đồng, trong khi phần ăn của một trưởng phòng lãnh đạo công an như ông Nguyễn Văn Độ chỉ có 6 hào.

Năm 1983, khi tôi được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, tôi đã viết vào cuốn sổ công tác của tôi thế này: Năm 1983 đã đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời tôi cả về nhận thức và hành động. Tôi ý thức rõ rệt mình là một trí thức và phải trở thành một người có ích cho cộng đồng, xã hội. Đảng, nhà nước Việt Nam đã không loại trừ tôi; đã trao cho tôi một nhiệm vụ, một trọng trách, là cơ hội để tôi có tiếng nói với đồng bào, với buôn làng mình để chuộc lại lỗi lầm. Tôi thấm thía hơn về tư tưởng hoà hợp dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam, về tính ưu việt của chế độ ta, đất nước ta.

Nhân dân các dân tộc thiểu số chân thành cảm ơn Đảng, Nhà nước đã cho họ được là công dân của một nước độc lập, đồng thời tạo cho họ cuộc sống ấm no, hạnh phúc mà họ chưa từng được hưởng, chưa từng dám mơ ước...

PV: Trong đời ông, kỷ niệm nào làm ông nhớ nhất?

Ông Nahria Ya Duck: Vui, buồn có nhiều. Nhưng kỷ niệm đáng nhớ nhất trong cuộc đời tôi là một cú sốc. Đó là vào năm 1978 khi tôi cùng anh em vượt cả tháng trời đường biên giới sang Campuchia rồi Thái Lan để tìm sự ủng hộ, giúp đỡ cho tổ chức Fulro, cho “lý tưởng” mà tôi theo đuổi.

Tất cả chỉ là những lời hứa suông, đầy kích động, hằn thù dân tộc. Tôi quy xuống khi nhận ra phía trước chỉ là ngõ cụt, tối tăm. Lý tưởng tan tành.

Lúc đó tôi đã nguyện rằng thà chết làm phân bón cho cây cối Tây Nguyên còn hơn ôm chân bọn phản động, làm công cụ, tay sai cho chúng. Nhưng tôi không thể tự buông súng đầu hàng, vì tôi là thủ lĩnh, tôi đã từng khơi gợi ngọn lửa đấu tranh trong họ, họ đi theo...

Vả lại, bàn tay ngón ngắn, ngón dài. Nếu tôi quay đầu lại khi rất nhiều người anh em của tôi chưa muốn, thậm chí không muốn, vợ con tôi khó mà toàn mạng. Tôi đành phó thác, buông xuôi từ thời điểm đó. Tôi phải cảm ơn chuyển đi đó vì đã giúp tôi mở mắt, nếu không vẫn u mê.

Chuyên án F.101 của Công an Lâm Đồng câu nhử chúng tôi, buộc chúng tôi phải đầu hàng (Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi đăng loạt bài 14 kỳ “FULRO – Bóng ma hãi hùng trên đất Tây Nguyên, từ ngày 7/9 đến ngày 7/10/2010 –PV), tôi chưa bao giờ cảm giác bị lừa, bị thua cả. Tôi thấy mình chiến thắng chính bản thân mình. Tôi phục công an. Các anh: Tư Vũ (Vũ Linh), Nguyễn Văn Độ... đã cứu tôi. Họ chính là ân nhân của tôi, của gia đình tôi và cả dân tộc Tây Nguyên, nếu không máu còn đổ...

Giờ nghĩ lại tôi còn thấy kinh hoàng, khi đó tôi cùng khoảng 100 anh em tháp tùng tôi vượt sông Mê Kông để qua Thái Lan bằng những chiếc ruột xe ô tô làm phao suốt nhiều ngày lênh đênh sóng nước. Với kiểu vượt biên đó, chúng tôi chỉ biết nằm yên, mặc “cái phao” trôi theo dòng nước.

PV: Nghe nói, lúc Trung ương Fulro của ông đóng quân trong dãy núi BiDoup – Núi Bà (huyện Lạc Dương – Lâm Đồng), ông và các thuộc cấp của ông sống rất hoang dã. Có

chuyện các chiến hữu cấp dưới của ông bắt nhiều cô gái đẹp đủ sắc tộc về dâng cho ông, rồi nhiều cô bị hiếp, giết rất dã man?

Nahria Ya Duck: Không! Phải nói ngay chuyện đàn bà lúc đó tôi hoàn toàn không có. Tôi lấy vợ (à, được bắt chồng) năm tôi 27 tuổi. Từ năm 1975 là tôi đi biên biệt. Khi đó tôi có 4 đứa con. Những ngày ở trong hang Bon Krông tôi nhớ vợ con còn cào. Ở ngay gần gia đình mình, buôn làng mình mà không thể trở về được. Biết con đường mình đi lầm lạc, mình có tội, mình chịu. Nhưng vợ con mình có tội gì đâu mà bị liên lụy, bị làng xóm xa lánh.

Tôi khi đó là “Đệ nhất phó thủ tướng” mà có lo được gì cho vợ con đâu. Đẳng đẳng suốt 7 năm bà ấy phải chịu khổ cực, tôi ân hận lắm và một lòng chung thủy với vợ con. Và lại, lúc đó tôi chỉ nghĩ đến chuyện đại sự.

Sau này tôi cũng có nghe lúc ở rừng vài chiến hữu của tôi có làm bậy, nhưng mà thời điểm đó không kiểm soát được để mà trừng phạt. Đúng là Fulro đã gây bao nhiêu tội ác.

Đến bây giờ, nỗi sợ và ám ảnh nhất với tôi là những ngày ở rừng không có muối ăn, người nào người nấy da bủng beo, xanh nhợt. Chúng tôi đào củ mài, củ chuối trong rừng ăn thay cơm và săn bắt thú rừng, uống máu chúng để thay vị mặn của muối...

PV: Ông có gặp phải khó khăn nào khi trở về hoà nhập cuộc sống?

Nahria Ya Duck: Ngay khi trở về với cách mạng, tôi viết thư kêu gọi các anh em hãy nghe, hãy tin tôi trở về với gia đình, buôn làng, rồi tôi đi gặp gỡ, nói chuyện với bà con để họ ra

rừng kêu gọi thân nhân trở về lo làm ăn, đó là con đường đúng đắn nhất.

Có người bảo tôi là con dao hai lưỡi, tay sai của Việt cộng, phản bội dân tộc. Tôi phải dập đầu tạ tội với họ mà trả lời rằng: “Không, tôi không phải kẻ hai lòng. Tôi là người yêu quê hương, đất nước, yêu dân tộc. Tôi đi theo Fulro là để tìm đường thoát áp bức, nghèo nàn như những kẻ cầm đầu Fulro đã lấy danh nghĩa đó để lừa bịp, kêu gọi. Nhưng bản chất của Fulro không phải như vậy. Chúng ta bị các thế lực phản động lợi dụng cho mưu đồ chính trị của họ. Tôi là người có học, có tri thức, tôi nhận ra sai lầm nên thức tỉnh quay đầu lại. Tôi muốn bà con cũng hiểu ra như tôi.

Tây Nguyên của chúng ta vẫn luôn tiềm ẩn những điều bất ổn. Các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”... để chống phá ta. Chúng lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của bà con các dân tộc thiểu số để lôi kéo, nhằm đạt mục đích, ý đồ của họ.

Điều tôi mong muốn nhất lúc này là được một lần qua Mỹ, gặp Ksor Kórk (quê hương ở buôn Bróir, xã Ia Bróir, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai) và những kẻ cực đoan, cơ hội, nói với họ rằng: “Đừng lừa bịp, đừng gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc trên đất nước chúng tôi nữa. Các ông lừa bà con chứ không đánh lừa được tôi đâu. Chẳng có gì là chính nghĩa ở đây cả. Bà con trên Tây Nguyên đã phải chịu quá nhiều mất mát, đau khổ vì các ông rồi. Các ông lôi kéo, dụ dỗ bà con bỏ ruộng vườn, nhà cửa, nương rẫy sống chui lủi, đói rét đó là vì họ sao?

Ksor Kórk khi xưa từng là lính của tôi. Tôi nghĩ rằng, Đảng, nhà nước ta cũng không nên ưu ái với đồng bào dân tộc thiểu số nhiều quá. Thế nào là bình đẳng các dân tộc? Nếu ưu ái quá, họ sẽ càng thêm ỷ lại, khó vươn lên trong cuộc sống. Như vậy, vô tình là làm hại họ. Hãy chỉ cho họ

cách sử dụng cái cần câu, cái nơm, cái đó để bắt cá, chứ đừng đánh đồng tất cả mà cho họ cái cần câu hay con cá. Vì thực tế, đồng bào người Kinh, người Chăm... còn nhiều hoàn cảnh rất khổ, nhưng phải tự lập, không được miễn phí nhiều như đồng bào các dân tộc thiểu số khác.

Thương đưa con thiệt thòi cũng phải biết thương đúng cách. Tôi mừng vì thế hệ trẻ sau này của đồng bào các sắc tộc thiểu số ngày càng trưởng thành, được Đảng, nhà nước nuôi ăn học đến nơi đến chốn, trở thành cán bộ trong bộ máy Đảng, chính quyền các cấp. Nhưng cũng thấy lo cho đại bộ phận thanh thiếu niên nông thôn, tính ỷ lại cao quá cao...

N.H

(Nguồn: Bài đăng trên báo Công An Thành phố Hồ Chí Minh, Thứ bảy, 22/08/2015)

Trung tá Trần Hữu Phi kể chuyện về
Chuyên án F101 và Đại tá Vũ Linh -
nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm
Đồng, trực tiếp phụ trách Chuyên án
«F101»:

CHÚNG TÔI CÒN HƠN CHA VÀ CON TRAI

Lê Hoa ghi

Ông Trần Hữu Phi – sinh năm 1953, công tác trong ngành Công an từ tháng 23/12/1975, vừa mới nghỉ hưu ở cấp hàm Trung tá - phó phòng hậu cần công an tỉnh Lâm Đồng - nguyên là lái xe kiêm trinh sát chuyên án F101, lái xe cho ông Vũ Linh từ tháng 5/1978, kể cho chúng tôi về quãng thời gian được sống và làm việc gần gũi và thân thiết còn hơn "cha và con trai" với thủ trưởng – người đồng chí đáng kính của mình là Đại tá Vũ Linh – Nguyên giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng .

Tôi được điều từ Phòng CSGT về Phòng hậu cần, lúc ấy còn rất trẻ - là chuẩn úy – trực tiếp lái xe cho chú Vũ Linh. Chuyên án F101 hình thành từ đầu 1979, từ nguồn tin tổ chức Fulro muốn đi “xuất dương vì cao nguyên”. Tôi đi với ông già Linh trong tất cả các chiến dịch, được gần gũi tiếp xúc với các chú, các bác (ông Năm Thắng – Bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng - trưởng ban chỉ đạo chuyên án; bác Phạm Hùng – Bộ trưởng). Thời

gian tôi ở với ông già Linh còn nhiều hơn con ông, chú cháu chăm sóc nhau tình cảm như cha – con trong khoảng thời gian từ tháng 5/1978 đến cuối năm 1991.



Trung tá Trần Hữu Phi, từng là trinh sát của chuyên án F101, bị Fulro bắt đưa đi xử bắn nhưng anh đã thoát từ cũi chết trở về, lại tiếp tục vào hang sói.

Từ manh mối rất mong manh là cô Phượng ở dưới huyện làm y tá, có quen biết với một số sĩ quan Fulro và nhận làm liên lạc cho Fulro. Bên mình nhận được tài liệu, bèn bố trí bí mật bắt Phượng, với tội theo Fulro là tội phản bội Tổ quốc! Nhưng chú Vũ Linh và các anh lãnh

đạo không khép tội mà tạo điều kiện cho Phượng lấy công chuộc tội. Phượng đã đồng ý bí mật hợp tác với an ninh (sau này, chính cô Phượng là người có công lớn cho chuyên án). Từ đây, hình thành đường dây “điều hổ ly sơn”, hình thành chuyên án Cao nguyên F101, hình thành 8 “cơ lõi”, do các anh em trinh sát thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chú Vũ Linh...

Chuyến cơ lõi đầu tiên mình tổ chức bắt Ya Duck – lúc đó là Đệ nhất phó thủ tướng. Đón Ya Duck và tùy tùng ở ngay cây đa (bìa suối – dưới chợ Tùng Nghĩa), đến Ninh Sơn (Mỹ Á – nay là suối tắm nước nóng), có người của ta dựng trạm kiểm soát chờ sẵn, tổ chức kiểm tra giấy tờ, rồi “hốt”. Chuyến này dùng xe microbus của Công an tỉnh mang biển số trắng Sài Gòn do anh Hưng lái cùng với anh Lâm Văn Thạnh với tư cách đại diện của tổ chức Caritas đi đón Ya Duck. Tôi với chú Vũ Linh và 2 trinh sát vũ trang gồm anh Khanh “đen” – nay nghỉ hưu (Phó phòng PA 21) và anh Kiên đi xe peugeot 404, bám theo theo xe microbus ở một khoảng cách hợp lý

Chuyến 3 bắt “Hà Pút B”. anh Diêu, anh Thạnh đưa “Hà pút B” ra Đà Nẵng “nghỉ dưỡng ở khách sạn Sông Hàn” chụp hình, tắm biển như ở nước ngoài, gởi hình ảnh vào rừng cho đồng bọn để lấy lòng tin của chúng.

Lối 4 bắt đồng nhất ở ngay rừng dừa, suối Du Long. Bắt xong chuyển sang xe tải Desoto có mui bít bùng, có trinh sát đi cùng canh giữ, thẳng quan trọng dùng 1 công, ít quan trọng hơn dùng 1 công 2 tên. Khoảng 4 giờ chiều xe bắt đầu quay về Đà Lạt, ông già Linh dặn anh Đề, anh Tuyên: “Vì chuyến này đông, mình nhân đạo gì thì nhân đạo, nhưng từ vị trí bắt về đến “nhà” không được mất cảnh giác, không dừng xe, không ăn uống hay hút thuốc”. Xe đi đến Xuân Thọ, Xuân Trường,

nghĩ không có chuyện gì, ông già Linh bảo xe mình vượt lên đi về trước để chuẩn bị. Ai cũng biết, xe chạy với tốc độ đó chỉ về đến nhà sau khoảng 30 phút, nhưng chờ hơn 1 tiếng vẫn chưa thấy. Ông già Linh nóng ruột, chạy xuống lại, đi đường đèo Prenn, xuống Eo Gió, hỏi thì xe đã qua rồi, lại quay lại theo đường Xuân Trường, Cầu Đất đến đồi Rada, thấy dân quân du kích đầy hết trơn. Thì ra, nó giả bộ xin thuốc lá, rồi bu lại đề ông Tuyên. Thằng Vĩnh là thanh niên khỏe, giữ được súng ngắn, bắn vào thùng xe, ông Hà nghe thấy (đang lái xe), dừng lại. Xe bị bung bửng sau, một số thằng nhảy xuống, một số đang bu thùng. Xuống xe ông Đề rút súng ngắn bắn bể bụng Lien Hot K'Thot. 5 thằng chạy vào vườn trà không bắt lại được, chạy tuốt xuống hầm chui xe lửa ở Phát Chi. Ông già Linh thấy tình hình như thế điện cho Tiểu đoàn 1 (tăng cường) xuống đi tìm cho tới chiều hôm sau vẫn không thấy tên nào. Ông già Linh nhận định chúng đi qua đường hầm, xuống suối Tiên. Ông già Linh hỏi ông Canh (Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1) biết khả năng tìm không được, liền quyết định ra Đà Nẵng hợp với công an Đà Nẵng giữ Hà Pút B - bộ trưởng bộ quốc phòng.

Tôi chạy xe từ 8 giờ sáng ở Cầu Đất ra đến Đà Nẵng là 9 giờ tối. Hồi đó đường quốc lộ Một cực xấu, xe lại cũ bị nghẹt xăng liên tục. Máy anh công an Quảng Nam đợi hợp sẵn. Sau đó "Caritas" yêu cầu Hà Pút B ra lệnh truy nã mấy tên trốn đó về tội phản bội hội (Hội từ thiện Caritas), theo cộng sản được cộng sản cài trốn vào rừng theo kế hoạch của họ. xe chúng tôi mang lệnh truy nã về (cùng với anh Thạnh), anh Thạnh đưa cho cô Phượng chuyển cho các PC (chân rết của Fulro) ở chân núi Voi (làng Gà), giữ mấy tên đó lại không cho đi nữa, có tên tức quá tự sát.

Tới lốc 4, Trung ương nghĩ là đã bề, không làm tiếp, nhưng ông Linh nhận định có thể làm tiếp và xin ý kiến Bộ trưởng Bộ nội vụ, ông Phạm Hùng cho phép làm tiếp.



*Hàng ngồi từ trái sang: Ông Nguyễn Văn Độ, ông Vũ Linh.
Hàng đứng từ trái sang: Nguyễn Ngọc Diêu và Trần Hữu Phi
tại bãi biển Đà Nẵng trong chuyến án F101.*

Từ lốc 5 đến lốc 6, ta đưa lực lượng Fulro về tới Vũng Tàu mới bắt. Khi đến Vũng Tàu vẫn cho ở khách sạn, ăn hàng sang, uống bia ngoại, hút thuốc lá ngoại, bố trí như văn phòng đại diện nước ngoài ở VN. Sáng hôm sau, tổ chức họp như chuẩn bị đi nước ngoài, thì công bố

lệnh bắt, đưa lên xe tải, chở đi... nhưng số Fulro đó gửi xuống Cửu Long (nay là Vĩnh Long + Trà Vinh), đưa ra đồng, nếu nó xổng chạy, đuổi bắt cũng dễ, hơn nữa họ không rành vùng đồng bằng nam bộ này và ở đây thông tin cũng khó thể lọt về tới đám Fulro ở trong rừng Lâm Đồng được.

Đến chuyến thứ 7, Thanh đã cảm thấy có gì đó không ổn vì lúc liên lạc để chuẩn bị chuyến tiếp theo, được bọn chúng ôm hôn một cách bất thường. Thanh ngủ cùng tôi trần trọc cả đêm nhưng cũng không nói ra. Sáng hôm sau 4 giờ sáng vẫn đi như lịch trình đến khu vực trạm thu phí bây giờ, đón chúng như đã hẹn. Song, Thanh phát hiện ngay có chiều hướng khác. Xuống xe, bọn chúng đến ôm chúng tôi, rồi bất ngờ bẻ quặt tay ra đằng sau. Tôi, ông Tư Cho lái xe microbus, thằng Thanh, thằng Diêu đều bị bắt. Bọn chúng dùng dây trói chúng tôi, nhưng đến thằng Diêu nó thiếu dây trói, cứ dắt tay không, đi được mấy bước, thằng Diêu bung chạy. Nếu đường bằng phẳng như bây giờ, thì chạy thêm khoảng 20 mét là đến bìa suối rồi thoát vào làng Đại Dương... nhưng bị vướng dây mắc cỡ, bọn chúng dùng súng M79 bắn thẳng vào lưng Diêu – ngã xuống. Rồi quay lại, chúng dùng báng súng đánh tui tui, dí súng vào lưng, cầm dây trói thúc đi lên núi...

Đường lên núi được đám đó gọi là “cuộc hành quân phượng hoàng”. Vì không có đường đi mà chỉ có 1 con khỉ dẫn đường. Đi đến đỉnh hòn Bù (phía Lâm Hà), nó đưa ra hỏi cung “Tụi mày có phải là tình báo của cộng sản không?”. Anh em đều thống nhất trả lời, là dân ở Đồng Nai được Hội thuê trả lương. Chúng hỏi mãi từ 9-12 giờ, anh em cứ khai như thế. Nó quyết định đem ra xử bắn rồi, nhưng nói với chúng tôi là sẽ thả về... Có một chi tiết là trong quá trình hỏi cung chúng tôi, bọn nó bắt được

con neru, không biết sao lại đi lạc vào “phòng hồi cung”. Bọn nó làm thịt con neru, moi ruột chôn xuống đất luôn tại đó. Đây là chi tiết được tôi nói cho mấy ông đi tìm sau này.

Mỗi chúng tôi được 2 thằng dẫn xuống bìa nước. Bắt 3 người đứng dàn hàng ngang, ông Tư Cho bảo, tôi già rồi không chạy được đâu, các anh cởi trói cho tôi đi vệ sinh. Tôi dù bị trói nhưng khăn bịt mắt chỉa chỉa ra nên nhìn thấy. Mỗi người đều bị cởi hết đồ chỉ còn quần đùi. Ông Tư Cho được cởi dây ra thì lăn luôn xuống hồ nước, tôi cũng làm theo. Biết anh Thạnh giỏi võ, nên bọn chúng vừa trói tay, vừa trói chân, lại vừa bịt mắt. Nên khi chúng tôi lăn xuống thì chúng quay lại giữ anh Thạnh. Nghe thấy súng nổ, tôi nghĩ nó bắn ông Tư Cho hoặc Thạnh. Sau này biết nó bắn theo chúng tôi nhưng bọn chúng không chạy theo được do mang giày boots của Mỹ có đinh, chỉ đi chứ không chạy nhanh được trong rừng lá cây dày. Tôi cứ chạy men theo bờ cách suối. Cũng may, khi dẫn chúng tôi đi, bọn nó thay dây dù bằng dây rừng (dây kim cang), nên vừa chạy, tôi vừa xục xà, xục xịch làm dây bung ra.

Trong chiến đấu cũng có những điều không thể giải thích được – nếu chúng vẫn cứ giữ dây dù trói, thì chưa chắc thoát được.

Tôi chạy ra theo hướng mặt trời đến đường xe be. Vì trước đó chạy xe nhiều, nên tôi nghĩ cứ theo hướng mặt trời mọc là ra đến đường be. Khi ra đến suối Tía, gặp trắng tranh (ở hướng đường hầm đất sét sét ngày nay), gặp 1 cậu thanh niên nhờ dẫn đến chốt tiểu đoàn ở đó, tôi điện về cho cảnh sát bảo vệ, anh em điện báo cáo cho ông già, sau đó có xe ô-tô đến đón tôi đưa về gặp ông già. Ông Tư Cho cũng về đến Tiểu đoàn này, nhưng

muộn hơn tôi khoảng 7 giờ, (tôi về khoảng 12 giờ trưa, ông Tư Cho về 7 giờ tối)

Đến sáng hôm sau, chúng tôi nhận định, Thanh đã bị giết rồi nên ông già Linh cho người đi tìm. Tôi được đưa vào trạm xá khoảng 1 tuần. Ngày đầu tiên, nhóm tìm đến chân Núi Voi nhưng không tìm được. Ngày thứ 2 cũng không được. Ngày thứ 3 tìm thấy dấu ruột con neru bị giết. Ngày thứ 4 tới được miệng hố phát hiện được xác anh Thanh, không phải bị bắn mà bị đâm 1 nhát vào thái dương, 1 nhát vào tim. Đâm xong đặt úp mặt xuống, để dao lên lưng, lấy đá đè lại (theo tục của người dân tộc đê ma không theo). Anh em quyết định đưa vào hốc cây, lấy đá chặn lại, 2 năm sau mới hốt cốt vào nghĩa trang liệt sĩ. Kết thúc lốc 7.

Anh Thanh là dân Tây Sơn, rất giỏi võ đã từng tham gia trên chục trận đấu võ đài, khả năng tác chiến thì khỏi bàn, điềm tĩnh, chín chắn, hy sinh ngày 23/12/1980. (kết thúc chuyên án, anh Phi được đi Hà Nội và nhận huy chương “Thanh niên bảo vệ Tổ Quốc”).

Trước đây, Có lần một tên ở khu rừng đập Đại Ninh, đã liên lạc với tôi và anh Thanh muốn đi. Chúng tôi đã báo cáo, ông già nhận định, bọn chúng chưa biết thông tin gì ở cơn lốc 7, nên quyết định tiếp tục triển khai cơn lốc 8. Ông già Linh kêu anh Hùng, một trinh sát ngoại tuyến một võ sĩ đai đen làm công tác tư tưởng xem có nhận đóng vai anh Thanh không, anh này dẫn đo quá, ông Linh cho là tư tưởng không quyết được, nên loại. Ban chuyên án giao cho tôi, nhưng mãi mới chọn được người lái xe là Toàn “đen” nhận nhiệm vụ, quán triệt tinh thần...Tôi lúc đó sợ lắm chứ, mình vừa mới thoát chết trong gang tấc, nhưng với quyết tâm, nếu có hy sinh thì là đền đáp, cộng với chưa vướng bận chuyện vợ con, thêm

vào đó là khí thế Đoàn Thanh niên cộng sản lúc đó rất cao, rất hào hùng...

Cơn lốc 8, điểm đến là ngã ba Tà In. Liên lạc các thứ xong rồi, thì liên lạc của ông Nahria Ya Duck vào báo cáo cho K'Đin (ở tuốt trong rừng, nay là trường học cách khoảng 5-6 trăm mét), K'Đin nói phải cho xe vào đó nó mới đi, nhưng theo chỉ đạo thì mình có một xe tải chở lực lượng chiến đấu và gạo làm vòng bao, nguy trang như một xe chở gạo bình thường, chiếc xe như một lô cốt di động đậu mai phục ở một vị trí để hỗ trợ khi có sự cố, nên tôi cố thuyết phục mãi, mà nó sợ không chịu ra. Tôi mới liều cùng Toàn đen cho xe rời khỏi trận địa mai phục vào sâu trong rừng, vì nếu không vào thì không còn cơ hội nữa. Nhưng đi khoảng ba trăm mét thì thấy quân nó đã ra rồi. Nó thấy tôi mừng quá nhào vào ôm: “anh cứu em!”. Cả bọn lên xe, cả cô liên lạc cũng lên đòi một hai đi gặp bố nuôi nó là ông Nahria Ya Duck. Lên xe, mình phải quán triệt bọn chúng là xe chạy nếu gặp trạm cộng sản có chặn là chạy luôn để cho bọn nó yên tâm. Nhưng khi công an chặn thì cứ cho xe rà rà lại, để cho anh em mình ào lên hốt gọn, bắt được 9 thằng, trong đó K'Đin là đại úy quận trưởng quận Liên Khàng.

Cái tầm của chú Vũ Linh là xuất phát từ một nhà tình báo, nên chỉ đạo của ông rất sắc bén, tài tình, sáng suốt, bình tĩnh. Những tình huống rất nguy hiểm, gay gắt, ông vẫn bình tĩnh quyết đoán hành xử rất chính xác. Đời sống ngoài công việc rất mực thướt. Ông già tin tưởng tôi ở chỗ, đi trên xe thường có lãnh đạo – cao thì là Bộ trưởng, xuống có các trưởng phòng, có bao nhiêu tin tức mật tôi đều nghe, đều biết, nhưng không bao giờ tôi tham gia hoặc đề lộ ra ngoài... Lúc đó, những người thường sát cánh với ông là anh Nguyễn Văn Độ, anh Thái (Trưởng Công an Đức Trọng), anhTrịnh Lương Hy, anh

Nguyễn Đức Hiệp, anh Dương Xuân Quán, anh Hồ... Kỷ niệm đáng nhớ nhất là thời gian sống ở Đắk Lắk khi ông là Cục trưởng Cục Tây Nguyên năm 1990, ở nhà như nhà dạng công vụ, thỉnh thoảng được công an tỉnh mời cơm, còn lại phải tự lo cơm nước. Mỗi lần chú cảm, bệnh phải đi tìm thuốc, lá xông... Thời khó khăn, ăn sáng bằng sắn. Đói khổ nhưng rất tình cảm. Đi với chú hiền biệt như thế, chú thấy vậy, mới hỏi: Cháu có tiếp tục đi với chú nữa không? Như cha con rồi, nên tôi cũng nói thật: “Chú cho ở nhà giúp vợ con được chút nào hay chút đó! (lúc đó tôi cũng đã cưới vợ rồi)” Thế là chú làm việc với tổ chức cho tôi ở nhà và anh Phúc (nay mở trường lái Thiên Phúc Đức) thay tôi đi với chú mấy năm cho đến lúc chú nghỉ. Tôi về làm đội trưởng đội xe rồi phó phòng hậu cần... Cho đến khi nghỉ hưu.

Đà Lạt tháng 7 – 2015

L.H

Đại tá Nguyễn Đức Hiệp kể:

COI CÁN BỘ, CHIẾN SĨ, CỘNG SỰ NHƯ ANH EM

Lê Hoa ghi

Ông Vũ Linh vừa là thủ trưởng, là cấp trên, nhưng chú Linh với tui như cha con. Có những điều người ta nói đưng tới ông, ông không phản ứng, nhưng đưng tới tui là ông phản ứng. Tình cảm của ông đối với mọi cán bộ chiến sĩ, cộng sự cũng thân tình, quý mến như vậy.

Tui từ Nghĩa Bình vào nhận công tác năm 1979, lúc đó 23 tuổi, được phân công về đơn vị trinh sát, ông già đang là phó ty công an trực tiếp chỉ đạo. Đầu năm 1980, tình hình Fulro tương đối phức tạp, lúc đó tui làm ở ban tham mưu ở nhà 35 Trần Bình Trọng. Fulro hoạt động rất mạnh động, thường xuyên tập kích, giết cán bộ, phục đánh bộ đội ở Đầm Ròn (Đưng K'Nó), đánh giết đoàn kiến trúc sư làm lại thủy điện Ankroet ở Suối Vàng. Đau nhất là lúc tình hình dịch bệnh nổi lên ở Đầm Ròn, ta đưa đoàn bác sĩ vào lo chữa bệnh cho dân thì bị Fulro chặn đánh, chúng bắn cháy cả xe y tế giết hại tất cả đoàn y bác sĩ. Lúc bấy giờ, các chú trong lãnh đạo Ty được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ giải quyết vấn đề Fulro. Chú Vũ Linh cùng với ông Năm Thắng bí thư tỉnh ủy đi khảo sát tình hình, tui được triệu tập đi theo, sau đó tui được giao phụ trách

địa bàn Păng Tiêng (thôn của xã Lát), ở đây có PC10 – căn cứ của Fulro đóng ở núi Hòn Nga, Ya Đuck đang ở đó. PC11, Yếu khu Kramui do quận trưởng Ya Ba phụ trách; qua Tà Nung thì có Nam biệt khu...



Từ trái sang: Ông Nguyễn Đức Hiệp, ông Vũ Linh, anh Nguyễn Trọng Hoàng.

Ông giao nhiệm vụ xuống đó làm tốt công tác quần chúng. Nhân văn ở chỗ mình xác định Fulro là người dân tộc ít người phần lớn do trình độ dân trí thấp nên bị lôi kéo đi theo, bởi vậy đánh diệt là hạn hữu, bắt đắc dĩ, tốt nhất là tìm cách kéo họ về bằng biện pháp nghiệp vụ, bằng thông qua người thân, họ hàng, bằng chính sách chăm lo cuộc sống cho buôn làng ... Chỉ những tên cứng cổ, đầu sỏ mới diệt, nhưng hạn chế. Đây chỉ là cuộc nội chiến, không phải Mỹ tây gì cả. Đó là điều phải suy nghĩ. Nếu đánh nhau chỉ là nôi da xáo thịt thôi, cần lôi kéo họ về, tìm công ăn việc làm cho họ và hết sức chú ý thực hiện tốt chính sách dân tộc. Có nghĩa là anh ở trong dân

tộc, nói là làm, làm cho dân thấy, để cho dân tin. Nghị quyết tỉnh ủy lần thứ 2, thực hiện Chỉ thị 04 Ban Bí thư Trung ương, nói Fulro là vấn đề chính trị, chứ không phải là thổ phỉ theo kiểu nghĩ đơn giản, nên phải giải quyết bằng chính trị. Phải làm yên lòng dân, trước hết chủ yếu lo định canh định cư, bày cho dân làm kinh tế vườn. Công an xuống đó làm nhiệm vụ tham gia giúp dân làm ăn..., chú ý giữ uy tín và không để mất lòng tin của dân.

Tôi thấy khi xuống làm đó, những điều ông dặn, anh em đều làm được, ông cũng hay xuống. Địa bàn vùng sâu vùng xa ông đi hết. Ở địa bàn Păng Tiêng có những kỷ niệm đáng nhớ, đó là Đầu năm 1981 toàn tỉnh có khoảng 1.400 thanh niên ra rừng đi theo Fulro, để đưa đi Campuchia đào tạo. Tình hình Lâm Đồng lúc đó rất căng, Chiều đó, một số thanh niên còn đánh bóng chuyền với tôi, xong tôi về lo chuẩn bị đi phép. Hôm sau, ra xin ông già đi phép, ông bảo: “Khoan đã cháu, tình hình giờ đang căng, cháu phải vào lại”. Tôi vào, thanh niên đi hết trơn, ở Păng Tiêng có khoảng 70 thanh niên ra rừng. Ông già phân công anh Độ (lúc ấy là phó phòng bảo vệ chính trị), sang Campuchia phối hợp vận động đón số thanh niên đó về, trong lúc đó ở địa phương chúng ta vận động quần chúng kêu gọi về hàng cũng khá khá, vì qua đất Campuchia đói khổ, bị lực lượng vũ trang đón đánh nữa. Sau đó Trung ương tổ chức hội nghị ở Nha Trang, chỉ đạo: Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, phát triển kinh tế xã hội, chăm lo cuộc sống cho đồng bào và bằng biện pháp nghiệp vụ công an có trách nhiệm giải quyết vấn đề Fulro. Về phía công an tỉnh, ông già chỉ đạo sử dụng lực lượng Fulro về hàng để vận động các gia đình còn chồng con em ngoài rừng kêu gọi trở về và chính số này lôi kéo bạn bè người thân trở về tốt hơn. Đó là chất, là ý của ông già Linh, cũng như sau này khi bắt được Nahria Ya Duck đệ nhất phó thủ tướng Fulro và các bộ

trưởng, tư lệnh quân khu, ông già đã thuyết phục, cảm hóa và sử dụng ông Nahria Ya Duck, cùng các vị ấy viết thư kêu gọi sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ trong hàng ngũ Fulro hãy trở về với nhân dân với gia đình. Về việc sử dụng số Fulro về hàng; Chú bảo, cháu về tính đi, hãy chọn một số tin tưởng được để trang bị vũ khí thành lập đội chuyên săn, chính họ mới hiểu được mọi hoạt động của Fulro và tác chiến mới có hiệu quả! tôi về Păng Tiêng chọn 5 đứa. Báo cáo ông, ông hỏi:

- Chắc không?
- Dạ Chắc.
- Bố trí chú gặp đi.

Gặp xong ông bảo, có khả năng được đó. Nhưng ông hết sức nguyên tắc, bảo cầm danh sách sang Tỉnh ủy báo cáo ông Năm Thắng (bí thư) và ông Tư Nhật (phó bí thư), cả ông Chế Đăng (trưởng ban kiểm tra) nữa. Tháng 11 báo cáo, tháng 6 năm sau mới phê duyệt. Đồng thời báo cáo bộ trưởng để xin chỉ đạo song chú vẫn nhắc, chú ý đó nghe, mình làm thí điểm đầu tiên, nên phải hết sức thận trọng và chắc ăn mới làm, ông nhắc thẩm tra kỹ ai mới được giao súng.

Sau đó, ngày 24/10/1981, tôi dẫn đội này đánh 1 trận vào PC10, diệt đại úy Ya Dí (ở núi Hòn Nga – PC10), bị thương 6-7 đứa. Ông già đã vào tận nơi đón và thề chết đãi toàn đội, ông cho là ta đã thực hiện được ý kiến chỉ đạo của bộ trưởng, dùng địch đánh địch, 2 là sử dụng được những con người này vừa đánh vừa gọi hàng sẽ có hiệu quả và số này sẽ không có con đường vào rừng nữa! Từ đó, mở rộng việc xây dựng lực lượng “chuyên săn” trên địa bàn toàn tỉnh. Đó là kỷ niệm sâu sắc của tui,

phải nói là chú Vũ Linh chỉ đạo táo bạo nhưng rất chặt chẽ.

Một lần khác, tôi từ Đạ Nhứt về báo cáo đã phát hiện địch, chú tính phương án đánh, ông vô trực tiếp nghiên cứu phương án đánh, có anh Độ cùng đi với tôi với 4 anh em chuyên săn, tôi nói: “Ông già ở đây, tụi cháu đi đánh”. Khi đánh xong, tui ra đến nơi mệt quá ngủ một giấc tới sáng dậy thấy ông vẫn thức ngồi đốt lửa cho ấm, tui hỏi: “Chứ ông già không ngủ à?”. Ông nói: “Tao gác cho tụi bay ngủ”.

Bắt sống Tư lệnh khu IV: Khai thác từ sổ Fulro bị bắt, biết ngày tháng Hà Xuyên tư lệnh quân khu IV về. Ông già Linh vào Lạc Dương giao nhiệm vụ, ông nói “phải giao cho Hiệp trận này thôi”. Ông bảo không được đánh diệt mà phải bắt sống, phải mạnh dạn vô bắt sống. Hôm đó có chú Chế Đăng cùng đi. Ông già Đăng hỏi: Có mạo hiểm lắm không anh Linh? Ông bảo: Không! Ông nói, đánh diệt thì dễ rồi, nhưng đánh diệt nó tội, bố trí bắt sống đi, phải sử dụng lực lượng chuyên săn là K'Song. Ông già Linh vô bàn, bày cách tiếp cận, hướng dẫn tới 3 giờ sáng. Vì mình đã có sơ đồ đầy đủ rồi, biết bọn nó nó có 1 khẩu carbine, 2 khẩu AR15, 1 khẩu AK, địa hình thì anh em chuyên săn quá rành rồi. Khi tiếp cận được rồi thì ập vô bắt ngay không cho nó kịp trở tay, không cần phải nổ súng, trừ khi bị lộ nhưng để lộ là nguy hiểm cho cả mình cả nó!

Khi thống nhất rồi, anh em vô, cách 5 thước ập vô, đúng là nó trở tay không kịp, chỉ ngồi ngó thôi. Minh thu súng rồi giải thích chính sách khoan hồng của cách mạng và bắt dẫn về.

Một lần ta bắt sống được Ha Póh - đại úy Fulro, theo lời khai và xác minh là đúng, ta sử dụng Ha Póh dẫn đường đi đánh tiếp; nhưng vào tới nơi nó trốn mất, tui về báo cáo chú Linh, phải người khác là chắc chắn bị ăn đòn! Nhưng ông thông thả nhả khói thuốc nói: “Ừ, thì nó chạy rồi thì thôi, ta sẽ tính cách khác”. Sau đó chú giao cho anh Độ bố trí bắt lại, anh Độ gài bẫy bắt được, nhưng rồi chỉ sơ hở một tí nó lại chạy lần thứ 2. Ông già chỉ đạo bắt được lần thứ 3, dẫn về gặp ông già, nó sợ quá quỳ lạy luôn. Nó thấy ông Linh là nó sợ kinh cha! Ông già chỉ mặt nói “Ha Póh, mày có giỏi chạy đàng trời cũng không thoát khỏi bàn tay này!”. Nghe ông nói, làm tui nhớ chuyện Tôn Hành Giả đặng vân giá vũ nhưng bay mãi mà không thoát khỏi bàn tay của Quan Âm bồ tát trong Tây du ký, ông nói vậy để giằn mặt thằng Ha Póh đừng có hòng trốn nữa. Đó là những chuyện tui có tham gia và được biết, còn anh Độ lúc đó là thư ký chuyên án, trực tiếp ở bên cạnh ông già nên biết nhiều chuyện hơn.

L.H

GẮN BÓ SÔNG CHẾT VỚI DÂN

❖ Nguyễn Tuấn Hải

Khi chúng tôi đặt vấn đề tìm hiểu lịch sử an ninh Lâm Đồng giai đoạn sau giải phóng, Thiếu tướng Bùi Văn Sơn – Giám đốc công an tỉnh đã tổ chức một cuộc họp, chỉ đạo các đồng chí ở phòng tham mưu, phòng chính trị, phụ trách theo dõi nội bộ... lục lại những vụ án, lấy hồ sơ, tài liệu cho viết sử, giúp chúng tôi gập gờ những nhân chứng lịch sử, dựng lại một số chuyên án mà “cụ” (Vũ Linh) đã chỉ đạo. Đó là chiều ngày 21 tháng 10 năm 2014. Và hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2017, Thiếu tướng Bùi Văn Sơn lại dành cho chúng tôi một buổi sáng 28 Tết, cho những trang sách đầy cảm xúc.

Câu chuyện trở lại năm 1981, lúc đó anh vừa tròn 21 tuổi, và chuyển công tác đầu tiên là đi đến Phi Tô, Lâm Hà – “Cuộc đời mình bắt đầu gắn bó với bà con dân tộc”. Thiếu tướng Bùi Văn Sơn nói tiếp: “Thời điểm đó, chú Trần Đức Hoài là Giám đốc Công an tỉnh, chú Vũ Linh là Phó Giám đốc – Phó Trưởng ban trực chuyên án F101, (Chú Năm Thắng, Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng ban chuyên án). Khi mình vào Lâm Đồng, chuyên án F.101 vừa kết thúc. Song, những toán Fulro cuối cùng vẫn tiếp tục kích động, lôi kéo bà con ra rừng. Mình vừa nghiên cứu, học tập, rút kinh nghiệm từ chuyên án, vừa được các chú, các anh dìu dắt, hướng dẫn công tác nghiệp vụ và dân vận tại cơ sở”.



Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng – Bùi Văn Sơn (người thứ nhất từ trái sang) giao nhiệm vụ cho các phòng ban làm việc với các cơ quan thông tấn báo chí.

“F.101” là chuyên án điển hình, vừa sử dụng nghiệp vụ một cách sắc sảo kết hợp với các biện pháp kỹ thuật hỗ trợ để chuyên án tiến triển. Kinh nghiệm xuyên suốt trong đấu tranh là nắm chắc thời cơ, có kiến thức địch tình và lập phương án chu đáo. Lực lượng công an Lâm Đồng đã sớm phát hiện tình hình, âm mưu của địch; nhu cầu của địch. Rồi kịp thời thành lập chuyên án, giăng lưới câu nhử và bắt gọn các đối tượng đầu sỏ. Kết hợp với điều tra, xét hỏi, dùng chân lý, lẽ phải thuyết phục họ hợp tác với công an để tiếp tục câu nhử đón bắt 7 chuyên tiếp theo, ba lần lộ, 3 lần xóa lộ - Bắt đến chuyên cuối cùng. Rồi lại thuyết phục chính họ đứng ra kêu gọi các sĩ quan binh lính của họ trở về với cuộc sống bình yên ở buôn làng. Phải nói là những người làm trong Ban chuyên

Người đi qua cuộc chiến

án tài tình, dám nghĩ, dám làm, táo bạo, bình tĩnh xử lý, có nhãn quan nghề nghiệp xuất sắc; đảm bảo cho chuyên án phát triển tốt. Vai trò chủ Vũ Linh, người thủ trưởng bản lĩnh, sắc sảo, trí tuệ, đảm tính, thể hiện đúng thủ lĩnh, ngôi sao của chuyên án, đã in đậm những dấu ấn trong lịch sử của chuyên án “F.101”.



Ông Phạm Hùng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Công an (người thứ nhất từ trái sang) làm việc với ông Vũ Linh, Giám đốc Công an (người thứ hai từ phải sang) cùng ban giám đốc công an tỉnh Lâm Đồng.

Sau chuyên án, thủ trưởng Vũ Linh cùng với lực lượng công an Lâm Đồng tiếp tục đi vào vùng đồng bào dân tộc, với tinh thần đã đi vào vùng dân tộc phải học phong tục, tập quán, phải có kiến thức xã hội để vận động, tuyên truyền, cùng với các cấp, các ngành tập trung giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, đời sống của bà con.

“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”. Tâm thế ấy của Đại tá Vũ Linh là nguồn cảm hứng thúc đẩy lớp trẻ không ngần ngại dấn thân đến các buôn làng xa xôi, sống giữa nơi rừng thiêng, nước độc, chịu đủ mọi thử thách nguy, bệnh tật, thú dữ, cô đơn... Trò chuyện với những người lính của ông ngày đó, nay đã trưởng thành, từng cùng ông chịu đựng cuộc sống gian khổ, thiếu thốn vì tinh thần trách nhiệm công dân, nhiều người đã mang hàm trung tá, thượng tá, đại tá... Thiếu tướng Bùi Văn Sơn là một trong những người lính đó. Ngay từ những ngày đầu đặt chân đến vùng đất Tây Nguyên, người lính đó “như một con dao pha, đã rất say nghề, rất say đi vào vùng dân tộc, một tháng mới về. Nhiều lúc chỉ có một mình đi với các anh em dân tộc, thành chơi với! Nhưng nhờ ý chí, nhờ nhận thức đúng tư tưởng chính trị mà các chú, các anh luôn chỉ dẫn, mình tiếp tục đi cơ sở. Một kỷ niệm khó quên là năm 1989, mình quản lý một nhóm chuyên săn gồm: K’Sơn, K’Long Nhảo... đi lùng sục khắp vùng Đạ Tẻh. Một hôm, mình cho anh em nghỉ lại ở một đơn vị khai thác gỗ, cho anh em ăn cơm, uống rượu, ăn xong, cả nhóm không đi chịu nữa, mình đã khóc, đành cho nhóm này về! Việc vận động, chuyển hóa toán Fulro cuối cùng ở Bảo Lâm cũng có thể nói là một kỷ niệm đáng nhớ, là linh hồn của cuộc đời làm trinh sát của mình. Kết thúc vụ việc giải quyết Fulro có vũ trang ở Lâm Đồng đã cho mình nhận hiểu được phương thức giải quyết vấn đề chính trị trong đồng bào dân tộc thiểu số, giải mã được hậu vấn đề Fulro. Có cái nhìn mới về đồng bào dân tộc; từ đó biết cách tuyên truyền, vận động, kiên trì thuyết phục, chăm lo cho đời sống của bà con. Tóm lại là phải biết gắn bó sống chết với dân mới mang lại kết quả tốt được”.

Thiếu tướng Bùi Văn Sơn là một trong hàng trăm cán bộ, chiến sỹ trưởng thành trong gian khổ, tiếp bước

thể hệ gắn bó sống chết với dân. Thiếu tướng nói: “Lớp mình với lớp các anh đi trước là lớp kế thừa, giữ vững an ninh trên tất cả các lĩnh vực, các thể hệ luôn nhận thức đúng, giải quyết vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề chính trị. Ngay sau giải phóng, toàn ngành đã cùng với các ngành khác tập trung vào cho công tác định canh, định cư, làm nhà, xây dựng hệ thống nước sạch; xây dựng trường học, tổ chức lớp xóa mù, phổ cập giáo dục; xóa đói giảm nghèo, bảo tồn văn hóa dân tộc... Theo sát các dự án vùng đồng bào dân tộc, xây dựng nông thôn mới. Tiếp bước các thế hệ đi trước, chúng tôi tiếp tục làm công tác cảm hóa, giáo dục... thường xuyên thăm hỏi giúp đỡ bà con từ đời sống đến nhà cửa, con cái... Gắn bó với bà con dân tộc, thường xuyên đến với họ. Trong đấu tranh xử lý, vẫn tiếp tục lấy khoan hồng làm trọng. Khi có đối tượng cực đoan không nghe, không theo... thì số này sẽ bị cô lập hoàn toàn. Kiên trì thuyết phục, làm tốt công tác vận động quần chúng, giải quyết hài hòa giữa các vấn đề xã hội, tôn giáo và đời sống trong đồng bào dân tộc. Giải quyết tốt về tư tưởng để đập tan các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Giải quyết tranh chấp khiếu kiện, giải quyết tốt yếu tố địch và yếu tố xã hội, không để kẻ xấu lợi dụng...

Nhiều kỷ niệm rất đẹp trong tâm tưởng của các thế hệ đồng nghiệp về trí tuệ và nghị lực của Đại tá Vũ Linh. Về đức khiêm tốn, đôn hậu, nghĩa tình của ông trong suốt 60 năm trong nghề tình báo. Về hành trình không mệt mỏi của một con người đầy bản lĩnh. Về sức truyền cảm mà chúng tôi luôn nhận thấy trong từng người lính của ông.

CHUYỆN CỦA NGƯỜI BẮT “THUYẾT BUÔN VUA”

❖ Đinh Thị Nga

Khi bị bắt, “Thuyết buôn vua” đưa 95 tờ 100\$ nói “Anh cất hộ em, khi nào ra em lấy lại”. Thời điểm đó, trung tá Phạm Văn Bốn đang công tác ở phòng Cảnh sát Hình sự, Công an tỉnh Lâm Đồng. Trải qua 30 năm trong ngành công an, với 3 bằng khen của bộ công an, 1 bằng khen của công an tỉnh, 30 giấy khen. Con người “có máu chiến đấu”, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khó khăn về mình, lý lợm trong trận mạc ấy lại xúc động nghẹn lại khi nhớ về vị đại tá tình báo - thủ trưởng Vũ Linh “Bởi ông đã gắn chặt với những năm tháng tuổi trẻ của Bốn, đi cùng với Bốn trong nhiều trận đánh nhớ đời”.

Bốn được công an Hà Nam Ninh tuyển vào ngành năm 1978, lúc vừa tròn 18 tuổi. Sau đó vào Lâm Đồng học 3 tháng ở trường Dã chiến Công an tỉnh, về phòng Bảo vệ chính trị, đội chống Fulro. Đội có 18 đến 20 người, phụ trách địa bàn xã Lát. Học tiếng K’Ho được 6 tháng, Bốn được điều sang đội Trinh sát vũ trang ở địa bàn Đầm Ròn. Bốn xin đi đánh trận đầu ở PC Đakao: Đi bộ từ suối Vàng lúc 5 giờ sáng, 5 giờ chiều vào đến Đam Rông. Cùng với 7 anh em khác (do chú Hoàn phụ trách) tiếp tục đi từ 7 giờ tối tới 10 giờ đêm phát hỏa. Nhóm chia làm

hai cánh. Đêm đó, Bốn cùng Vinh, Tới, Thiện, Tùng truy quét hai trận. Sau 2 tháng liên tục truy quét, Bốn bị sốt ác tính, đồng đội khiêng ra nằm ở bệnh viện tỉnh, khi đó Bốn chỉ còn bộ xương. Dứt cơn sốt rét, Bốn trở lại Đam Rông xây dựng đặc tình, săn lùng Fulro.

Cuối năm 1980 và đầu năm 1981, đơn vị rút Bốn ra Păng Tiêng cùng anh Hiệp tham gia trận xã Lát. Thủ trưởng Vũ Linh giao Bốn kế hoạch trận đánh: Khi nào Bốn nổ súng, thì công an huyện mới được nổ súng. Nhưng phát hiện Fulro cách 60-70 m, công an huyện nổ súng trước, trận đó chỉ có một tên bị thương. Lúc này, anh Hiệp là đội trưởng. Đội có anh Bùi Văn Sơn (hiện là Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng), Lý Hồng Thao (hiện là thanh tra tổng cục 3 - Hà Nội), Trí (phó Công an thành phố Đà Lạt) và Bốn, cùng với 5 chuyên săn (số Fulro về hàng). Chú Vũ Linh chỉ đạo dùng số dịch về hàng để đánh địch. Số này có mấy cái lợi: Có kinh nghiệm đi rừng, hiểu được quy luật hoạt động của Fulro ngoài rừng, chỉ cần nhìn thấy một dấu chân, một cái lá biết ngay có người đã đi qua, những anh em đã tham gia đội chuyên săn thì không thể trở lại với Fulro được nữa, và chính những anh em này kêu gọi bạn bè bà con trong hàng ngũ Fulro về hàng cũng có hiệu quả caoCũng vào tháng 10- 11, cơ sở báo PC10 đóng quân giáp rừng Bi-đúp anh Hiệp báo cáo với thủ trưởng Vũ Linh. Chú Vũ Linh trực tiếp chỉ đạo đánh trận PC10: Hiệp điều Giang Nam bắt ở Di Linh, tay này có kinh nghiệm, lì lợm) và Keng (chuyên săn) cùng Bốn đi từ chỗ đóng quân đến PC10 mất 4 tiếng đồng hồ, thì phát hiện lửa. Bốn thấp, Hiệp cao...Bốn leo lên cây ngo ngấm cứ điểm, bị rớt xuống, Hiệp kéo Bốn cắn một miếng thật đau “mày giết tao”. Khi vào đánh, đội chia làm 2 mũi, Hiệp chỉ huy một mũi 7 người. Bốn một mũi 5 người. Chú Vũ Linh tính phương án rất kỹ, quy định đường đạn bắn, chỉ rê súng khoảng 50m để anh em

không bắn vào nhau. Anh Hiệp nói khi nào anh Hiệp phát hỏa thì mũi của Bốn mới được phát hỏa. Phục từ khoảng 12 giờ đêm đến 4 giờ 30 phút sáng, anh Hiệp phát hỏa, nổ súng khoảng 10 phút anh Hiệp nói Bốn dẫn 4 chuyên săn đi truy kích, lúc đó đói quá Bốn bốc một miếng bắp ăn, Hiệp chửi và dặn, tao là chỉ huy trưởng, nếu tao hy sinh thì giao lại cho mày chỉ huy. Đánh xong rút về làng Đa Nghịt thức suốt đêm cùng chú Vũ Linh.

Trận đánh thứ 2, cơ sở báo có toán quân từ Campuchia về Păng Tiêng, Đa Nghịt, được trang bị AK, CKC của Trung Quốc. Anh Hiệp báo cáo với anh Độ (lúc này là trưởng phòng), anh Độ báo cho chú Vũ Linh để chỉ đạo đánh. Phương án 1: cho Bốn hẹn đến điểm lấy tiếp tế, phục đó bắt sống. Bốn chấp nhận, nhưng anh Hiệp sợ nguy hiểm cho Bốn. Nên đã thực hiện phương án 2: Khoảng 2 giờ đêm ta nổ súng vào chòi (nơi Fulro cất giữ đồ tiếp tế).

Năm 1985, trong đội chống Fulro, Bốn được phân về trực QL 27, đi miết từ Đa Đồn, Phú Sơn, Đam Pao, sau đó anh Độ điều động Bốn về Di Linh cùng anh Hiệp đánh Tam Bô Sun (thiếu tá Fulro ở Đình Trang Hòa). Anh Hiệp chở Bốn đến đơn vị giới thiệu với anh em: “ Hôm nay tôi tăng cường cho các anh một cán bộ dày dặn trong chiến đấu..”. Bốn cùng Công an Di Linh vào rừng kiểm Tam Bô Sun. Thấy truy lùng gắt, Tam Bô Sun ra hàng.

Năm 1986, Bốn được điều xuống Đa Hoai - lúc đó Đa Hoai còn một toán Fulro. Ở đó mấy tháng, Bốn lại được điều về trực lộ 27. Chú Vũ Linh, anh Độ tin tưởng giao cho Bốn tính phương án đánh. Chú Vũ Linh dặn: “Cháu xuống đó, mọi việc làm đều phải tính toán kỹ, kể cả việc cắm chốt trong rừng, cũng phải tránh cây to để khỏi bị sét đánh...” Ông dặn dò không thiếu một thứ gì, như



một người cha dày dạn kinh nghiệm dẫn dò con trai trước khi ra trận vậy.

Ông Vũ Linh (người thứ tư hàng đứng từ trái sang) cùng đội chuyên săn và một số cơ sở của ông trong đồng bào dân tộc ít người.

Chuyên án F101 đã gắn họ với nhau không phân biệt tuổi tác, cấp bậc. Những kỷ niệm trận mạc là một phần đời không thể nào quên. Trò chuyện với chúng tôi, Đại tá Nguyễn Đức Hiệp nói: Đợt Hiệp nằm ở Btoong (Đắk Lắk) 3 tháng, ép được Tama Xuân, Broh về hàng, chú Vũ Linh qua, Hiệp dẫn ông đi tắt núi Tà Đùng về Đà Lạt. Ngay sau đó, tôi cùng chú Linh vào Păng Tiêng, Đạ nhứt. Tại đây, chúng tôi đã phối hợp với Bốn đợt nhập vào sào huyết của nhóm Fulro đầu sỏ... Lúc vô, thấy Fulro chết, Bốn định lấy chiếc võng để dùng, chú Linh đã cản lại. Sau đó, ông cho Bốn một cái võng, một cái tăng, một bi đồng... Ông rất thương Bốn vì trong trận mạc thì lì lợm, đối với đồng đội thì thương yêu, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khó khăn về mình.

Bốn tâm sự: "...chú Vũ Linh là người chỉ huy sâu sắc, hiểu được tâm tư của từng người lính. Lúc trận Xã Lát, thấy Bốn vác khẩu AK đi chú Linh gọi vào gặp dặn dò cẩn thận và bảo cháu ăn chuối rồi đi. Cảm động lắm! trên đường đi Bốn nghĩ miết: Chỉ huy nhẹ nhàng, tình cảm, thương lính tham gia trận mạc. Nên Bốn sẵn sàng nhận nhiệm vụ khó, sẵn sàng hy sinh.

Đ.T.N

Đại tá Phạm Trung Hiếu, Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và Bồi dưỡng nghiệp vụ - không tham gia chuyên án nhưng là người nghiên cứu chuyên án từ năm 1981, tiếp cận các đối tượng để lấy lời khai và nghiên cứu tiếp, kể chuyện:

LỊCH SỬ LÀ MỘT DÒNG CHẢY CÓ THỂ VIẾT THIẾU NHƯNG KHÔNG THỂ VIẾT SAI

Lê Hoa ghi

Sau giải phóng (1975), lực lượng Fulro trở dậy khá mạnh nhiều nơi trên Tây Nguyên, những vụ phục kích, bắn giết, cướp phá diễn ra gây nên nỗi kinh hoàng trong đời sống của nhân dân đáng ra phải được bình yên sau bao nhiêu năm chiến tranh đã quá nhiều cơ cực. Tháng 2/1977 – Ban bí thư ra chỉ thị số 04/CT-TW xác định “Vấn đề Fulro chủ yếu là vấn đề chính trị phải được giải quyết một cách cơ bản và lâu dài”. Bởi vậy trong khi tiến hành giải quyết vấn đề này chúng ta cần phải kết hợp cả đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị mà cốt lõi là phải thực sự chăm lo tốt đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số để tác động thuận lợi cho việc kêu gọi chồng con em họ rời bỏ hàng ngũ Fulro trở về làm ăn sinh sống với gia đình dòng tộc. Lực lượng Công an đã cùng các cấp các ngành phối hợp vận động quần chúng, đồng thời Công an triển khai các biện pháp nghiệp vụ: trinh sát, cài cắm, xây dựng

đặc tình theo dõi nắm rõ tình hình tổ chức lực lượng và các hoạt động của địch kẻ cả biết được ý đồ, tư tưởng của những kẻ cầm đầu Fulro. Một mặt dùng vũ trang truy diệt, truy bắt, một mặt gọi hàng... Trong tình thế đó, đặc tình của ta phát hiện ra ý đồ và đường dây liên lạc của Fulro tìm đường ra nước ngoài để đào tạo và tìm kiếm sự viện trợ tài chính, vũ khí của nước ngoài để tiếp tục phát triển chống phá đất nước. Sau khi nghe thượng úy Nguyễn Văn Độ báo cáo thông tin đặc tình này, đồng chí Vũ Linh lúc đó là thượng tá phó ty công an Lâm Đồng, đã hình thành ngay một phương án táo bạo, dùng trò chơi nghiệp vụ để giăng nhữn g mìn h lưới hốt gọn nhữn g kẻ cầm đầu trung ương Fulro và quân khu IV - một quân khu mạnh nhất của Fulro đứng chân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Sau khi lãnh đạo Công an tỉnh báo cáo xin ý kiến và được sự đồng ý của bí thư tỉnh ủy và lãnh đạo bộ. Chuyên án F101 hình thành (tháng 3/1979). Sau hội nghị chuyên đề về giải quyết vấn đề Fulro tổ chức tại Nha Trang do đồng chí Phạm Hùng, ủy viên Bộ chính trị, Phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (tháng 7/1980) thì chuyên án F101 do Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban (Ông Đỗ Quang Thắng), ông Vũ Linh - Phó Trưởng ty Công an làm Phó ban trực, còn có một số đồng chí lãnh đạo cục KD4 và đồng chí trưởng ty công an Lâm Đồng tham gia làm phó ban, một số sĩ quan công an tỉnh và trưởng các huyện trọng điểm tham gia thành viên, trong đó anh Nguyễn Văn Độ là một thành viên trực tiếp sát cánh cùng cụ Vũ Linh từ đầu đến cuối chuyên án này. Đối tượng chính, đối tượng quan trọng nhất cần phải tập trung bắt cho được là Naria Ya Duck đệ nhất phó thủ tướng , người có uy tín và nắm được nhiều thực quyền nhất của tổ chức Fulro lúc bấy giờ.

Chuyên án lập ra một tổ chức từ thiện quốc tế có tên là CARITAS, một tổ chức nằm trong hệ thống của

Thiên Chúa Giáo tài trợ, các thành viên của tổ chức này do một số sĩ quan Công an đóng vai, họ đã đóng rất tròn vai và thực hiện tốt kế hoạch “điều hổ ly sơn”. Trong đó thiếu úy Lâm Văn Thạnh đóng vai Ba Bình, phái viên của CARITAS trực tiếp tiếp xúc với liên lạc và các sĩ quan Fulro. Thạnh là một sĩ quan trẻ, nhanh nhẹn, thông minh, bản lĩnh và rất giỏi võ, sau khi được chọn, huấn luyện kỹ và được thử thách về nghiệp vụ của ta, Thạnh còn phải vượt qua một đợt thử thách cân não nữa của các sĩ quan Fulro thì chúng mới tin tưởng và chịu nghe theo kế hoạch “xuất dương vì cao nguyên” của CARITAS. Một người nữa đóng vai lái xe cho phái viên Ba Bình là thiếu úy Trần Hữu Phi. Phi là tài xế riêng của thượng tá Vũ Linh - một sĩ quan trẻ, hiền lành, điềm tĩnh và rất gan dạ. Chuyên án đã tiến hành giăng lưới câu nhử tất cả 8 mẻ lưới với mật danh từ X1 cho đến X8. Chuyến đầu tiên cũng gọi là mẻ lưới đầu tiên có tên X1 đón được đệ nhất phó thủ tướng Nahria Ya Duck và 9 sĩ quan tùy tùng ở cây đa bên bờ suối phía dưới Tùng Nghĩa huyện Đức Trọng. Đến chuyến thứ 7 (X7) Lâm Văn Thạnh hy sinh, Trần Hữu Phi bị bắt nhưng chạy thoát được. Vừa thoát chết, nhưng anh cũng sẵn sàng đóng thay vai của Thạnh đi đón chuyến cuối cùng, chuyến X8 thành công. Kết thúc chuyên án ta bắt được trên 60 sĩ quan cầm đầu, chỉ huy Fulro quân khu IV, quân khu V và bộ phận trung ương Fulro hoạt động ở Lâm Đồng. Trong đó cấp trung ương có 14 sĩ quan cao cấp có cả 2 tổng trưởng, 1 tổng cục quân huấn, 2 tùy viên tham mưu, trưởng khối động viên tham mưu quốc phòng, một số thành viên của bộ ngoại giao, bộ y tế xã hội... Cấp quân khu có 14 sĩ quan, cấp tỉnh có 5 sĩ quan, có cả thiếu tá tỉnh trưởng..... Kết quả trên đã làm tê liệt hệ thống tổ chức chỉ huy của Fulro ở nam Tây Nguyên, tạo thế cho tấn công chính trị toàn diện, dẫn đến xóa sổ lực lượng Fulro ở Lâm Đồng nói riêng và Tây Nguyên nói chung.



Từ trái sang: Ông Vũ Linh (người thứ tư) đưa đại tướng Võ Nguyên Giáp (người thứ ba) đi thăm bà con đồng bào ở Lâm Đồng.

Cảm nhận về cụ Vũ Linh, đại tá Hiếu nói: Ban chỉ đạo chuyên án mà linh hồn là cụ Vũ Linh hết sức bản lĩnh, trong bối cảnh cực kỳ khó khăn mà lập được phương án đánh địch một cách táo bạo và sáng tạo (kể cả người và vật chất), do quan điểm quyết tâm tấn công địch và chấp hành chủ trương của trên về giải quyết vấn đề Fulro triệt để nhằm mang lại sự bình an cho Tây Nguyên. Fulro là tổ chức rất chặt chẽ, từ ấp – xã đến trung ương. Người đứng đầu tổ chức Fulro có trình độ. Lực lượng Công an hết sức nhạy bén trong việc nắm tình hình, tư tưởng của đối phương, nghiệp vụ rất sắc mới tìm được đường dây liên lạc và thâm nhập vào tổ chức Fulro. Đánh đúng nhu cầu, tư tưởng của tổ chức Fulro đang tìm kiếm đường dây để đi nước ngoài. Ban chuyên án đã dùng trò chơi nghiệp vụ, ít hao người và công sức nhưng hiệu quả cao.

Người đi qua cuộc chiến

Khi thực hiện chuyên án ta tính toán hết sức tỉ mỉ từ chọn xe, chọn người từng chuyến một, thay đổi biển số xe, đánh điện tín và cung cấp điện tín cho nó tin, cung cấp thuốc lá ngoại, bia ngoại, bánh mì các loại quà phù hợp như là quà tặng của tổ chức từ thiện quốc tế CARITAS, chụp hình ảnh các sĩ quan Fulro đã đi chuyển trước đang vui chơi ở bãi biển hoặc khách sạn gửi vào rừng để thôi thúc chúng ra đi, rồi những lá thư của Nahria Ya Duck gửi vào chỉ đạo thuộc cấp thực hiện theo ý đồ của ta. Kể cả địa điểm đặt văn phòng của CARITAS cũng tính rất công phu, đặt ở tận Đà Nẵng để đảm bảo bí mật, để chụp ảnh giống ở bãi biển nước ngoài gửi vào rừng và để lỡ có sơ sẩy cũng không thể chạy từ Đà Nẵng vào rừng Lâm Đồng được... Tất cả đều tính toán hết sức hợp lý.

Dùng chính nghĩa để cảm hóa, làm cho họ hiểu về hậu quả của Fulro đối với đồng bào của chính họ, xu hướng, số phận của Fulro... Đây chính là vai trò chỉ đạo của ông Vũ Linh mà trước hết là ông đã cảm hóa được đệ nhất phó thủ tướng Nahria Ya Duck để Nahria Ya Duck tâm phục khẩu phục chịu hợp tác với Công an lần lượt kéo hết số sĩ quan và các nhân vật cấp cao của trung ương và các quân khu Fulro đứng chân trên địa bàn ra khỏi rừng để đi “đào tạo ở nước ngoài”.



Đại tá Phạm Trung Hiếu làm việc với các phóng viên báo chí.

Là một người chỉ huy bản lĩnh, cụ Vũ Linh còn là một lãnh đạo có nghiệp vụ sắc bén, nhạy cảm với tình hình, “biết người biết ta”. Về đời thường, đúng là con người của nghiệp tình báo rất điềm đạm, quan hệ với đồng nghiệp đúng mực, được mọi người nể phục về kiến thức và nhân cách. Đối với người trên người dưới ông đều tôn trọng và chu đáo. Mọi tình huống nghiệp vụ, ông xuất phát từ tính nhân văn, nhân nghĩa. Riêng với chuyên án F101, ông Vũ Linh đã hạn chế tổn thất lớn nhất, ông quan tâm đến đời sống, tính mạng của anh em. Với suy nghĩ, tính toán nghiệp vụ một cách đầy mưu trí, nếu không sẽ rất hao người, tốn của. Ông còn tính toán cả việc giảm tổn thất tính mạng cho Fulro. Chiến lược tâm lý cũng được ông sử dụng để thu phục Fulro quy hàng, Ngày đó, ông giao cho lính Công an dùng dao lam kẹp vào lược chải tóc cắt tóc cho Fulro, cho Fulro ăn cùng, chăm sóc chu đáo, thậm chí còn cho xe chở họ về thăm vợ... Vì vậy, Fulro hôm trước ở rừng về râu ria tua tủa, áo quần rách rưới, bẩn thỉu, nhưng chỉ mấy ngày sau là gọn gàng, sạch đẹp, thơm mát... giúp thu hẹp khoảng cách, tạo nên sự phấn khởi yên tâm xóa bỏ định kiến của họ đối với lực lượng công an những người đã giăng bẫy bắt sống mình...

Khi thuyết phục Nahria Ya Duck tham gia với Chính quyền, ông Vũ Linh có nói: Giờ ông muốn đi cùng chúng tôi hay trở vào rừng thì chúng tôi cũng sẵn sàng tạo điều kiện cho ông, ông Nahria Ya Duck không dám về nữa. Ông Vũ Linh và Ông Nguyễn Văn Độ một trợ lý đắc lực của ông Linh, là những người góp công lớn cho sự thắng lợi của Chuyên án F101. Là lịch sử mà nói như thế là không đủ, nhưng có thể viết thiếu chứ không được viết sai!

Thiếu tướng Bùi Minh Hớn kể chuyện về Đại tá Vũ Linh – bạn chiến đấu, bạn trong đời thường:

DỰ ĐỊCH, DỪNG ĐỊCH, LỢI DỤNG ĐỊCH ĐỂ ĐÁNH ĐỊCH... LÀ CHIẾN LƯỢC CỦA NGƯỜI CHỈ HUY, CỦA NHÀ TÌNH BÁO

Lê Hoa ghi

Năm 1977, tôi đi học ở Học viện Lục quân, năm 1978 về, làm tham mưu phó ở tỉnh được 1 năm. Năm 1979 bắt đầu đánh Fulro. Nói ra nguồn gốc Fulro cũng từ Mỹ, chuẩn bị hậu chiến, kích động đồng bào dân tộc thiểu số nổi dậy chống chính quyền, thành lập chính quyền Đèga, vũ khí của chúng là từ trong quân đội Sài Gòn, thực chất là từ đám tàn quân lính Sài Gòn gom lại. Ban đầu mình hơi bất ngờ, nên có tổn thất làm nhiều chiến sĩ hy sinh trong đó có đồng chí Thanh (Chỉ huy trưởng tỉnh Tuyên Đức), đó là tổn thất lớn vì thực tế trong chiến tranh chống Mỹ ác liệt lắm nhưng không có chỉ huy trưởng hy sinh. Sau đó, Quân khu điều quân vào truy đánh diệt một số, còn lại một số tên Fulro tháo chạy vào rừng ta chiếm lại vùng Đầm Ròn.

Đến năm 1981, Fulro rất mạnh, phục đường 27 bắn cán bộ, đột nhập áp cướp bóc, giết người... Lúc đó lực

lượng của tỉnh cũng lớn có đến 4-5 tiểu đoàn, truy đánh liên tục nên cũng làm cho Fulro thiệt hại. Sau đó nó đưa 1.400 thanh niên Lâm Đồng đi Đắk Lắk sang Campuchia, quân ta chặn đánh và kết hợp với Đắk Lắk không cho sang Campuchia, vừa đánh vừa gọi hàng. Công an vừa theo dõi nắm tình hình vừa tuyên truyền trong dân đánh rất nhiều trận, còn quân đội chỉ đánh những trận lớn.



Hàng thứ nhất từ trái sang: Bộ trưởng Công an Phạm Hùng (thứ ba), Bùi Minh Hón (thứ tư), Vũ Linh (thứ năm).

Lúc này ta còn dùng cả hỏa tiễn từ trực thăng bắn hỗ trợ cho bộ binh tiến lên, dùng trực thăng đổ quân xuống đánh như ở núi Gia Rip, Bi doup. Gần tới năm 90 mới giải quyết dứt vấn đề Fulro. Ban đầu tôi ở đây tham gia chỉ huy với tư cách là tham mưu phó rồi tham mưu

Người đi qua cuộc chiến

trưởng, đến năm 1984 đi học ở Học viện Cao cấp của quân đội sau đó sang Campuchia (1986) đến năm 1989 rút quân tình nguyện Việt Nam về nước.



Thiếu tướng Bùi Minh Hôn và vợ (bà Nguyễn Thị Mai)

Lúc ở Campuchia, tôi là Chỉ huy trưởng đoàn 504 Quân đội Việt Nam, sau đó về làm Chỉ huy trưởng ở Ninh Thuận 10 năm. Năm 2003 về hưu là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Lâm Đồng.

Theo dự tính và được cấp trên cho phép thì tết Mậu Thân tôi cưới vợ. Vợ tôi là con gia đình cơ sở cách mạng, từ Hà Tĩnh vào năm 1936.

Hôm đó đi công tác đến 30 tết mới về, mọi việc ở nhà anh em đã chuẩn bị cho hết rồi định 10 giờ là liên hoan đám cưới, thì 9 giờ tối ông Huỳnh Minh Nhật gọi giao nhiệm vụ đánh Đà Lạt- “coi như xong đám cưới, đâu có cưới lại”, lúc đó chỉ biết chấp hành mệnh lệnh, tất cả chuyện riêng tư gì bỏ qua hết!

Trong chiến tranh, tôi với anh Vũ Linh gắn bó mật thiết như môi với răng. Lúc đó, đánh đâu là anh Vũ Linh chỉ cho đánh, vì ông nắm tình hình ở tỉnh Tuyên Đức này như trong lòng bàn tay, mọi hành động của địch ở Đà Lạt ông nắm rất chắc. Anh Vũ Linh xây dựng lực lượng bên trong để vừa đánh địch vừa tiếp tế lương thực, thuốc men cho các đơn vị và hỗ trợ cho bộ đội. Anh Vũ Linh là người gắn bó với lực lượng vũ trang của tỉnh từ trong chiến tranh đến thời bình, là người hiền hòa, sống tình cảm, có trách nhiệm với lực lượng vũ trang, xoay sở, tạo thế cho bộ đội có ăn, có bám ở địa bàn, hỗ trợ cho bộ đội kiên trì bám trụ, bởi vì ở đây không có đường tiếp tế mà phải tự lực hết. Sâu sắc nhất là năm 1972, bà xã tôi bị địch bắn bị thương rồi bắt sống giam đến 1975 ở Đà Lạt may là thằng con trai tôi được anh em cõng chạy thoát. Tôi cứ nhờ anh Vũ Linh xác minh về trường hợp bà xã tôi. Vì bọn giặc giả giọng bà Nguyễn Thị Mai lên đài phát thanh, lên máy bay phát loa kêu gọi... (Thư viện còn đoạn băng ghi âm...) nhưng ông Vũ Linh bảo “Yên tâm, cô ấy không khai một lời”. Hồi đó, địch treo giải thưởng ai giết được ông Hớn sẽ được thưởng 20.000 USD. Sau hòa bình cũng vậy, chúng tôi vẫn gắn bó với nhau...

Tôi thoát ly tham gia cách mạng rất sớm, từ năm 13 tuổi, đánh được ít trận với Pháp rồi đi tập kết ra Bắc học văn hóa hết lớp 10, thi đậu đại học, nhưng được điều đi học trường sĩ quan, năm 1961 ra trường. Lúc đó cũng có người yêu học ở Hà Nội, học xong cô ấy lên khu gang thép Thái Nguyên thì năm 1962 tôi vào Nam, chúng tôi chia tay nhau ở ga Hàng Cỏ không hẹn ngày về.

Vào Nam, tôi về Sư đoàn 33, tiểu đoàn 36 vào miền Đông Nam bộ, đến Đắk Lắk, xuống Tuyên Đức ở đại đội 143. Tôi và anh Linh gặp nhau và cùng phối hợp với nhau trong công tác từ năm 1969 đến kết thúc vấn đề

Người đi qua cuộc chiến

Fulro. Năm 1971, anh Vũ Linh tham gia thường trực thị ủy Đà Lạt vừa phụ trách tình báo an ninh, đứng chân trong căn cứ ở khu rừng sau hồ Tuyền Lâm bây giờ.



Họ là những đồng chí gắn bó sống chết với nhau trong chiến đấu và là những người bạn chí tình trong đời thường.

Trong ảnh từ trái sang, gồm các ông: Lê Phụng (trung tá công an), Bùi Minh Hón (trung tá quân đội), Nguyễn Thông (thượng tá quân đội), Vũ Linh (thượng tá công an).

Cái nghề của anh Linh là dụ địch, dùng địch, lợi dụng địch để đánh địch ... đó là chiến lược, là sách lược của người chỉ huy, của người làm nghề tình báo, chứ không phải như một số người dựng chuyện không đầu, làm rối nội bộ. Để rồi tự mình đánh mình...làm thiệt hại đến sự nghiệp chung của cách mạng.

L.H

CUỘC TRÙNG PHÙNG CỦA “ĐỆ NHẤT” FULRO VÀ HUỖN THOẠI F 101

❖ Hùng Phiên

Từng là những nhân vật đối đầu khốc liệt giữa hai chiến tuyến, họ đã trở thành bạn tri âm. “Hùm xám Tây Nguyên” đã rưng rưng ôm chặt vị Đại tá lão thành từng phụ trách chuyên án bắt sống mình...

ÂN NHÂN CỦA “PHÓ THỦ TƯỞNG”

Chiều tháng tám, chuyến xe của Bộ Công an đưa một người đàn ông cao lớn “như Tây” về xóm Lắm, thôn Phụng Tường, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa (Phú Yên). Nhân vật lần đầu về đây là ông Nahria Ya Duck (76 tuổi) đương nhiệm đại biểu Quốc hội khóa XIII, Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng. Đặc biệt, ông Nahria Ya Duck từng là Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro (phụ trách nội chính và ngoại giao) - một thời được mệnh danh là “hùm xám Tây Nguyên” quyết liệt chống phá cách mạng.

Người mà ông Nahria Ya Duck hết sức nóng lòng gặp lại là cụ Vũ Linh (tên thật Nguyễn Trọng Cảnh, 90

tuổi) - dân xóm Lầm hay gọi là ông Ba Nghiêm, cụ già tóc trắng như cước, đi lại bằng chiếc xe lăn sau cơn bệnh tai biến cách đây 2 năm. Người trong xóm chẳng mấy ai biết ông Vũ Linh chính là một huyền thoại của ngành công an Việt Nam, một trong 5 người đầu tiên của Phú Yên được tuyển chọn đào tạo tình báo tại miền Bắc cách đây hơn nửa thế kỷ. Một thời vào sinh ra tử, Đại tá Vũ Linh nguyên là Phó trực Ban chuyên án F101 - chuyên án trực tiếp giảng bẫy bắt sống và dụ hàng “Phó thủ tướng” Nahria Ya Duck, quyết định việc giải giáp lực lượng Fulro ở Tây Nguyên sau ngày đất nước giải phóng.

Theo Đại tá Nguyễn Đức Hiệp - nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng, cuộc đời cống hiến của cụ Vũ Linh thực sự là một huyền thoại. Năm 1953, Nguyễn Trọng Cảnh (Vũ Linh) lưu luyến chia tay mẹ già, vợ trẻ, con thơ để lên đường ra Bắc dự khóa huấn luyện tình báo. Sau đó ông được cử về chiến trường Nam Tây Nguyên, hoạt động trong Tổ Điệp báo công an. Sau ngày đất nước giải phóng, ông Vũ Linh giữ trọng trách Giám đốc Công an Lâm Đồng, Trưởng Ban tham mưu giải quyết vấn đề Fulro, đóng góp đặc lực trong hòa giải các sắc tộc Tây Nguyên. Chiến công của ông Vũ Linh và đồng đội đã làm rung động biết bao người, là niềm cảm hứng cho Xưởng phim truyện Trung ương thực hiện bộ phim “Cao nguyên F101”. Người hùng một thời, giờ đây đang sống bình an nơi quê nhà với người vợ (bà Nguyễn Thị Diễm) mấy mươi năm kiên trì nuôi con, đợi chồng...

Trên chuyến xe từ Lâm Đồng xuống Phú Yên, ông Ya Duck luôn rưng rưng hai chữ “ân nhân” khi nói về cụ Vũ Linh: “Không có anh Linh thì không có tôi ngày hôm nay. Chính bản lĩnh, trí tuệ và lòng nhân ái của anh Linh đã thuyết phục tôi rời bỏ “quyền lực đen”, đứng ra kêu gọi giải tán lực lượng Fulro. Sức cảm hóa của con người anh

Linh thật kỳ lạ! Bởi lúc đó, tôi không dễ từ bỏ quyền lực “đầy mình”, đâu dễ nhận ra mình đã làm đường lạc lối mà trở về với buôn làng. Trong những ngày đầu tôi bị bắt, anh Linh đã tận tình động viên, giúp gia đình tôi không biết bao nhiêu việc. Rồi anh vận động tôi tham gia công tác mặt trận. Tôi rất bất ngờ trước sự tin cậy của anh đối với một trùm Fulro lúc ấy như tôi. Ân nghĩa này, gia đình tôi mãi mãi tạc dạ. Bận rộn đủ chuyện nhưng tôi phải về thăm bạn già, bởi nghe sức khỏe anh yếu lắm rồi...”.

Phút gặp lại, không kiềm được xúc động, ông Nahria Ya Duck như muốn bế bổng cụ Vũ Linh lên, rồi gượng nhẹ ôm chầm, vì ngại ảnh hưởng đến sức khỏe người bị bệnh tai biến...

Anh Nguyễn Trọng Hoàng - con trai cụ Vũ Linh - (nguyên Giám đốc Sở Thông tin truyền thông Lâm Đồng) nói: “Trên thế giới này, thật hiếm có một tình bạn như giữa ba tôi và ông Nahria Ya Duck. Cả hai đều cấp hàm đại tá, từng ở hai đầu chiến tuyến sống mái với nhau, rồi trở thành tri kỷ. Nay đã cao niên mà hai ông cứ nhắc hoài về những kỷ niệm ngày đầu gặp gỡ, luôn quan tâm đến từng chuyện nhỏ của gia đình nhau”.

TÀM VÓC MỘT CHUYỆN ÁN

Theo tài liệu của Tỉnh ủy Lâm Đồng, F101 là chuyên án quan trọng và nổi tiếng nhất trong hàng loạt chuyên án đấu tranh với Fulro rông rã 17 năm trời (1975 - 1992) trên đất Tây Nguyên; Trưởng ban chuyên án F101 lúc ấy là Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng. Giai đoạn đó, Thủ tướng Fulro là Y Djaio Niê đang bám gót nhờ cậy Pôn Pốt để tìm đường sang nước thứ ba, còn Đệ nhất Phó thủ tướng Paul Yuh bị mất uy tín, thế nên Đệ nhất Phó thủ tướng Nahria Ya Duck dần dần thu tóm quyền lực. Sào

Người đi qua cuộc chiến

huyết của trung ương Fulro từ Đắc Lắc được dời về Lâm Đồng, đặt đại bản doanh trên dãy núi Bidoup. Khi ấy, Ya Duck lúc nào cũng có hàng chục cận vệ với súng ống lăm lăm.



Ông Nahria Ya Duck về Tuy Hòa thăm vị ân nhân của mình - đại tá tình báo Vũ Linh. Hai người từng đối đầu một mắt một còn với nhau từ hai chiến tuyến, một đại tá giám đốc công an và một đại tá đệ nhất Phó thủ tướng Fulro.

Trước tình thế đó, ông Vũ Linh cùng chuyên án F101 vạch phương án để dụ “hùm xám” rời hang. Giữa năm 1980, nguồn tin trình sát cho hay, mâu thuẫn giữa “Đệ nhất” và “Đệ nhị” đang vô cùng gay gắt. Trong lúc, nguồn viện trợ cho Fulro ngày càng giảm sút. Từ việc thu được thư liên lạc của Nahria Ya Duck với một đường dây đưa nhóm Fulro thân tín ra nước ngoài, ban chuyên án đã dày công tổ chức đón lõng và bắt được “hùm xám đệ nhất”. Ông Vũ Linh và các đồng sự đã trực tiếp thuyết phục được Ya Duck hợp tác thực hiện chuyên án nghiệp

vụ bắt sống được hầu hết trung ương Fulro và tư lệnh các quân khu, các tỉnh trưởng, quận trưởng rồi thuyết phục họ tiếp tục hợp tác bằng cách viết thư gọi hàng, đã đưa hàng ngàn binh sĩ Fulro ra khỏi rừng.

Đại tá Nguyễn Đức Hiệp kể, thủ trưởng Vũ Linh luôn xác định, lực lượng Fulro là những con người từ đồng bào các dân tộc thiểu số, là người dân nước Việt cả; thế nên không tập trung đánh diệt mà phải mạnh dạn lập phương án bắt sống, cố gắng tác động lôi kéo họ về với buôn làng, ông thường nói đùa với anh em rằng “chúng ta cùng thực hiện trò chơi nghiệp vụ”, điều đó đã làm anh em cảm thấy hứng thú và hăng hái vào cuộc bắt chấp hiểm nguy. Ông Vũ Linh luôn dặn dò anh em công an, Fulro là sự “lạc lối, bị lôi kéo” của một bộ phận đồng bào, công an phải bám dân vận động, giúp bà con ổn định làm ăn; tuyệt đối không được làm mất lòng tin của dân. “Chú Vũ Linh là một chiến binh lão luyện, có cái tầm của một nhà tình báo chiến lược. Chú luôn đặt trách nhiệm với Tổ quốc, với nhân dân lên hàng đầu, sức hút của tài năng và lòng vị tha trong con người chú thật tuyệt vời. Điều đó đã giúp chú làm nên những kỳ tích cho đất nước”, Đại tá Hiệp nói.

Những năm chống Fulro, ông Vũ Linh thường xuyên thâm nhập những địa bàn vùng sâu, phức tạp. Trong đó, “căng” nhất là các thôn buôn khác có nhiều thanh niên bị Fulro bí mật lôi kéo ra rừng để đi Campuchia đào tạo. Ông đã trực tiếp cùng nhiều anh em công an tỏa đi khắp nơi để thuyết phục, gọi hàng rất nhiều người tham gia Fulro. Trong chuyên án F101, ông Vũ Linh và đồng đội đã thực hiện xuyên suốt phương châm “sử dụng địch để thuyết phục, lôi kéo địch trở về”. Sau khi giăng bẫy bắt được “hùm xám Tây nguyên”, Thời điểm đó, đất nước còn lắm khó khăn, ông Vũ Linh vẫn thề đăi các thủ lĩnh Fulro và vợ con họ rất trang trọng.

ông đã khéo léo dụ hàng đệ nhất phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck, thu phục hầu hết các sĩ quan từ trung ương đến các PC và bóc gỡ trên 600 cơ sở Fulro.

Chính ông Nahria Ya Duck nhìn nhận, F101 là chuyên án “đề đời” về nhiều khía cạnh. Rõ ràng, sớm muộn gì lực lượng Fulro lúc đó cũng bị triệt phá. Thế nhưng sự mưu trí và sức cảm hóa của những cán bộ an ninh như cụ Vũ Linh, giảm thiểu xương máu cho cả đôi bên, rút ngắn thời gian hòa giải lòng người - sắc tộc. “Một chuyên án của tình người, tình đời, góp phần xóa bỏ hận thù bị kích động dai dẳng. Thực sự là một cuộc hòa giải đón đau nhưng tràn đầy nghĩa khí của những người anh em một nhà. Bài học về hòa hợp dân tộc vẫn còn nguyên giá trị với Tây Nguyên hiện nay”, ông Nahria Ya Duck kết chuyện.

H.P

(Nguồn: Bài “Nông nghiệp Nông thôn ngày nay”, ra ngày 2/9/2015)

VỀ THĂM NGƯỜI ANH KẾT NGHĨA

❖ Võ Khắc Dũng

Buổi chiều ở Phú Yên, nắng vàng ươm trên cánh đồng lúa của huyện Phú Hòa. Trong một căn nhà nhỏ cách Thành phố Tuy Hòa khoảng 7 cây số dưới chân núi Sầm thuộc thôn Phụng Tường, xã Hòa Trị (huyện Phú Hòa), cuộc gặp “đặc biệt” giữa hai con người đã diễn ra trong không khí vô cùng ấm áp, cảm động. Họ từng ở hai chiến tuyến quay hòng súng vào nhau; nhưng sau đó là bạn, là anh em kết nghĩa.

Một người quê ở Phú Yên, có nhiều năm công tác ở Lâm Đồng. Còn người kia là “đứa con của buôn làng Tây Nguyên” thuộc Nam Tây Nguyên - Lâm Đồng. Người thứ nhất là đại tá Vũ Linh, nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng. Còn người thứ hai là Nahria Ya Duck, Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, đại biểu Quốc hội, nguyên đại tá Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro.

Tôi thuộc lớp con cháu nhưng may mắn là được quen với cả hai người thuộc lớp cha chú ấy từ khá lâu nên việc tiếp xúc với họ giống như người trong nhà. Cụ

Vũ Linh năm nay đã chín mươi tuổi. Còn ông Nahria Ya Duck, tuổi cũng đã bảy sáu rồi.

VỀ PHÚ YÊN THĂM CỤ VŨ LINH

Hai năm nay, cụ Vũ Linh lại trở về nơi cụ từ đó ra đi làm cách mạng là xã Hòa Trị để an dưỡng tuổi già. Nhưng không may cho cụ là cách đây hơn một năm, một cơn tai biến xảy ra khiến cụ gần như bị liệt nửa người bên trái nên việc đi lại, sinh hoạt khá khó khăn. Bởi vậy, chỉ trong vòng chưa đến một tháng gần đây, anh Nguyễn Trọng Hoàng, con trai cả cụ Vũ Linh, đã hai lần từ Đà Lạt, Lâm Đồng (anh Nguyễn Trọng Hoàng hiện đã về hưu và sống tại Đà Lạt) tự lái xe vượt đường dài về thăm cha. Cả hai lần, tôi và một số anh em báo chí và cán bộ của tỉnh Lâm Đồng may mắn tháp tùng anh về thăm cụ. Đặc biệt là ở lần thứ hai về Phú Yên của anh Trọng Hoàng còn có cả ông Nahria Ya Duck - người em kết nghĩa của đại tá Vũ Linh, người từng đứng bên kia chiến tuyến.

Cuộc gặp lại của hai con người từng ở hai chiến tuyến này tại Phú Yên thật cảm động. Buổi gặp “đặc biệt” giữa một nhà tình báo của Công an Việt Nam - đại tá Vũ Linh, với một người từng trải và dạn dày kinh nghiệm sống là nguyên Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck trước sự chứng kiến của một số cơ quan báo chí Phú Yên ở một miền quê lúa yên bình, tuy không quá trịnh trọng nhưng không kém phần long trọng. Đại biểu Quốc hội Nahria Ya Duck lần đầu tiên về thăm người anh kết nghĩa của mình tại Phú Yên nên tỏ ra khá xúc động. Được báo trước rằng có ông Nahria Ya Duck, một nhân

vật đặc biệt về tận nhà ở quê để thăm, nên cụ Vũ Linh rất vui và bồi ngùi cảm động. Buổi chiều, nắng trên cánh đồng lúa đang thì con gái dưới chân núi Sầm bỗng nhiên hòa đến lạ. Chứng kiến cuộc hội ngộ giữa hai nhân vật khá đặc biệt này, lớp hậu thế chúng tôi cũng ngập tràn bao cảm xúc. Ngay cả anh Trọng Hoàng cũng không giấu được nỗi lòng của mình: “Đây là lần đầu tiên hai ông gặp lại nhau ở Phú Yên. Hôm qua, tôi điện thoại về nhà báo rằng có ông Nahria Ya Duck về thăm, ba tôi bất ngờ lắm. Cụ nói ít, nhưng tôi hiểu tâm trạng của cụ... Cụ mong, mong lắm...”. Cụ Vũ Linh không thể ra tận ngõ đón người em kết nghĩa của mình được, vì cụ bị tai biến. Người nhà bố trí cụ ngồi trên chiếc ghế nệm phía trong nhà, ngay cửa ra vào. Xe chạm cổng, anh Hoàng bước xuống đi trước, tiếp sau là ông Nahria Ya Duck. Đến cửa, anh Hoàng lên tiếng: “Ông Nahria Ya Duck về thăm ba đây này!”. Cụ Vũ Linh có lẽ không nghe rõ con trai mình nói gì nhưng ánh mắt ông nhìn về phía nhân vật đi cạnh con trai đã hiểu rõ anh nói gì. Thoáng vài giây ngỡ ngàng, ông Nahria Ya Duck bước đến bậc cửa và ôm chặt người anh kết nghĩa: “Ồi, cụ ơi... Trời ơi...”. Cụ Vũ Linh vỗ vỗ vào lưng ông Ya Duck. Cả hai đều đang nén những giọt nước mắt. Vì, họ là đàn ông; hơn thế, trước anh em báo chí họ còn là hai nhân vật quan trọng trong cuộc đối đầu giữa chính quyền cách mạng với Fulro trước đây ở Tây Nguyên.

Một đồng nghiệp trẻ của tôi ở Phú Yên tỏ ra bất ngờ thú vị: “Bác Nahria Ya Duck từng là Phó thủ tướng thứ nhất của Fulro là đây đấy hả? Thấy bác ấy hiền lành quá mà...”. Tôi nói: “Bác ấy hiện là Phó chủ tịch Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, là đại biểu Quốc hội khóa XIII hiện nay và cũng là đại biểu Quốc hội khóa XII vừa rồi đấy!”. Nhìn chiếc xe ô-tô biển số 80 vừa đưa đoàn chúng tôi từ Đà Lạt về Phú Yên, đồng nghiệp trẻ hỏi: “Mấy anh đi xe của Bộ?”. Tôi trả lời: “Anh Trọng Hoàng liên hệ với bên công an. Bên ấy họ cho mượn xe đưa “tài sản quốc gia” đi về Phú Yên đấy!”. Lúc còn ngồi trên xe, mấy anh em nói nửa đùa nửa thật với ông Nahria Ya Duck: “Tụi em phải nhờ xe của bộ đưa anh đi. Vì anh là tài sản quốc gia mà. Nếu đưa anh đi bằng xe khác, rủi có chuyện gì, biết chịu trách nhiệm như thế nào...”. Ông Nahria Ya Duck cười: “Trước hết, mình là công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chứ. Để được như ngày hôm nay, mình rất biết ơn cứu mạng và cảm hóa của cụ Vũ Linh”.

V.K.D

RA ĐI TỪ ẤY

❖ Khắc Dững

Cách nay hơn hai mươi năm, để thu thập tư liệu cho một bài báo, tôi đã tìm đến nhà ông Vũ Linh trên đường Trần Quý Cáp, Thành phố Đà Lạt. Ông điềm đạm, từ tốn tiếp kẻ hậu thế: “Chuyện về Fulro thì có nhiều điều để nói lắm. Nhưng trước tiên, cháu muốn nghe về điều gì nhất của Fulro?”. Tôi không vòng vo: “Thưa bác, cháu có quen biết với ông Nahria Ya Duck. Cháu muốn tìm hiểu về mối quan hệ giữa bác với ông ấy”.

Năm ấy, cụ Vũ Linh tuổi đã quá lục tuần nhưng cái chất của một nhà tình báo vẫn còn nguyên vẹn trong con người ông: “Cháu hiểu Fulro như thế nào? Thức ấy nó có giống như Pháp, Mỹ không?”. Tôi né tránh câu hỏi của ông: “Thưa bác, có một thời chúng ta chủ trương trấn áp đối tượng phản cách mạng...?”. Cụ Vũ Linh lại cười hiền: “Về phương pháp thì có thể lúc này, lúc khác, tùy theo tình hình thực tế. Điều quan trọng hơn là ta phải hiểu bản chất của vấn đề...”. Nghe ông nói, tôi... buông bút và quay sang chuyện không dính dáng gì đến đề tài của bài báo: “Thưa bác, bác chắc là quê ở miền Trung, nhưng mà ở đâu ạ?”. Ông chuyển đổi cách xưng hô: “Mình quê miền Trung là đúng rồi, chính xác hơn là ở Phú Yên... Còn cậu chắc cũng miền Trung, giọng nói này có lẽ là dân Bình

Định phải không?”. “Dạ thưa, cháu dân Bình Định...”. Ông cười, vẫn nụ cười hiền, và nụ cười ấy giúp tôi phần nào xóa đi khoảng cách...



Đại tá Vũ Linh và vợ - bà Nguyễn Thị Điểm trong ngày lễ mừng thọ 80 tuổi của ông.

Về sau, khi quen biết và tiếp xúc nhiều với anh Nguyễn Trọng Hoàng, tôi càng có dịp hiểu thêm về ông - vị sĩ quan tình báo rất nổi tiếng của Công an Việt Nam.

Ngày ông ra Bắc, đưa con trai đầu (là anh Nguyễn Trọng Hoàng) chỉ mới 3 tuổi, còn đưa con trai thứ hai chưa đầy một tuổi. Từ chiến khu Việt Bắc, nhà tình báo Vũ Linh là một trong số những cán bộ an ninh về tiếp

quản Hà Nội vào năm 1954. Sau khi về Hà Nội và tiếp tục được đào tạo, năm 1964, người sĩ quan an ninh Vũ Linh (tự Tư Vũ) được đưa trở lại miền Nam, biên chế trong Tổ Địch báo trực thuộc Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đứng chân ở chiến trường Nam Tây Nguyên - Lâm Đồng (còn gọi là Tổ Địch báo A2). Tại chiến trường Nam Tây Nguyên những năm trước 1975, Vũ Linh là một sĩ quan an ninh hoạt động rất hiệu quả. Từ tổ phó, Vũ Linh được đề bạt làm Tổ trưởng Tổ A2. Sau 1975, vấn đề Fulro trở nên nổi cộm khắp vùng Tây Nguyên. Chuyên án giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên mang tên “F101” được lập; Trưởng ban chuyên án là đồng chí Đỗ Quang Thắng bí thư tỉnh ủy - đại tá Vũ Linh - được giao trọng trách Phó ban trực của chuyên án, người trực tiếp “cầm quân”. Lúc này, nhà tình báo Vũ Linh là thượng tá Phó ty Công an rồi sau đó là đại tá Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.

Cuộc chạm trán giữa một nhà tình báo dày dạn kinh nghiệm Vũ Linh với một lãnh đạo cao cấp của lực lượng Fulro rất từng trải Nahria Ya Duck đã thực sự bắt đầu. Cũng từ đây, cuộc chiến có tính chất cân não giữa hai con người này luôn ở đỉnh cao của những trận đấu trí căng thẳng!

TRONG LÒNG NGƯỜI THÂN

Lần thứ hai về Phú Yên thăm cụ Vũ Linh, chúng tôi có khá nhiều thời gian để nói chuyện với cụ. Tuy nhiên, trong chuyến thăm này, vì người em kết nghĩa của cụ - ông Nahria Ya Duck là nhân vật quan trọng nhất nên anh Trọng Hoàng và cả chúng tôi đều có ý tứ tạo điều kiện cho hai người bạn từng ở trên hai trận tuyến này tâm sự

với nhau. Hôm sau, khi đã gần trưa, nhận thấy cụ Vũ Linh đã thấm mệt, tôi nói nhỏ vào tai ông Nahria Ya Duck: “Sang phòng bên này, anh em mình uống ly trà!”.

Phòng bên, cụ bà Nguyễn Thị Diễm (“hòn vọng phu” của cụ Vũ Linh) đang pha trà. Tôi hỏi cụ bà: “Hồi ở Lâm Đồng, bác có biết ông này chớ?”. Cụ Diễm nói ngay: “Tui lạ gì! Ông là Phó thủ tướng Fulro mà. Năm ấy, tui cứ phải nấu cháo gà, cháo vịt..., tối tối lại mang lên phòng cho mấy ông theo “lệnh” của ông nhà tui. Tui biết chớ...”. Rồi cụ bà Nguyễn Thị Diễm bỗng nhớ lại: “Cả đời, mãi cứ nuôi con, ngóng chồng; rồi phục vụ ông ấy hết đận này đến đận khác... Khổ lắm, nhưng mà tui tự hào về ông dữ lắm...”. Bà cười, nụ cười cũng rất hiền: “Năm ông nhà ra Bắc, tui chỉ mới hai mươi ba tuổi, cứ vậy mà thân cò lặn lội ngóng chờ. Rồi, hai đứa nhỏ đến khi lớn, đủ lông đủ cánh, tui nó cũng đi hết. Đứa thì ra Bắc. Đứa thì lên Đà Lạt học, hoạt động phong trào... Tui chỉ một mình ở nhà thui thủi...”. Ấy là sau năm Mậu Thân 1968, người em kế (cũng là em út) của anh Nguyễn Trọng Hoàng là Nguyễn Trọng Cừu thoát ly vào rừng rồi lặn ra Bắc để tìm cha, mặc dầu trong ký ức tuổi thơ của anh, hình ảnh người cha chỉ là sự tưởng tượng qua lời kể của mẹ là “người đi chinh chiến vì quê nhà” mà thôi.

Hôm gặp anh Cừu (dịp vợ chồng anh từ Thành phố Hồ Chí Minh về Phú Yên), tôi không mấy khó khăn để nhận ra cái tính khí âm ào ruột ngựa nhưng rất chân tình và cũng hết sức nhân bản như cụ Vũ Linh của anh: “Ngày còn nhỏ, tôi làm gì biết cha mình là người cụ thể như thế nào đâu. Nhưng, cứ nhìn cái tấm ảnh hoen ố mà má tôi thỉnh thoảng lén giở ra cho tôi và anh Hoàng xem là đủ để thấy hãnh diện về người cha “chinh chiến” của mình rồi! Tôi bị ảnh hưởng từ mẹ nhiều lắm. Bà “nằm lòng” *Chinh phụ ngâm*, trong tôi ngày ấy, ba là người “Hành nhân

trọng pháp khinh binh liệt” hết sức lộng lẫy, oai phong theo kiểu “Quân xuyên trang phục hồng như hà/ Quân kỵ kiêu mã bạch như tuyết”. Bởi vậy, ngày ra rừng sau Mậu Thân (anh Cừu đi năm 1969 - PV), tôi nghĩ nếu được ở lại cầm súng chiến đấu như nhiều người thì đó cũng là ý thích của tôi, nhưng tôi không được phép làm theo ý mình, nên phải lội ra Bắc, mà thôi thì ra Bắc nếu tìm gặp được ông già thì cũng hay, mặc dầu lúc ấy thú thật tôi cũng chưa hiểu gì về miền Bắc”.

Cụ bà Nguyễn Thị Diễm nhìn ông Ya Duck và kể một câu chuyện hoàn toàn mới đối với nguyên Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro: “Ông biết không, hồi đó, ông nhà tui ra đi; rồi kế tiếp, hai thằng nhỏ cũng đi... Ở lại một mình, tui gom lúa gạo, thuốc men, tiền bạc... tiếp tế cho cách mạng. Chuyện nhà, chuyện cách mạng... Rồi sau giải phóng, tui lên Đà Lạt để đoàn tụ, gặp ngay chuyện Fulro. Tui có biết Fulro là gì đâu, nhưng ông nhà bảo gì là tui làm nấy. Tui tin ông mà, tin lắm... Ông là con người hết sức nhân hậu!”. Nghe từ “nhân hậu” được thốt lên từ một người phụ nữ chân chất quê mùa như cụ bà Nguyễn Thị Diễm, tôi hiểu được sức mạnh và khả năng thuyết phục của nó trong con người đại tá Vũ Linh.

Buổi chiều hôm trước, khi ngồi trước ống kính truyền hình và ống kính máy ảnh báo chí, nhân vật “tài sản quốc gia” Nahria Ya Duck - Phó chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, đại biểu Quốc hội khóa XIII và nguyên Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro - có đôi lúc cứ phải đang trả lời bỗng lặng im phăng phắc khiến cho “máy không thể tiếp tục hoạt động”. Lần đầu tiên, ông Ya Duck về Phú Yên thăm người anh em kết nghĩa nên cảm xúc cứ dâng trào là vậy...

K.D (Nguồn: Báo Phú Yên Thứ Ba, 08/09/2015)

MỘT CON NGƯỜI NHÂN HẬU

❖ Khắc Dũng

Đại tá Vũ Linh đã đi qua ba cuộc chiến - chống Pháp, chống Mỹ và sau này là cuộc chiến chống Fulro. Ở cuộc chiến nào và trên bất kỳ trận tuyến nào, ông cũng đều đặt sự nhân hậu lên hàng đầu. Ông có câu nói khá nổi tiếng: “Ở đời, nợ gì cũng trả được, nhưng nợ máu thì khó trả lắm. Bởi vậy, chúng ta, nhất là người làm cách mạng, cần tránh hiếu sát!”.

Một học viên trường an ninh nói với tôi: “Trong trường, Chuyên án F101 giải quyết vấn đề Fulro Tây Nguyên với vai trò đặc biệt của cụ Vũ Linh được dạy đến 60 tiết. Trong 60 tiết ấy, chúng tôi cứ ngồi há hốc mồm mà nuốt từng lời của giảng viên. 60 tiết mà vẫn cứ thòm thèm! Và, cái “trực” của 60 tiết ấy chính là sự nhân hậu, là việc lấy vận động như chủ trương của Đảng ta trong giải quyết vấn đề Fulro làm chính!”.

CUỘC ĐỔI ĐẦU LỊCH SỬ

Sau năm 1975, trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên (và cả vùng núi của một số tỉnh lân cận như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...) nổi lên vấn đề Fulro. Sau một vài năm có thể nói là “xử lý tạm thời”, đến năm 1979, một

chuyên án mang mật danh “F101” nhằm giải quyết triệt để vấn đề Fulro đã được thiết lập. Trong chuyên án này, Công an tỉnh Lâm Đồng đóng vai trò chủ chốt. Ông Vũ Linh lúc đó là Phó giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng được giao nhiệm vụ Phó ban Chuyên án trực; sau đó, khi lên làm Giám đốc Công an tỉnh, ông tiếp tục được giao nhiệm vụ Phó ban trực cho đến khi kết thúc Chuyên án F101.

Hôm trước khi về Phú Yên thăm cụ Vũ Linh, tôi và một số đồng nghiệp đã tìm đến nhà ông Nguyễn Văn Độ - một sĩ quan (lúc triển khai Chuyên án F101 là trung úy) chuyên về lĩnh vực chống gián điệp và là chuyên trách về chống Fulro, sau đó là Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng mang hàm đại tá, hiện đã nghỉ hưu. Ông Nguyễn Văn Độ nhớ lại: “Trong hai năm 1979-1980, khi ta bắt đầu triển khai Chuyên án F101 thì Thủ tướng Fulro lúc bấy giờ là Y Ghok Niê Kdăm đang ở Campuchia, dựa lưng Pôn Pốt để tìm đường ra nước ngoài - sang nước thứ ba; mọi công việc trong nước của Trung ương Fulro đều do Đệ nhất Phó thủ tướng Naria Ya Duck điều hành. Lúc đó, về lý thuyết, điều hành Trung ương Fulro còn có Paul Yuh, một người Ê Đê ở phía bắc Tây Nguyên, là Đệ nhị Phó thủ tướng Fulro, phụ trách an ninh - quốc phòng. Tuy nhiên, theo nguồn tin của trinh sát báo về thì mọi việc của Trung ương Fulro đều nằm trong tay Naria Ya Duck, bởi không những vị trí, vai trò của ông lớn hơn (là Đệ nhất Phó thủ tướng phụ trách chính trị - ngoại giao) mà uy tín và cả thực lực quân sự của ông cũng cao hơn nhiều so với Đệ nhị Phó thủ tướng Paul Yuh. Bởi vậy, khi triển khai chuyên án mang mật danh Cao nguyên F101, ta xác định Naria Ya Duck là mục tiêu cao nhất”.



Nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng Vũ Linh (ngoài cùng bên phải) trong giờ giải lao tại một kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng.

Một lần ở nhà anh Ya Duck, tôi nhận ra ông lắng giọng khi nhớ lại chuyện cũ: “Ngày ấy, nói gì thì nói, tôi đường đường là một thủ lĩnh Fulro. Dưới góc độ khác, tôi là người hết lòng yêu thương buôn làng và dấu sao thì cũng là người đã chọn cho mình một con đường để phấn đấu cho lý tưởng

Tây Nguyên, là giải phóng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, đầu sau này tôi biết rằng con đường mà mình chọn là sai, nên việc thuyết phục tôi không dễ dàng đâu! Nhưng rồi, bằng chính tấm lòng của anh Vũ Linh, chính từ sự khoan hồng và bao dung của những người mà tôi từng xem là đối thủ của mình, tôi đã nhận ra nhiều điều...”. Thật vậy, hôm ở nhà ông Nguyễn Văn Độ, tôi nghe ông kể lại: “Những ngày đầu tiên đưa ông Nahria Ya Duck cùng 9 thuộc hạ về theo chiến dịch câu nhử “hùm xám” ra khỏi hang, tại biệt thự Đồi Tân (nhà khách Công an Lâm Đồng) vào giữa tháng 8/1980, ta tốn rất nhiều công sức mới thuyết phục được ông ấy. Ban đầu, ông ấy bảo: “Tôi bây giờ đã trong tay các ông, các ông muốn xử sao tôi cũng chấp nhận, kể cả xử tử”. Lúc ấy, ông Ya Duck tự xem mình là một tù binh của cộng sản. Rồi, ông Ya Duck nói tiếp: “Nhưng, các ông bắt tôi phản bội đồng đội, phản lại đồng tộc của mình thì không bao giờ...”. Nhớ lại chuyện này, nguyên Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck nói: “Những ngày đầu “rơi vào tay cộng sản”, chuyện bất hợp tác của tôi suy cho cùng cũng là điều không quá khó hiểu. Trong những ngày đầu ấy, thậm chí có lúc tôi còn... tranh luận với cả ông Vũ Linh. Tôi nói với ông công an thường có nụ cười thâm thúy ấy rằng: “Fulro là con đường do tôi tự chọn. Con đường ấy có thể đúng, có thể sai; nhưng, điều mà tôi muốn nhấn mạnh đó là, con đường mà tôi chọn vẫn nhằm đi đến mục đích cuối cùng là giải phóng các dân tộc Tây Nguyên, để mang lại cơm no áo ấm cho bà con. Như vậy, ngay từ lúc gia nhập hàng ngũ Fulro hồi nửa cuối năm 60 thế kỷ trước, tôi tự cho mình cũng là người làm cách mạng, nhưng theo cách của tôi”.

KHI NHÂN ÁI ĐƯỢC ĐỀ CAO

Cụ Vũ Linh nhớ lại: “Nghe Ya Duck “triết lý”, tôi chỉ cười thôi chứ không muốn tranh luận. Vì thú thật, tôi “nghiên cứu” ông ấy khá kỹ nên hiểu khá kỹ về vị Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro gốc người Churu Lâm Đồng này. Và cũng thú thật là tôi rất tôn trọng tấm lòng yêu thương của ông ấy đối với đồng tộc của mình, đối với Tây Nguyên...”. Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck cũng nhớ lại: “Các vị biết không, lúc “liều” tranh luận với cụ Vũ Linh điều này, tôi cứ tưởng sẽ nhận được một cái đập bàn nảy lửa; nhưng vị cán bộ công an “bên kia chiến tuyến” của tôi vẫn điềm tĩnh mỉm cười và giải thích: “Xét trên một phương diện nào đó thì nó là cách mạng, nhưng con đường mà anh chọn là sai rồi, anh Ya Duck à... Vẫn có con đường khác để anh làm cách mạng, đó là con đường hợp tác với chúng tôi để đưa anh em Fulro lầm đường đang trong rừng sâu đói khát trở về với buôn làng, với đồng tộc, để xây dựng cuộc sống mới...”. Và thú thật, tôi đã rất bất ngờ...”.

Nghe hai người từng ở hai chiến tuyến “đốc ruột gan” sau chuyện xảy ra đã mấy mươi năm, tôi hiểu ra vì sao một ông tình báo cộng sản đã khiến một ông thủ lĩnh lực lượng Fulro từng làm mưa làm gió nơi đại ngàn một thuở tâm phục khẩu phục! Và, phần nào đó tôi cũng hiểu được vì sao hai kẻ đối địch ấy về sau trở thành “người anh em” chung một nhà như hai ông vẫn nói!

Nghe hai ông “đốc ruột”, khó tin rằng họ là hai con người từng ở hai chiến tuyến. Ngay cả tôi, lần đầu tiên chứng kiến hai con người này gặp nhau ở Phú Yên, mặc dầu “mang tiếng” là người quen với cả hai ông từ lâu nhưng

chưa một lần chứng kiến cảnh gặp gỡ của họ, tôi cũng... khó tin. Lúc anh Ya Duck sang phòng bên, nhân lúc cụ bà “hòn vọng phu” Nguyễn Thị Diễm rót nước mời khách, tôi tiếp tục hỏi cụ: “Lúc nãy bác nói là đêm đêm phải nấu cháo gà, cháo vịt hay một món gì đó cho mấy ông Fulro. Vậy, hồi đó, bác có... sợ mấy ông không?”. Cụ bà hiền lành: “Sợ gì chớ! Mình mang đồ ăn lên cho mấy ông mà! Hồi đó, nghe nói Fulro, tôi cũng chỉ biết vậy thôi chớ làm gì biết ông này là... phó thủ tướng. Mãi sau này, ông nhà tui giảng giải, tui mới dần hiểu ra. Còn hồi đó, tui là “hậu cần” của ông nhà mà! Mà, nghĩ lại, cũng thiệt là... vui: Nhà thì không đủ gạo cơm, nuôi được con gà con vịt, ông nhà tui bắt nấu cháo đưa lên cho ông Ya Duck. Từ Phú Yên, tui vẫn cứ một mình lo toan chuyện nhà vì ông nhà đi công tác suốt.”

Anh Ya Duck cười mà rôm rớm: “Nói thật với chị, lúc đầu, tôi cứ nghĩ chị làm theo nghĩa vụ của một nữ cán bộ công an cộng sản nên mấy bữa cháo gà đầu tiên, tôi rất khách sáo. Sau dần, tôi biết chị là bà xã của anh Vũ Linh, tôi càng nể phục anh ấy, nể phục chị. Bây giờ, nói thêm một lời cảm ơn cũng không đủ đâu, chị à...! Không có anh ấy...”. Anh Ya Duck lại bỏ lửng câu nói. Nhưng, tôi càng thêm hiểu điều mà anh Ya Duck muốn nói. Tôi chắc chắn tin rằng đó là câu nói được xuất phát từ đáy lòng chân thật nhất của anh! Phía nhà trên, cụ Vũ Linh đang lên cơn ho - cơn ho không chỉ bởi tuổi già... Tôi thấy ông Ya Duck nhấp nhòm trên ghế và quay nhìn lên nhà trên... Bên ngoài, đất trời Phú Yên hiền đến lạ!

K.D

(Nguồn: Báo Phú Yên, Thứ Tư, 09/09/2015)

NGƯỜI THẦY LỚN CỦA ĐỜI TÔI

❖.Văn Đức Phúc

Mỗi người sinh ra và lớn lên đều xây dựng cho mình ước mơ và hoài bão, đó là động lực cho ta niềm đam mê để ta cố gắng thực hiện. Theo cách nói rất Việt Nam, thì có lẽ không chỉ là phấn đấu mà còn cả cái duyên để tôi trở thành một chiến sĩ Công an nhân dân.

Tôi vào ngành Công an tính đến nay đã 34 năm, lúc đó tôi mới vừa tròn 18 tuổi. 34 năm gắn bó với nghề nghiệp trải qua rất nhiều lĩnh vực, vị trí công tác trong ngành, gắn bó, cộng tác với nhiều đồng đội và đặc biệt là trải qua làm việc với nhiều đời lãnh đạo khác nhau với biết bao kỷ niệm buồn vui. Nhưng có một kỷ niệm không bao giờ tôi có thể quên được, đến tận bây giờ tôi vẫn nhớ rất rõ về ngày ấy – ngày 17 tháng 03 năm 1991. Ngày mà tôi vinh dự được phòng PH12, nay là phòng Hậu cần, điều động tôi đồng hành kề cận đưa đón một người lãnh đạo - người ấy được mọi người gọi bằng cái tên thân mật – chú Vũ Linh. Thời gian đó, chuyên án F101 ở Lâm Đồng do chú phụ trách vừa hoàn thành thắng lợi, chúng ta bắt sống và thu phục hầu như toàn bộ các nhân vật quan trọng của trung ương Fulro góp phần làm tan rã phần lớn lực lượng Fulro Tây Nguyên đặc biệt là đã xóa sổ các PC Fulro trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Bộ Nội vụ lại thành lập tổ chức truy quét và giải quyết vấn đề Fulro trên toàn tuyến Tây Nguyên, chú Vũ Linh được bộ điều

về làm Cục trưởng và một người đồng chí nữa của chú là chú Ba Hạt làm cục phó cục an ninh Tây Nguyên.

Những năm tháng ấy đất nước vừa mới giải phóng. Cuộc sống và công việc còn lắm khó khăn, vất vả của thời kỳ bao cấp, lại thêm vấn đề Fulro đã làm cho Tây Nguyên chưa thực sự bình yên. Ở một số tỉnh, chúng vẫn tiếp tục cất giấu vũ khí, tuyển mộ người, xây dựng lực lượng chờ thời cơ gây bạo loạn cướp chính quyền. Được đồng hành đưa đón chú, trong một nhiệm vụ mới hết sức khó khăn, phức tạp, trên một địa bàn rộng lớn, luôn phải có mặt ở những điểm nóng, ở những nơi nguy hiểm, lúc đầu tôi không tránh khỏi băn khoăn lo lắng. Nhưng với tình thương chú dành cho tôi và với bản lĩnh của một nhà tình báo từng trải dần làm tôi yên tâm và sẵn sàng ngày đêm bên cạnh chú bất cứ nơi đâu. Với khả năng lái xe cự phách, có chút ít võ nghệ và trình độ bắn súng đạt giải của Công an tỉnh, tôi như một cận vệ trung thành với người thầy đáng kính trọng của mình.

Kết hợp với ban lãnh đạo công an các tỉnh, chú quyết tâm tìm ra những đầu mối mà Fulro đang hoạt động. Bao nguy hiểm rình rập phía trước, nhưng chú Linh là người lãnh đạo dũng cảm, quyết đoán, tôi cảm thấy tự hào, đứng với nhiệt huyết của tôi. Có những khi chỉ có hai thầy trò đã lặn lội, thâm nhập đến các buôn làng các dân tộc thiểu số xa xôi ở tận Dakmia, ĐakNông, Eahleo, Easup. Chú tìm ra những người đứng đầu các nhóm Fulro, nói chuyện, giảng giải, thuyết phục họ bằng tất cả lẽ phải, chỉ cho họ thấy cái đúng, cái sai, điều lợi, điều hại, cái nghĩa, cái tình và nói về các chính sách của nhà nước đối với đồng bào dân tộc.... Để họ hiểu rõ cần phải làm gì, từ đó vận động họ từ bỏ con đường sai, con đường thù hận mà trở về với cuộc sống buôn làng, sống yên ấm bên gia đình, đồng tộc.

Những chiến dịch truy quét, bóc gỡ kéo dài, những chuyến đi cùng trinh sát âm thầm trong đêm đến những buôn làng xa xôi thời ấy diễn ra thường xuyên và đều đặn của các chiến binh A16 - tên gọi của tổ chức chống phản động hồi đó - xem như chuyện thường ngày. Một đêm tháng 02 năm 1992, vào khoảng 9h30 phút nhận được mật báo từ đồng chí Atovila - trưởng Công an thị xã Gia Lai, cho biết: có “Chim Xanh” về làng Easup - “Chim Xanh” là một nhóm vũ trang thuộc tổ chức Fulro. Ngay lập tức, chú cho người đến gọi tôi, thời ấy khó khăn điện thoại cũng chưa được sử dụng phổ biến, Người đưa tin nói rõ: “nhận được lệnh tôi phải lên đường đi ngay trong đêm..” Vốn luôn sẵn sàng, tôi gấp rút kiểm tra lại xe, xăng, súng đạn và ném chiếc ba lô lên xe tôi chạy đến đón chú lên đường.

Không đi theo tuyến đường từ Đà Lạt đến Đắk Lắk qua huyện Lắk vì lúc đó quốc lộ 27 chưa được như bây giờ, mà phải đi xuống quốc lộ Một, đến địa phận Phú Yên, rẽ lên Chư Sê băng qua Gia Lai để gặp đồng chí Atovila. Quãng đường dài hơn 500km mà sao nó dài lê thê thế, đi trong đêm tối càng thấy xa xôi và hiểm trở. Hồi còn trẻ, tôi chẳng những là một “cán bộ đường lối” cự phách, mà còn có khả năng sửa chữa nhiều loại xe của thời kỳ đó nên cũng yên tâm với chiếc xe tuy cà tàng nhưng máy rất khỏe! Tôi khá tự tin vào khả năng bắn súng của mình, và cũng biết tài bắn súng ngắn của chú Vũ Linh vừa nhanh vừa chính xác, hình như hồi còn trẻ chú cũng luyện tập rất chuyên nghiệp để sử dụng trong chiến tranh. Với hai tay súng không đến nỗi nào nên mới dám dong ruổi trong đêm hàng trăm cây số như vậy. Nhưng khi băng qua rừng Chư Sê trong đêm tối mịt mù, đường xuyên qua rừng núi quá hiểm trở tôi cảm thấy ớn lạnh ở xương sống. Tôi bên chú, chú vừa động viên tôi vừa kể tôi nghe những

câu chuyện vượt qua cái chết trong những năm chiến tranh chống Mỹ, tôi lại có cơ hội lắng nghe cuộc đời làm cách mạng của chú. Nghe chuyện đã giúp tôi tăng thêm động lực, mạnh mẽ đạp ga, vững tay lái bươn nhanh trên đường đèo gập gềnh xuyên qua rừng mong đến nơi kịp trước khi trời sáng. Quả thật không ai nói trước được điều gì! Cái gì đến nó sẽ đến, chiếc xe U-oát, hằng ngày sát cánh cùng tôi và chú đi khắp nơi bồng chốc dờ chừng giữa rừng, đường quá lầy lội, lách dọc không chịu đựng nổi nên xe đã bị gãy lách. Đêm khuya giữa rừng, 3 giờ sáng, lại cách xa nhà dân, hai chú cháu không có điện thoại liên lạc, thế là quyết định nằm trên xe đợi trời sáng mới khắc phục sự cố. Giữa sương đêm lạnh lẽo, lại không dám đốt lửa, bởi Fulro có thể phát hiện, hai chú cháu đành chấp nhận vượt qua một đêm dài như thế.

Tôi thấy chú không vào xe ngồi nghỉ mà cứ đi đi lại lại dọc theo mép rừng trong bóng tối, có vẻ bồn chồn, có lẽ ông lo không kịp kế hoạch tiếp cận để hốt gọn tốp “chim xanh” đang về Easup. Tôi thốt lên vẻ hồn nhiên: “Lỗi này không phải tại cháu, ai mà có thể nghĩ ra cây lách dọc nó gãy như vậy đâu chú”.

- Chú biết rồi, chú tin ở con lắm, chú tin vào tay nghề sửa chữa của con.

Tôi nghe mà cảm động và đầy tự tin. Chú lại nói tiếp:

- Sau này có cơ hội, con nên mở gara sửa chữa và dạy nghề lại cho những người muốn học sửa chữa ô tô.

Lời nói chân thành, động viên ấy của chú Vũ Linh cứ làm tôi suy nghĩ suốt cả chặng đường. Tôi chợt nghĩ: Sau khi làm tròn nghĩa vụ công an tôi sẽ mở gara sửa chữa xe như chú gợi ý. Và không ai có thể tưởng tượng được

rằng: Lời nói ấy của chú đã trở thành hiện thực đối với tôi, thậm chí tôi còn làm được nhiều hơn thế. Hôm nay tôi đã xây dựng được Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Thiên Phúc Đức. Nơi đào tạo và sát hạch lái xe không chỉ cho học viên là cư dân Lâm Đồng mà còn các tỉnh lân cận, như Ninh Thuận, Bình Thuận...

Mỗi năm, Trung tâm đào tạo cho cả ngàn người biết lái xe và tổ chức thi sát hạch cho gần cả 1 vạn người. tôi càng mang ơn nặng nghĩa với người thầy lớn của tôi biết nhường nào!

Vậy là cuối cùng chú và tôi đã không theo đúng kế hoạch như ban đầu. Một chuyến đi không đạt được mục đích đã để ra. Kể ra tôi cũng cảm thấy buồn nhưng cuộc đời đâu có bằng phẳng cả! Được đi với chú nhiều, được chú chăm sóc, lại được nghe chú khuyên bảo dặn dò, xem tôi như một người con, thì còn gì tuyệt vời hơn. Trong cuộc đời, có lần tôi được nghe câu nói “Một ngày làm thầy, cả đời làm cha. Một ngày làm cô, cả đời làm mẹ”, và trong tôi chú Vũ Linh mãi mãi vẫn là “Người thầy vĩ đại”. Người thầy vĩ đại hơn những gì tôi tưởng. Người thầy trong công việc, trong sự nghiệp và cả trong nhận thức suy nghĩ cuộc sống thường ngày của tôi.

Chú Vũ Linh là một con người đầy tình cảm sâu nặng. Chú coi tôi như con trai của chú. Là người lính lái xe, hằng ngày chú với tôi rong ruổi trên những chặng đường chiến dịch. Thỉnh thoảng chú lên lớp giảng bài cho cán bộ chiến sĩ công an các tỉnh do Bộ hoặc do các tỉnh tổ chức, có được bì thư thù lao công giảng dạy, chú đều giao hết cho tôi lo cơm nước cho hai chú cháu. Chú không hề tính toán riêng tư cho mình. Tình cảm của chú dành cho tôi quá lớn mà tôi nghĩ suốt cả cuộc đời tôi không bao giờ quên được.



Năm 1992, vợ chồng Văn Đức Phúc sinh cháu trai và đặt tên là Văn Đức Linh. Trong ảnh: Trên đường cùng đại tá Vũ Linh đi đón những toán Fulro ở Tây Nguyên trở về, trung úy Văn Đức Phúc đã ghé nhà bế con trai đầu lòng yêu quý.



Trung tá Văn Đức Phúc ghé thăm người thầy lớn của cuộc đời mình - đại tá Vũ Linh.

Năm 1992, tôi lập gia đình vợ chồng tôi có một nguyện vọng: Khi em bé chào đời, nếu bé gái sẽ đặt tên là Thuỳ Linh; bé trai là Đức Linh, lấy tên Linh để nhớ về người thầy lớn của đời tôi: chú Vũ Linh. Và với mong muốn những đức tính tốt của chú đã thấm sâu vào tâm trí tôi cũng sẽ truyền lại được cho con tôi. Vậy là ngày hạnh phúc đã đến, ngày 26 tháng 11 năm 1992, bé trai của vợ chồng tôi đã chào đời, tôi đặt tên ngay cho cháu là Văn Đức Linh. Con trai Văn Đức Linh của vợ chồng tôi lớn lên và trưởng thành. Cháu Đức Linh học xong đại học về Trung tâm đảm đương chức trách trưởng phòng sát hạch. Cháu làm việc cần mẫn, chịu khó, năng động và quyết đoán. Tôi thường trao đổi với cháu những gì mà người thầy lớn của tôi – chú Vũ Linh – đã trang bị cho tôi. Và, tôi thật may mắn, cháu đã làm tốt những gì mà tôi mong đợi.

Vợ chồng tôi và các cháu nhiều lần ghé thăm chú ở nhà riêng trên đường Trần Quý Cáp, thành phố Đà Lạt, kể cả thời gian chú nằm điều dưỡng ở Phú Yên, vợ chồng tôi và cháu Đức Linh cũng tranh thủ chạy về thăm chú. Mới đây, tôi ghé thăm, tuy bị tai biến nằm trên giường bệnh lâu ngày nhưng chú vẫn nhận ra tôi và nắm chặt tay tôi nói chuyện rất lâu. Trong ánh mắt của chú, tôi vẫn nhận ra tình yêu lớn bao dung mà chú dành cho tôi; nhận ra sự thỏa nguyện mà chú hằng mong đợi nơi tôi ngày nào.

Chú là người chiến sĩ cách mạng, người chiến sĩ công an nhân dân, không chỉ bản thân tôi, mà còn bao thế hệ công an tỉnh Lâm Đồng phải học hỏi, và đáng để tự hào. Những đức tính của chú Vũ Linh là thật sự cần thiết cho các thế hệ lực lượng công an chúng ta. Giờ đây, khi những bản làng đã yên bình, cuộc sống của đồng bào đã gần như được no ấm, thì vẫn còn đó những hy sinh lặng lẽ của người chiến sĩ Công an. Trong cái lạnh của đất trời Tây Nguyên, đất trời Đà Lạt trong những ngày xuân, hồi tưởng lại những kỷ niệm đã trải qua, làm tôi cảm thấy ấm lòng, bao nhiệt huyết, bao trăn trở trỗi dậy trong tôi – đó chắc chắn là một kỷ niệm sẽ theo tôi trong suốt cuộc đời này – một kỷ niệm không bao giờ tôi có thể quên.

Mùa xuân Đinh Dậu 2017

V.Đ.P

MỘT SÁNG THÁNG BA

❖.Nguyễn Khôi

Một buổi sáng cuối tháng ba, hai anh: Hồ Ngọc Chiến và Hồ Ngọc Thắng đến thăm ông Vũ Linh vừa bước sang tuổi 93 đang dưỡng bệnh tại nhà. Ngồi bên mép giường, nắm lấy tay ông, anh Thắng hỏi:

- Chú có nhớ ai đây không?

Ông Vũ Linh nhìn một lúc cổ moi trí nhớ rồi nói:

- Lâu quá không gặp nên không nhớ.

Anh Thắng gợi ý:

- Cháu là Hồ Thắng đây, thằng Ba Thắng ngày xưa đó.

Ông Linh cười:

- Nhớ rồi, Thắng đi với anh Nhựt (ông Huỳnh Minh Nhựt nguyên Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức trước 1975, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng sau 1975).

- Đúng rồi – Mọi người cùng cười vui – Vậy là bộ nhớ của cụ cũng chưa bị xóa trắng.

Anh Chiến xen vào:

- Chú có nhớ cháu không?

Ông nhìn một lúc rồi lắc đầu, anh Chiến gợi ý:

- Cháu là Hồ Ngọc Chiến được chú ký giấy khen trong đợt bám trụ sau hiệp định Paris đó.

- Ờ... Chiến, đội trưởng địa bàn Hiệp Thạnh...

- Ha ha, vậy là trí nhớ cụ còn tốt.

Nhưng thực ra, ông chỉ còn nhớ những chuyện xa lắc xa lơ từ hồi chiến tranh; hình như nó đã ăn sâu vào ký ức của ông, chứ những chuyện sau này hầu như ông không còn nhớ mấy. Rồi ông hỏi thăm những anh em thời kỳ đó, nay ai còn, ai mất....

Anh Hồ Ngọc Chiến một cán bộ hoạt động nội thành. Năm 1968 anh đã là bí thư chi bộ trường Văn Học (Đà Lạt); sau đó được điều ra căn cứ phân công anh làm đội trưởng địa bàn từ Phú Thạnh, Bồng Lai, lên đến Định An một địa bàn của xã Hiệp Thạnh phục vụ cho nhiệm vụ của Thị ủy Đà Lạt.

Anh Hồ Ngọc Chiến nhớ lại: Sau ngày ký kết hiệp định Paris 27 tháng 1 năm 1973, Tổng thống Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu lên đài phát thanh hô hào tràn ngập lãnh thổ, xua quân lấn chiếm, cấm cờ, vẽ cờ khắp nơi. Những nơi nào mất cảnh giác tin vào thiện chí của chính quyền Sài Gòn về việc thi hành hiệp định Paris, đều bị đánh bật ra và đã gây cho ta nhiều thiệt hại. Thực hiện sự chỉ đạo của trên, Thị ủy Đà Lạt đã chỉ đạo các đơn vị

bám trụ không rời địa bàn, tiếp tục củng cố lực lượng bám dân, xây dựng phong trào. Đội của anh Chiến được ông Vũ Linh thay mặt thường trực thị ủy xuống tận nơi trực tiếp giao nhiệm vụ, chỉ đạo về tư tưởng, phương pháp đối phó với địch để bám trụ tiếp tục xây dựng địa bàn.

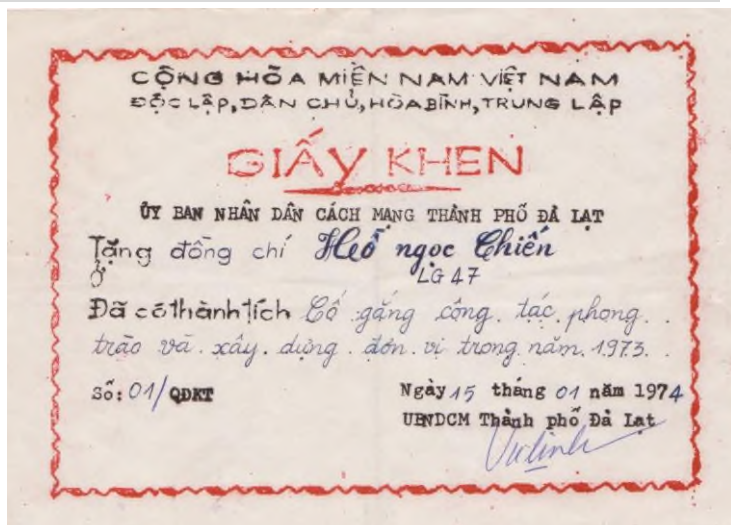
Anh Chiến tâm sự: “Trong các mối quan hệ tình đồng chí, đồng đội với nhau, chú Linh rất tình cảm, thường xuyên chăm lo, động viên cán bộ chiến sĩ. Nhưng trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, ông rất nghiêm, rất kiên quyết và dứt khoát, nói là phải làm đến nơi đến chốn. Chính vì vậy mà đã nâng cao tinh thần trách nhiệm và sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ chiến sĩ. Cả năm 1973 đội công tác của tôi đã bằng nhiều cách thâm nhập vào dân, xây dựng cơ sở, bám chắc được địa bàn, phục vụ cho sự chỉ đạo của thị ủy về nội thành Đà Lạt; đồng thời giữ nguyên tắc rất nghiêm, cơ sở nào làm kinh tế, cơ sở nào của phong trào, cơ sở nào phục vụ chính trị, an ninh, tình báo..... đều phải giữ tuyệt đối bí mật và không được lẫn lộn để tránh bể vỡ! Vì có nhiều cố gắng mà cuối năm 1973 đơn vị tôi được khen và chính chú Vũ Linh đã ký tặng tôi giấy khen của Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Đà Lạt. Hồi đó vấn đề khen thưởng và kỷ luật nghiêm lắm, thực ra chỉ là khen như một tưởng thưởng về tinh thần thôi, chứ không có một tí vật chất nào, nhưng phấn khởi và tự hào vô cùng. Khen thưởng hồi đó cũng còn có cái khác với bây giờ nữa là do cấp trên chỉ đạo mình trực tiếp nhận xét, đánh giá hiệu quả trong công tác, trong chiến đấu hết sức rõ ràng và tìm đến mình để quyết định khen chứ mình không phải đi xin, đi chạy, đi trình bày thuyết minh gì hết!

Vì những thành tích đó mà gắn với xương máu chứ không phải nói giỏi mà được! Kỷ luật cũng vậy, hết sức nghiêm minh và chính xác, không làm được là kỷ luật, vi phạm nguyên tắc là kỷ luật. Đúng là kỷ luật thời chiến!"

Anh Chiến còn lưu giữ tờ giấy khen như một kỷ niệm quý giá trong cuộc đời tham gia kháng chiến của mình, tấm giấy khen chỉ cỡ bàn tay, xung quanh viền đỏ, mẫu giấy khen được in sẵn qua giấy sáp stencil để trống phần tên, đơn vị và thành tích để điền vào trước khi ký. Trên đầu ghi rõ tên hiệu của chính phủ: "Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam". Bên dưới là "Độc Lập, Dân Chủ, Hòa Bình, Trung Lập". Tiếp là tên của chính quyền Đà Lạt: "Ủy ban Nhân dân Cách mạng Thành phố Đà Lạt". Xem tấm giấy khen, chúng ta hiểu là bên cạnh Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam Việt Nam, có mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam và nay đã thành lập chính quyền hân hoan.

Một tấm giấy khen được làm bằng thủ công, rất đơn sơ, có thể nói là thô sơ, nhưng giá trị vô cùng lớn. Tôi hỏi anh Chiến về tâm trạng của anh khi nhận được giấy khen đó, anh nói: "Trong chiến tranh được biểu dương bằng miệng trong đơn vị đã là niềm vinh dự lớn rồi, được nhận một giấy khen thì phải nói là vinh dự vô cùng, vì cái vinh dự đó mà cán bộ chiến sĩ có thể xông pha trận mạc không hề sợ chết. Hơn nữa chính chú Vũ Linh đã xuống tại đơn vị để công bố trao giấy khen cho tôi và kiểm tra đôn đốc việc làm rầy, sản xuất lương thực đảm bảo nuôi quân, cho nên tôi vui sướng lắm và tôi giữ nó đến bây giờ đây."

Người đi qua cuộc chiến



Sau năm 1975, anh Hồ Ngọc Chiến đã kinh qua khá nhiều vị trí công tác: Bí thư đoàn khu phố III, Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt; Trưởng phòng xây dựng, nhà đất; Giám đốc công ty công viên, cây xanh

Anh Hồ Ngọc Thắng là em trai của anh Chiến, nguyên là ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức tỉnh ủy Lâm Đồng. Hai anh em đều đã nghỉ hưu, cả hai đều vui tính và điều thú vị là anh em ruột nhưng chơi với nhau như 2 người bạn tâm đắc, đi đâu cũng có nhau, bạn bè đều nói: “Trong các cuộc vui mà thiếu mặt của hai anh Chiến, Thắng này là không vui!”. Cũng trong những ngày này nhân chuẩn bị họp mặt kỷ niệm ngày 3 tháng 4 giải phóng Đà Lạt có nhiều anh em ghé lại thăm ông Vũ Linh, bởi trong số những người lãnh đạo Thị ủy những năm đó, bây giờ đã ra đi hết rồi, chỉ còn lại mình

ông! Họ ngồi với nhau bên ông ôn lại chuyện xưa, chuyện chiến đấu, chuyện gian khổ, đói khát, nhớ những đồng đội đã hy sinh và cả những chuyện tiêu lâm trong kháng chiến cũng được kể lại cười vang cả nhà. Ông Vũ Linh nằm trên giường bệnh nghe chuyện cũng móm mém bật cười theo, làm cho mọi người càng cảm thấy vui lây. A Hồ Ngọc Thắng lại cầm tay ông hỏi: “Chú có thấy vui không?”. Ông trả lời: “Vui”.

Anh Thắng quay ra nói với mọi người: “Ông già Linh cư xử với lính tình nghĩa lắm, có một việc mà tôi cảm động và nhớ mãi đến bây giờ! Đó là vào khoảng cuối năm 1972, tôi và chú Tư Nhựt từ tỉnh về Đà Lạt để chú Tư truyền đạt về tinh thần chỉ đạo mới chuẩn bị có thể sẽ sắp ký kết hiệp định Paris. Đi mất mấy ngày đường rừng về đến cơ quan Thị ủy Đà Lạt, tôi bắt đầu cảm thấy ớn lạnh trong người và ngã bệnh. Tôi sốt li bì, chú Vũ Linh lúc ấy là thường vụ trực Thị ủy Đà Lạt yêu cầu y tế Thị ủy tập trung chữa cho tôi mau hết bệnh để còn đưa chú Tư trở về sau mấy ngày làm việc. Sau khi đỡ bệnh, tuy vẫn còn mệt nhưng tôi và chú Tư cũng phải chia tay với Thị ủy Đà Lạt. Trong lúc chuẩn bị lên đường, thì chú Linh kêu cậu cần vụ, lục tìm trong ba lô lấy 2 lon sữa cuối cùng còn lại của cả cơ quan Thị ủy, ông bảo “đưa cho thằng Ba nó uống để có sức mà đi đường”. Lúc đó tôi cảm động lắm, không nói được một lời nào! Bởi hồi đó, gạo cũng không có mà ăn, đừng nói đến sữa là thứ mà chúng tôi không bao giờ dám mơ tới! Mà đúng là nếu không có 2 lon sữa đó, thì tôi sẽ không đủ sức lợi suốt vượt rừng với tinh thần luôn sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ lãnh đạo đi đến nơi về đến chốn được. Kỷ niệm

Người đi qua cuộc chiến

đó với chú Vũ Linh tôi nhớ mãi đến bây giờ”. Rồi anh quay sang hỏi ông Linh: “Chú còn nhớ cái năm chú cho cháu 2 lon sữa đó không?”. Ông Vũ Linh cười: “Lâu quá, không nhớ!”.



Anh Hồ Ngọc Chiến và Hồ Ngọc Thắng thăm cụ Vũ Linh ở nhà riêng tại Đà Lạt.

Những ngày này năm xưa Đà Lạt đang chuyển mình, bên ngoài thì lực lượng vũ trang dần siết chặt vòng vây, bên trong thì lực lượng nội thành rải truyền đơn, may cò, chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa. Tình hình chuyển động nhanh như một cơn bão sắp ập đến, làm cho kẻ địch hoang mang dao động mạnh và rút chạy, ta đứng lên làm chủ thành phố, Đà Lạt được giải phóng nguyên vẹn không đổ nát, không đổ máu. Anh Thắng nói: “Anh em tôi phải đến thăm chú, nếu không, nay mai ông chia tay mà mình chưa thăm được thì đáng buồn,

đáng giận lắm! Bây giờ anh em mình già hết rồi, thỉnh thoảng gặp nhau kể lại chuyện xưa để hoài niệm về một thời đáng nhớ trong cuộc đời để sống với nhau có tình có nghĩa mới là cái đáng quý.”

N.K

TRI KỶ TỪ HAI BỜ CHIẾN TUYẾN

❖ Trọng Hoàng

Xe vừa dừng trước ngõ đã thấy ông đứng chờ sẵn ở sân nhà, mọi người xuống xe, ông bắt tay từng người một và luôn miệng nói:

- “Vui quá, vui quá!”.

Chờ cho tôi tắt máy, xuống xe, đóng cửa, ông bước lại dang tay ôm chầm, tôi trêu ông:

- Đi tìm nhà nghị sĩ quốc hội khó quá!

Ông vừa cười vừa chỉ vào miệng trả lời ngay:

- Nhà tôi không khó đâu, nó ở ngay chỗ này của anh đó thôi!

Mọi người cùng cười vui vẻ đi thăm ngôi nhà của ông, một ngôi nhà xây theo kiểu biệt thự, rộng rãi thoáng mát, phía trước là một khoảng sân rộng, xung quanh cây cối xanh tươi. Ông tiếp chúng tôi, những nhà báo đến thăm và làm việc trong không khí thân tình và cởi mở.

Ông là Nahria Ya Duck nguyên đệ nhất phó thủ tướng Fulro – Dega, nay là phó chủ tịch Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, đại biểu quốc hội 2 nhiệm kỳ (XII và XIII). Ông sinh ra trong một gia đình khá giả, thuộc dòng họ có nhiều đất đai ở buôn làng Ka Đô thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng. Lúc nhỏ, ông theo học tiểu học ở trường huyện, lên trung học vào trường Lycée ở Dalat. Sau khi lấy bằng tú tài Pháp ông thi đậu vào Học viện Quốc gia Hành chính ở Sài Gòn. Theo ông kể thì ở đó người ta đã đào tạo khá bài bản, ngoài học những môn cơ bản như: Hành chính, tài chính, công pháp quốc tế, xã hội, ngoại giao, kinh tế, ngoại ngữ. Sinh viên còn được huấn luyện quân sự để biết chỉ huy ít nhất là từ cấp tiểu đoàn, học võ, học lái xe.... Nói chung là học một số kỹ năng mà bây giờ chúng ta thường gọi là kỹ năng mềm để linh hoạt ứng dụng trong công việc và trong cuộc sống. Tốt nghiệp ra trường với bằng cấp hạng ưu, ông được Bộ Kinh tế Sài Gòn tiếp nhận và bổ nhiệm về làm trưởng Ty Kinh tế Tài chính Vũng Tàu. Sau đó về Bộ Sắc tộc được bổ nhiệm làm trưởng Ty Sắc tộc Tuyên Đức – Đà Lạt. Sau năm 1975 ông vào rừng được phong hàm đại tá nắm lực lượng Fulro quân khu IV, một quân khu mạnh nhất của Fulro Tây Nguyên. Rồi làm đồng lý Văn phòng phủ thủ tướng đến năm 1979 ông là đệ nhất phó thủ tướng phụ trách nội trị và ngoại giao. Ông giải thích “ Fulro là chữ viết tắt của Front unifié de la lutte des races opprimées Tức là mặt trận đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức”. Lúc đầu lấy tên là mặt trận Bajaraka nhưng Bajaraka thì chỉ là các dân tộc Bana; Jarai, Rađê và Kaho ở Tây Nguyên Việt Nam mà thôi. Fulro là lấy từ tiếng Pháp, nó có ý nghĩa quốc tế, nó là mặt trận của tất cả các sắc tộc bị áp

bức không phân biệt của dân tộc nào! Lúc nắm quyền đệ nhất phó thủ tướng thứ nhất, ông đã sang đến Campuchia gặp Ponpot, cố vấn Trung Quốc cũng đã tiếp ông. Họ hứa giúp ông lập căn cứ bên đó, giúp vũ khí và cả quân đội nữa! Nhưng ông nhìn rõ âm mưu của một nước lớn đứng bên cạnh Campuchia muốn lợi dụng vấn đề dân tộc của ông để hòng đưa quân vào xâm lược nước ta nên ông đã từ chối và quay trở về Tây Nguyên. Thế rồi cơn lốc cao nguyên với chuyên án F101 đã đưa ông về với đại đoàn kết dân tộc. Ông đã nhận ra điều phải làm và đã tích cực hợp tác với lực lượng an ninh Lâm đồng kéo được toàn bộ số Fulro từ trung ương đến các quân khu đóng trên địa bàn về với gia đình, về với cuộc sống an lành nơi buôn làng, chấm dứt những ngày sống chui lủi, thiếu thốn, bệnh tật, đói rách trong rừng! Chấm dứt hận thù! Chấm dứt đổ máu vô nghĩa! Theo ông thì hầu hết số anh em trở về đều có cuộc sống ổn định, kinh tế đang hoàng, con cái được học hành và làm ăn tốt, buôn làng bình yên không còn vấn đề như trước hay như một số nơi khác!

Ấn tượng đầu tiên của ông khi về trong lòng của đại dân tộc là cảm giác xa lạ, hoài nghi, kể cả sẵn sàng đối phó mà không hề sợ sệt! “Nhưng may mắn là tôi đã gặp được người mà tôi cảm phục, đó là cụ Vũ Linh, thực ra tôi cũng đã được biết Vũ Linh từ khi tôi còn ở trong rừng qua nghe bà con và đồng bào nói lại đó là một con người nhân hậu biết lo cho cuộc sống của đồng bào. Nhưng tôi và ông là hai địch thủ với nhau không thể chung trời! Nên lần gặp đầu tiên tôi đã nói: Làm Fulro là làm cách mạng! Nói xong tôi chờ đợi một cái đập bàn, một trận lôi đình,

quát tháo, sỉ vả từ ông. Nhưng không! Ông chỉ mỉm cười và nói: Làm cách mạng là tốt, nhưng anh đã chọn sai đường rồi! Rồi ông phân tích những cái sai của Fulro và ông nói cho tôi hiểu về những điều lợi, điều hại cho bản thân tôi, cho gia đình tôi, cho bà con, đồng bào của tôi. Ông nói về những chính sách đoàn kết dân tộc của chính phủ. Nhân cách của ông đã thuyết phục được tôi, làm cho tôi tin tưởng và yên cái bụng để hợp tác với ông kéo anh em ra khỏi rừng. Cả đời tôi vẫn xem anh Vũ Linh là ân nhân, là người thầy và là người anh trong gia đình. Giới trí thức trong dân tộc và đồng bào tôi cũng xem anh là ân nhân của họ.”

Những ngày sống và cùng cộng tác với an ninh Lâm Đồng, ông thực sự cảm thấy thoải mái, tin tưởng, yên tâm vì được đối xử tốt và ông cảm nhận được lòng tin của họ đối với ông “Thỉnh thoảng tôi được về thăm vợ con. Hai người luôn gần gũi giúp đỡ và cho tôi hiểu nhiều điều, đó là anh Vũ Linh và anh Nguyễn Văn Độ (sau này cũng là đại tá Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng). Nhưng mà ở lâu trong tình trạng giữ bí mật tôi không thích lắm, tôi đề nghị cho tôi ra công khai, anh Vũ Linh nhẹ nhàng giải thích: Để anh về sống công khai ở buôn làng thì không khó, nhưng tình hình chưa thật ổn, nếu có kẻ nào đó nổ một phát súng vào anh thì sẽ phức tạp vô cùng! Chúng tôi phải bảo vệ anh, khi nào nhóm Fulro cuối cùng ra khỏi rừng thì lúc đó không lo nữa, anh về sẽ an toàn hơn.” Cụ Vũ Linh năm nay đã tròn 90 tuổi, những ngày bị bệnh tai biến cụ nằm điều trị ở bệnh viện, ông Nahria Ya Duck đã đến thăm, dù rất yếu nhưng cụ Vũ Linh đã cố ngồi dậy bắt tay và nói vui “ Xin chào phó thủ tướng, à mà

không! chào nghị sĩ quốc hội”. thấy cụ tiều tụy, ông Ya Duck xót xa! Hai con người đã từng một thời trên hai chiến tuyến đối địch sống mái với nhau đã ôm nhau, ông Nahria Ya Duck nói “Em đến thăm anh nè, thương anh quá!” Tôi nhìn thấy có giọt nước rưng rưng trong mắt ông. Đúng là một cặp tri kỷ! Họ hiểu nhau từ lúc còn ở hai bờ chiến tuyến, rồi họ lại thật lòng quý nhau khi đã về chung một nhà.

Trong nhiệm kỳ quốc hội khóa mười hai, ông đã được đi thăm và làm việc ở một số nước, khi đến Pháp ông đã gặp lại một số bạn bè cũ là người Pháp, là người dân tộc đã từng theo Fulro, ông nói chuyện với họ về chính sách đại đoàn kết toàn dân của chính phủ Việt Nam và nói về cuộc sống trong nước có nhiều đổi thay. Với vai trò là đại biểu quốc hội hai khóa liền ông đã tham gia nhiều ý kiến về kinh tế, xã hội, ông trăn trở nhiều về cơ cấu quốc hội và cơ chế hoạt động, để quốc hội thực sự đại diện cho dân, thực sự có trí tuệ và thực sự là cơ quan quyền lực cao nhất, trong đó có vấn đề về hiệu lực giám sát...

Sau bữa cơm trưa với rượu thuốc tự ngâm bằng lá rừng, ông tiễn chúng tôi ra về mà cứ bịn rịn, lưu luyến mãi. Ôm chặt lấy tôi, ông nói như tự đáy lòng mình : “Anh đến nhà thăm tôi là tôi mừng lắm, nhưng quý hơn nữa là có anh đến, tôi xem như cụ Vũ Linh đến thăm mặc dù lúc còn khỏe cụ đã đến đây nhiều lần, cho tôi gửi lời chúc sức khỏe cụ nhé, có dịp tôi sẽ đi Tuy Hòa thăm cụ.”



Chúng tôi đã bắt tay chia tay nhau nhiều lần nhưng ông cứ bịn rịn lưu luyến mãi.

Ông nói thế và chúng tôi đã chụp hình chung, bắt tay chia tay nhau nhiều lần, mà vẫn cứ dằng dằng mãi mới dứt ra được!

Tháng chín Hai không một năm.

T.H

Những hiểu lầm về một nhà tình báo công an tài ba:

Kỳ 1:

UẨN KHÚC

SAU CHUYÊN ÁN HT 86

❖ Khắc Dũng

Đại tá Vũ Linh - nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, nguyên phó Trưởng ban trực - Ban Chuyên án F101 về vấn đề Fulro là nhà tình báo được xem là đặc biệt, tài ba của ngành An ninh Công an Việt Nam... Thế nhưng cũng chính quá trình chống Fulro đã khiến ông chịu những “hiểu lầm” chưa được hoá giải...

Kết thúc chuyên án F101, Công an Lâm Đồng với sự chỉ huy của nhà tình báo Vũ Linh đã thực hiện được 8 chuyến “câu nhử” và “đón” được hầu hết bộ phận Trung ương Fulro và lực lượng chỉ huy hai quân khu Fulro là IV và V. Tuy nhiên sau đó, ở Lâm Đồng bỗng dựng lên câu chuyện có bàn tay của CIA nhúng vào...

ĐỐI ĐẦU VỚI FULRO

Đại tá Vũ Linh (tức Nguyễn Trọng Cảnh) sinh năm 1926 (Bính Dần) tại Phú Yên. Sau khi tham gia Cách mạng được vài năm, năm 1953, ông ra Bắc học ở một trường an ninh chuyên đào tạo tình báo. Sau mười năm học tập, công tác trong ngành an ninh ở miền Bắc, năm 1964, ông được tăng cường cho chiến trường Nam Tây Nguyên.

Tại đây, cho đến năm 1975, nhà tình báo Vũ Linh giữ nhiều trọng trách: Tổ phó rồi tổ trưởng Tổ Điệp báo A2 (thuộc Bộ Công an), Trưởng ban An ninh Thị uỷ Đà Lạt; có khi vừa là trưởng ban An ninh Thị uỷ Đà Lạt vừa là Tổ trưởng Tổ A2. Ông được xem là một trong những nhân vật đặc biệt trong suốt quá trình tồn tại của lực lượng An ninh khu VI (Đắk Lắk, Quảng Đức, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận) kể từ khi thành lập vào tháng 5 năm 1962 đến khi giải thể vào tháng 2 năm 1976.

Sau 1975, Tây Nguyên nổi lên vấn đề Fulro. Cuộc chiến chống Fulro ở Lâm Đồng và Tây Nguyên với chuyên án “F101” kéo dài từ 1979 đến những năm sau 80 của thế kỷ trước. Trong cuộc đối đầu với đội quân Fulro Tây Nguyên, Đại tá Vũ Linh (lúc bấy giờ là Phó ty rồi Trưởng ty Công an Lâm Đồng) là Phó ban trực, là người trực tiếp cầm quân.

Cụ Vũ Linh giờ tuổi đã chín mươi nhưng vẫn còn rất minh mẫn: “Đánh Fulro mà cứ bắn giết thì thường lắm.

Nên nhớ rằng ở đời, nợ máu rất khó trả. Ông Nahria Ya Duck hồi đó cầm đầu Fulro là một trí thức người dân tộc thiểu số, được đào tạo một cách bài bản, giỏi nhiều ngoại ngữ, biết yêu thương đồng tộc, yêu thương buôn làng, mặc dầu con đường cách mạng mà ông ấy chọn là sai, nhưng trong sâu thẳm của con người ông ấy vẫn có những thứ để chúng ta khai thác, để an ninh Lâm Đồng chuyển hướng đấu tranh sang vận động chính trị.

Bởi vậy, theo chỉ đạo cấp trên, tôi đã chọn con đường đấu tranh bằng các giải pháp nghiệp vụ ít đổ máu nhất. Đó là cách dụ cộp ra khỏi hang bắt sống rồi thuyết phục họ trở về với buôn làng, với khối đại đoàn kết dân tộc...". Và, ngay "mẻ lưới" đầu tiên vào tháng 8.1980, Công an Lâm Đồng đã "mời" được Đệ nhất Phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck theo kế hoạch "câu nhử" cùng 9 thuộc hạ là các sỹ quan quan trọng trong bộ sậu Fulro.

CHUYÊN ÁN HT 86

Nhưng bất ngờ là 5 năm sau, tháng 8 năm 1985, tỉnh Lâm Đồng thành lập một chuyên án có tên là "Chuyên án HT86" do ông Trịnh Lương Hy - Phó giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng làm Phó ban và Trưởng ban là Bí thư tỉnh uỷ Lâm Đồng Nguyễn Trung Tín với mục đích làm rõ các mối xích cùng các hoạt động của tổ chức CIA (Cơ quan Tình báo trung ương Hoa Kỳ - Central Intelligence Agency) ở Lâm Đồng giai đoạn trước và sau 1975. Trong đó, đặc biệt là phải làm rõ "chân rết CIA Vũ

Linh" lúc đó là Giám đốc Công an tỉnh, cấp trên của ông Trịnh Lương Hy.

Hôm gặp Trung tướng Trịnh Lương Hy, quyền Tổng Cục trưởng Tổng cục An ninh, nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, nguyên Phó ban “Chuyên án HT86” tại nhà riêng lần đầu, Trung tướng Trịnh Lương Hy nói: “Bảo rằng HT86 là thanh trừng nội bộ là có vẻ như quy kết không có căn cứ”.

Còn tôi - người trong cuộc, là Phó ban Chuyên án, người trực tiếp làm án, tôi khẳng định là từ cái nhìn ấu trĩ; hơn nữa, nó mang tính cá nhân là muốn “hại” ông Vũ Linh; thêm vào đó là kiểu háo danh rằng, Lâm Đồng cũng phá được án liên quan đến CIA... Còn CIA, nói thật, bằng kiến thức của mình, tôi khẳng định, họ không tổ chức đến tận cấp tỉnh đâu. Hồi ấy, CIA ở Đông Dương, ở Việt Nam, họ tổ chức đến cấp Trung ương là cùng”.

Khi “Chuyên án HT86” được lập, ngay cả chuyện vì sao ông Vũ Linh thiết lập được cơ sở điệp báo trong Toà Hành chính Đà Lạt, Toà Tỉnh trưởng Bình Thuận và trong các cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn để thu thập những tài liệu mật phục vụ cho lãnh đạo chúng ta chỉ huy đánh phá các chiến dịch của địch, nhất là chiến dịch Phước Hoàng, cũng được đặt lại vấn đề...

Người đi qua cuộc chiến



Trung tướng Trịnh Lương Hy, nguyên Quyền Tổng cục trưởng Tổng cục an ninh, nguyên Phó ban chuyên án HT 86 nói về vụ án H86 và những oan khuất của ông Vũ Linh.

NHỮNG “HIẾU LÂM” TỪ...TRÊN TRỜI RƠI XUỐNG

Theo Trung tướng Trịnh Lương Hy, chuyện mà người ta “đặt ra” đối với ông Vũ Linh hồi đó thì chung quy lại, có một số vụ đáng chú ý: Trước 1975 có bà Tuyết Anh từ vùng nội thị bỏ vào rừng theo cách mạng; sau đó trốn ra ngoài, bị cảnh sát chế độ cũ phát hiện dấu dệp râu còn hằn trên hai bàn chân nên bắt, tra xét và “cài cắm” trở lại để đánh phá ta. Trong lúc chiêu hồi và làm cho địch, bà Tuyết Anh vẫn liên lạc với đơn vị công tác ở trong rừng. Nhưng bằng một biện pháp nghiệp vụ đơn giản, ông Vũ Linh đã phát hiện bà Tuyết Anh đã nhận việc với địch. Ngay sau ngày giải phóng Đà Lạt, bà Tuyết Anh bị “chết”. Từ đó người ta cho rằng Vũ Linh là người tổ chức “khử” bà Tuyết Anh để bịt đầu mối, vì ông là mắt xích của CIA.

Rồi cũng giai đoạn trước 1975, một đội công tác của ta trong một lần từ rừng vào làng để gặp cơ sở tại huyện Đức Trọng đã lọt vào ổ phục kích của địch và bị chết đến 8 người. Trong vụ này, về sau, khi mở chuyên án HT86 người ta lại hồ nghi là có mật báo từ phía ta đến phía địch. Và, một trong những đầu mối bị nghi ngờ “làm phản” đó là ông Vũ Linh, lúc đó đang phụ trách tổ điệp báo của Bộ Công an.

Rồi nữa, sau 1975, tại kế hoạch X7 của Chuyên án F101, lực lượng an ninh Lâm Đồng bị thiệt hại vì bị bại lộ. Hậu quả là hai chiến sĩ công an bị Fulro giết là Lâm Văn Thanh và Nguyễn Ngọc Diêu. Chuyện bại lộ này, ngoài một số Fulro bị ta thu phục trước đó đã làm phản, người ta còn nghi rằng có bàn tay của Đại tá Vũ Linh! Rồi, thêm vào đó, trong quá trình triển khai Chuyên án F101, khi thuyết phục những Fulro cầm đầu, Đại tá Vũ Linh đã

“nhận một nón cối vàng của Naria Ya Duck”...v... v... và ...V...V...

Điều đáng nói, chuyện về ông Vũ Linh làm gián điệp cho Mỹ đã trở thành vấn đề “cấp bách, cần giải quyết” được đặt lên bàn của rất nhiều cuộc họp quan trọng của lãnh đạo tỉnh; đã hình thành một chuyên án lấy tên “HT86” chống gián điệp Mỹ ở Lâm Đồng những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ trước. Hơn thế, một kế hoạch bắt giam Đại tá - Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng cũng đã được bàn định.

Tướng Hy kể, lúc đó, “chủ trương” của một vài lãnh đạo địa phương là... bắt Giám đốc công an tỉnh Vũ Linh, nhưng không thực hiện được do bị nhiều người phản đối. Tuy nhiên ông Vũ Linh bị tỉnh ủy lập hồ sơ kỷ luật Đảng ở mức “cảnh cáo”. Trước đó, ông Vũ Linh đã được đại hội tỉnh Đảng bộ bầu làm đại biểu của tỉnh Lâm Đồng đi dự đại hội Đảng toàn quốc. Nhưng sau khi bị đề nghị “cảnh cáo”, ông chủ động xin rút tên khỏi danh sách để không ảnh hưởng đến đoàn đại biểu của tỉnh. Sau đó, ban bí thư trung ương đảng ra quyết định cách chức tỉnh ủy viên, nhưng bộ Công an thì không đồng tình và không có hình thức kỷ luật cách chức Giám đốc Công an tỉnh của ông. Ông vẫn làm giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng hơn một năm sau, Bộ điều ông về làm phó vụ trưởng PA 16 thuộc bộ công an trực tiếp làm cụm trưởng an ninh Tây Nguyên, ba năm sau ông nghỉ hưu.

Sóng gió là vậy, nhưng khi được hỏi, ông Vũ Linh chỉ mỉm cười nhẹ tênh: “Ở đời xưa nay thịnh thoảng vẫn có chuyện đổi trắng thay đen vậy mà!”

K.D

(Nguồn: Báo “Lao Động” số 242 (Thứ ba 20.10.2015, trang 7)

Những hiểu lầm về một nhà tình báo công an tài ba:

Kỳ 2:

BAO GIỜ ĐƯỢC HÓA GIẢI?

❖ Khắc Dũng

“Nếu chuyện này không được nói ra, những hiểu lầm về nhà tình báo Vũ Linh không được hoá giải, tôi đến khi chết sẽ khó nhắm được mắt”- Trung tướng Trịnh Lương Hy nói. Người trong cuộc ví Chuyên án HT86 như một quả pháo “xịt ngòi”, nó không nổ, chỉ để lại mùi thuốc súng khét nồng. Mùi khét ấy của quả pháo gần ba mươi năm về trước, xem ra, đến tận giờ này vẫn đang còn vương vất khiến không ít người tiếp tục bận tâm.

“TÔI LÀM ĐÚNG LƯƠNG TÂM, NGHIỆP VỤ...”

Tướng về hưu Trịnh Lương Hy đã sang tuổi 64, nhưng vẫn còn “nóng” lắm. Cái nhìn của ông, cách nói của ông cứ như muốn thiêu đốt, muốn làm tan chảy những bất công ở đời. Ông kể, “Năm tôi 25 tuổi đã là đại đội trưởng an ninh vũ trang huyện. Cũng thời gian ấy, tôi được gặp lại ba tôi một thời gian ngắn.

Sau lần gặp ấy, ba tôi trở về Lâm Đồng, còn tôi ở lại Lộc Ninh. Mãi đến cuối năm 1981, theo đề xuất của ba tôi, tôi được chuyển công tác lên Lâm Đồng, làm Trưởng Công an huyện Đơn Dương. Cũng từ đây, tôi được tiếp xúc và làm việc với cụ Vũ Linh...”.

Trung tướng Trịnh Lương Hy nhớ lại: “Ông Vũ Linh là một nhà tình báo xuất sắc của Công an Việt Nam. Ngày ông ra tay đánh án F101 những năm cuối 70 và đầu 80, tôi chỉ mới là trưởng công an huyện Đơn Dương. Đến khi giải quyết vấn đề Fulro gây bạo loạn ở Tây Nguyên những năm tiếp theo đó (2001, 2004), tôi với tư cách là Phó Tổng cục trưởng rồi quyền Tổng Cục trưởng Tổng cục An ninh mới trực tiếp ra trận.

Tuy nhiên, khi còn là Phó giám đốc rồi giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng, được làm việc trực tiếp với ông Vũ Linh và được giao nhiệm vụ trực tiếp làm án HT86, tôi đọc rất nhiều tài liệu nói về đại tá Vũ Linh, kể cả những tài liệu của chế độ cũ, hiểu ông rất kỹ và tôi thực sự khâm phục nhân cách lớn của ông. Có điều, hỏi chuyên án gián điệp CIA, tôi thấy ông Vũ Linh hiền quá...”.

“Ông còn bảo tôi là người nóng tính! Nhưng tính tôi thì có gì cứ thẳng thớm mà nói toạc ra, chứ ém trong bụng, khó chịu lắm. Và điều quan trọng nhất là không nói trắng thành đen, như trong chuyện cụ Vũ Linh chẳng hạn...”

BÓC GỖ ĐỂ ...BÓC GỖ

“Làm án HT86 liên quan đến vấn đề CIA chắc chắn là không dễ. Tuy vậy, với trực quan của một người làm công tác an ninh, tôi tự nhủ mình là phải cố gắng nhưng phải rất cẩn trọng, vì trong vụ án này có điều gì đó... là lạ. Với lại, vốn là người thích khám phá nên tôi muốn mình thử bằng chính sức mình để khám phá những gì ẩn chứa ở phía sau những thứ phải khám phá đó” - trung tướng Trịnh Lương Hy nhớ lại.

Tướng Hy cho biết: “Câu chuyện CIA của Lâm Đồng có chi tiết... khô hài là ông Vũ Linh có mối quan hệ "tay chân" với một ông thầy cúng lưu lạc từ xứ Bình Định vào Lâm Đồng từ những năm 1960. Ông thầy cúng chỉ học mới lớp 4. Từ những tài liệu thu thập được, trong đó có cả tài liệu của CIA, tôi chứng minh bằng văn bản rằng CIA không công hơi đâu cấm chân rết đến tận một ông thầy cúng quê mùa học chỉ mới lớp 4 này.

Còn với ông Vũ Linh, một nhà tình báo được đào tạo bài bản, nếu có sử dụng ông thầy cúng ấy thì cũng chỉ dùng vào những lúc thật cần thiết và vào những thời điểm nhất định nào đó; càng không thể là "tay chân" của ông thầy cúng ấy được. Tài liệu của ta và cả của phía bên kia đã chứng minh điều ấy”.

Tiếp đến, về việc người ta nghi ông Vũ Linh “báo tin” cho Fulro trong kế hoạch X7 (khiến kế hoạch bị bại lộ, ta hy sinh hai đồng chí an ninh), tướng Hy nói: “Cái chi tiết thằng Fulro bóp vào vùng kín của một đồng chí của ta rồi tót vô rừng ở khu vực Cầu Đất (Đà Lạt) thì hình như

chưa ai khai thác đâu! Đấy, nhân chứng và vật chứng vẫn đang sờ sờ ra đấy...”.

Ấy vậy nhưng, người ta đặt chuyện (để quy kết) rằng ông Vũ Linh “bắn tin” cho tỉnh trưởng Fulro Lơmu Hà Chông thông qua một nhân vật tên là “ông Hai” nên kế hoạch X7 mới bị bại lộ. Tướng Hy bảo: “Tôi đi điều tra, đi cùng với mấy anh bên an ninh quân đội, kết quả là hoá ra thằng cha tỉnh trưởng Lơmu Hà Chông năm ấy bị thương nằm liệt trong một hang đá ở Lạc Dương, chả có liên quan gì đến chuyện tay súng an ninh thân cận của ông Nahria Ya Duck - thủ lĩnh Fulro - bóp vào “cửa quý” của một đồng chí của ta rồi thoát vào rừng”.

Về chuyện trước 1975, một đội công tác của ta lọt vào ổ phục kích: Người ta nghi ông Vũ Linh báo tin cho một người giàu có “làm tay sai cho địch” ở Đà Lạt nên hậu quả là chuyến vào làng của đội công tác của ta bị lộ, bị phục kích chết đến 8 người: “Tôi đã trực tiếp gặp tay đại đội trưởng đại đội phục kích quân ta trận đó. Cùng gặp và khai thác với tôi còn có mấy anh bên an ninh quân đội.



Trung tướng Trịnh Lương Hy kể lại chuyên án HT86

Tay đại đội trưởng ấy bảo rằng chả có mật báo mật tín gì cả! Chẳng qua chỉ là vào sáng sớm hôm ấy, tay đại đội phó của đại đội (người của Ban 2 chế độ cũ) đi tuần tra và phát hiện gạo đổ dọc đường nên nghi là gạo tiếp tế cho Cộng sản, về báo cáo lại với tay đại đội trưởng và đề nghị mật phục. Có nghĩa là không liên quan chi đến tay nhà giàu kia. Chuyện bà Tuyết Anh cũng vậy, chẳng liên quan gì đến ông Vũ Linh... Tôi không hiểu là vì sao họ có thể quy chụp chú Vũ Linh bao nhiêu là chuyện...”.

Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng: "Tôi sẽ tìm hiểu kỹ..."

Để hiểu rõ hơn vụ việc, tôi tìm đến ông Nguyễn Xuân Tiến – đương kim Bí thư Tỉnh uỷ Lâm Đồng. Ông Tiến nói: “Chuyện xảy ra đã khá lâu. Bây giờ, lớp hậu thế không phải dễ tiếp cận nội dung vấn đề này. Hơn nữa, vấn đề liên quan đến không ít vị tiền bối; bởi vậy, nên phải rất cẩn trọng. Tuy nhiên, chúng tôi không muốn để ai phải hàm oan; và đồng thời, phải đặc biệt tôn trọng lịch sử. Nói thật, tôi có biết chuyện HT86, nhưng không được chi tiết lắm. Bây giờ, lớp các chú các anh ấy kẻ mất người còn, cũng không mấy người nhớ cụ thể các chi tiết. Mà, có khi chi tiết ấy là vô cùng quan trọng. Cho nên, đặt lại vấn đề này là không dễ.

Về phần cụ Vũ Linh, từ trước đến nay, Tỉnh uỷ luôn xem cụ là người đi trước, có nhiều công lao đóng góp cho sự phát triển của Lâm Đồng, nhất là đối với ngành công an, rất đáng được ghi nhận. Với cá nhân, tôi luôn xem cụ là bậc cha chú đáng kính. Tôi nghĩ, trách nhiệm của thế hệ nối tiếp như chúng tôi không né tránh nhưng phải cẩn trọng trong xem xét và giải quyết vấn đề...”.

Ông Tiến tỏ ra bất ngờ khi tôi thông tin vừa rời nguyên thiếu tướng Viện trưởng Viện Chiến lược Công an nhân dân Nguyễn Đức Minh (tự Tư Quyết, nguyên Uỷ viên Ban An ninh Khu VI, Tổ phó Tổ Điện báo A2 Bộ Nội vụ) có thư cho giám đốc Công an Lâm Đồng Bùi Văn Sơn về vấn đề ông Vũ Linh. Ông Tiến nói: “Tôi sẽ tìm hiểu kỹ vấn đề này hơn...”.

Tương tự, ông Hồ Minh - Trưởng phòng Công tác chính trị Công an tỉnh Lâm Đồng nói: “Những hiểu lầm về

cụ Vũ Linh trong chuyên án HT86 tôi có nghe nói đến nhưng nói thật, hiểu hết về nó thì tôi không thể. Với lại, việc đã quá lâu rồi. Về cụ Vũ Linh, đọc chuyên án F101, tôi thực sự nể phục cụ. Qua đó, bản thân tôi và anh em trong ngành rút ra được rất nhiều bài học.

Tôi nghĩ, bài học về nhân cách và sự trung thành của một nhà tình báo của ngành an ninh như cụ Vũ Linh không chỉ dành riêng cho tôi mà cho cả toàn ngành, đặc biệt là cho anh em an ninh Lâm Đồng. Nhiều cán bộ an ninh Công an Lâm Đồng xem cụ Vũ Linh như là tấm gương sáng, là một nhân cách lớn, rất đáng tự hào. Trở lại vấn đề HT86, tôi cho rằng, để một sĩ quan an ninh bị hiểu lầm như thế là vấn đề chúng ta cần phải xem lại...”.

K.D

(Nguồn: Báo Lao Động số 243 - Thứ Tư 21.10.2015 trang 7)

NÚI ÔNG LINH RỪNG THIÊNG THẤP LỬA

❖ Trần Trọng Văn

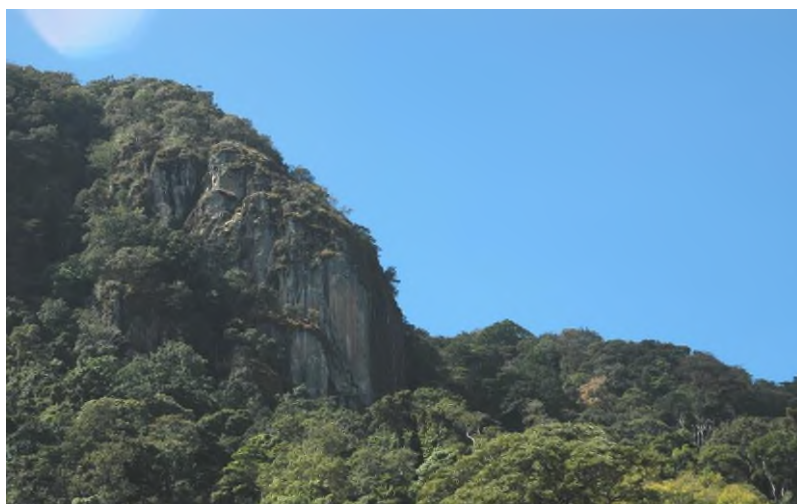
Có những sự việc không phải lúc nào cũng được đánh giá chính xác, trung thực. Có những việc cứ dai dẳng từ năm này sang tháng khác đeo bám số phận không chịu buông tha, không chịu dừng lại và càng thách thức cuộc đời không biết bao giờ mới được giải tỏa. Và, có những việc người ta đã mang cả nỗi oan ức về nơi chín suối.

Câu chuyện bắt đầu từ vùng núi thiêng, nơi có nhiều liệt sĩ hy sinh trong những năm chống Mỹ, mà đồng đội quen gọi là núi Ông Linh. Nói đến ông Linh là nói đến ông Vũ Linh, bám trụ trên núi Voi, thuộc xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trong suốt 7 năm trời, kẻ địch không làm sao đánh chiếm được.

Núi Voi – núi Ông Linh lừng lững giữa trời xanh mây trắng. Những quả đạn rocket phóng từ máy bay xuống núi Voi chỉ trượt dài trên mặt đá núi. Những dấu vết của đạn rocket, của đại liên vẫn hằn lên vách đá nhám nhỗ, không đủ sức công phá. Ông Vũ Linh, tổ trưởng tổ điệp báo A2, Trưởng ban An ninh thị xã Đà Lạt chọn nơi làm mật cứ nằm chênh vênh trên vách núi, gần sát quốc lộ Hai Mươi. Từ căn cứ này, những lúc trời sáng trong, dùng ống nhòm pháo binh có thể nhìn thấy xe chạy ở khu Hòa Bình, trung tâm thành phố Đà Lạt và quan sát được

Người đi qua cuộc chiến

cả một đoạn đường Hai Mươi. Một chiếc thang dài bằng dây rừng được thông xuống bên dưới mỗi khi ông và các chiến sĩ của ông đi công tác. Rồi khi trở về, chiếc thang lại được kéo lên cao, ẩn mình trong rừng cây um tùm rợp bóng. Nguồn nước trong veo rỉ ra từ đá núi cứ tí tách nhỏ giọt quanh năm luôn làm đầy một thùng phuy chứa nước, dùng mãi không bao giờ cạn. Nước mát, có khi lạnh ấy đã nuôi sống những con người trong núi Ông Linh.



Núi Voi, trong kháng chiến thường gọi là núi ông Linh. Căn cứ của đơn vị ông Vũ Linh cheo leo trên vách núi. Từ đây có thể nhìn về trung tâm thành phố Đà Lạt, quan sát được cả một đoạn đường Hai Mươi. Ông và đồng đội lên xuống bằng thang dây rừng, địch không phát hiện được và không thể tấn công vào đây được.

Quên sao được những lần xuống núi, ông cùng anh em, đồng chí, đồng đội vượt qua bao bãi mìn địch gài, lèn qua bao trận địa phục kích, bám vào cơ sở trong dân chỉ đạo về thành phố thu nhận tin tức địch tình, mang lương

thực, thực phẩm lên núi nuôi quân. Quên sao được những đêm thức trắng bên ngọn đèn dầu tự chế mà anh em kháng chiến gọi là đèn “Ló thụt” le lói, đọc từng trang sách từ vùng tạm chiếm chuyển vào, kể cả những tài liệu tuyệt mật của Tổng Nha Cảnh sát Sài Gòn do cơ sở của ông trong hàng ngũ địch gửi vào (một số tài liệu ông còn lưu giữ đến tận bây giờ); những khi trần trở dưới ánh đèn mờ, vạch kế hoạch đường đi nước bước làm sao chiến thắng kẻ thù mà không hao tổn lực lượng?

Tôi đã hỏi nhiều người tham gia kháng chiến thời chống Mỹ ở Đà Lạt, nhưng họ đều không biết được ai là người đã có sáng kiến chế ra cây đèn “Ló Thụt” một cách tài tình vừa rất phù hợp với điều kiện khó khăn đến ngạt nghèo, vừa rất tiện lợi cho hoạt động của cán bộ chiến sĩ ta trong những năm tháng gian nan ấy. Đó là một loại đèn dầu mà vật liệu của nó gồm một lọ dầu alcool de man, một viên đạn carbinne, một ruột bút bi bằng đồng bao gồm cả lò xo với tim đèn lồng vào ruột bút bi và dầu lửa trong chai. Găm viên đạn vào miệng chai dầu, rồi cho ruột bút xuyên qua từ đáy cát-tút (là một thứ làm bằng đồng để gắn một đầu đạn) đến đầu viên đạn, tựa cái lò xo vào bên trong đầu đạn (đã lấy hết chì ra), tim đèn xuyên qua đầu đạn nằm gọn trong chai để dẫn dầu lên; thế là ta đã có một cây đèn nhỏ gọn. Khi dùng thì vặn nắp mở ra, dùng tay bật nhẹ đầu ruột bút, cái lò xo bật nảy làm cho tim đèn trôi lên, không dùng thì tắt đèn vặn nắp đóng lại bỏ vào xác cốt hoặc đeo bên thắt lưng gọn gàng.

Quên sao được những khi tự chế biến món kẹo đậu phụng bằng sữa bò “ông Thọ” nhờ dân mua hộ từ thành phố đem về. Đốt lửa lên, rang đậu phụng giòn tan, tránh cháy khét. Cho một ít dầu ăn hoặc mỡ heo vào lon guigoz đặt lên bếp cho sôi, rồi mở lon sữa “ông Thọ” đổ vào, đun sôi nhẹ và thả từng nhúm đậu phụng (lạc) vào, cho

đến khi sữa được cô đặc quánh lại, dậy mùi thơm lừng thì nhắc ra khỏi bếp đã có món kẹo sữa đậu phụng ngon tuyệt chẳng kém kẹo Nougat ở các cửa hiệu trên phố! Quên sao được món cà phê kho trong bi-đông nhôm đặt lên bếp than sôi ùng ục lâu lâu một chút, rồi chế ra cái ca sắt Mỹ lọc qua túi vải. Mùi cà phê (coffe) thơm phưng phức cùng đồng đội ngồi thưởng thức và trao đổi công việc giữa rừng đêm thanh vắng mà ấm lòng. Quên sao được tiếng chim kêu vượn hú, cộp gầm trong rừng sâu, có những đêm đi công tác ngủ lại giữa rừng trong chiếc võng dù có bọc chống muỗi, nghe tiếng động ngồi dậy rọi pin thấy đôi mắt cộp phản chiếu ánh đèn pin sáng quắc, nhưng nó chỉ ngồi rình suốt đêm mà không dám vỗ vì sợ đánh bầy. Quên sao được khi nhìn anh em chiến sĩ nằm ngủ ngon lành trên chiếc võng dù sau một trận đột kích sinh tử. Quên sao được và thương làm sao các anh em thương bệnh binh có khi mấy ngày liền chỉ còn húp bát cháo loãng vì gạo đã hết sạch trong hòm.

Những người bạn chiến đấu từng làm việc với ông ở thị ủy cũng như ở các đơn vị trực thuộc thị ủy Đà Lạt mà tôi gặp sau này đều nói lên tác phong gần gũi, tình cảm yêu thương, gần bó của ông đối với mọi người trong những năm kháng chiến đầy gian khổ và ác liệt.

Ông Nguyễn Đức Minh – thiếu tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, từng là ủy viên ban An ninh khu VI, được biệt phái về làm tổ phó tổ A2 năm xưa - mỗi khi nhắc đến ông Vũ Linh, lòng ông trăn trở không yên vì người sĩ quan ấy bây giờ vẫn chưa được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; chưa được ghi nhận một cách rõ ràng, lại còn bị hàm oan một cách vô lý!

Ông Nguyễn Đức Minh cũng đã bao lần lên tiếng, bao lần gửi thư lên Trung ương trình bày, chứng minh sự trong sáng, ý chí kiên cường, bản lĩnh chính trị cũng như tấm lòng nhân hậu như một đặc tính riêng có của ông Vũ Linh.



Ông Vũ Linh đưa cháu nội về thăm căn cứ Núi Voi. Cháu ông lúc đó 22 tuổi leo lên trước đứng làm trụ cho ông nội 80 tuổi níu tay leo lên dốc núi.

Tôi lần theo những thông tin và tiếp cận những người đang sống, từng đảm đương những vị trí quan trọng trong vụ việc này để làm rõ mọi căn nguyên. Trung tướng Trịnh Lương Hy, quyền Tổng cục trưởng Tổng cục an ninh – từng là Phó Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng được giao nhiệm vụ thực thi chuyên án HT 86, điều tra làm rõ ông Vũ Linh có phải là gián điệp hai mang, là tình báo CIA của Mỹ hay không? (lúc ấy ông Vũ Linh đang là

giám đốc Công an tỉnh). Ông Trịnh Lương Hy biết thừa, điều đó là điều không tưởng, nhưng chấp hành sự chỉ đạo, ông đã cho tiến hành thực hiện nhiệm vụ hết sức nghiêm túc, chặt chẽ, với các biện pháp, kinh nghiệm của ngành, phối hợp với cả bên An ninh quân đội, nhưng càng làm lại càng chứng minh phẩm chất, trí tuệ và tấm lòng của ông Vũ Linh là tuyệt vời không thể nói khác được!

Thời gian cứ trôi đi, ông Vũ Linh và rất nhiều người bạn chiến đấu của ông kể cả những người từng là lãnh đạo của ông, đã có nhiều đơn thư gửi lên cấp trên đề nghị làm rõ mọi chuyện và có kết luận đúng đắn. Nhưng như nước chảy qua cầu, thư đi mà chẳng có tin lại; thực sự lòng ông không thanh thản. Nhưng vốn dĩ là con người biết trọng danh dự, biết điều phải trái, một con người không bao giờ tự cho mình là người quan trọng. Ông coi những điều oái oăm nêu trên như một «tai nạn» mang tính “sinh nghề, tử nghiệp”, như số phận đã được định sẵn với mình.

Ông Vũ Linh cũng đã được đọc những lá thư đề nghị của ông Nguyễn Đức Minh gửi cho Bộ công an về việc của ông Vũ Linh cũng như các đồng chí đồng đội khác, trong đó có đồng chí Trần Phú Nhuận (tức Năm Lương), đồng chí Phương Văn Hân (tức Dũng Bắc) đã chiến đấu, ngoan cường, dũng cảm như thế nào để kịp thời báo cáo tình hình an ninh cho cấp trên kịp thời đối phó, đến khi bị thương nặng, chấp nhận hy sinh để kiên quyết dành huyết thanh cho đồng đội.

Nói đến đại tá Vũ Linh, tổ trưởng tổ điệp báo A2 với những chiến công đã được ghi nhận, ông Nguyễn Đức Minh kể lại khá cụ thể trong lá thư gửi đến thượng tướng

Tô Lâm, ủy viên Bộ Chính Trị, Bộ trưởng Bộ Công an như sau:



Nghỉ chân trên đường rừng trong một chuyến đi về thăm căn cứ cũ Núi Voi. Trong ảnh: Vũ Linh (người thứ ba từ trái sang).

«Năm 1953, đồng chí Vũ Linh là cán bộ công an tỉnh Phú Yên được cử ra miền Bắc học tại trường Công an Trung ương. Tháng 10 năm 1954, do yêu cầu tiếp quản thủ đô, đồng chí được Bộ Công an điều về công tác ở Công an thành phố Hà Nội.

Năm 1964, đồng chí được Bộ điều động về chiến trường miền Nam, làm tổ phó Tổ A2 (tổ điệp báo do Bộ trực tiếp chỉ đạo) đứng chân ở tỉnh Bình Thuận.

Năm 1966, Tổ A2 được giao cho An ninh Khu VI chỉ đạo đứng chân hoạt động ở vùng Tứ Quý – Lâm Đồng.

Người đi qua cuộc chiến

Do yêu cầu Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968, Tổ A2 được điều về đứng chân ở Đà Lạt, đồng chí Vũ Linh được bổ nhiệm làm Tổ trưởng Tổ A2, sau đó tham gia Thường vụ thị ủy Đà Lạt, Trưởng ban An ninh Đà Lạt, ủy viên Ban An ninh tỉnh Tuyên Đức.



Quốc lộ 20 chạy dưới chân Núi Voi.

Từ năm 1968 đến tháng 4 năm 1975, đồng chí Vũ Linh đã củng cố, xây dựng Tổ A2 lớn mạnh, xây dựng được một số cơ sở nội tuyến trong Tòa Thị chính Đà Lạt, Ty Cảnh sát Đà Lạt, Chi Cảnh sát Đơn Dương, trường Võ bị Quốc gia, trường Chiến tranh Chính trị... thu được nhiều tin tức có giá trị về âm mưu, kế hoạch hoạt động, «bình định cấp tốc», «bình định đặc biệt», «bình định phát triển» và kế hoạch Phụng Hoàng của Mỹ ngụy ở Tuyên Đức – Đà Lạt. Cơ sở nội tuyến do đồng chí Vũ Linh trực tiếp chỉ đạo đã lấy được kế hoạch Phụng Hoàng (Phụng Hoàng) Vùng 2 chiến thuật do trung tướng Lữ Lan, Tư

lệnh Vùng 2 chiến thuật ký năm 1970, kế hoạch «tình báo nhân dân» của Cảnh sát Vùng 2, chương trình bình định năm 1970 của Mỹ ngụy, phân loại áp chiến lược A,B,C,D,E... giúp cấp ủy chủ động có đối sách với từng loại.

Năm 1971, địch đóng cứ điểm ở Đồi Mặt trận (cây số 11 trên đường 20 đường vào Đà Lạt), gây trở ngại rất lớn cho việc liên lạc với cơ sở ở nội thị. Đồng chí Vũ Linh đã trực tiếp chỉ đạo trinh sát vũ trang đánh địch nhiều lần, buộc chúng phải rút bỏ cứ điểm này, tạo thuận lợi cho việc giao thông liên lạc với cơ sở.

Bảy năm (1968 đến tháng 4 năm 1975) liên tục bám trụ tại núi Voi, cửa ngõ của Đà Lạt, quần bám địch, xây dựng Tổ A2 lớn mạnh phát triển được mạng lưới cơ sở nội tuyến có chất lượng, cung cấp được nhiều tin tức có giá trị phục vụ nhiệm vụ chính trị cấp ủy địa phương.

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, có 2 sự việc cần nói thêm:

1/ Đồng chí Vũ Linh được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng; được đồng chí bộ trưởng Phạm Hùng chỉ định làm Phó ban Thường trực chuyên án F 101; tôi là Phó Cục trưởng KD4 được Bộ phân công tham gia chuyên án. Đồng chí Vũ Linh là người có công đầu trong việc chỉ đạo chuyên án bắt sống Nahria Ya Duck (Phó thủ tướng Fulro) và trên 60 sĩ quan Fulro trong rừng.

Đây là chuyên án đầu tiên ở Tây Nguyên giành thắng lợi lớn trong việc thực hiện Chỉ thị 04 năm 1977 của Ban Bí thư, giải quyết cơ bản vấn đề Fulro ở Lâm Đồng

(đồng chí Vũ Linh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất). Sau khi kết thúc chuyên án, hàng tháng đồng chí Vũ Linh tiếp tục giáo dục, cảm hóa, thuyết phục Nahria Ya Duck (kể cả khi đã nghỉ hưu) nên đầu những năm 2000, Fulro ở Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum gây rối, gây bạo loạn chính trị thì ở Lâm Đồng do ta nắm chắc Nahria Ya Duck nên vẫn giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định.

2/ Vụ tên Tân Thành, Bí thư Thị ủy Bảo Lộc, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng ngày 18 tháng 7 năm 1973 mang tài liệu, vũ khí, thông qua linh mục Giảng, về đầu hàng địch ở thị xã Bảo Lộc, CIA đã dùng trực thăng ngay hôm đó đưa tên Tân Thành về Nha Trang khai thác và bố trí cài lại khi ta giải phóng Nha Trang tháng 4 năm 1975.

Với tinh thần quyết tâm đánh địch, sau 10 năm kiên trì truy tìm, mưu trí, đồng chí Vũ Linh đã bắt sống được Tân Thành đang mang căn cước của Việt Nam Cộng hòa dưới tên Lâm Tú Hòa, và y khai nhận đã được CIA bố trí cài lại.

Hai sự việc trên là 2 chiến công thầm lặng, thể hiện bản lĩnh anh hùng của người chiến sĩ Công an nhân dân, cùng với thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, đồng chí Vũ Linh xứng đáng được phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân”.

Đọc những dòng này trong lá thư gửi lên bộ trưởng Công an của thiếu tướng Nguyễn Đức Minh – người đã từng đồng cam cộng khổ, vào sinh ra tử với ông Vũ Linh trong những ngày ở chiến trường khu VI - tôi càng hiểu hơn trách nhiệm, tấm lòng mà ông luôn đau đáu về người

đồng chí, người chỉ huy thông minh, người bạn chiến đấu, gan dạ của mình.

Dẫu biết thế sự biến chuyển hằng ngày, cuộc sống hối hả trôi nhanh, và vì nhiều lý do để ai đó có thể quên! Nhưng những gì của quá khứ sâu nặng mà thiếu tướng Nguyễn Đức Minh đã gửi gắm trong lá thư đầy tâm huyết ấy, sẽ mãi không bao giờ phai mờ trong ký ức của những người đã từng một thời đi qua cuộc chiến!

T.T.V

MANG CON TIM THỜI ĐẠI

❖ Nguyễn Tuấn Hải

Câu chuyện xoay quanh những chuyên án, đan xen giữa tình bạn, tình người của một thế hệ từng trải qua hai cuộc kháng chiến khốc liệt, ở những chiến trường gian khổ, mà mỗi khi nhắc lại, ánh sáng song tuệ lại lấp lánh trong đôi mắt, lại rành rọt trong từng câu chữ về từng trận đánh, từng vụ việc....làm ai đó đã thốt lên thành lời hát: Thăm lặng mà đẹp lắm đất nước ơi, những người dân nước tôi mang con tim thời đại....

Chú gặp Vũ Linh khi anh ấy từ Việt Bắc về tiếp quản Hà Nội năm 1954 - Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh nói: Thời điểm đó, bọn chú là những sĩ quan còn rất trẻ, chú cũng đang công tác tại Công an Hà Nội. Năm 1964, Vũ Linh đi B, về hoạt động điệp báo ở khu VI. Đến năm 1965, chú tình nguyện vào Nam cũng được điều về Khu VI, lại gặp nhau và gắn bó với nhau trong công tác An ninh cho đến hết mùa kháng chiến chống Mỹ. Năm 1976, chú ra bộ Công an công tác, làm Cục phó Cục KD4. Khi hình thành chuyên án F101 để giải quyết vấn đề Fulro, chú được Bộ điều về Lâm Đồng tham gia đánh án, lại gặp anh Vũ Linh bạn cũ với vị trí phó ban thường trực chuyên án. Ba lần gặp nhau trong công tác và chiến đấu là trọn cuộc đời của bọn chú gắn bó với nhau.



Bộ trưởng Bộ Nội vụ Trần Quốc Hoàn (người thứ sáu từ trái sang), ông Vũ Linh (người thứ bảy từ trái sang) tham dự Hội nghị Công an toàn quốc tại Hà Nội và chụp ảnh kỷ niệm trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với chuyên án F101, chú và Vũ Linh học Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Bộ Công an thời chiến tranh. Chuyên án bắt sống Fulro này nó giống như cách của Khổng Minh bắt Mạnh Hoạch, bắt sống rồi thu phục. Khi ta dựng lên tổ chức Caritas để dụ địch, nhưng không làm việc gì ảnh hưởng chính trị. Khi bắt Fulro về Vũng Tàu, nơi đặt trụ sở Caritas, ta cũng làm biển Caritas nhưng treo trong buồng. Khi khắc dấu Caritas, một anh công an phải đứng chờ khắc dấu, cầm lấy ngay con dấu này. Chú soạn thảo thư của tổ chức Caritas gửi cho Nahria Ya Duck cũng phải bằng tiếng Pháp (người đánh máy không biết tiếng Pháp, và có người cũng giỏi tiếng Pháp nhưng không biết đánh máy nên có lúc đánh bức thư mất ba tiếng).

Thời điểm đó, Bộ Công an bổ sung anh Hai Tân - Cục phó Cục KĐ4 tham gia ban chuyên án F101. Hai Tân lo thu xếp địa điểm ở Vũng Tàu, Trà Vinh để đưa Fulro về thuận lợi hơn trụ sở Hội trước đây ở Đà Nẵng.

Vũ Linh bắt sống phó thủ tướng Fulro, sau đưa về trụ sở ở Vũng Tàu để câu nhử tiếp, chú đã cùng Độ (Nguyễn Văn Độ nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng sau này, thời điểm đó là ủy viên ban chuyên án) cũng dẫn giải một số Fulro về Vũng Tàu. Chú ở lại gặp Mười Rùa lấy mấy tấn gạo do Mười Rùa tặng sản phẩm vụ công tác cải tạo giáo dục Fulro. Mười Rùa được Bộ khen.

Còn việc cải tạo, giáo dục Fulro như thế nào không ai dạy các chú. Chú suy nghĩ rất lung, rồi anh em cùng nhau tự soạn thảo về lịch sử dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương đến Đinh-Lê-Lý-Trần để thuyết phục Fulro. Giải thích cho Fulro nghe tại sao các đời vua lại gả công chúa cho các tộc trưởng, vua chúa các nước lân bang; phân tích thư Bác Hồ gửi cho các dân tộc, kể về cuộc đối thoại giữa Lê Đức Thọ với Kissinger...Hàng ngũ Fulro trong chuyên án F101 là cánh K'Ho và Chu Ru – cánh này thoát ra khỏi sự khống chế của D (Đắk Lắk). Thực dân Pháp quy định anh là dân tộc D coi như có quốc tịch Pháp. Dân D là đương nhiên được học trường Xanh Xuya. Tuy nhiên nhóm K'Ho, Chu Ru này nhiều người lúc còn nhỏ cũng đã từng học trường Pháp, lớn lên được đào tạo tại trường Quốc gia Hành chính, trường Sĩ quan Thủ Đức... Do đó, việc lừa bắt, dẫn giải, giáo dục, cải tạo...là một cuộc đấu trí cam go trên tinh thần bà con dân tộc đỡ khổ, những người theo Fulro đỡ chết và cũng đỡ tổn thất xương máu cho ta. Ví dụ như khi Vũ Linh bắt sống phó thủ tướng Fulro thì ta tổ chức đón tại con suối

phía dưới chợ Tùng Nghĩa, nhưng bố trí bắt thì ở dưới rặng dừa ở Ninh Thuận. Trong lúc đó bọn sĩ quan Fulro chạy xe theo đi tiền rất đông, do đó ta phải cấm anh em trinh sát đứng tại trạm cảnh sát giao thông giả vờ kiểm soát xe, gián tiếp đuổi bọn đi tiền trở về. Nếu không thì khi bắt sẽ không ổn hoặc bị lộ thì mạng lưới ta giăng ra không còn tác dụng nữa!



*Thiếu tướng
Nguyễn Đức Minh - Anh
hùng Lực lượng vũ trang
Nhân dân. Người gần bó
với ông Vũ Linh ở Công
an Hà Nội, ở điệp báo
chiến trường khu VI và
chuyên án F101.*

Đến chuyến 5, khi bắt Ha Pút B, K'Ty về Vũng Tàu Ya Đuck dao động. Ba Ngộ (lúc đó là giám đốc Công an Vũng Tàu) nghe lén, thấy chúng bàn tán, nghi chúng tạo phản. Chú, chú Vũ Linh, và chú Hai Tân gặp Ba Ngộ bàn nhau. Nhưng anh em phiên dịch không rõ Fulro bàn nhau chuyện gì và không thống nhất với nhau bản dịch. Tuy vậy, chúng ta cũng tính nên phòng ngừa bọn Fulro có ý muốn phản kế hoạch, nhưng chưa kịp thông báo ra rừng.

Sau chuyến thứ 7, chúng giết Lâm Văn Thạnh và Nguyễn Ngọc Diêu, chú và Vũ Linh ra báo cáo anh Phạm Hùng, anh Phạm Hùng chia buồn với 2 liệt sĩ nhưng ông động viên: Các cậu đánh thế là tốt. Rồi ông hỏi: Sản xuất ở vùng dân tộc thế nào? Xây được mấy trường học? mở được mấy trạm y tế? Chú và Vũ Linh thẩm thía: Giải quyết vấn đề Fulro là giải quyết đời sống dân tộc thiểu số, đó vẫn là vấn đề căn bản của trước đây, bây giờ và cả sau này....Chuyên án là một vụ án dùng trình sát chuyên trách. Tại sao chuyên án này chỉ định ông Năm Thắng (bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng) làm trưởng ban chuyên án vì cái lý là để chỉ đạo toàn diện các lực lượng, các ngành tham gia lo các mặt theo chức năng của họ, còn công an thì tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cài bẫy bắt sống; cải tạo; không diệt, hạn chế đổ máu. Từ đó, việc giải quyết đời sống cho hàng ngũ Fulro và bà con dân tộc khá hẳn lên...Cách giải quyết vấn đề Fulro ở Lâm Đồng trở thành điển hình mẫu mực, được đánh giá cao và được báo cáo điển hình trong các hội nghị của ngành.

Chú và chú Vũ Linh cho rằng có nhiều bài học được rút ra qua chuyên án F101, trong đó có bài học là: “Phải nắm đầu lớn, nắm được đầu lớn là chắc thắng”. Đó là trận đầu tiên phải bắt cho được Ya Duck, từ Ya Duck ta lập kế hút toàn bộ đám đàn em sa vào bẫy. Vấn đề là chúng ta bẫy không phải để diệt mà bẫy để rồi cảm hóa và đưa họ về với cuộc sống an lành trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

(Ghi theo lời kể của Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh)

TRANG CUỐI CUỘC ĐỜI

❖ Trọng Hoàng

Tôi tìm mãi trong mấy chiếc cặp và valy cất giữ tài sản của ông, vẫn không thấy quyết định nghỉ hưu để làm thủ tục nộp cho ban Bảo vệ sức khỏe! Tôi liên lạc với phòng Tổ chức Công an tỉnh cũng không có. Họ điện ra Bộ thì mới biết là hồi đó Bộ ra quyết định hưu trí chỉ gửi cho vụ tổ chức để lập hồ sơ và cấp sổ hưu cho ông mà thôi!

Trong những chiếc cặp và valy của ông chỉ toàn là tài liệu và hình ảnh được lưu giữ hết sức cẩn thận, kể cả những cuốn sổ tay công tác từ hồi ông ở trong rừng được viết bằng mật mã không thể dịch được. Chữ ông viết đẹp, mạnh mẽ mà lại rất bay bướm, đáng tiếc là anh em chúng tôi và cả các cháu nội của ông cũng vậy, không có đứa nào thừa hưởng được cái “gen” viết chữ đẹp của ông!

Ở trang đầu những cuốn sổ tay ông thường dành để ghi những câu trích trong những cuốn sách mà tôi đoán là ông rất tâm đắc khi đọc. Ví dụ như: *“Lấy đại nghĩa thắng hung tàn/ Lấy trí nhân thay cường bạo”* của Nguyễn Trãi; *“Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi/ Mà*

khó vì lòng người ngại núi e sông (Nguyễn Bá Học) hay: *“Xưa nay người khéo thắng là ở chỗ mềm dẻo chứ không phải lấy mạnh đè yếu, ý nhiều hiếp ít”*; *“Hãy đem đến cho người cái mà ta muốn người đem đến cho mình* (Balzac)”*;* *“Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân* (Khổng Tử)”..... và một số câu khác rất chọn lọc. Tôi cảm nhận những triết lý ông tâm đắc đó giống như cách ứng xử của ông trong công việc và cả trong cách đối nhân xử thế trong cuộc sống hằng ngày. Tư duy của ông khá độc lập, ông không thích cách nói rập khuôn, một chiều, những câu nói thuộc lòng kiểu “cả nước bắt chước nói theo” mà không có ý nghĩa thực tế. Mỗi khi nghe một số nhân vật nói kiểu như vậy trên truyền hình, ông thường cười bảo: *“Nói giống vẹt quá há!”*. Đặc biệt, ông rất khó chịu với lối ăn nói coi thường người dân. Có lần tôi đang ngồi uống trà với ông thì một sĩ quan vừa đi công tác về, đến báo cáo tình hình, khi nói về một vị chức sắc tôn giáo bằng cách dùng từ thiếu tôn trọng, ông nghiêm sắc mặt nhắc nhở ngay: “Dù có mặt hay không có mặt người ta cũng phải luôn tôn trọng chứ không nên vô lễ vậy sẽ thành thói quen không tốt!”. Trong một hội nghị, ngồi nghe một vị lãnh đạo nói chuyện cũng có cách nói thiếu tôn trọng như thế, ông đã không hài lòng: “Điều đó chỉ nói lên sự thiếu văn hóa của cán bộ chứ không thuyết phục được ai!”.

Trong gia đình, có lẽ tôi là người sống bên ông nhiều nhất kể từ những ngày còn chiến tranh cho đến sau này và cả 10 năm sau khi nghỉ hưu ông vẫn sống ở Đà Lạt với gia đình tôi, tôi chưa từng thấy ông tỏ ra sợ sệt một điều gì, kể cả những lúc ranh giới giữa cái sống và cái chết chỉ trong đường tơ kẽ tóc và cả sau này khi bị cấp trên đối xử hết sức tệ bạc, lúc đầu tôi thấy ông có những suy tư, nặng lòng, nhưng ông đã bước qua rất nhanh để với ông vẫn một phong thái ung dung, đường

hoàng, đĩnh đạc coi nhẹ những trắng đen của thế thái nhân tình!



Hàng đầu từ trái sang: Nguyên Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết thăm và chúc thọ cụ Vũ Linh 90 tuổi, cụ Vũ Linh và vợ (bà Nguyễn Thị Diễm). Hàng sau từ trái sang: Trình Tự Kha, Tổng Giám đốc Công ty Du lịch Vina Golf (người thứ 3); Hà Phước Toàn, Bí thư Thành ủy Đà Lạt (người thứ tư); Nhà báo Trần Thế Tuyển, Tổng biên tập Báo Sài Gòn Giải phóng (người thứ năm); Nguyễn Tri Diệm, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt (người thứ sáu)... Và những người trong gia đình ông Vũ Linh.

Mùa hè năm 1971, sau khi dự lớp huấn luyện công tác đô thị, một số anh em lần lượt rời căn cứ trong những đêm tối trời để về thành. Riêng tôi được chú Năm An bí thư thị ủy giữ lại làm việc thêm vài ngày rồi ông cho giao liên đưa tôi sang núi Voi và nói “Cháu qua với ba cháu một thời gian để học thêm vài “đường quyền” về phương pháp tìm hiểu địch tình”. Ở Đà Lạt (trong kháng chiến) mọi người đều gọi núi Voi là núi Ông Linh, cách thành

phố Đà Lạt khoảng trên mười cây số thuộc thôn Định An, gần sát đường Hai Mươi. Ngồi trên núi nghe tiếng xe chạy dưới chân mình, tiếng còi xe vọng lên rất gần và có thể nghe bọn lính đi tuần cãi nhau, chửi thề dưới đường. Ông tạo một thế ở bất ngờ nhiều năm mà địch không đoán được. Rừng cây rậm rạp chạy từ dưới thung lũng lên đến lưng chừng vách núi thì dừng lại vì bên trên toàn đá thẳng đứng. Dưới bóng cây của cánh rừng treo bên vách đá ấy, đơn vị của ông dựng một căn lều thật kín đáo, từ ngoài nhìn vào không phát hiện được, nhưng từ trong nhìn ra thì có tầm quan sát rất rộng, bên trong có giường ngủ bằng cây rừng kết lại thành một ô vuông rộng đủ chỗ cho 4 – 5 người nằm, cất tranh khô về lót dưới rồi trải bạt lên trên làm nệm ngủ rất ấm! Thích thú nhất là ông có một kệ sách nho nhỏ bằng những cây rừng cõ ngón tay, dùng dây mây kết lại treo lên vách lá nơi đặt cái bàn làm việc cũng bằng cây rừng kết lại bởi dây mây. Trong đó có một số cuốn sách ông mang từ ngoài Bắc vào, như: Tổ tiên ta đánh giặc, Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, Bộ triết học Max - Lenin, và tiểu thuyết tình báo Nam tước Phôn-gôn-ring... Và những sách do cơ sở trong nội thành gửi ra như: Tập san *Sử Địa* hầu như đầy đủ các số, một số tờ *Tin Sáng*, *Đối Diện*, *Điện Tín*.... Đặc biệt là có những cuốn sách dùng để huấn luyện Cảnh sát Quốc gia được đóng dấu tuyệt mật của Tổng nha. Tôi say sưa đọc mấy cuốn sách ông mang từ Hà Nội vào, lần đầu tiên được đọc, tôi cảm thấy mình thu nhận được nhiều kiến thức mới lạ, hấp dẫn. Đọc tài liệu huấn luyện của Cảnh sát Sài Gòn để hiểu hệ thống tổ chức của họ và biết họ xây dựng tình báo, mật vụ, mật báo như thế nào. Đồng thời ông hướng dẫn cách phát hiện ra chúng để đề phòng, đối phó. Ông nói: “Muốn thắng thì phải biết địch, biết ta”. Ông còn chỉ cho cách tiếp cận với đám quan chức để moi tin và cách thu lượm, phân tích, tổng hợp tin tức. Thỉnh thoảng, ông về thị ủy trực để cùng giải quyết

công việc với đồng chí bí thư hoặc xử lý công việc khi đồng chí bí thư đi vắng. Tôi thường xuyên ở với anh Tư, anh Thắng là hai chiến sĩ an ninh rất gan dạ và mưu trí. Các anh đã từng nhiều lần bỏ vào đồn địch trinh sát rồi trở ra an toàn; có lần bỏ vào đến giường ngủ của sĩ quan cố vấn Mỹ rồi rút êm mà địch không hề hay biết. Các anh đã từng gỡ hàng trăm trái mìn do địch cài trong những đêm tối trời đột áp, thiết bị rà mìn của các anh chỉ là một cọng cỏ rất mềm với bàn tay cực kỳ nhạy cảm và khéo léo. Anh Tư kể về những trận bị địch tấn công bất ngờ, cầm chắc cái chết, nhưng ông vẫn rất bình tĩnh làm cho anh em vững tinh thần chiến đấu để thoát vòng vây. Đạo đó địch tung quân đi càn liên tục, dài ngày. Một buổi chiều, 3 anh em đang trốn trong một hang đá ở sườn núi thì bị phát hiện, địch từ dưới chân núi tập trung hỏa lực bắn xối xả, đạn cày vào vách đá tóe lửa, cái hang nhỏ xíu đổ rực như đang cháy! Ông bảo tất cả nằm im, không được bắn trả, đúng như ông tính toán, một lúc lâu không thấy ta bắn trả, địch bắt đầu ngưng bắn bỏ lên, ông gật đầu ra hiệu, anh Tư, anh Thắng bật dậy đồng loạt nổ súng, bọn địch ào ào lăn xuống. Anh Tư hét lớn: “Thắng! tao bắn, mày đưa anh Linh chạy lên trước rồi bắn chặn để tao chạy lên”. Thế là anh Tư nhảy ra khỏi cửa hang siết cò xả cả băng đạn về phía địch, anh Thắng và ông chạy băng lên lưng núi, bọn địch phát hiện bắn theo như vãi đạn! Lợi dụng mấy gốc cây rừng to, ông bảo anh Thắng quay lại bắn hỗ trợ cho anh Tư chạy. Ba thầy trò thoát chết trong gang tấc. Một lần khác trên đường đi công tác phối hợp với các cơ quan, gặp phục kích, địch bấm mìn cleymore nổ ngay dưới chân, người ông quay tròn, khói bụi mịt mù không còn biết phương hướng nữa, ông lăn người vào một gốc cây hét to: “không được chạy!”; rồi ông bóp khắp người biết mình không bị thương, ông quay sang hỏi anh Tư có bị thương không? Anh Tư bảo không, rồi nói nhanh: “Anh rút theo giao liên

Người đi qua cuộc chiến

đi, em nổ đây!”. Trong lúc các chiến sĩ bảo vệ đoàn nổ súng đánh chặn địch, thì giao liên lần lượt hướng dẫn khách rời trận địa an toàn. Anh Tư nói “Lúc đó anh nào hoảng hốt bung chạy là phoir lựng cho nó bắn hoặc là chạy ầu chui vào trận địa của địch mà thôi!”. Rất nhiều trận cái chết và cái sống cách nhau trong đường tơ kẽ tóc, đạn xuyên balo, rách áo....Ông cười bảo “Hình như đạn nó tránh mình!”.



Cô Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương (người thứ ba từ trái sang) về Đà Lạt thăm cụ Vũ Linh đang dưỡng bệnh tại tư gia lúc cụ 92 tuổi.

Những năm nghỉ hưu, khi còn khỏe ông thường đi đó đây thăm bạn bè, vui chơi với con cháu và nói chuyện đời. Ông đọc chữ Hán khá thông thạo, trong những năm chiến tranh ông đã sử dụng chữ Hán kết hợp với chữ Quốc ngữ soạn ra bản mật mã riêng cho mình để ghi

chép tình hình trong cuốn sổ tay công tác. Ông rất yêu thích văn học Trung Hoa nhưng ông cũng rất ghét bản chất xâm lược, ỷ mạnh hiếp yếu của các triều đại Trung Hoa. Lúc nằm trên giường bệnh, anh Nguyễn Đức Hiệp giám đốc công an tỉnh đến thăm: “Chúc ông già mau khỏe để đi thăm chơi đó đây với con cháu, hết Fulro rồi, không phải lo nữa!”. Nhưng ông lại nói: “Đất nước chưa hết chiến tranh đâu! Cứ nhìn ra biển Đông và nhìn ra biên giới để thấy, để không mất cảnh giác!”.



Những người đồng đội với ông Vũ Linh cùng một thời đi qua cuộc chiến. Trong ảnh từ trái sang gồm các ông: Trịnh Luyện (nguyên Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng); Trịnh Khiết (nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng); Nguyễn Xuân Du (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng); Chế Đặng (nguyên Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng); đại tá Đinh Sĩ Uẩn (nguyên Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, nguyên Chánh thanh tra tỉnh Lâm Đồng), và ông Vũ Linh trong một buổi trà đạo.

Người đi qua cuộc chiến



Đại tá Vũ Linh và đại tá Nguyễn Văn Độ là những giám đốc Công an Lâm Đồng thuộc hai thế hệ trước và sau. Nay đã nghỉ hưu, ông Độ thường lái xe ô tô đón ông Linh đi thăm chơi đây đó.



Tình bạn giữa ông Vũ Linh, nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng với ông Trường Thanh, nguyên Phó Giám đốc CA tỉnh đã nghỉ hưu thường rủ nhau đi cà phê thư giãn bên hồ Xuân Hương.

Trong một phiên họp tỉnh ủy khóa IV xét kỷ luật ông sau những chuyên án do ông trực tiếp chỉ huy xóa sổ lực lượng Fulro đang còn nóng hổi! Là một thành viên trong tỉnh ủy, tôi ngồi nghe ủy ban kiểm tra đọc bản báo cáo, đưa ra những khuyết điểm với căn cứ không rõ ràng, và thật khó có lý để tin những điều như thế có thể xảy ra!... Trong lúc đó, đồng chí chủ tịch và các đồng chí trong ủy ban nhân dân tỉnh ra sức phân tích, nêu nhiều ý kiến đúng đắn để bảo vệ cho ông. Vì thế, tôi tin là mọi việc sẽ ổn! Thế nhưng, bằng sự lèo lái mãi mất gần 2 ngày căng thẳng, mệt mỏi cũng đã đạt được một số lượng nhất định trong tỉnh ủy đủ để bỏ phiếu bằng cách giơ tay kỷ luật ông với hình thức cảnh cáo, có 3 người trong thường vụ không biểu quyết kỷ luật ông đó là phó bí thư tỉnh ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh), Phó chủ tịch trực Trịnh Khiết (Hoàng Văn) và trưởng ban

dân vận Phạm Thu Nhi. Thực ra mục tiêu của bản báo cáo đưa ra với nội dung khá nặng nề, nhưng nhiều người không đồng tình nên đã hạ xuống mức cảnh cáo để “dễ” biểu quyết cho xong! Sau đó, Ban bí thư Trung ương đã ra quyết định cách chức tỉnh ủy viên đối với ông. Cùng với những sự việc có liên quan, đại tá Nguyễn Thông - Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã phải nhận án kỷ luật khai trừ Đảng. Ông là một sĩ quan quân đội được nhiều người đánh giá là giỏi cả lý luận quân sự và cả chỉ huy tác chiến, từng lập nhiều chiến công trong chiến tranh, được chọn cử đi làm chuyên gia quân sự cho Cu Ba; cho đến trước phút nhắm mắt lìa đời ông vẫn còn rất nặng tâm tư về vấn đề này! Theo nguyên tắc khi phía Đảng đã có nghị quyết thi hành kỷ luật, thì phía chính quyền cũng phải có hình thức kỷ luật tương xứng; có nghĩa là phải cách chức giám đốc Công an tỉnh của ông! Nhưng bộ Công an không đồng tình và đã không làm điều đó! Ông vẫn làm giám đốc Công an tỉnh mà không có chân trong tỉnh ủy hơn một năm nữa trước khi Bộ điều về làm Phó Cục trưởng A16, trực tiếp làm Cục trưởng Cục An ninh Tây Nguyên.

Nhân một chuyến công tác ra Hà Nội, tôi ghé thăm chú Năm Thắng (Đồng chí Đỗ Quang Thắng, nguyên ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng). Tôi ghé thăm chú không có ý nói về vấn đề của tôi hay của ba tôi, mà vì một tình cảm đáng nhớ của tôi đối với chú. Đó là trong những năm ông làm Bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng, ông thường tỏ ra quý mến tôi, ông không khen tôi làm việc tốt hay giỏi, mà chỉ nói: “một cán bộ trẻ ham học hỏi, ham làm việc”. Nhưng kỷ niệm sâu sắc nhất của tôi đối với ông là khi được tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Giáo dục, đại học và Trường Đại học Đà Lạt cho nhóm chúng tôi gồm những anh em sinh viên hoạt động bí mật nội thành trước 1975 được học chuyển

tiếp 6 tháng cho xong chương trình để thi lấy bằng tốt nghiệp đại học. Nhóm chúng tôi gồm 6 người, nhưng tôi đã đến gặp chú Năm đề nghị được thêm một người ngoài diện nói trên. Đã không phải là đối tượng trong diện cho phép, anh ta lại còn vướng vấn đề gia đình nữa, mà những năm đó vướng lý lịch thì rất khó để được vào đại học, chưa nói đây lại là lớp chuyển tiếp dành riêng cho nhóm hoạt động nội thành! Sau khi đưa lý lịch và trình bày với chú, tôi nói “Thưa chú, là bạn bè cùng học một lớp với nhau, chúng cháu không dễ phục ai giỏi hơn mình. Nhưng riêng thằng bạn này là tụi cháu thực sự khâm phục, vì nó rất giỏi, học và nghiên cứu lý thuyết nó đã giỏi, thực hành cũng giỏi, nó giỏi cả tiếng Anh, tiếng Pháp. Sau bảy năm nó làm việc rất tốt, trồng cây, nhân giống, lái máy cày, máy ủi, gánh phân.... nó làm tất. Với lại cha anh ta chỉ là một sĩ quan kỹ thuật về công chánh. Mình bỏ đi một tài năng thì tiếc quá thưa chú!”. Ông gật gật đầu nói “Chú tin cháu”; rồi ông lấy giấy bút viết thư tay cho tôi cầm qua ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả là Bộ Giáo dục và trường Đại học Đà Lạt đã chấp nhận cho anh vào học lớp chuyển tiếp cùng chúng tôi... Tôi kính phục ông vì ông quan tâm đến lớp trẻ và người giỏi.

Tôi ra Bắc ghé thăm, ông vui lắm, tác phong ông vẫn nhanh nhẹn thế, giọng nói cũng nhanh nhanh thế. Vừa ngồi, ông đã hỏi “Cháu đến đây bằng gì?”. Tôi trả lời: “Dạ, Sở Lao động Thương binh Xã hội thành phố Hà Nội cho xe đón cháu đến đây”. Ông nói “Ừ, người Hà Nội lịch sự và chu đáo lắm, các cháu để ý cư xử đừng để họ chê mình nghe cháu”. Tôi “dạ”. Nói chuyện chơi một lúc tôi xin phép ra về, ông bước lại vỗ vai tôi “Cho chú gửi lời thăm ba cháu. Ba cháu là một con người đang hoàng, ông không có lỗi gì cả, nhưng từ vấn đề nội bộ mà đã đưa tới cơ sự này! Chú cũng đang suy nghĩ xem có cách nào tháo gỡ được không!”. Ông dùng từ “cơ sự” làm tôi nhận

ra ông cũng trần trở lắm. Tôi chỉ biết “dạ” rồi bắt tay ông để ra xe. Trong lòng tôi bỗng cảm thấy vui vui vì ông là một lãnh đạo cấp trên của ba tôi từ trong chiến trường ra cho đến sau giải phóng là phó bí thư rồi bí thư tỉnh ủy trực tiếp làm trưởng ban, ba tôi là phó ban trực chuyên án F101, đã có nhận xét như vậy là mình đáng tự hào về sự đàng hoàng và đáng kính của ông già mình rồi! Và cũng hy vọng là biết đâu ông có cách tháo gỡ chẳng!

Một chuyến công tác khác ra Hà Nội được biết chú Hai Lê (Đồng chí Trần Lê, nguyên Bí thư Khu ủy VI, nguyên Bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng sau ngày giải phóng) nằm viện, tôi đã ghé bệnh viện Việt Xô thăm chú, ông mừng lắm. Ông nói chuyện rất nhiều, sức khỏe ông yếu nhưng vẫn giữ được phong độ của một vị tổng chỉ huy lừng danh của chiến trường khu VI ngày nào. Đặc biệt là vẫn nụ cười hóm hỉnh, cách nói chuyện dí dỏm của một con người trí tuệ, ông nói: “Ba cháu bị vậy là bởi biết quá nhiều và quá thật thà! Rồi ông cười hóm hỉnh với giọng Quảng Nam gần gũi dễ mến ông nói: “Thật thà đến ngây thơ hì!”.

Sau khi đi Campuchia về nghe sự việc, cảm thấy bất an trong lòng, Thiếu tướng Bùi Minh Hớn nặng nề tâm tư: “Làm vậy là tự mình đánh mình rồi!”; còn cụ Chế Đặng thì luôn miệng nói: “Làm cái chuyện bá xàm, bá láp!”; cụ Nguyễn Xuân Du, nguyên bí thư tỉnh ủy sau nhiệm kỳ của Nguyễn Trung Tín, cũng như các cụ Trịnh Luyện (Chánh án Tòa án tỉnh), cụ Chế Đặng (nguyên thường vụ tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy), cụ Trịnh Khiết (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), Thiếu tướng Nguyễn Hữu Đức (nguyên thường vụ tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh), Đại tá Trương Văn Ngộ (nguyên chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, nguyên Trưởng ban Nội chính tỉnh ủy), thiếu tướng Bùi Minh Hớn

(nguyên tỉnh đội phó Lâm Đồng rồi tỉnh đội trưởng Ninh Thuận)... là những người bạn, người đồng chí gắn bó chí cốt một thời cùng vào sinh ra tử với ông, họ hiểu nhau đến từng góc cạnh của mỗi người. Tất cả họ đã cùng với ông viết nhiều đơn, thư phân tích đủ lý đủ tình, nêu nhiều chứng cứ bảo vệ lẽ phải, gửi đi khắp nơi từ Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, rồi Đỗ Mười và nhiều đời tổng bí thư sau này nữa, hàng trăm đơn thư gửi đến các ban ngành, các cấp có liên quan, đơn thư lưu đầy một valy của ông!

Trong một buổi trà đạo của các cụ, tôi thưa lại nguyên văn câu nói của chú Năm Thắng, các cụ trầm ngâm một lúc, cụ Chế Đăng nói: “Anh Năm sống tình nghĩa lắm, nhưng trong lúc đấu tranh với cái sai đã khó, mà bảo vệ cái đúng cũng không dễ chút nào! Với tính cách của anh Năm thì không biết là có làm nổi không!” Và, khi thưa lại câu chuyện chú Hai Lê nói về hai cái tội của ba tôi, các cụ cùng cười vang đồng tình và bàn luận sôi nổi: “Anh Hai luôn sâu sắc và hóm hỉnh như thế! Ảnh cũng đã có thư gửi cho ban bí thư rồi đó”.

Các cụ cứ sôi nổi bàn luận, kể cả chuyện oan khuất của đời mình, của đồng chí mình cũng được đem ra phiếm luận, trào phúng cho vui! Ví như chuyện bắt sống Ya Duck - Đệ nhất phó thủ tướng Fulro đói khát, rách rưới tả tơi mà có đến một mũ vàng để đưa cho ông! Ví như chuyện cài được đặc tình trong tòa hành chính ở Phan Thiết cũng như ở Tuyên Đức- Đà Lạt, xây dựng được cơ sở trong Cảnh sát, trong trường Võ bị Đà Lạt... trong những năm kháng chiến, thu được bao nhiêu tin tức mật quan trọng của chế độ Sài Gòn phục vụ cho các chiến dịch của ta, cũng bị đặt ra dấu hỏi vì sao làm được! Cả đến câu chuyện buồn cười, khó tin là một tay thầy cúng có trình độ văn hóa mới lớp 4 mà lại là một đầu mối CIA

Người đi qua cuộc chiến

móc nối, điều khiển một nhà tình báo dày dạn từng làm thất bại bao chiến dịch của đối phương.v.v...và v.v...



Về hưu, ông thường xuyên cùng cán bộ chiến sĩ trở lại chiến trường xưa tìm mộ của đồng đội đã hy sinh.

Tất cả được các cụ biến thành những chuyện cười ra nước mắt của tuổi già, giống như vừa rời khỏi những trò khôi hài trên sân khấu bi hài của cuộc đời! Các cụ cười giỡn thoải mái, những mái tóc bạc phơ rung rinh dưới những cánh hoa lan chúm chím treo trên tường, không quan tâm đến hoàng hôn đã xuống tự bao giờ! Sương chiều mờ đục mấy khung cửa kính, đèn đường vàng úa trong khói sương Đà Lạt. Một cuộc đời oanh liệt đã đi qua suốt những năm tháng đất nước mãi loạn ly! Nhưng lòng ông vẫn ngay thẳng, trong sáng, chân thành dưới ánh mặt trời.

Đà Lạt mùa khô 2010

T.H

TRANG VĂN KHƠI SÁNG LÒNG TRONG

Trần Ngọc Trác

Đêm cứ trôi dần về khuya, tôi lặng lẽ lần giở những trang viết bằng mực xanh đều đặn, thẳng tắp của một người lính già mà lòng ngạc nhiên, cảm phục. Nét chữ thanh thoát, không gợn chút bần khoản như nhắc nhở người đọc về cách sống của một con người: Ngay thẳng, nhân ái.

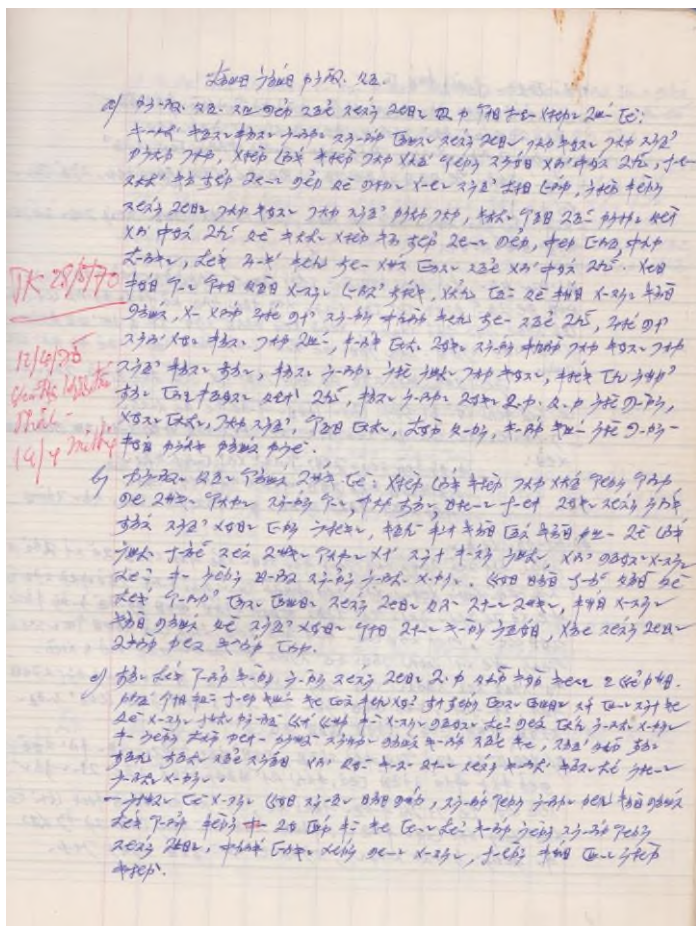
Tôi lấy làm lạ, vì ông vốn dĩ là một sĩ quan công an - mà nói đến công an người ta dễ thường nghĩ rằng - họ là những con người khô cứng, lạnh lùng, ít tình cảm - vậy mà ở ông văn chương lại lãng, tình nghĩa sâu nặng.

Trong những trang ghi chép của ông, tôi bắt gặp nhiều tâm tư, suy nghĩ mà ông còn lưu giữ lại. Những tư tưởng của mấy nghìn năm trước của cha ông cũng như nền văn hóa bất hủ của thế giới; những câu thơ gần gũi trong cuộc chiến cũng như đời thường mà ông tâm đắc đã được ông ghi chép cẩn thận. Ông xem đó như là những bài học cho cuộc đời mình, là kim chỉ nam giúp cho mình định hướng; và cũng từ đó mà trải lòng bao dung trước kẻ thù hung ác, giúp cho họ trở về nẻo thiện; cũng như có cách nhìn nhân ái hơn, độ lượng hơn ngay chính những đồng chí đồng đội ngày đêm bên ông cũng được bình yên.

Người đi qua cuộc chiến

[illegible]

Một trang ghi chép về những âm mưu, kế hoạch của cảnh sát chế độ Sài Gòn đánh phá cách mạng. do cơ sở của ông gọi về.



Một trang viết bằng mật mã trong sổ tay ông Vũ Linh

Những câu thơ của nhà thơ Tố Hữu, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tản Đà, Tú Xương, Nguyễn Khuyến... một thời được ông ghi chép tỉ mỉ. Đọc lại bài thơ «Chào xuân 99» của Tố Hữu viết, tôi hiểu nỗi lòng của ông trần trở như thế nào:

« Ôi Việt Nam, đất nước nghĩa tình
Trái tim lớn yêu chân thiện mỹ.
Sao gần xa cái ác cứ rình,
Mặt nạ người che lòng dạ quỷ!

Sao lắm kẻ xưng danh đồng chí
Nhặt lương tâm, lạnh ngắt đồng tiền.
Gian tà dám bán rao đạo lý,
Tham những leo thang bậc cửa quyền!

Bác ra đi, để lời Di chúc
Đoàn kết bên nhau trên dưới một lòng.
Trọng đức tài, khơi trong gạn đục
Vì nhân dân, xóa sạch bất công... »

Tôi bắt gặp một bài thơ khác của nhà thơ Nguyễn Đức Mậu mà ông chép trang trọng trong sổ tay. Bài thơ có những đoạn:

«Thôi đã dứt đường binh nghiệp,
Tuổi hưu rồi bác ở quê.
Chạnh nhớ bạn bè thuở trước,
Cùng đi có đũa không về.

Người vợ tuổi già như bác,
Miếng trâu nhai dặng chiều mưa.
Hồi son trẻ xa nhau mãi,
Giờ thương biết mấy cho vừa.

Huân chương xếp vào góc tủ,
Nay, hàm tướng tá mà chi.
Tuổi già công danh xem nhẹ,
Cuộc đời như nước trôi đi.

Thuở trước bạn cùng súng đạn,

Nay khuấy hàng xóm bạn già.
 Bao dốc, bao rừng đã vượt
 Lối mòn quanh quần vào ra.

Ngày đi khuấy bóng mẹ cha,
 Nay về sửa sang mộ cũ.
 Âm thầm một tác đất sâu,
 Hương khói tỏ mờ màu cỏ.

Ngôi nhà nắng mưa vẫn đó,
 Đàn con mỗi đứa mỗi nơi.
 Nếu không có trẻ hàng xóm,
 Tuổi già hẳn nhiều đơn côi.

Những đêm gió thổi buốt trời,
 Vết đau cũ còn đau nhức.
 Oi sự đoàn xưa giờ đâu,
 Người cũ, ai còn, ai mất.

Về hưu, giờ thôi quyền chức
 Ai người nhớ bác lại chơi.
 Ai kẻ xa lòng, tránh mặt
 Niềm riêng một mảnh trăng trời».

Có lúc một mình, ông trầm ngâm trước một trang văn dài với bao hoài niệm mà mình gửi gắm:

« Mùa hạ năm ấy chị đi lấy chồng. Chị bảo rằng, chị chẳng bao giờ hát cho ai nghe nữa, kể cả chồng chị. Chị bảo rằng : Chồng là cỗi trần, khúc hát là cỗi trời. Ở nơi đó chỉ những ai đau nỗi đau của nắng, buồn nỗi buồn của mưa, vui nguồn vui gió ngàn mới nghe được những điệu ca quý báu hơn nghìn sao này. Chị mong muốn cuộc sống hòa âm không giới hạn giữa thiên nhiên và con người. Mùa hạ hậu thế kỷ 20 (XX) chị sang ngang. Và một

mùa hạ ở thế kỷ 14 (XIV), vào năm Bính Ngọ (1360), vua Trần Anh Tông, Hưng Long thập niên, có một nàng công chúa lên thuyền qua bể sâu theo chồng ! Sáu trăm mùa hạ qua rồi, kỷ niệm của một dân tộc vang lên trong tiếng hát lúc thanh tao, lúc nhuộm vàng ảo ảnh, cùng những dư giả huyền thoại. rằng nghe lời chiếu dụ: Hạ lục nguyệt, dĩ Huyền Trân Công Chúa giá Chiêm Thành chủ Chế Mân. Ngần ấy chữ thôi, nhưng lịch sử phải rùng mình và chuyển hóa, từ cuộc hôn nhân trong mùa hạ có bao nhiêu nẻo đường rẽ lối nhân gian.

Chỉ một bước chân ngao du của một vị chân tu ở núi Yên Tử, lịch sử phải sang trang. Vị chân tu ấy không ngoài ai khác là Thượng hoàng Trần Nhân Tông – cha của vua Trần Anh Tông và Huyền Trân Công Chúa.

Mùa hạ năm 1301, Thượng hoàng tức Trúc Lâm đạo sĩ có lời hứa gả con gái cho Chế Mân. Và bốn năm sau, 1305, bầy tôi của Chế Mân dẫn theo 100 người sang dâng biểu xin cầu hôn với bao sản vật châu báu. Một năm sau, Huyền Trân Công Chúa theo chồng và cũng vào một mùa hạ nàng trở thành người góa bụa khi Chế Mân giã từ cõi trần.

Mùa hạ những năm xưa và cuộc tình lộng lẫy thương buồn. Và mùa hạ năm nay, giữa giờ Ngọ, giờ của dịch biến, tôi gặp lại thành Hóa Châu !

Liễu yếu đào tơ đã chiến thắng binh đao khói lửa thay vì chiến tranh chỉ một bước sang ngang, Huyền Trân Công Chúa đã trao tặng cho dân tộc, cho người đời một chân dung sang trọng của lịch sử mở đất mở nước. Trần Khắc Chung đã cứu nàng trở lại quê nhà sau 8 tháng lênh đênh trên biển tình... ».

Càng đọc, càng hiểu ông hơn về những gì mà ông đã tích lũy. Với câu chuyện kể này, tôi càng trân quý ông – một người sĩ quan tình báo – không chỉ tư duy cho những trận đánh, mà thấm đẫm một tình yêu đầy nhân bản về con người, về cuộc đời.

Khi đọc sách báo bắt gặp những câu châm ngôn hay, ông thường ghi chép vào sổ tay, vừa răn mình, vừa ứng xử cho phải đạo làm người. Ví dụ như câu: *«Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân»* tạm dịch nghĩa là *«Điều gì mình không thích, thì đừng đem đến cho người ta»* (Khổng Tử), hay *«Hãy đem đến cho người cái mà ta muốn người đem đến cho mình»* (Balzac); hoặc *«Người già thường sống với quá khứ, còn tuổi trẻ lại có một quầng đời phía trước»*. Trong nghiệp vụ, ông tâm đắc câu *“Người khéo thắng là ở chỗ mềm dẻo, chứ không phải ở chỗ lấy mạnh đè yếu, lấy ít hiếp nhiều”* tác giả không biết của ai, chỉ thấy ông viết bằng 2 chữ Hán biến thể thành mật mã tôi không dịch được.

Và ai biết rằng, trong bom đạn dày trời, ranh giới giữa sự sống và cái chết mong manh như sợi tóc, ông cũng dành nỗi nhớ về người vợ ở quê nhà khi chép vào sổ tay công tác những dòng thơ của Huy Cận *«vạn lý tình»* mà ông đồng điệu:

*«Người ở bên trời, ta ở đây
Chờ mong phương nọ, ngắm phương này.
Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm
Vạn lý sầu lên, núi tiếp mây.*

*Nắng đã xế về bên xứ bạn,
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy.
Trông vời bốn phía không nguôi nhớ,
Đội động hoàng hôn thấp thoáng bay.*

*Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt,
Xa nhau chỉ biết nhớ vơi ngày.
Chiếu chắn không ấm người nằm một,
Thương bạn chiều hôm, sầu gổ tay».*

Càng đọc những gì ông ghi chép vào sổ tay, tôi càng hiểu vì sao ông lãnh đạo, chỉ huy tổ điệp báo một cách thông minh, tài tình; càng hiểu vì sao, ông đối xử với kẻ thù một cách nhân ái, độ lượng. Những kinh nghiệm trong đối nhân xử thế của người xưa cũng như sách lược, chiến lược, ứng biến trong công việc... đều được ông ghi lại đến từng chi tiết. Những gì cần ghi nhớ hay cần lưu ý, ông dùng bút gạch chữ đỏ bên dưới. Thậm chí những kinh nghiệm trong dân gian về cách làm toán, về chữa bệnh cấp thời cũng được ông tóm lược dễ nhớ. Ví dụ như «giải cảm», ông ghi: Nước nóng – đường – gừng tươi – chanh. Gừng xào nóng trộn rượu đánh chỗ đau. Sốt xuất huyết, thì có gừng – hành củ - tía tô – tiêu – trứng gà – sài đất – cỏ mực – rau giấp cá... hay thuốc trị viêm xoan, ông dùng cây cúrt lợn rửa sạch, giã nhỏ, vắt lấy nước (lượt kỹ) đem chưng cách thủy cho vào lọ để dùng. Nhỏ vào mũi, bảy ngày sẽ khỏi...

Học làm người, ông học người xưa về cách ứng xử cũng như cách nhận định thái nhân tình: *“Đời người ai cũng có lúc thịnh lúc suy. Khi thịnh thì người ta bu lại; lúc suy thì người ta lảng ra. Đó là chuyện thường tình. Người ta chẳng yêu, chẳng ghét gì mình đâu, chỉ theo lợi của người ta thôi; cũng như chẳng ai yêu ghét gì chợ, chỉ vì nhu cầu mua bán, mà chợ sáng thì đông, chiều thì vắng.”*

Ông nghiên cứu cách điểm binh của Hàn Tín bằng bốn câu thơ:

«Tam nhân đồng hành thất thập suy

*Ngũ tử mai hoa trấp nhất chi.
Thất tử đoàn viên thu bán nguyệt,
Trừ bách linh ngũ định vi kỳ.»*

(Tạm dịch nghĩa:

Xếp hàng ba số dư nhân với bảy mươi (70)

Xếp hàng năm số dư nhân với hai một (21)

Xếp hàng bảy số dư nhân với mười lăm (15)

Cộng ba kết quả trên, trừ cho một bội số 105 thì sẽ có số quân muốn điểm.).

Ông đọc nhiều tác phẩm văn học Trung Hoa, ông cũng hiểu khá sâu về lịch sử triết học Trung Quốc và am hiểu lịch sử Việt Nam; tinh thông nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm của thế giới cũng như của kẻ thù để so sánh, bổ sung những mặt ưu điểm cho công việc mà ông đang thực thi. Ông hiểu từng cơ cấu, hệ thống tổ chức của lực lượng cảnh sát, mật vụ, tình báo chế độ Sài Gòn từ trung ương đến địa phương; nắm chắc diễn biến và tình hình cụ thể trên địa bàn của Tuyên Đức – Đà Lạt – Lâm Đồng như trong lòng bàn tay của mình.

Ông đọc được khá tốt chữ Hán, lại biết tiếng Pháp, nên ông đã sáng tạo ra một loại mật mã chỉ riêng mình biết để ghi lại những sự kiện, hoạt động bí mật của mình, nếu không may tài liệu sa vào tay địch.

Từ những kiến thức có được trong sách vở và qua thực tiễn, ông trang bị cho mình một cách sống gần gũi thương yêu với đồng chí, đồng đội, nhân ái với mọi người và cảm hóa những người lầm đường lạc lối bằng một tình yêu chân thành.



Ông Vũ Linh cùng các cán bộ chiến sĩ ngày xưa trong một buổi họp mặt vui chơi giữa đất trời Đà Lạt.

Là người trực tiếp thực hiện «chuyên án F101», bóc gỡ lực lượng Fulro, kéo họ ra khỏi rừng trở về với cuộc sống buôn làng, ông đều có quan điểm cải bầy bắt sống và thuyết phục, hạn chế sử dụng vũ lực đồng thời cố gắng động viên già làng, gia đình họ tộc vào rừng khuyên bảo con em trở về với buôn làng. Với lý lẽ của mình, bằng những kinh nghiệm từng trải, ông đã thuyết phục được cấp trên và cán bộ chiến sĩ đều đồng tình theo hướng xử lý của ông. Kết quả là hàng ngàn binh lính Fulro đã buông súng trở về.

Từ những trang sách học được trong nhà trường, từ niềm đam mê văn học nghệ thuật mà ông tích lũy được của tuổi thiếu thời, cùng với sự kiên nhẫn, chịu khó tìm tòi học hỏi đã hun đúc trong ông một tình yêu thương đặc biệt với con người, trong đó có kẻ thù của ông. Những người theo Fulro một thời, từng làm đến chức vụ cao nhất

của tổ chức này, đều kính trọng ông, quý mến ông và coi ông là vị cứu tinh của họ. Hình ảnh ông Ya Duck - Phó thủ tướng của Fulro, sau này là Phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng là một minh chứng. Nhiều sĩ quan Fulro khác đều mang ơn ông đã cứu sống họ. Hình ảnh ông cùng đồng đội lặn lội đến thăm từng gia đình đồng bào có chồng con vào rừng theo Fulro đã gây xúc động trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Trí nhớ của ông thật tuyệt vời. Tôi gặp ông những ngày gần đây, khi tuổi đời của ông đã bước sang 92, nhưng nhắc lại chuyện cũ, ông vẫn minh mẫn kể lại rành mạch. Trí nhớ này có một phần không nhỏ là nhờ đọc sách và rèn luyện trong nghiệp vụ của ông. Từng trang sách như ngọn nến thấp sáng trái tim ông – một sĩ quan tình báo an ninh – với một tấm lòng độ lượng, bao dung với với kẻ thù và nhân ái với đồng chí đồng đội của mình. Đó là đại tá Vũ Linh (Nguyễn Trọng Cảnh) – người con thân yêu của xứ Lầm, Chóp Chài, Tuy Hòa, Phú Yên.

T.N.T

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TÁC NGHIỆP CỦA BÁO CHÍ



Phóng viên các báo Lâm Đồng, Phú Yên, Nông nghiệp nông thôn ngày nay, đài VTV3 và đại tá Ya Duck tại gia đình ông Vũ Linh ở Tuy Hòa, Phú Yên.



Các phòng ban của Công an Lâm Đồng làm việc với báo chí.



Đại tá Bùi Văn Sơn, Giám đốc Công an Lâm Đồng giao nhiệm vụ cho các phòng ban làm việc với các cơ quan thông tấn báo chí.



Phóng viên Báo Lâm Đồng, báo Phú Yên, báo Nông nghiệp nông thôn ngày nay và VTV3 gặp gỡ phỏng vấn cựu phó thủ tướng Fulro Nahria Ya Duck.

Người đi qua cuộc chiến



Các nhà báo với đại tá Phạm Trung Hiếu.



Báo chí với Đại tá Nguyễn Đức Hiệp nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.



Nhà báo Đinh Thị Nga phỏng vấn đại tá Nguyễn Đức Hiệp, nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng về đại tá Vũ Linh.



Nhà báo Đinh Thị Nga làm việc với ông Lê Thanh Phong, nguyên Phó Bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng.

Người đi qua cuộc chiến



Nhà báo Trần Ngọc Trác với thiếu tướng Bùi Minh Hớn sau khi trao đổi những thông tin liên quan đến các hoạt động phòng chống Fulro.



Trung tướng Trịnh Lương Hy, nguyên Giám đốc công an Lâm Đồng, quyền Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh (Bộ Công An) trao đổi về chuyên án HT 86 với các nhà báo.



Ông Nahria Ya Duck nói chuyện với các nhà báo tại nhà riêng của ông ở xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.



Người đi qua cuộc chiến

Nhà báo Khắc Dũng trao đổi với ông Vũ Linh bên giường bệnh.



Nhà báo Đinh Thị Nga với trung tướng Trịnh Lương Hy.



Phóng viên báo chí phỏng vấn ông Nahria Ya Duck và đại tá Vũ Linh về vấn đề liên quan đến Fulro và về tình bạn của 2 cựu thù.



Nhà báo Đinh Thị Nga với bác sĩ Lê Thị Thanh Nga, nguyên Giám đốc Trung tâm y tế thành phố Đà Lạt, vốn là cán bộ y tế của Thị ủy Đà Lạt từ năm 1969 đến năm 1975.



Nhà báo Trần Ngọc Trác chụp hình kỷ niệm với ông Hoàng Văn (Trịnh Khiết) nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng sau khi phỏng vấn những vấn đề liên quan đến ông Vũ Linh và hoạt động Fulro.

Người đi qua cuộc chiến



Bà Võ Thị Khiết (Phó Giám đốc sở Nội vụ Lâm Đồng) chứng kiến ông Vũ Linh đang ký giấy xác nhận thành tích cho một sĩ quan An ninh để lập hồ sơ khen thưởng.



Nhà báo làm việc và chuyển bài về tòa soạn ngay tại hiện trường.



Nhà báo Hoàng Nguyên với ông Nahria Ya Duck tại khách sạn Sài Gòn Đà Lạt.



Thượng tá công an Đặng Minh Tâm thăm nói chuyện với ông Vũ Linh đang dưỡng bệnh tại nhà riêng

Người đi qua cuộc chiến



Nhà báo Trần Ngọc Trác với Nahria Ya Duck



Trung tá Trần Hữu Phi trả lời phỏng vấn của báo chí.



Các nhà báo với đại tá Phạm Trung Hiếu trong một lần trao đổi công việc với báo chí.



Người đi qua cuộc chiến

Các phóng viên chụp hình với vợ chồng ông Nahria Ya Duck tại sân nhà ông ở Ka Đô, Đôn Dương.



Các nhà báo đang tích cực thu thập thông tin liên quan Chuyên án F 101 và HT 86.



Nhà báo Lê Hoa đang tác nghiệp báo chí.



Phóng viên Trần Đại (Báo “Cảnh sát toàn cầu”) trên đường đi tác nghiệp.



Nahria Ya Duck tiếp các nhà báo tại nhà riêng ở Đơn Dương

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn:

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Đồng, Phú Yên.
- Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, nguyên ủy viên Ban An Ninh khu VI (cực Nam Trung bộ - Nam Tây Nguyên); nguyên phó Tổng cục trưởng Tổng cục Chính trị Bộ Công an.
- Ban Giám đốc Công an Phú Yên.
- Sở Thông tin truyền thông Phú Yên.
- Ban Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ Công an Lâm Đồng.
- Sở Thông tin truyền thông Lâm Đồng.
- Ban giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đà Lạt (Dalattourist).
- Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
- Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lâm Đồng.
- Ban giám đốc Xí nghiệp In bản đồ Đà Lạt.
- Báo Lâm Đồng, Tạp chí Langbian, Báo Phú Yên, Báo Thời Nay, Báo Cảnh Sát toàn cầu, Báo Lao Động, báo Nông nghiệp nông thôn ngày nay.....
- Ông Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh), nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Lâm Đồng.
- Ông Trịnh Khiết (Hoàng Văn), nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.
- Ông Trịnh Luyện, nguyên Chánh án Tòa án Nhân dân Lâm Đồng.
- Đại tá Đinh Sĩ Uẩn, nguyên Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, nguyên Chánh Thanh tra tỉnh Lâm Đồng.

- Đại tá Trương Văn Ngộ, nguyên Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, nguyên Trưởng ban Nội chính tỉnh ủy Lâm Đồng.
- Thiếu tướng Bùi Minh Hón, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng.
- Thiếu tướng Nguyễn Hữu Đức, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng.
- Trung tướng Trịnh Lương Hy, nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng, Quyền Tổng cục trưởng Tổng cục an ninh (Bộ Công an).
- Ông Lê Thanh Phong, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng.
- Đại tá Nguyễn Văn Độ, nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng.
- Đại tá Nguyễn Đức Hiệp, nguyên Giám đốc Công an Lâm Đồng.
- Thiếu tướng Bùi Văn Sơn, Giám đốc Công an Lâm Đồng.
- Ông Đặng Quốc Chính, Tiến sĩ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Đà Lạt (Dalattourist), Chủ tịch Hiệp hội du lịch Lâm Đồng – Đà Lạt.
- Tiến sĩ Nguyễn Văn, nguyên Tổng Giám đốc Liên hiệp Dâu tằm tơ Việt Nam; nguyên Chủ tịch Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam; Chủ tịch Hiệp hội Dâu tằm tơ Việt Nam.
- Ông Nguyễn Phan Lũy, nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng.
- Ông Hồ Ngọc Thắng, nguyên ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng.
- Ông Hồ Ngọc Chiến, nguyên Chánh văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt.
- Đại tá Phạm Trung Hiếu Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ Công an Lâm Đồng.
- Thượng tá Phan Tất Chí, phó Công an Đà Lạt.

- Trung tá Trần Hữu Phi, Công an Lâm Đồng.
- Trung tá Phạm Văn Bốn, Công an Lâm Đồng.
- Trung tá Dương Xuân Quán, Công an Lâm Đồng.
- Trung tá Văn Đức Phúc, Công an Lâm Đồng.
- Bác sĩ Lê Thị Thanh Nga, nguyên Giám đốc Trung tâm y tế Thành phố Đà Lạt.

Các nhà báo, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà văn: Trần Quang Quý, Vũ Hồng, Ông Thái Biểu, Võ Khắc Dũng, Trần Đại, Phương Trà, Lê Hoa, Nguyễn Thị Hoa, Ngọc Hà, Hùng Phiên, Nguyễn Tuấn Hải, Nguyễn Khôi, Duy Hoàng, Trương Trổ...

- Bà Nguyễn Thị Điểm và đại gia đình ông Vũ Linh, bà con cô bác dòng họ, anh em, đồng chí đồng đội... đã giúp đỡ tinh thần, ủng hộ vật chất để chúng tôi hoàn thành cuốn sách này và đã dành nhiều thời gian chăm sóc tận tình sức khỏe cho ông Vũ Linh trong những ngày điều trị trên giường bệnh, cũng như khi tuổi già sức yếu. Trong quá trình thực hiện cũng không tránh khỏi thiếu sót, hạn chế, khiêm khuyết mong được lượng thứ.

Đà Lạt, ngày 14 tháng 02 năm 2017

Những người thực hiện:

NGUYỄN TRỌNG HOÀNG

TRẦN NGỌC TRÁC

ĐINH THỊ NGÀ

LÊ HOA

ĐẶNG MINH TÂM

MAI VĂN BẢO

MỤC LỤC

Lời giới thiệu về cuốn sách “Người đi qua cuộc chiến” của Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh	5
GIẤ TỪ LÃNG QUẾ (Nguyễn Trọng Hoàng).....	13
TỪ XÓM LÃM RA ĐI (Trần Ngọc Trác).....	18
KÝ ỨC NGƯỜI RA ĐI (Trọng Hoàng).....	35
NHỚ LẠI NHỮNG GIẤY PHÚT SINH TỬ (Đinh Thị Nga).....	46
ANH VŨ LINH – NGƯỜI ĐỒNG CHÍ..(Nguyễn Văn).....	59
ANH HAI LÊ (Vũ Linh).....	71
TRẬN ĐÁNH KHÔNG TIẾNG SÚNG (Nguyên Khôi).....	76
TỪ NỘI THÀNH ĐẾN CĂN CỨ THỊ ỦY (Hoàng Nguyên).....	87
LÁ THƯ TỪ CĂN CỨ THỊ ỦY ĐÀ LẠT (Trương Trổ).....	97
NHÀ ĐIỆP BÁO VỚI PHONG TRÀO ĐỎ THỊ (Duy Hoàng).....	105
MƯA TRÊN BIỂN (Trọng Hoàng).....	114
HỒ SƠ TƯ LIỆU FULRO Kỳ 1 (Uông Thái Biểu).....	128
Từ Bajaraka đến Fulro.	
HỒ SƠ TƯ LIỆU FULRO Kỳ 2 (Uông Thái Biểu).....	136
Tây Nguyên những tháng ngày nóng bỏng.	
HỒ SƠ TƯ LIỆU FULRO Kỳ 3 (Uông Thái Biểu).....	143
Chuyên án F101 “Hùm xám rời hang”.	
HỒ SƠ TƯ LIỆU FULRO Kỳ 4 (Uông Thái Biểu).....	151
Những người vào hang sói.	
ĐẠI THỤ GIỮA ĐẠI NGÀN (Nguyễn Thị Hoa).....	160
NÀNG TÔ THỊ KHÔNG HÓA ĐÁ (Đinh Thị Nga).....	166
KHI NHÂN ÁI ĐẶT TRÊN HẠN THÙ Bài 1 (Khắc Dũng).....	170
Vài nét phác thảo chân dung 2 con người.	
KHI NHÂN ÁI ĐẶT TRÊN HẠN THÙ Bài 2 (Khắc Dũng).....	177
Tấm lòng của người chỉ huy.	
KHI NHÂN ÁI ĐẶT TRÊN HẠN THÙ Bài 3 (Khắc Dũng).....	184
Đồng thanh của tấm lòng gặp tấm lòng.	
KHI NHÂN ÁI ĐẶT TRÊN HẠN THÙ Bài 4 (Khắc Dũng).....	191
Ở giữa đó có một vùng giao thoa.	
CHO TÂY NGUYÊN THÊM XANH (Đinh Thị Nga).....	199
NGƯỜI CHỈ HUY“TUYẾN LỬA” Kỳ 1 (Phương Trà).....	205
Tây Nguyên không bình yên.	
NGƯỜI CHỈ HUY“TUYẾN LỬA” Kỳ 2 (Phương Trà).....	211
Tình người trên hành trình trở về của “Hùm xám Tây Nguyên”.	
NGƯỜI CHỈ HUY“TUYẾN LỬA” Kỳ cuối (Phương Trà).....	218
Ra đi và trở về làng Phụng Tường.	

Người đi qua cuộc chiến

NGƯỜI ĐI QUA CUỘC CHIẾN (Trần Đại).....	224
NHỚ VỀ MỘT NGƯỜI CHỈ HUY AN NINH (Phan Tấn Chí).....	235
BẢN HÙNG CA BẤT TỬ (Đinh Thị Nga).....	241
BƯỚC NGOẶT KỶ LẠ CỦA “HÙM XÂM...” (Ngọc Hà).....	247
CHÚNG TÔI CÒN HƠN CHA VÀ CON TRAI.....	257
(Trung tá Trần Hữu Phi kể, Lê Hoa ghi)	
COI CÁN BỘ CHIẾN SĨ CỘNG SỰ NHƯ ANH EM.....	267
(Đại tá Nguyễn Đức Hiệp kể, Lê Hoa ghi)	
GẮN BÓ SÔNG CHẾT VỚI DÂN (Nguyễn Tuấn Hải).....	273
NGƯỜI BẮT “THUYẾT BUÔN VUA” (Đinh Thị Nga).....	278
LỊCH SỬ LÀ MỘT DÒNG CHẢY.....	283
(Đại tá Phạm Trung Hiếu kể, Lê Hoa ghi)	
DỰ ĐỊCH, DỪNG ĐỊCH, LỢI DỤNG ĐỊCH ĐỂ ĐÁNH ĐỊCH.....	289
(Thiếu tướng Bùi Minh Hớn kể, Lê Hoa ghi).	
CUỘC TRÙNG PHÙNG CỦA “ĐỆ NHẤT”..(Hùng Phiên).....	294
VỀ THĂM NGƯỜI ANH KẾT NGHĨA (Võ Khắc Dũng).....	300
RA ĐI TỪ ẤY (Khắc Dũng).....	304
MỘT CON NGƯỜI NHÂN HẬU (Khắc Dũng).....	309
NGƯỜI THẦY LỚN CỦA ĐỜI TÔI(Văn Đức Phúc).....	315
MỘT SÁNG THẮNG BA (Nguyễn Khôi).....	323
TRỊ KỶ TỪ HAI BỜ CHIẾN TUYẾN (Trọng Hoàng).....	331
NHỮNG HIỂU LẦM VỀ MỘT NHÀ TÌNH BÁO (Khắc Dũng).....	337
Kỳ 1: Uẩn khúc sau chuyện án HT 86	
NHỮNG HIỂU LẦM VỀ MỘT NHÀ TÌNH BÁO (Khắc Dũng).....	345
Kỳ 2: Bao giờ được hóa giải?	
NÚI ÔNG LINH RỪNG THIÊNG THẬP LỬA (Trọng Văn).....	352
MANG CON TIM THỜI ĐẠI	363
(Thiếu tướng Nguyễn Đức Minh kể, Nguyễn Tuấn Hải ghi)	
TRANG CUỐI CUỘC ĐỜI (Trọng Hoàng).....	368
TRANG VĂN KHƠI SÁNG LÒNG TRONG (Trần Ngọc Trác)....	382
MỘT SỐ HÌNH ẢNH TÁC NGHIỆP CỦA BÁO CHÍ.....	393
LỜI CẢM ƠN (Nhóm thực hiện).....	407
MỤC LỤC.....	410

NGƯỜI ĐI QUA CUỘC CHIẾN

Bút ký- ghi chép
do Nguyễn Trọng Hoàng, Trần Ngọc Trác,
Đinh Thị Nga, Mai Văn Bảo,
Lê Hoa, Đặng Minh Tâm thực hiện.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du – Hà Nội
Tel & Fax: 04.38222135
E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn
<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng, Q3. TP HCM

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

42 Trần Phú – thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh khu Đông Bắc

114 phố Hải Châu – phường Hồng Hải- TP Hạ Long

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C Hoàng Lam – thành phố Bến Tre

Tel: 016.998.083.86

Email: nxbhnmekong@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN QUANG QUÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo:

TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:

NGUYỄN KIM SƠN

(Vũ Hồng)

Vẽ bìa:

MAI VĂN BẢO

Trình bày:

TRỌNG NGHĨA

Sửa bản in:

TRỌNG VĂN

In lần thứ 1, số lượng 1000 cuốn; khổ 14 x22 cm tại Xí nghiệp In Bản đồ
Đà Lạt – số 102 Yersin, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Số xác nhận
ĐKXB: 4747-2016/CXBIPH/44 -164/HNV. Số quyết định xuất bản:
2082/QĐ-NXBHNV ngày 27/12/2016. In xong và nộp lưu chiểu quý
1/2017. Mã ISBN: 978-604-53-7955-4